N° 139 Juin 1929

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## TRIẾT-HỌC AUGUSTE COMTE (1)

II

Triết học của AUGUSTE COMTE sáng-lập ra đặt tên là thực-nghiệm chủ-nghĩa, thực-chứng chủ-nghĩa (*positivisme*), hay là tích-cực triết-học (*philosophie positive*).

Chữ *positivisme* là tự AUGUSTE COMTE đặt ra để chỉ cái học-thuyết của ông cho là mới lạ chưa ai nghĩ đến. Còn những chữ *Philosophie positive* (Tích-cực triết-học), *Politique positive* (tích-cực chính-trị), thời là tên hai bộ sách « Học-khóa » (*Cours*) trọng-yếu của ông. Từ đấy các chữ đó càng rộng nghĩa mãi ra, thường dùng để chỉ một cái thái-độ về thần-trí không tin những thuyết siêu-hình, thuyết thần-bí, những sự tưởng-tượng vô-bằng, chỉ chuyên-chủ những lẽ đích-xác hiển-nhiên, những sự lợi-ích nhỡn-tiền vậy. Có lẽ bởi đó nên người ta thường cho chủ-nghĩa thực-nghiệm chỉ là một cách tổ-chức khoa-học ra ngoài cả các lý-thuyết siêu-hình, cũng như là thuyết tương-đối (*relativisme*) về cổ-đại hay thuyết kinh-nghiệm (*empirisme*), thuyết phê-phán (*criticisme*) đời nay vậy. Thực thì chủ-nghĩa kinh-nghiệm không phải chỉ là một cái triết-học về khoa-học mà thôi : chính là một khoa xã-hội-học căn-cứ ở khoa-học mà cứu-cánh thành tôn-giáo vậy.

Chủ-nghĩa ấy dù giá-trị thế nào mặc lòng, thực là tự một mình AUGUSTE COMTE sáng-nghĩ ra. Không phải rằng ông không chịu có sở-đắc gì của người đời trước đâu. Chính ông đã nhận KANT, HUME, CONDORCET, DE MAISTRE, BICHAT và GALL là sáu người tiền-bối có trực tiếp ảnh-hưởng đến tư-tưởng của ông về ba phương-diện triết-học, chính-trị và khoa-học. Nhờ có mấy người đó mà ông tổ-thuật được ba bậc sáng-tạo ra triết-học cận-đại là : BACON, DESCARTES và LEIBNIZ. Còn về trước nữa thì ông cho triết-học đời Trung-cổ là chung-đúc ở SAINT-THOMAS, ROGER BACON và DANTE, nhân đó suy ngược mãi lên đến ông thánh triết-học cổ-đại là ARISTOTE vậy. Còn một người nữa đồng-thời với ông, đã có công khai-đạo cho tư-tưởng ông, mà vì cớ tư-hiềm ông không nói đến, nhưng cứ lẽ công-bằng ta cũng phải kể tên ra đây, là SAINT-SIMON vậy.

Đó là nguyên-ủy học thuyết của ông. Nay xét đến chính học-thuyết như sau này.

AUGUSTE COMTE nói rằng : « Tích-cực (積極, *positif*) cũng giống như là thực có, thực lợi. » Tích-cực triết-học hay là thực-chứng triết-học là học về sự thực, phải có ích-lợi hiển-nhiên, chứ không có lý-thuyết mò-hồ. Vậy thì mục-đích của triết-học này là thế nào? Là phải ngăn sự hỗn-loạn trong tinh-thần và trong chính-trị, khôi-phục sự điều-hòa trong cõi tư-tưởng như đạo Cơ-đốc đã làm thành về thế-kỷ

(1) Xem Nam-Phong số 138.

thứ 16 trước, để khiến cho xã-hội được yên-ổn. Muốn được như vậy thì bao nhiêu những cái lý-thuyết bông-lông đã làm cho các nhà triết-học sai đường lạc lối từ trước, phải bãi-bỏ đi hết. Trong các nhà ấy, có phái thần-học thời giải các hiện-tượng trong trời đất là bởi sự hành-động của thần-lực siêu-việt hơn cả mọi sự mọi vật ; có phái thuần-lý thời cho rằng có thể suy-lý mà tới được nguyên-nhân cùng-cực của sự-vật, bản-thể cứu-cánh của hiện-tượng, và lẽ tuyệt-đối trong vũ-trụ sức người ta có thể đạt được. Nay phái tích-cực hay phái thực-nghiệm thời chỉ chuyên-chủ những sự thực mà cơ-thể người ta có thể tri-giác được mà thôi, nghĩa là những hiện-tượng do các giác-quan cảm-giác được, cùng những phép-tắc nhân đó mà suy ra. Một cái triết-học như thế thì cố-nhiên là thuần thuộc về «tương-đối», vì không tìm đến cùng-cực nguyên-nhân của sự-vật, chỉ xét các sự thực thường quan-hệ với nhau thế nào mà thôi ; nhưng được có thực-ích thực-lợi, vì khiến cho dự-liệu được mọi việc và có thể sử-linh được sự-vật ; lại có cái sức chỉnh-đốn được sự-vật, vì các phép-tắc trong vũ-trụ ta thường nghiệm thấy đều-đặn không thay đổi, khiến cho sự học của ta cũng có qui-mô thống-hệ. Như phép vạn-vật hấp-dẫn (*gravitation*) là do sự kinh-nghiệm mà phát-minh ra, đã dùng để giải-thích được một cách rất giản-dị biết bao nhiêu là các hiện-tượng về thiên-thời. Triết-học không cần phải tìm xét về bản-tính, về nguyên-nhân, về cứu-cánh mục-đích của cái luật hấp-dẫn ấy thế nào, cứ coi luật ấy như một sự thực hiển-nhiên cũng như các hiện-tượng thuộc luật ấy chi-phối, rồi nhân đó khái-luận ra luật khác rộng hơn, kết-quả đến gây ra một cái quan-niệm rõ-ràng đích-xác về vũ-trụ vậy.

Sự tiến-hóa của triết-học đó chẳng qua chỉ là một trạng-thái riêng của luật tiến-hóa chung của loài người trong cách hành-động từ xưa đến nay. Nhân-loại tất phải qua ba trình-độ tiếp nhau như sau này : trình-độ thần-quyền (*état théologique*), là thời-kỳ mơ-hoặc, người ta tưởng rằng trên mình có những quỉ-thần hiển-hiện chi-phối loài người ; trình-độ lý-tưởng (*état métaphysique*), là thời-kỳ trừu-tượng, đem những lý-tưởng siêu-hình mà thay vào quỉ-thần cụ-thể, như những quan-niệm về âm-dương, ngũ-hành, điều thiện, điều ác, v.v. ; trình-độ thực-nghiệm (*état positif*), là thời-kỳ khoa-học cách-trí, chỉ châu-tuần trong cõi thực-tế, không cho cái gì là tuyệt-đối cả. Ba trình-độ đó là đối với ba tuổi đồng-ấu, tráng-niên và thành-niên của loài người, và ngay từng cá-nhân trong một đời cũng thường qua ba trình-độ thần-quyền, lý-tưởng và thực-nghiệm (*théologien, métaphysicien et physicien*) đó. Các xã-hội cũng vậy. Mà cho đến các khoa-học nữa cũng vậy. Như khoa vật-lý giải-thích các hiện-tượng trước bằng thần-lực, rồi bằng những mối quan-niệm siêu-hình, sau mới dùng đến luật nhân-quả.

Nhân đó mà tự-nhiên xướng ra cái thuyết phân-loại các khoa-học, là một thuyết trứ-danh của AUGUSTE COMTE. Xét lịch-sử các khoa-học thì thấy rằng không phải tất cả các khoa đồng-thời nhau thoát-li được hai trình-độ thần-quyền và lý-tưởng. Khoa số-học thời ngay tự cổ-đại đã tạo-thành được phương-pháp nhất-định. Khoa thiên-văn thời tự KÉPLER và GALILÉE, khoa vật-lý tự BACON và DESCARTES, khoa hóa-học tự LAVOISIER, khoa sinh-vật tự BUFFON, CUVIER, LINNÉ, GEOFFROY-SAINT-HILAIRE mới bắt đầu có phương-pháp ; còn đến khoa xã-hội thời chính nhờ AUGUSTE COMTE mới được lên địa-vị một khoa-học đích-đáng.

Nay cái trình-tự tiến-hóa đó, xét ngoài tưởng là vô-lý, mà kỳ-thực không

phải là ngẫu-nhiên. Vốn có một cái trật-tự thâm-trầm ở trong đó, và thực là tiêu-biểu cho một lẽ tự-nhiên, là lẽ các bộ-phận trong cõi học-vấn tri-thức của người ta đều có liên-lạc tùy-thuộc với nhau cả. Đây chính là sự phát-minh xuất-sắc nhất của AUGUSTE COMTE, tỏ ra một bậc thiên-tài lỗi-lạc, tức là cái thuyết về trật-tự các khoa-học. Các khoa vừa kể ở trên, khoa nào xuất-hiện ra lúc nào là theo cái thứ-tự nhất-định, vì là kết-quả của khoa trước mà là nguyên-nhân của khoa sau vậy. Như sinh-vật-học cần phải có hóa-học mới thành được, mà hóa-học lại cần phải có vật-lý-học mới thành được. Nay cái trật-tự của các khoa-học đó lại cũng chỉ là tiêu-biểu cho sự quan-hệ tự-nhiên trong các hiện-tượng với nhau: những hiện-tượng phổ-thông đan-giản bao giờ cũng làm cơ-sở cho những hiện-tượng đặc-biệt phiền-phức hơn. Tính phổ-thông càng ngày càng giảm đi, tính phiền-phức càng ngày càng tăng lên, đó là cái thứ-tự phân-loại các khoa-học mà tức cũng là cái thứ-tự phân-loại các hiện-tượng vậy. Không có gì phổ-thông và đan-giản bằng sự quan-hệ trong các số-lượng; không có gì đặc-biệt và phiền-phức bằng các hiện-tượng về xã-hội. Có điều nên chú-ý, là trong các khoa-học, AUGUSTE COMTE không nói đến khoa lý-luận. Là bởi khoa nào vẫn có lý-luận của khoa ấy, vẫn có phương-pháp của khoa ấy, không thể tách rời ra được. Còn khoa lý-luận trừu-tượng của các nhà thuần-lý-học thì không đạt được cõi thực-tế và không dạy cho người ta tư-tưởng cho đúng được. Đến như tâm-lý-học thời chỉ cho là một bộ-phận của sinh-vật-học mà thôi, phương-pháp quan-sát kinh-nghiệm cũng giống như khoa-học sau đó. Cái phép nội-tâm-quan-sát của các nhà triết-học xướng lên, ông cho là tuyệt-đối vô-lý, vì thần-trí không thể cách-biệt với ngoại-vật mà không trụy-lạc vào cõi vô-tri vô-giác, tức là cõi tịch-mịch hư-vô vậy.

Cách phân-loại như trên đó là then-chốt cho khoa tổng-triết-học về các khoa-học. Những khoa-học riêng lại có một triết-học riêng. AUGUSTE COMTE đã từng nghiên-cứu kỹ từng khoa một.

Số-học là khoa-học tuyệt-đối, là « nguồn thực nghiệm » (*la source de toute positivité*) vì số-học học về số-lượng mà định được mối quan-hệ một cách đích-xác hơn cả các khoa-học khác. Các nhà triết-học thường lấy khoa lý-luận làm khuôn-mẫu cho các khoa khác; nay số-học chính là cái khuôn-mẫu đích-đáng hơn cả, vì phàm các cách lý-luận đều là suy ở đó mà ra. AUGUSTE COMTE cho số-học đã là một khoa-học thực-tế rồi. Như không-gian không phải là một nơi tưởng-tượng để cho nhà kỷ-hà vẽ ra các hình-tượng hư-không; chính là khoảng không có không-khí lưu-thông hẳn-hoi; bình-diện là mặt phẳng rất mỏng, và hoạch-tuyến là cái sợi rất nhỏ vậy. Ông chia số-học ra số-học trừu-tượng (tức là khoa đại-số), số-học về số-mục (tức là toán-học), số-học cụ-thể hoặc thuộc về tĩnh-đích (tức là khoa kỷ-hà) hoặc thuộc về động-đích (tức là khoa lực-học).

Thiên-văn-học là một cách ứng-dụng trực-tiếp của khoa lực-học. Trong các khoa học thiên-nhiên thì khoa này là đứng đầu cả, có cái tính-cách đích-xác như số-học, lại có cái tính-cách phổ-thông nữa, vì các hiện-tượng vật-lý xảy ra trên mặt địa-cầu này đều là tùy-thuộc ở cái vị-trí và cách hành-động của địa-cầu trong vũ-trụ vậy. Khoa thiên-văn chia ra hai phần: thiên-thể-kỷ-hà-học (*géométrie céleste*) và thiên-thể lực-học (*mécanique céleste*). Còn khoa-học các tinh-tú thì không kể vào

đấy, vì không thể dùng phép toán đích-xác mà nghiệm được.

Vật-lý-học là học về các tính-cách phổ-thông của vật-chất. Sánh với khoa thiên-văn thời đã thấy phiền-phức hơn và không được đích-xác bằng, phải dùng đến cách thí-nghiệm để quan-sát, nhưng kết-quả cũng có thể đặt thành phép-tắc nhất-định chi-phối được cả sự-vật. Vật-lý-học gồm mấy khoa như sau này, theo thứ-tự càng tiến lên càng phiền-phức : trọng - học (*barologie*), nhiệt - học (*thermologie*), thanh - học (*acoustique*), quang-học (*optique*), điện-học (*électrologie*).

Hóa-học tuy hãy còn khuyết-điểm nhiều lắm, nhưng được một cái ưu - điểm như sau này : là đã định được danh-mục đích-xác, sớm đã có phương-pháp hẳn-hoi.

Sinh-vật-học thời còn chưa vượt được hẳn cái trình độ thần - quyền, dùng cái phương-pháp lấy người mà giải nghĩa vũ-trụ. Nay thời phải dùng phương-pháp trái lại : lấy vũ-trụ mà giải nghĩa loài người, nghĩa là đem các hiện-tượng sinh hoạt vào trong phạm-vi những phép-tắc chung của vũ-trụ. Tuy-nhiên sự sinh-hoạt là vừa bởi sự hành-động của hoàn-cảnh, vừa bởi sự tác-dụng trong thân-thể. Vậy thời sự sinh-hoạt cũng có phép-tắc riêng, đặc-biệt với các phép-tắc khác, vừa chịu phép-tắc chung của vũ-trụ (như khí-hậu), vừa chịu phép - tắc riêng của mình. Sinh-vật-học phiền - phức hơn vật-lý-học và hóa-học, cũng phải dùng phép quan-sát, phép thí-nghiệm như các khoa-học ấy, quan-sát thì nhờ có kính hiển vi giúp được nhiều, nhưng ngoại-giả còn hai phép nữa. Auguste Comte đã biết rõ là quan - trọng lắm : là phép so-sánh (như so-sánh cơ-quan các giống-vật với nhau, v.v.) và phép phân-loại. Sinh-vật-học chia ra làm tĩnh-đích sinh-vật-học (*biologie statique*), tức là khoa giải-phẫu (*anatomie*) và động-đích sinh-vật-học (*biologie dynamique*), tức là khoa sinh-lý (*physiologie*). Còn khoa tâm - lý thời gồm cả ở trong hai khoa kia, vì muốn nghiên-cứu những sự hành-động về tinh-thần thì vừa phải biết hình-thể các cơ-quan, lại vừa phải biết các cơ-quan tác - dụng ra làm sao. Auguste Comte cho cái phương pháp chân-chính về tâm-lý-học là tự nhà não-cân-học (*phrénologue*) Gall khởi - xướng ra, nhưng xem ra ông không phục cái thuyết của nhà này cho rằng mỗi năng-lực thần-trí là thuộc một bộ - phận nhất-định ở trong óc. Sinh-vật-học không những học về giống người, mà học cả các giống sinh-vật khác, so-sánh người với các giống khác, thật là giúp cho nhà tâm-lý-học nhiều lắm. So-sánh như thế thời biết rằng người ta với giống vật chỗ cốt-yếu không có khác nhau mấy. « Bản-năng (*instinct*) chẳng qua là lý-tính (*raison*) đã ngưng-trệ lại, mà lý-tính là bản-năng đương hoạt-động vậy. » Auguste Comte không phải không nhận rằng người ta có tự-do, nhưng cho sự tự-do ấy chẳng qua cũng là ở trong vòng lẽ tất-nhiên, duy được rộng-rãi hơn một chút, vì cách sinh-hoạt của thần-trí có phiền-phức và biến-hóa nhiều vậy.

Sau hết đến khoa « xã-hội vật-lý-học » (*physique sociale*), tức là xã-hội-học, Auguste Comte trước nhất đặt tên gọi là *sociologie*. Khoa này cũng theo những phép-tắc chung như khoa sinh-vật-học, tức là cũng theo những phép-tắc chung các khoa-học vũ-trụ khác. Nhưng có phạm-vi riêng, có pháp-luật riêng, có phương-pháp riêng, phương-pháp đây chính là phương-pháp lịch-sử. Xã-hội-học cũng như số-học, thiên-văn-học, sinh-vật-học, chia ra làm « tĩnh-đích xã-hội-học » (*statique sociale*) và « động-đích xã hội-học » (*dynamique sociale*). Tĩnh-đích xã-hội-học

là học về trật-tự xã-hội ; động - đích xã-hội-học là học về xã-hội tiến-hóa. Phần tĩnh-đích còn gọi tên là « xã-hội giải-phẫu-học » (*anatomie sociale*), thời phân-giải ra mà nghiên-cứu các cơ - quan cốt-yếu của xã-hội : cá-nhân, gia-tộc với lại chính xã-hội. Người ta vốn vẫn có tính duy-kỷ, mà tự-nhiên lại có tính đồng-cảm ; cảm tình đó phát-biểu ra mạnh nhất là ở gia-đình, gia-đình mới thật là cái bản-vị chân-chính của xã-hội, còn quốc-gia chẳng qua là hiệp các gia-đình lại ở dưới quyền tái-chế của chính-phủ mà thôi. Quyền quốc-gia vừa thuộc về hình-nhi-thượng, vừa thuộc về hình-nhi-hạ, mà phần tinh-thần có ý thắng phần vật-chất. Vì các xã-hội đều phải theo một cái luật tiến-hóa tất-nhiên, xét về sự tiến-hóa đó chính là mục-đích của phần động-đích xã-hội-học. Luật này chính là « luật ba trình-độ » (*loi des trois états*) như vừa tóm-tắt ở trên kia. Luật này ứng-dụng ra xã-hội, AUGUSTE COMTE cho là quan-trọng vô-cùng. Một phần ba sách « Thực-nghiệm Triết - học khóa » của ông là chuyên-chủ về mục đó, thành hẳn một khoa triết-học về lịch - sử. Người ta hồi cổ - sơ còn bị cái vật - dục nó sai-khiến, nên phải lấy sự tín-ngưỡng về tôn-giáo mà lập xã-hội cho nhân-tâm được thống-nhất. Những sự tín - ngưỡng ấy rồi dần-dần cũng hóa ra thanh-cao lên. Sự tiến-hóa đó qua ba thời-kỳ như sau : thời-kỳ ngẫu-tượng (*fétichisme*), thời-kỳ đa-thần (*polythéisme*) và thời-kỳ độc-thần (*monothéisme*). Giáo-hội Gia-tô là cái mô-phạm hoàn-toàn nhất của xã-hội độc-thần, nhất là về đời Trung-cổ, thật đã điều-hòa được cả phần tinh-thần cùng phần thể-dục. Cách tổ-chức giáo-hội thật là « một cái kỳ-công của trí khôn-ngoan người ta về đường chính - trị » Thuộc về tĩnh-đích thời đặt ra một cái quyền tuyệt-đối cao hơn hết thảy, thần-thánh bất - khả xâm-phạm, là quyền Giáo-hoàng, tiêu-biểu cho cả cái văn - minh đương-thời ; thuộc về động-đích thời thực đã có công giáo-dục cho cả Âu-châu về đường tri-thức, đạo-đức, chính-trị nữa. Nhưng đạo Gia-tô đem linh-tính cách-biệt với vạn-vật, tức là hàm một cái nguyên-nhân giải-tán ở trong, sớm trưa tất đến phân-lìa. Ngay tự thế-kỷ thứ 14, hai quyền chính-giáo đã bắt đầu chia rẽ nhau rồi. Đến thế-kỷ thứ 16 thời đến lượt triết-học cũng thoát-li nốt, bấy giờ là bắt đầu thời-kỳ lý-tưởng hay là thời-kỳ phê-phán. Những người chủ-trương trong thời-kỳ này là phái triết-học và phái luật-học, đem cái học-thuyết kinh-viện (*scolastique*) và cái chế-độ phong-kiến đời Trung-cổ mà bình-phẩm phê-phán. Kế đến phái Cơ-đốc-tân-giáo (*protestantisme*) nổi lên, làm cho sự giải-tán trong Giáo-hội lại càng mau thêm. Phái này đem sự phán-đoán tự-do thay vào cái chủ-quyền tuyệt-đối, tức là phá-hoại mất cái trật-tự tinh-thần của Giáo-hội vậy. Sau cùng đến cái luận tự-nhiên-thần (*déisme*) và chủ - nghĩa hoài-nghi của thế-kỷ thứ 18, làm cho cái phong-trào tự-do phê-phán đó lại càng gấp mãi lên, kết-quả tất đến cuộc cách-mệnh năm 1789 phá-hoại cả nền gốc xã-hội vậy.

Nhưng ngoài cái phong - trào giải-tán phá-hoại đó, ngay tự thế-kỷ thứ 14 đã nhóm lên một cái phong-trào cải-tạo xã-hội, sâu - xa không rõ-rệt bằng mà thực là dự-bị cho « Quốc-gia thực - nghiệm » (*Etat positif*) có thể thành-lập được. Phong-trào cải-tạo đó nghiệm thấy trong ba phạm-vi như sau này : công-nghệ, mĩ-thuật và triết-học. Trước nhà triết-học Anh SPENCER (Tàu dịch là Ti-tân-tắc , AUGUSTE COMTE đã dự biết cáicông-nghệ-chủ-nghĩa sẽ qua những thời-kỳ nào, biết sự mở - mang các thành-thị lớn, các công-xưởng chế-tạo, các cách vận-tải giao-thông, các đất thực-dân khai-khẩn, các sở ngân-

hàng, và biết cả cái cơ-giới-chủ-nghĩa sẽ bành-trướng là dường nào. Nhưng vì không biết tổ-chức nên sự tiến-hóa về vật-chất đó chỉ làm khổ thêm cho cái thân-phận kẻ lao-động. Mĩ-thuật, triết-học cũng vậy, đã phán-đoán tự-do mà thoát-li được quyền tôn-giáo, thành không có phương-châm tôn-chỉ nhất-định nữa, mà hóa tự-do phóng-loạn.

Nay khoa xã-hội-học thực-nghiệm phải định cho công-nghệ, mĩ-thuật, triết-học cái phương-châm tôn-chỉ đó. Muốn được như thế, thì cần phải đặt ra một cái chủ-quyền về tinh-thần, đặc-biệt với chủ-quyền chính-trị mà có thể giúp cho đạo-đức thắng được sức vật-chất vậy. Trong một xã-hội thực-nghiệm thời pháp-luật là căn-cứ ở nghĩa-vụ, và nghĩa-vụ là căn-cứ ở cảm-tình. Nhưng ai là người làm thầy đạo-đức cho loài người đó được? Chính là những người có cái quan-niệm đích-đáng về giá-trị của khoa-học cùng cứu-cánh của xã-hội, tức là các nhà bác-học thực-nghiệm vậy. Rồi có ngày những người ấy sẽ lập thành một đoàn-thể gồm cả các nước Âu-châu (*corporation européenne*). Nhưng đợi cho đến ngày cái học đạo-đức của toàn-thể Âu-châu sẽ thành-công thời hãng tạm lập một hội ủy-viên, gọi là «Tây-phương thực-nghiệm ủy-hội» (*Comité positif occidental*) có 8 người Pháp, 7 người Anh, 6 người Ý, 5 người Đức và 4 người Tây-ban-nha, lấy thành *Paris* làm trung-tâm-điểm. Còn chính xã-hội thời đến trình-độ thực-nghiệm sẽ chia ra hai giai-cấp tùy ở cái năng-lực trừu-tượng tổng-quát hơn kém nhau: giai-cấp tư-tưởng (*classe spéculative*), gồm những nhà triết-học, bác-học, mĩ-thuật, và giai-cấp thực-hành (*classe active*), gồm những nhà nông, công, thương. Hai cấp đó phải cần có nhau, không thể dời nhau được, và nhiệm-vụ của chủ-quyền tinh-thần chính là phải nhắc luôn cho người dân biết cái lẽ quyền-lợi liên-lạc đó, phải giảng-giải cho nhà tư-bản hiểu rằng mình chẳng qua là kẻ quản-lý tài-sản mà thôi, và kẻ lao-động hiểu rằng sự tập-hợp tư-bản là một sự yếu-cần cho xã-hội.

Như vậy thời các khoa-học là qui-nạp cả về khoa xã-hội, vì loài người quả là cái hiện-tượng cao-qui nhất trong Vũ-trụ. Chính cá-nhân chẳng qua cũng là một cái thuần trừu-tượng mà thôi. Duy nhân-loại mới là cụ-thể, và cái quan-niệm về nhân-loại đó phải đem thay vào cái quan-niệm về Thượng-đế, về «ông Trời», là một cái lý-tưởng hư-huyền, và phải dùng làm cơ-sở cho một nền luân-lý xã-hội chân-chính đích-xác vậy.

. . .

AUGUSTE COMTE cho phần quan-trọng nhất trong học-thuyết của ông là phần chính-trị. Tự năm 1822 ông đã phác-họa cái chính-trị-học của ông trong một tập sách đề là «Chương-trình các sự nghiên-cứu cần để cải-tạo xã-hội» (*Plan des travaux scientifiques nécessaires pour réformer la société*). LITTRÉ và STUART MILL cho sách đó là tương-phản với cái triết-học thực-nghiệm là không phải. Vẫn biết rằng cứ học-thuyết thực-nghiệm thời không thể đoán được rằng AUGUSTE COMTE có cái tư-tưởng sáng-lập tôn-giáo. Nhưng nếu biết ông hiểu chữ tôn-giáo ra nghĩa nào thì không lấy gì làm lạ nữa: trong chính-trị thực-nghiệm, chữ tôn-giáo không có cái nghĩa siêu-tuyệt gì nữa, chỉ có cái nghĩa lấy cảm-tình mà điều-hòa tâm tình người ta cho các cá-nhân trong xã-hội được hòa-hợp với nhau mà thôi.

Sách «Thực-nghiệm Triết-học khóa» kết-luận nói rằng duy có nhân-loại là thiết-thực. Vậy thời trong tôn-giáo thực-nghiệm chỉ đáng thờ có một nhân-loại mà thôi. Nhân-loại là «đấng cả thể»

(*le grand Être*), gồm cả các lớp người đã qua, các lớp hiện-tại và các lớp tương-lai nữa, và chúng ta là những phần-tử trong toàn-thể ấy vậy. «Nhân-loại gồm nhiều người chết hơn người sống» (*L'humanité est faite de plus de morts que de vivants*). Vả phàm cái gì có đích-thực ích-lợi cho xã-hội thì mới là thuộc về « đấng cả thể », là nhân-loại; cái thuần cá-nhân là không kể vào đâu cả. Cuộc tiến-hóa trong xã-hội là nhân ở sự tiến-bộ của người trước mà tuần-tự phát-siển ra, cho nên có câu: «Người chết thống-trị người sống» (*les morts gouvernent les vivants*). Địa-cầu là nơi sinh-trưởng của loài người, trong đạo nhân-loại đặt tên là « Đại Ngẫu-tượng «(*le Grand Fétiche*), và cái không-gian của địa-cầu luân-chuyển gọi là « Đại Hoàn-cảnh » (*le Grand Milieu*).

Tôn-giáo thực-nghiệm phải chi-phối cả cảm-tình, tư-tưởng, hành-vi của người ta. Nên phải có lễ-nghi, phải có giáo-điều, phải có chế-độ xã-hội, tổng-quát lại bằng một câu như sau này: « Lấy cảm-tình làm nguyên-lý, lấy trật-tự làm căn-bản, lấy tiến-bộ làm mục-đích » (*L'amour pour principe, l'ordre pour base, le progrès pour but*).

1°) Nói về lễ-nghi. — Lễ-nghi không phải là để thờ « Đấng cả thể » đâu, nhưng để trau-giồi cho được hoàn-toàn hơn. Sự cầu-nguyện không phải là để xin ơn-huệ gì, chính là để ngẫm-nghĩ về cái nghĩa cao của đời người. Lễ-nghi có ba bậc:

A. — Sự lễ-bái về bản-thân. Bậc này là phải thờ riêng người đàn-bà (vợ, mẹ hay con gái), vì người đàn-bà vốn giàu cảm-tình, là cái mô-phạm thuần-túy của loài người, là cái mối liên-lạc người ta với xã-hội. Cách lễ-bái này, AUGUSTE COMTE đã định tinh-tế lắm, thường thi-hành riêng đối với bà CLOTILDE DE VAUX.

B. — Sự lễ-bái về gia-đình. Cả thảy đến chín lễ, khiến cho cá-nhân tuần-tự tham-nhập vào nhân-loại và gia cho các việc trọng-yếu trong đời người một cái ý-nghĩa thiêng-liêng: lễ « giới-thiệu » (*présentation*), tức như lễ « rửa tội » (*baptême*) của đạo Gia-tô; lễ « dẫn-nhập » (*initiation*, 14 tuổi); lễ « tiến-nhập» (*admission*, 21 tuổi; lễ «kỳ-đảo» (*de tination*, 28 tuổi); lễ « thành-hôn » (*mariage*); lễ « lão-thành » (*maturité* 42 tuổi); lễ «hưu-dưỡng » (*retraite*, 63 tuổi) lễ « tịch-hóa » (*transformation*), khi hấp-hối chết; « lễ sáp-nhập vào đấng cả thể » (*incorporation au grand Être*, 7 năm sau khi chết).

C. — Sự lễ-bái về công-chúng. Là họp công-chúng để tế-lễ Đấng cả thể. Có làm một cái đền gọi là đền nhân-loại, dựng ở giữa một nơi rừng cấm. Nhân-loại tiêu-biểu bằng một pho tượng người đàn-bà ba-mươi tuổi, tay ẵm đứa con. Cạnh có một cái đền nhỏ để thờ các bậc liệt-nữ. Lại mười-ba cái điện nữa có tượng mười-ba nhà đại-tư-tưởng tiêu-biểu cho mười-ba tháng trong lịch đạo thực-nghiệm. Lịch này là tự AUGUSTE COMTE nghĩ đặt ra, mỗi tháng bốn tuần-lễ, mỗi năm mười-ba tháng, mỗi tháng, mỗi tuần, mỗi ngày có một ông thánh chủ-trương, lấy trong những bậc danh-nhân trong thiên-hạ. Mười-ba tháng là mười-ba vị như sau này: MOÏSE, HOMÈRE, ARISTOTE, ARCHIMÈDE, CÉSAR, SAINT-PAUL, CHARLEMAGNE, DANTE, GUTENBERG, SHAKESPEARE, DESCARTES, FRÉDÉRIC II, BICHAT.

2°) Nói về giáo lý. — Giáo-lý của đạo thực-nghiệm tức là triết-học thực-nghiệm, dạy cho người ta biết địa-vị mình trong nhân-loại và trong vũ-trụ. Duy thiên-trọng về phần luân-lý hơn, cho luân-lý-học đứng trên xã-hội-học. Người ta càng hiểu biết địa-vị mình trong nhân-loại thời lòng bác-ái càng dần-dần thắng được lòng duy-kỷ. Người theo đạo thực-nghiệm phải lấy câu « Vị-tha » (*vivre pour autrui*)

làm châm - ngôn. AUGUSTE COMTE lại đem khoa tâm-lý-học căn - cứ ở cái thuyết trí-não của nhà não-cân-học GALL làm một bộ-phận trong giáo-lý. Cứ lấy các cơ-quan nhiều ít và quan-trọng hơn kém nhau mà phân - loại cũng định trật-tự cho các năng-lực, như tâm-tình trọng hơn trí-tuệ, v.v..

3°) Nói về chế-độ xã-hội. — Chế-độ xã-hội theo như đạo thực-nghiệm đặt ra thì trước nhất là sự giáo-dục. Đứa trẻ thoạt tiên chịu giáo-dục của mẹ, và lòng tôn-kính mẹ tức là cái lễ-nghi thứ nhất của đạo thực-nghiệm. Mẹ dạy con thi-ca, âm-nhạc và toán-pháp. Sau rồi vào trường thực-nghiệm, con trai con gái cùng học với nhau, bấy giờ mới dạy về giáo-lý, nghĩa là dạy các khoa-học theo cách phân-loại như trên. Thầy học phải chú-trọng về phần tâm-tình hơn phần trí-tuệ. Sự dạy học là một chức tôn-giáo tuyệt-đối ; thầy dạy học có cái tính - cách như nhà tăng-lữ vậy. AUGUSTE COMTE đã định rất tinh-tường các cách-thức tuyển-nhập vào trong phái tăng-lữ ấy thế nào ; có ba bậc : hậu-tuyển (*aspirants*), phó mục-sư (*vicaires*) và chánh mục sư (*prêtres*), — lại định cả số-ngạch và lương-bổng các chức linh-mục đó nữa. Đầu cả các chức là chức đại-giác-chủ nhân-loại (*grand prêtre de l'humanité*), trụ - trát ở *Paris* và có quyền được cử người kế chân mình.

Đạo thực-nghiệm phải cải-tạo được cả đời người thuộc về ba phạm - vi : bản-thân, gia-đình, xã-hội. Nhờ ảnh-hưởng của đạo, thì phàm sự lợi - lộc riêng của cá-nhân, như tài-năng, gia-sản, tính-tình, đều có giá-trị với xã-hội. Nhà thực-nghiệm chịu ơn của nhân-loại phải biết trả lại nhân-loại, và lòng vị-tha phải ắt được tính duy-kỷ. Sự hôn-nhân cũng nhờ đạo thực-nghiệm mà có cái tính - cách thiêng - liêng. Người đàn-bà chẳng phải là chức tư-giáo trong gia-đình dư ? Sự nam-nữ tình-dục không kể vào đâu và thậm-chí đến lấy đức kiên-trinh làm chủ cuộc hôn-nhân, muốn đem sự trinh-khiết của người con gái với cái mẫu-đức của người đàn-bà hiệp lại mà thờ làm một vị « Đồng-trinh Thánh-mẫu » (*Vierge-mère*), cho là một cái lý-tưởng mà các gia-đình theo đạo thực-nghiệm hoặc có ngày thực-hành được. Lại đến ngày người ta hiểu rằng làm người là nhất-thiết chịu ơn của nhân-loại cả, đối với nhân-loại không có quyền-lợi gì, chỉ có vô-số nghĩa-vụ mà thôi, đến ngày hiểu như thế thời sự sinh-hoạt chung trong xã-hội cũng thay đổi hết cả. Lời châm-ngôn của sự công-cộng sinh-hoạt trong xã-hội phải là : « Sống một cách đường-hoàng » (*Vivre au grand jour*). Muốn cho xã hội cố-kết được vững vàng thời những nước lớn phải nên chia ra từng bộ-phận nhỏ, dân-số từ 1 đến 3 triệu người. Các giai-cấp về trung-lưu sẽ mất đi ; chỉ có một bên một số ít người thượng-lưu có tư-bản, còn một bên là số nhiều kẻ lao-động, chia ra các nghề-nghiệp theo thứ-tự có lợi-ích cho xã-hội. Người làm công là quan-viên của xã-hội, có lương nhất-định, lại được hưởng một phần lợi tương-đương với công-việc mình làm. Ở mỗi dân-quốc thì ba nhà tư-bản đầu cầm quyền chính-trị. Phải tư-giáo phải trông-nom cho kẻ cầm quyền, đãi kẻ lao-động một cách công-bằng, và mỗi khi xảy ra sự phân-tranh gì trong tư-nhân hay trong liệt-quốc với nhau thời phải giải-quyết chỉ bằng uy-quyền chứ không dùng võ-lực.

Ấy cái qui-mô xã-hội thực-nghiệm của AUGUSTE COMTE đại-khái như thế. Ông thâm-tín rằng nhân-loại chẳng bao lâu sẽ hóa theo cái tôn-giáo của ông sáng-lập ra đó. Đã tính bảy năm thời hóa được các dân theo đạo độc-thần,

mười ba năm hóa được các dân theo đạo đa-thần, lại mười ba năm nữa hóa được các dân còn thờ ngẫu-tượng. Tự đấy cho đến cuối thế-kỷ thứ 19 thời ba giống da trắng, da vàng và da đen là tiêu-biểu cho ba cái năng lực tri-thức, hành-động và cảm-tình trong toàn-thể đấng Tuyệt-đích, sẽ cùng nhau hòa-hiệp thành một đoàn-thể nhân-loại hoàn-toàn, và bấy giờ sẽ thực-hành được cái tôn-giáo bao gồm cả nhân-loại vậy.

Hồi sinh-thời AUGUSTE COMTE vẫn đã chăm lập cho thành đạo nhân-loại. Ba năm trước khi xuất-bản sách « Thực-nghiệm Triết-học khóa », tháng hai năm 1848 trong nước nổi Cách-mệnh, ông cho là một dịp tốt có thể cải-tạo xã-hội theo *cơ-sở mới*. Ngay ngày 25 tháng 2, truyền một tờ phi-lộ bàn lập « một hội tự-do để dạy dân cả cõi Âu-tây theo chủ-nghĩa thực-nghiệm. » Mấy tuần-lễ sau thời « Hội Thực-nghiệm chủ-nghĩa » (*Société positiviste*). Trong hội có người làm thợ, người dạy học, người làm thuốc, lại có hai tay bác-học danh-giá, là LITTRÉ và CHARLES ROBIN. Hội liền tổ-chức cuộc diễn-thuyết, những phiên giảng nhiều người đến nghe nhất là của chính AUGUSTE COMTE *ở Palais Cardinal*. Hội lại gửi giấy bá-cáo cho vua chúa các nước, xuất-bản những tờ điều-trần về các khoản cải-cách cốt-yếu có thể thay đổi được tình-trạng xã-hội theo phương-châm chủ-nghĩa thực-nghiệm. AUGUSTE COMTE lại thân-hành vận-động với viện-trưởng nhà Giòng Tên (*jesuite*) để mong hóa được giòng đạo đó theo về chủ-nghĩa thực-nghiệm của ông. Đồng-thời ông đem cái buồng của bà CLOTILDE ở trước tạm làm đền thờ nhân-loại, và tự-xưng mình là đại-tư-giáo đạo nhân-loại. Các nghi-lễ thuộc phần lễ-bái về bản-thân (*culte personnel*), ông thi hành một cách cẩn-trọng lắm, mỗi ngày bận vào đấy đến hai giờ đồng-hồ. Ngoại-giả mỗi thứ tư lại còn họp hội-đồng các hội-viên « Hội Thực-nghiệm », thường làm chủ-tịch các lễ kỷ-niệm, làm phép « rửa tội » và phép cưới cho đồ-đệ theo đạo thực-nghiệm, người nào chết thì làm phép « linh-hồn tham-nhập vào Đấng cả thể ».

Ông mất ngày mồng 5 tháng 9 năm 1857, chưa kịp cử người kế chân như ý ông đã định. Vả đồ-đệ từ trước vẫn một lòng thờ-phụng tiên-sinh, bấy giờ chẳng bao lâu phân-li nhau, thành ra trong các phái đạo thực-nghiệm về hậu-bán thế-kỷ thứ 19 phải nên phân-biệt phái chính-truyền và các phái độc-lập khác.

Ở Pháp, sau khi AUGUSTE COMTE chết không cử người kế-vị, Hội Thực-nghiệm chủ-nghĩa bèn giao-phó cho PIERRE LAFFITTE cái chức-trách phải kế-tục sự-nghiệp của ông. LAFFITTE bấy giờ mới có ba-mươi-tư tuổi, gắng sức giữ lấy đạo chính-truyền của thầy. Trong những hàng đệ-tử trung-thành với đạo thì có nhà kỹ-sư HADERY, mụ SOPHIE THOMAS là người đầy-tớ AUGUSTE COMTE, ba y-sĩ ROBINET, DELBET và AUDIFFRANT, bá-tước LIMBOURG-STIRUM, SÉMÉRIE, EM. ANTOINE, CAMILLE MONIER, với ba người thợ MAGNIN, ISID. FINANCE, và KEYFER.

LAFFITTE trước hết gia-công sửa-sang đạo cho chỉnh-đốn. Công trước-tác của ông thì to-tát lắm, không thể tóm-tắt lại đây được. Phần đặc-sắc nhất là sách « Tam-đẳng Triết-học » (*La Philosophie troisième*), là khoa giảng của ông từ năm 1886 đến 1889, thuyết-lý về địa-cầu, nhân-loại và công-nghệ. Năm 1888, ông được phép giảng ở đại-diễn-đường trường *Collège de France*, năm 1892 trường ấy lại đặt riêng hẳn cho ông một khoa dạy về triết-học các khoa-học, từ đấy khoa giảng của ông được có ảnh-hưởng to lắm. Về phương-diện tôn-giáo thời vẫn một mực tuyên-truyền đạo của thầy. Hội Thực-nghiệm vẫn thường họp ở nhà AUGUSTE COMTE, số 10 đường *Monsieur le Prince ở Paris*, và vẫn thường

diễn các nghi-lễ về đạo nhân-loại, duy những lễ « làm phép » cho người ta, như lễ phép cưới, lễ lâm-chung. v. v., thì không hay làm mà thôi. Lễ thường-tiết to nhất trong một năm là lễ kỷ niệm, tức là ngày giỗ AUGUSTE COMTE. LAFFITTE lại đặt thêm lễ thánh MAHOMET là đệ-nhất giáo-chủ đạo Hồi, rồi lại xướng-suất cho Hội Thực-nghiệm cử-hành lễ kỷ-niệm bách-chu-niên cuộc Đại-cách mệnh nước Pháp cùng những nhân-vật như DIDEROT, SPINOZA, TURGOT, CONDORCET DANTON và nhất là JEANNE D'ARC. Hội lại muốn có ảnh-hưởng đến thời-chính nữa, nên thường phát giấy bá-cáo cho các người có quyền bầu-cử, cho các hội lập-pháp, hội thị-tỉnh, cho các hội-nghị đẳng công-nhân, v. v.. Tự năm 1878 có mở ra một tập nguyệt-báo tên là « Tây-phương Tạp-chí » (*La Revue occidentale*), để làm cơ-quan cho Hội. Lại ngoài « Hội Thực-nghiệm », còn đặt một « Câu-lạc-bộ thực-nghiệm cho công-nhân » (*Cercle positiviste d'ouvriers*) chuyên nghiên-cứu về các vấn-đề xã-hội, thường tổ-chức những cuộc diễn-thuyết, tham-dự các hội-nghị của công-nhân, và tự xướng-suất chủ-trương nhiều hội-nghị nữa, như ở *Bâle* năm 1869, ở *Paris* năm 1876, ở *Lyon* năm 1878, v. v.. Bởi thế nên cũng có ảnh-hưởng đến đẳng công-nhân ít nhiều.

AUGUSTE COMTE hồi sinh-thời vẫn có cái tư-tưởng muốn hiệp cả « năm nước lớn Âu-tây » (Pháp, Anh, Đức, Ý và Tây-ban-nha) làm một hội tôn-giáo lớn. Ông lại tự cử những người vào chân hội « quốc-tế thực-nghiệm ủy-viên » (*Comité positiviste international*), nhưng hội đó không hề họp bao giờ. Tuy-nhiên chủ-nghĩa thực-nghiệm chính-truyền ở ngoài nước Pháp cũng thịnh-hành lắm.

Ở Anh thì có một người cựu-giáo-sĩ phái Anh-cát-lợi đạo Cơ-đốc tên là RICHARD CONGREVE theo những tư-tưởng về tôn-giáo của AUGUSTE COMTE một cách rất nhiệt-thành. Tự năm 1857, mở lớp dạy chủ-nghĩa thực-nghiệm cho đẳng lao-động; năm 1870 thời mở ở đường *Chapel Street, 13, Bedford Row, W. C.* một cái nhà thờ đạo thực-nghiệm, tự mình đứng làm giáo-chủ. Còn mấy cái nhà thờ nữa mở ra ở *Londres* (nơi *Newton Hall*), ở *Manchester*, *Newcastle*, *Liverpool*. CONGREVE trong bao lâu vẫn được suy-tôn làm lãnh-tụ phái thực-nghiệm nước Anh. Nhưng ông giữ chính-truyền một cách chặt-chẽ quá, năm 1878 nhiều người theo đạo bỏ ông về hiệp với FRÉDÉRIC HARRISON là người đứng đầu nhà thờ đạo thực-nghiệm ở *Newton Hall*, ông này thời trong đạo trọng phần đạo-đức hơn phần lễ-bái. Bởi thế nên chính LAFFITTE và cả phái thực-nghiệm Pháp đều công-nhận HARRISON là người đại-biểu chân-chính của đạo thực-nghiệm ở nước Anh. Vả hai tay lãnh-tụ Pháp Anh đều chú-ý khoáng-trương phần lễ-bái, thường cử-hành các lễ « làm phép », lễ kỷ-niệm, lễ tham-bái. Phái nước Anh lại từng hoạt-động về chính-trị; gặp những dịp thợ bãi-công, trận Pháp-Phổ, hay về vấn-đề *Irlande*, việc *Egypte*, việc *Transvaal*, v. v., thường truyền giấy bá-cáo, rõ-ràng tỏ ý-kiến tự-do, nhân-đạo, hòa-bình.

Ở Thụy-điển (*Suède*) thời có Y-sĩ NYSTROM lập một chi-phái đạo thực-nghiệm ở kinh-đô *Stockholm* năm 1875, công-nhiên phục-tòng quyền ông LAFFITTE. Tuy-nhiên phái này không chăm sự lễ-bái mà chỉ chăm việc giáo-dục, việc tuyên-truyền chủ-nghĩa về xã-hội và chính-trị. Năm 1881 mở ra ở *Stockholm* một nhà « Công-nhân học-viện » (*Institut ouvrier*), sau thành hẳn một trường đại-học cho bình-dân, mỗi tuần-lễ có mấy trăm con người đến nghe giảng. Ở kinh-đô mở trước, rồi các thành khác như *Norkoping*, *Malmö*, cũng theo

sâu. Về chính-trị thời Bác-sĩ NYSTROM đã có khi làm cho giáo-hội nước Thụy-điển phải rầy-rà, vì ông cực-lực yêu-cầu sự phân-lìa quyền chính-giáo.

Ở Nam-Mĩ thời chủ-nghĩa thực-nghiệm lại thịnh-hành ra phương-diện tôn-giáo chính-truyền. Năm 1871, BOTELLO DE MAGALHAES lập một hội Thực-nghiệm ở *Rio de Janeiro*, ông này chính là người thủ-xướng ra cuộc cách-mệnh nước *Brésil* năm 1889. Sau cuộc cách-mệnh ấy, lĩnh chức Học-bộ-tổng-trưởng, liền thảo một cái chương-trình cải-cách việc học trong nước theo chủ-nghĩa thực-nghiệm, chẳng may chết chưa kịp thi-hành. Khi chết, quốc-hội nước *Brésil* đã tiêm-nhiễm sâu chủ-nghĩa thực-nghiệm, bèn trịnh-trọng tuyên-bố linh-hồn ông bất-diệt. Ở *Brésil* lại có một người học trò nữa của ông LAFFITTE tên là MIGUEL LEMOS lập một hội «Tuyên-truyền chủ-nghĩa Thực-nghiệm» (*Apostolat positiviste*) và tổ-chức sự lễ-bái đạo nhân-loại theo đúng như nghi-lễ chính-truyền của AUGUSTE COMTE, thậm-chí các tín-đồ ở *Brésil* không thừa-nhận quyền giáo-chủ của ông LAFFITTE nữa, vì cho là ông không theo được đúng tôn-chỉ của thánh-sư. Như sự lễ-bái «Đồng-trinh Thánh-mẫu», trong giáo-lý của AUGUSTE COMTE là một mối tưởng-tượng có ngụ-ý sâu-xa mà thôi, mà LEMOS thời cho như sự thực. Ngày 15 tháng 8 năm 1891 ở *Rio de Janeiro* làm lễ khánh-thành một cái đền thờ nhân loại. Về chính-trị, chủ-nghĩa thực-nghiệm cũng có ảnh-hưởng to ở nước *Brésil*, chính-phủ nước ấy công-nhiên lấy câu cách-ngôn của AUGUSTE COMTE: «Trật-tự và Tiến-bộ» (*Ordre et Progrès*) làm biểu-hiệu cho Nhà-nước.

Ở *Chili* (Nam-Mĩ), ở *New-york* (Bắc-Mĩ), *Buda-Pest* (nước Áo), cho đến *Calcutta* (Ấn-độ) nữa, cũng có lập hội nghiên-cứu và tuyên-truyền về chủ-nghĩa thực-nghiệp.

Nhưng trong khi ở các nơi đó có một số người vẫn trung-thành với cái đạo của AUGUSTE COMTE xướng lên, thời lại có một phái mấy nhà tư-tưởng quyết bỏ hẳn những cái thuyết mơ-màng của ông về tôn giáo, về xã-hội, mà chỉ giữ lấy cái phần triết-lý đích-đáng trong học-thuyết ông mà thôi. Thành ra ngoài cái đạo chính-truyền như trên kia vừa thuật, gây ra một phái độc-lập, chỉ chuyên về một phương-diện triết-học mà ảnh-hưởng cũng sâu-xa man-mác lắm. Vì tuy triết-học của AUGUSTE COMTE thật là một cái nguồn tư-tưởng rất thâm-trầm, bao nhiêu các tư-trào về cận-đại là phần nhiều uyên-nguyên tự đó, nhưng trong học trò ông chỉ có một số ít người lá cố theo cho đúng cái chủ-nghĩa của ông đã bày giải ra trong sách «Thực-nghiệm Triết-học khóa». Hai tay trứ-danh nhất là LITTRÉ và J. ST. MILL thời không chịu theo cả toàn-thể chủ-nghĩa ấy. Như LITTRÉ thời không thừa-nhận cái thuyết về trí-não (*théorie cérébrale*), còn cái «luật về ba trình-độ» (*loi des trois états*) thời cũng cho là một mối trừu-tượng không có căn-cứ ở thực-nghiệm, chứ không phải là một cái phép-tắc tất-yếu ở trong thiên-diễn. ST. MILL thời không phục AUGUSTE COMTE vì coi thường hai khoa tâm-lý và lý-luận, và cố-ý khôi-phục lại hai khoa đó. Tuy-nhiên cái ảnh-hưởng man-mác của AUGUSTE COMTE thời thật là to rộng vô-cùng, hết thảy các nhà tư-tưởng Tây-phương vào khoảng hậu-bán thế-kỷ thứ 19 đều có chịu ảnh-hưởng ấy ít nhiều. Một nhà trước-thuật sinh-thời ít người biết đến mà ảnh-hưởng sâu-xa đến thế, thật là một sự lạ-lùng vậy. Không tin những lý-tưởng siêu-hình, giốc lòng thờ sự kinh-nghiệm, cho khoa-học là có hiệu-lực về đạo-đức, định trận

tự cho các khoa-học, truyền những tư-tưởng về sự tiến-bộ và lẽ tiến-hóa, xướng lên rằng cá-nhân tự-nhiên là phải tùy-thuộc xã hội, lại xướng lên cái thuyết về hoàn-cảnh, lấy lẽ liên-lạc trong nhân-loại mà làm cơ-sở cho luân-lý, công-nhận cho đạo Gia-tô có công to với xã-hội Âu-tây về đời trung-cổ, và thứ nhất là sáng-tạo ra một khoa-học mới là xã-hội-học; đó là cái công-nghiệp của AUGUSTE COMTE đã cống-hiến cho cõi học của loài người. Công-nghiệp ấy to-tát vô-cùng. Cho nên những nhà tư-tưởng học-vấn về sau mà có hưởng-thụ ít nhiều công-nghiệp ấy thật là khắp trong các giới, hoặc trực-tiếp hưởng-thụ, hoặc gián-tiếp hưởng-thụ mà không biết vì đã qua hai tay môn-đệ trứ-danh là S. MILL và LITTRÉ giới-thiệu, như về triết-học thì có: TAINE, RIBOT, DE ROBERTY ở Pháp, SPENCER, BAIN, LEWES ở Anh, DUHRING, LAAS, RIEHL, LANGE ở Đức; ARDIGO, SICILIANI, L. FERRI, ANGIULLI ở Ý; về sinh-lý-học thì có: CLAUDE BERNARD, MAUDSLEY, HUXLEY, HAECKEL; về bác-ngữ-học thời có RENAN; về hình-tội-học thì có LOMBROSO, GARAFALO, E. FERRI; và về các khoa-học mới như nhân-loại-học, tôn-giáo-học, xã-hội-học, lại còn nhiều người nữa. Nói tóm lại thời cái chủ-nghĩa thực-nghiệm phổ-thông (nghĩa là bỏ hẳn phần tôn-giáo lễ-bái kỳ-dị), chính không phải là một học-phái nhất-định, mà thật là tiêm-nhiễm hết cả các học-phái khác, không định hẳn ở phái nào mà thực là bàng-bạc khắp cõi học vậy.

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

---

# BỨC THƯ RƠI

Đầu năm xuất-hành, giữa đường nhặt được tập giấy hoa-tiên. Tò-mò giở xem, mới hay một bức thư dài đánh rơi! Thư này ai gửi cho ai? Mà ai lơ-lết đánh rơi đây? Những muốn vì ai trao trả lại. Song-le, biết đâu Hợp-phố mà mong châu về? Đã hay: chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm; nhưng thực không dám giữ vật bắt được làm của riêng mình. Vậy xin gửi tới Nam-Phong-quán; cây gió Nam xa đưa tin-tức, nhắn nhe ai.... có bức thư đây.

*Tương-Phố.*

. . .

Mùa xuân năm kỷ-tỵ

Người bạn gái ở Lạc-hồng-thôn, kính gửi thư này đến bậc cao-hữu bấy lâu mong-mỏi mà chưa gặp.

Mộng-trung lương-hữu,

Bốn phương non nước, một mối viễn-hoài, nửa bức tờ mây, xa-xa kính gửi. Bạn em ai đó, chẳng biết cho nhau: tấm tình này dù bên trời góc bể, dẫu gang tấc quan-sơn, cũng thường năm tháng nhớ đến người bạn lòng em kính mến.

Hồn mộng bâng-khuâng, mỗi khi nhớ nhau, em thường nghĩ đến người bạn của em: giá cao như ngọc, tài đẹp như hoa, đương độ thanh-niên, lòng xuân phơi-phới, tưởng như buông mắt bốn phương, trông đâu là không thấy cái cảnh đời hoan-lạc nó hẹn-hò mình! Chẳng sân ngọc-bội, cũng phường kim-môn, trong tay sẵn có bạc ngàn, giá-

sử hiển-danh như ai, muốn đeo ấn công-khanh, vào làng xa-mã, có khó gì? Bạn em sao không đua theo người đời, chen hội vinh hoa tìm hạnh-phúc? Vì đâu sớm vội mang lấy một tấm lòng lo đời, yêu nước, miệt-mài trong cuộc ưu-tư, mải tang-bồng bỏ quá xuân-xanh? Khiến lòng bạn gái này, nghĩ đến nhau lúc nào, tấm riêng những ngậm-ngùi thương-cảm. Dã thương nỗi ưu-tư của bạn, lại cảm cái bụng lo xa yêu rộng của bạn. Trong thương-cảm ấy, biết bao phần kính-phục yêu-đương.

Dẫu sao nữa, bạn em ơi! tang-bồng là kiếp mày râu, bảy thước làm trai, ai đành chẳng nghĩ?... Em mong rằng: tu-mi Nam-Việt, ai ai cũng biết lo đời yêu nước cả như bạn, thời cuộc đời dù dở cũng nên hay; mà nước non âu cũng có ngày cậy trông.

Nhưng thôi, tin xuân dồn lại khắp xa gần. Có lẽ nào bút xuân lại không góp được đôi lời chuyện xuân? Mà vội đem chuyện đời chuyện nước mở đầu thư, để chim oanh nó cũng cười mình! Song le:

*Xuân vui, xuân chẳng bạn mình,*
*Mình buồn, mình cũng vô-tình với xuân!*

thời mảnh hoa-tiên này, dẫu có chuyện xuân cũng nhạt phèo! Huống lại năm nay, ốm đau sớm dã ghẹo nhau rồi! Tân-niên khai-bút, dựa chăn vạch được một bài:

**Quên xuân!**

*Xuân về đào lý đua tươi,*
*Mản hoa ngây-ngất nọ người quên xuân!*
*Xuân vui xuân hẹn có ngần,*
*Mà ta lần-lữa để xuân sang hè.*
*Vui xuân ai khách đi về?*
*Lòng xuân thiếp những tê-mê cuộc đời.*
*Quên xuân, quên cả tuổi trời,*
*Ngày xanh mòn-mỏi nửa đời với xuân!*
*Bâng-khuâng đỉnh Giáp, non Thần,*
*Ấy ai giấc mộng đêm xuân mơ-màng.*
*Riêng ai héo-hắt can-tràng,*
*Má hồng đầm lệ năm càng phôi-pha.*
*Kiếp sinh vi cũng như hoa,*
*Với xuân đầm-thắm mặn-mà mấy mươi!*
*Vương-mang chi lấy kiếp người?*
*Tình nhà, nỗi nước, nợ đời ngổn-ngang.*
*Hững-hờ xuyến ngọc, hoa vàng,*
*Phấn son há đám mơ-màng như ai!*
*Khuê-trung lần-lữa hôm mai,*
*Trăm lo nghìn nghĩ miệt-mài một thân.*
*Những mình nào biết có xuân?*
*Thoi-vàng gieo đã mấy lần xuân qua.*
*Khăn hồng thấm lệ hồng sa.*
*Vẳng tai mấy tiếng oanh ca giật mình!*
*Quên xuân, ai có như mình!...*

Ôi! con oanh còn biết có xuân về; hoa đào, hoa lý có tình gì, mà cũng phất-phơ về trăng, mầu hồng dưới ánh xuân-quang? Nghĩ mình mải khóc để xuân quên mình, mà luống thẹn với chim oanh, hồ cùng đào lý. Nọ khách cẩm-y niên-thiếu, người đài-các phong-lưu, xuân về hớn-hở, vui xuân ai biết có người quên xuân! Cùng xuân đã chẳng duyên gì, năm năm xuân tới, trước gương so-sánh niên-hoa, em những hờn xuân-xanh hao-hụt già theo lệ. Nghĩ một tấm lòng xuân của em đã tiêu-điều như thế, thời cầm bút hôm nay biết sẽ nói chuyện gì? Nhưng thôi, bạn em ơi! xuân sang đã bạn xuân vui, đời nô-nức cả, ai người quên xuân! Riêng ta khác dạ hóa ta buồn, âu là cùng nhau ta lại góp phiếm chuyện đời làm khuây.

Cuộc đời luân đến buổi bây giờ, non sông nghĩ nỗi nước nhà ngày nay, dẫu buồng khuê cũng từng phen gạt thấm giọt lệ, nữa chi những khách râu mày! Ôi! làm trai Nam-Việt buổi này, người

biết ra, ai mà dửng-dưng được? Cuộc đời đương lúc đảo-điên, ngọn sóng tân-trào cuồn-cuộc như cuốn cả nhân-tâm, thế-đạo, cương-thường, luân-lý ngày càng trôi đi. Nhà đạo-đức khóc thương phong-hóa, lệ đã khô rồi! Kẻ ưu-thời lo thay thế-đạo, cũng đành buông tiếng « than ôi! » mà nghĩ âu cuộc đời đành vậy! Bậc thức-giả trong nước, nghe ra ai cũng như chán, như buồn, đem lòng hờ-hững lánh xa cuộc đời. Nồng-nàn thiết-thế, thời lại chỉ là trẻ thơ đương độ mảng chơi-bời, đua văn-minh mới, vồ-vập tân-trào, thấy đỏ ngờ rằng chín, chen nhau lăn-lộn xô vào, mong những cướp lấy phần hơn! Người biết đời, mang dạ chán đời. Kẻ ham đời, lại những lầm đời. Nước đời thế ấy, biết còn toan sao?....

Cuộc đời đành đã rối lung-tung. Non nước cảnh nhà, người biết nghĩ, nghĩ càng nát dạ! Nghĩ như chim kia kiếm rác tha mồi, còn biết chắt-chiu cái tổ hôm mai đi về. Nữa chi con người ta có nước, có nhà, nỡ đâu lại thờ-ơ lạnh nhạt cho đành? Than ôi! ướm hỏi dưới cõi trời Nam này: nồng-nàn yêu nước những ai bây giờ?

Cứ hiện-tình nước nhà ngày nay, nói đến chuyện « yêu nước » không khỏi khiến người xa lo, nơm-nớp lo rằng: phạm thời-thế, phạm chính-trị. Nhưng không đâu, nếu quả thật « chân-chính ái-quốc » là phạm thời-thế, là phạm chính-trị, thì những dân có nước ở thế-giới này, còn người dân nào dám yêu nước nữa? Phương chi dìu ta lên bước văn-minh, dắt ta lên đường tiến-hóa, mở-mang tri-thức cho ta, lại là thầy Đại-Pháp. Ta bấy lâu, quá nửa hế-kỷ, ăn chung ở lộn cùng người Pháp; sinh - hoạt theo người Pháp, học-tập theo người Pháp, há lại không biết rằng: nước Pháp là một nước văn-minh rực-rỡ nhất hoàn-cầu, mà dân Pháp là một dân thiết-tha yêu nước, nồng-nàn yêu nước hay sao? Cái tình yêu nước ấy, chẳng những đã vẻ-vang cho nước Pháp; mà lại còn đáng làm gương cho tất cả những giống người tình yêu nước bạc - nhược, lãnh - đạm như người giống Việt-Nam ta nữa. Ôi! nói đến hai tiếng « yêu nước » mà thẹn! Người Việt-Nam ta có mấy ai thiết đến nước-non, nghĩ đến nòi giống đâu. Sống tạm, sống bợ; ăn sổi, ở thì; miễn cho qua ngày, qua tháng, qua cái đời mình là liễu-sự. Việc đời, việc nước-mặc ai ai!

Kẻ hạ-lưu đã đành vô tri-thức, học-hành kém, không hiểu đến tình nước-non là gì, thời cũng thôi không nỡ kể.

Nói ngay những hạng người mà xã-hội ta vẫn tôn là « thượng-lưu » trong nước kia. Tưởng trong số trăm người, cũng mất đến chín-mươi-chín người « quên nước »!

Đến những dân thôn-quê, thời dân-bà con-trẻ, hoặc chú nhiều, bác xã, ngày ngày gánh đôi nồi dình ra giếng khơi, quăng cái gầu xuống vực lấy nước ăn, thì họa chăng còn nói đến nước, còn nhớ đến nước. Nhưng cũng chỉ là « nước ăn » mà thôi; chứ « nước ở» thì cả đời ở nhà quê còn ai nói đến? Mà có nghe ai nói bao giờ!

Kẻ học-giả dẫu nhiều nhưng học để hiến thân cho xã-hội, học để làm người rất hiếm. Học vì khoa-cử, học trông vào cơm gạo, số lương cao thì nhiều. Đã hay có thực mới vực được đạo; nhưng ngoài khoa-cử, ngoài lương gạo, mới là cái học cần cho đời người; mới là cái học «sống» người tri-thức. Tiếc cho người nước ta lối học cũng sai đường! Ví bằng ai không có cái bụng hẹp-hòi học vì lương gạo, thì lại có cái chí cao xa là: học để làm quan. Ôi! làm quan ở nước ta, nghĩ

cũng sướng thật ! mà cũng vẻ-vang lắm thay ! Nhưng tưởng trong một xã-hội đã lấy ông quan làm to, đã lấy ông quan làm trọng, thì hẳn quan cũng là bậc thế nào mới đáng được quốc-dân tôn-trọng đến thế.

Song tiếc thay ! quan đáng bậc là quan không có mấy.

Quan nhiều khi vì tự-lợi hại dân, đủ khốn dân rồi. Lại dân cũng vì tư-lợi, vì lòng đố-kỵ mà hại lẫn nhau nữa. Miếng xôi, miếng thịt, mẫu ruộng, tấc đất, cũng đánh nhau vỡ đầu, dem nhau đến tìm lẽ phải ở chốn công-môn, rồi mà đút-lót, mượn tay thầy-thợ nặn-bóp chết nhau. Thương hại thay, dân ngu thường gặp quan tham, thế có khổ không ?

Quan thế ấy, dân thế ấy, các hạng người trong nước thế ấy. Nhưng nào dễ hết đâu, trong xã-hội « Tiên Rồng », con cháu rồng tiên kể ra còn nhiều hạng người hay nữa : trai thuốc sái, gái bạc bài, ông nọ, bà kia hay nhan-nhản cả ! Kể sao cho xiết, nói sao cho cùng !

Than ôi ! nghĩ một dân-tộc thế ấy, chuyện nước-non thôi có nói-năng gì !

Cảnh xã-hội tiêu-điều tẻ ngắt ! Mấy tờ báo ngày-ngày đưa tin đến : nào có tin gì là hay, là mới, là lạ đâu ? Bài xã-thuyết đọc hôm nay, nghĩ ra mới sực nhớ : mùa thu năm trước đã đọc ở một số báo kia rồi. Nội-dung tờ báo, các tin lạ xa gần dồn lại, năm nay cũng chẳng khác gì năm xưa. Thời-sự Nam-kỳ : một vụ sát-nhân ; thời-sự Trung-kỳ : câu truyện gian-dâm ; thời-sự Bắc-kỳ : cái ô-tô đổ ! Báo ra dẫu nhiều, mà quanh đi quẩn lại cũng chỉ có bấy nhiêu thôi. Kẻ ham xem báo, thấy tờ báo « xuông » đã chán rồi ! Con mắt dưa qua rồi gập, quẳng một xó bàn, hi-vọng tờ báo ngày mai có lẽ đậm đà hơn. Mai đến, cũng xuông cả thế ! Còn làm gì cho khuây ? Hoặc muốn mua vui, lối phồn-hoa giương ô dạo bước, vào mấy cửa hàng sách, tìm mua một vài cuốn sách đọc được, thì nào có gì ? Lăng-nhăng toàn những truyện dâu của tai ếch, ngôn-tình tiểu-thuyết lặt-vặt, mỗi quyển mỏng tèo độ mươi-lăm tờ giấy. Hình như tác-giả cố ý viết để gọ tiền ; mà nhà « buôn văn » cũng chỉ cốt buôn lấy chạy hàng, chứ không còn ai nghĩ gì đến cái hứng-thú của độc-giả nữa ; mà có lẽ cũng không nghĩ đến cái ảnh-hưởng của tập văn kia, đối với phong-hóa xã-hội ra thế nào. Nếu không tiểu-thuyết ngôn-tình, thì lại trinh-thám, hoặc *Phong-thần*, *Chinh-đông*, *Chinh-tây*, toàn những truyện hoang-đường bịa-đặt cóp-nhặt của các nước ngoài ; hoặc vài tập *Tiếu-lâm* nhạt-nhẽo, thuê tiền cũng chẳng ai cười. Ôi ! văn-chương thế ấy, sách-vở thế ấy, lấy gì mà nuôi được cái tinh-thần của những người trí-thức ?

Buồn quá ! cuộc đời như không còn biết lấy gì làm khuây được nữa. Bất-đắc-dĩ, phải tìm đến chốn đông người, bạn-bè tụ-họp để cùng nhau trò-chuyện mua vui. Nhưng nào có câu chuyện gì là câu thú-vị ? Bạn gái gặp nhau ; hết mẫu áo này nhã, kiểu giầy kia xinh ; chị X mặc hợp thời-trang, chị Y mới mua được cái khăn-tua đẹp. Thì lại : bà phán T canh-bạc đêm trước thua cay bốn chục, bà tham B tối thứ bảy nọ mò bắt được ông Tham ở nhà đầu Z. Bạn gái giòn-giã đến đâu, cũng không qua những câu chuyện « tào-lao » ấy.

Song, bạn trai vị-tất đã hơn gì ! Chuyện đời, chuyện nước, không mấy người ưa. Có chăng thì lại bàn mảnh nhân-tình: tiểu-thư này, tiểu-thư khác, cô đào nọ, cô đào kia, cùng là lối ăn, lối mặc, cách chơi-bời. Rút-cục : cũng là «nhạt-nhẽo» cả! Chẳng qua nói cho

khỏi ngồi im, nghe cho có tiếng vang tai, chứ thật không thú-vị gì.

Trong một cảnh xã-hội xuông-nhạt, tẻ ngơ tẻ ngắt cả như thế, còn gì buồn bằng? Khiến người buồn, buồn nát cả ruột gan! Nghĩ mình chẳng kiếp là chim, giá-sử có cánh như chim, thể tung mây được, thì cũng quyết tung mây, vượt mình cao mây ngàn khơi, tìm đến một cõi đời thật vui, thật đẹp, để đổi hẳn cái cõi đời nặng-nề u-uất này.

Nghĩ năm năm nữa, mười năm nữa, hai, ba, bốn, năm, sáu-mươi năm nữa mà tình-thế xã-hội Việt-Nam không thay đổi, trình-độ người Việt-Nam không hơn trước, cứ mãi-mãi như bây giờ: lòe-loẹt trong cái văn-minh vỏ; trôi-giạt theo ngọn tân-trào; không biết thế nào là hư, không biết thế nào là thực, dở lấy làm hay, hay cho là dở, phải cũng ừ, trái cũng ừ, sống không suy nghĩ, sống không lo liệu; ăn sổi, ở thì, sống qua ngày tháng, vô-tình, lãnh-đạm, ai ai cũng vậy, thì ta dám bảo rằng: làm dân nước Việt, phỏng còn thú gì! Tuy cũng có ăn, có ngủ, có làm, có lụng; nhưng mà là ăn ngủ, làm lụng cho rồi đời, đợi cho mãn kiếp mà thôi. Ấy, sống ở nước Nam, sống xuông thế đó! Sống mà như vậy, cho dẫu sống đến vạn vạn năm, cũng không biết cái sinh-thú ở đời là gì. Hay là nhân-sinh lấy thích-chí làm sướng: đàn ông có thể gửi kiếp râu mày ở chỗ rượu ngon gái đẹp; đàn bà lấy son tô, phấn điểm, cờ-bạc dông-dài làm thú vui năm tháng; đôi bên đều công-nhận những điều sở-thích ấy là sinh-thú ở đời?

Than ôi! nín đi không đành dạ, nói ra những ngại lời . . .

Cứ như ý ngu-si của bạn gái này, tưởng không gì bằng ta nuôi lấy một tấm lòng « yêu nước » đã. Dân có nước mà không yêu nước, khác gì con có mẹ mà không nhìn mẹ? Những hạng con không nhìn mẹ, dân không yêu nước ấy, có hay gì? Chim quạ nó mia-mai, con ong, con kiến nó cũng chê cười, còn kể là hạng người có gan có ruột thế nào được?

Ông VOLTAIRE là nhà văn-hào Pháp có câu: «Ôi! ai người tâm-huyết, phải thương nước nhà!»

Lại ông LACORDAIRE cũng người Pháp có nói: «Người không có nước, là người trôi-giạt trong khoảng không-gian với thời-gian...» Thật thế đấy. Không có nước-non, xứ-sở, thời ta dẫu có thân ở đời, cũng lênh-đênh trôi-nổi; đi, biết là đi đâu? về, biết là về đâu? Vui cùng ai? Ở với ai? Sống làm gì? Trời cao thăm-thẳm, bể rộng bao-la, lòng ta man-mác biết là gửi đâu? Dẫu không chìm đắm trong khoảng không-gian thời-gian, thì cũng đến tan theo gió bụi, nát cùng cỏ cây. Nào ai biết ta mất? Nào ai hay ta còn? Nghĩ đến thế mà buồn!

Thế thời ta nay nhờ ơn Đại-Pháp bảo-hộ, cũng may mà còn được là một dân có nước. Nghĩ đến nước-non há chẳng nên yêu, nên mến, nên thiết-tha âu-yếm hay sao?

Nhưng yêu nước thế nào cho đáng là một bậc « chân-chính ái-quốc», «nhiệt-hành ái-quốc?» Há phải da ngựa bọc xương, chết mình vì nước? Há phải vai đeo cung kiếm, giong-ruổi sa-trường, xông vòng tên đạn? Hưởng không cứ phải thế mới là yêu nước. Nếu yếu nước cả thế, thời chỉ những bậc anh-hùng, những trang nghĩa sĩ mới yêu nước mà thôi. Đã hay anh-hùng nghĩa-sĩ là của báu thiên-hạ, nghìn thu vẫn để cho người ước-ao; thời sự-nghiệp của khách anh-hùng, cái can-đảm của người nghĩa-sĩ, ta lúc nào cũng phải coi như cái gương để soi, một bài để học, ước-ao cho mình cũng

được như thế. Song, có lẽ cả một nước ai ai cũng anh-hùng nghĩa-sĩ cả ru! Nếu được cả như thế, còn nói gì nữa, càng hay lắm, nhưng than ôi, cũng khó lắm thay! Tưởng như châu ngọc thế-gian còn dễ kiếm; anh-hùng kia, ướm hỏi ngàn xưa đã mấy ai?

Thế thời ta không thể cứ khoanh tay mà ngồi đợi anh-hùng được, vì người ấy lúc thì đến, lúc thì không đến, biết đâu mà hò-hẹn, chắc đâu mà đợi chờ? Vả, nếu việc nước-non cứ ở anh-hùng cả, thì các hạng người trong nước không phải anh-hùng kia, đều là người thừa cả hay sao?

Thiết-tưởng nước nhà đương buổi bây giờ, lại phải cần đến tấm lòng yêu nước của tất cả các hạng người trong xã-hội, hơn là chỉ trông cậy vào cái thủ-đoạn của một người anh-hùng. Vậy thời bọn ta chỉ làm thế nào cho ai cũng trở nên một người biết yêu nước là đủ. Tưởng muốn thế, không khó gì. Miễn là trong xã-hội Việt-Nam ta, ai ở địa-vị nào, cứ nên hết lòng với phận-sự mình là đủ. Đàn bà hết bụng thờ chồng, nuôi con, làm thế nào cho trọn cái phận-sự mình là người nội-trợ. Đàn ông lo-liệu thế nào cho hết cái trách-nhiệm làm trai ở đời. Trong tứ-dân ai chuyên nghề nào, chăm về nghiệp ấy, hết lòng hết sức; làm việc gì cho đến nơi đến chốn, suy tính lợi-hại, lo-liệu xa gần, nghề-nghiệp ngày một hay, là mình yêu nước đó; chỉ thêm một bầu tâm-huyết, tấc dạ đồng-tâm, tấm lòng bác-ái là hoàn-toàn lắm. Ta mà biết yêu nước như thế, thì nhà nước Bảo-hộ cũng không tiếc cái công khai-hóa cho ta. Mà quốc-dân Nam-Việt ta cũng hi-vọng ở tấm lòng yêu nước của cá-nhân nhiều lắm.

Dầu sao nữa, nói đến chuyện nước-non không khỏi buồn rầu. . . . . .

Nhưng thôi! nói bao nhiêu, lại đau lòng bấy nhiêu! Cầm bút hôm nay, chẳng qua ngày xuân kiếm chuyện để quên dài, cho khuây tấm lòng nhớ bạn phương trời xa-xăm. Ôi! buồn thay nhẽ! bốn phương non nước, biết bạn nơi đâu? Ngày xuân gửi bức thư xuân, biết ai là bạn đồng-tâm hẹn-hò?

Bạn em ơi! lòng này khát bạn, bấy lâu nay, muôn dặm tìm nhau, tìm chẳng gặp. Cõi mộng mơ-màng biết có không?

VIỆT-NỮ

TƯƠNG-PHỐ *sao-lục*

# CÁI BẢN-CHẤT XÃ-HỘI NƯỚC TÀU (1)

Xã-hội nước Tàu nguyên có cái cơ-sở vững-bền chắc-chắn, không bị phải những cuộc chính-trị rối-loạn nó làm lay động được, xem như gần đây nước Tàu sản-nghiệp và tiền-tài có phần phát-đạt hơn, thì có thể lượng biết được. Người ta chỉ biết rằng chính-trị là cái bóng phản-chiếu của xã-hội, bảo rằng hễ có cái xã-hội hoàn-toàn mạnh-mẽ, thì mới có cái chính-trị lương-hảo mĩ-miều; chính-trị mà hủ-bại thì có thể lượng biết được xã-hội như thế nào. Nhưng kỳ-thực nước Tàu thì không như thế. Gần đây nước Tàu cũng cùng với nước Nhật đồng-thời mở đường giao-thông, họ Tăng họ Lý dẹp yên được cái loạn họ Hồng họ Dương, dựng nên được sự-nghiệp trung-hưng đời Đồng-trị, tỉ với đời Minh-trị duy-tân bên Nhật, chỉ sai nhau độ ít năm; chẳng qua vào độ trên dưới nửa thế-kỷ, mới gây nên cái cuộc biến-đổi như ngày nay.

Người ta bảo rằng nước Tàu đến gần đây mới biết thâu-thái văn-hóa nước ngoài; nhưng kỳ-thực nước Tàu đã thâu lấy văn-hóa nước ngoài, so với nước Nhật còn là bậc tiên-tiến; chẳng may vào hồi Minh-trị năm thứ hai mươi bảy, hai nước Trung Nhật gây cuộc binh đao đánh nhau ở Triều-tiên; đương lúc ấy nước Nhật và cả thế-giới, cũng chưa biết thực-lực nước Tàu ra thế nào, đều cho nước Tàu là một nước lớn, vẫn sợ vía con « sư-tử ngủ » là lời tuyên-truyền của Tăng Kỷ-Trạch. Nhật đánh nhau với Tàu trận ấy cũng chưa chắc là hẳn được thắng-lợi, không ngờ rằng về sau nước Nhật lại được thắng-lợi; bấy giờ người ngoài mới biết rằng nước Tàu hấp-thụ cái văn-hóa của nước ngoài, cùng với nước Nhật hấp-thụ cái văn-hóa của nước ngoài, hai đàng đều khác nhau xa.

Song bấy giờ mà biết ra như thế, là mới biết được một phần chứ chưa biết cả toàn-thể; dẫu đến người Nhật cũng chỉ có độ một vài người học-giả chuyên nghiên-cứu về nước Tàu thì mới biết, chớ còn ngoài ra thì mờ-mịt cả, chưa kể chi đến người Tàu họ tự biết cái thực-lực của họ ra sao. Từ trận Nhật Nga chiến-tranh về sau, thấy nước Nhật tiến-bộ dị-thường, mới biết ra rằng nước Nhật mà được giàu-mạnh như ngày nay, chỉ tại hay thâu-thái được hiến-pháp của nước ngoài, lại hay thực đem cái hiến-pháp ấy thi-hành, mới dựng nên được cái thế-lực ngày nay. Từ đấy người Tàu khắp trong triều ngoài dã, kẻ trên người dưới, đều hết sức chạy đi hô-hào lập-hiến, tưởng rằng lập-thành được hiến-pháp, thì quốc-gia có thể giàu-mạnh ngay. Đến bây giờ xem ra thì những cách cử-động như thế, không phải là vô-lý, mà lại kết-quả ra một cách khác người ta không thể lường biết trước được; lúc trước còn vận-động làm theo cách quân-chủ lập-hiến, rồi lại khởi ra cuộc chủng-tộc cách-mệnh; bởi cuộc cách-mệnh lại gây nên cuộc cộng-hòa, do cuộc cộng-hòa lại gây ra

(1) Nguyên-văn của Đao-diệp-quân-sơn 稻葉君山 người Nhật; Thang Hạc-Đật 湯鶴逸 dịch ra Hán-văn trong tập *Đông-phương văn-khố*.

vô-số cuộc nội-loạn. Như là hồi Viên Thế-Khải tưởng rằng cứ lại lập nên đế-chế mà làm, dựng nên cái nền đế-chính cho có thực-lực thì có thể thống-nhất được quốc-gia ; song rút-cục lại cũng không thành công-hiệu gì cả. Lại như cái vấn-đề hiến-pháp, tựu-trung như việc pháp-luật, việc giáo-dục, lúc trước còn mượn người nước ngoài trông coi sửa-sang, thì cũng thấy được có thành-tích xứng-đáng ; từ khi cộng-hòa trở về sau, hết cuộc nội-loạn nọ đến cuộc nội-loạn kia, uy-tín chính-phủ trung-ương, thậm-chí không ra khỏi được ngoài cửa quốc-môn. Thôi thì những việc biên-tập pháp-điển đều bỏ đình-đốn cả, uy-quyền về pháp-luật thành ra mất sạch-sành-sanh. Còn đến như việc giáo-dục thì mấy năm trước ta có hỏi quan Giáo-dục tổng-trưởng là Phạm Nguyên-Liêm rằng : « Xem như quí-quốc về đường phổ-thông giáo-dục thì có phần mỗi ngày một kém ; mà phần đại-học thì càng ngày lại càng thấy thêm nhiều, bởi sao mà lại thế ? » Phạm-thị thấy lời ta hỏi thế cũng biểu-đồng-ý, đối với việc giáo-dục tiền-đồ, cũng tỏ ra ý bi-quan. Tự nay xem ra thì cái ý-kiến hai người bấy giờ nghĩ như thế cũng không sai.

Việc giáo-dục của nước Tàu ngày nay, có thể bảo là vẫn phó-mặc cho các giáo-hội ngoại-quốc họ làm bừa-bãi đi mất cả. Muốn xét chứng-cớ cho rõ, thì cứ vi ngay như quân-đội nước Tàu mà xem thì khả biết. Quân-đội nước Tàu ngày nay rất là hủ-bại, người ta bảo rằng đó là bởi từ khi lập dân-quốc đến giờ, về đường quân-chính bỏ thiếu-thốn nhiều lắm nên mới đến nỗi thế. Nhưng nói như thế còn là thiển-kiến lắm. Cái nguyên-nhân rất lớn là bởi tại cuối đời nhà Thanh đi nhặt-nhạnh bắt-chước lấy những lối binh-chế và quân-chính nước ngoài rồi mới kết-quả ra như vậy. Tuy rằng xưa nay quân-đội nước Tàu vẫn không được kiện-toàn cho lắm ; nhưng cái sự thêm gây ra nền loạn thực là quan-hệ bởi tại các bọn quân-nhân bắt-chước tân-thức ; xem như cái chế-độ các đốc-quân ngày nay thực là bởi cái quân-chế tạp-loạn ấy nó mới sinh ra cái kết-quả tất-nhiên như thế. Những người ngoại-quốc đi qua lại trong nước Tàu vẫn thường than-tiếc cho cái nỗi khổ-não ấy lắm.

Vậy nên nước Tàu với nước Nhật tuy rằng đồng-thời thâu-thái lấy văn-hoa của Âu-châu, hết sức giảng-cầu để cho tự-cường lên, mà kết-quả thì mỗi đàng lại khác nhau lắm, một đàng thì càng ngày càng thêm phú-cường, một đàng thì càng ngày lại càng suy-bại. Chẳng hay cái nguyên-nhân bởi tại đâu ? Uy-nhĩ-sĩ người nước Anh đối với vấn-đề ấy thì giải-đáp rằng : « Cái chế-độ về pháp-chính mà nước Nhật thâu-thái ấy là cái chế-độ của nước Đức, chỉ cốt lấy một hạng người đặc-biệt có giáo-dục, là làm được đến mục-đích. Còn như nước Tàu bắt-chước cái chế-độ nước Mĩ, phải giáo-hóa hết cả toàn-thể quốc-dân mới làm nổi, không phải làm xong ngay được. » Cái thuyết của Uy-thị giải ra như thế, làm cho vô-số người các nước phải chú-ý nghĩ đến ; tỉ với những ý-kiến của các giáo-sĩ truyền-giáo ở Tàu thì vẫn có phần cao-kiến hơn. Nhưng mà cứ như cái thuyết của Uy-thị thì cũng còn chưa được hết ý ; vì là Uy-thị còn chưa chú-ý xét đến bản-chất xã-hội của nước Tàu và xã-hội của nước Nhật ; thế-tất phải biết rõ cái bản-chất xã-hội của hai nước ấy đã rồi sau sẽ bàn đến cái cách hai nước ấy thâu-thái chế-độ của nước Đức hay nước Mĩ hay dở thế nào. Người ta thường bảo rằng dân-tộc Đông-phương thì nước Nhật với nước Tàu nguyên là giống nhau lắm ; kiến-giải như thế thực là sai lầm. Cái thuyết của Uy-thị tuy rằng giúp về sự khảo-sát cho ta cũng nhiều, nhưng cái vấn-đề ta muốn nghiên-cứu bây giờ, thì trước phải xét

cho biết cái cỗi-rễ xã-hội của dân-tộc hai nước ấy sai khác nhau như thế nào.

Giống người hai nước Trung Nhật, dẫu có cái quan-hệ rất thân-cận, nhưng đến cái đặc-chất của xã-hội hai nước ấy thì lại trái khác nhau ; cái nguyên-nhân sở-dĩ khác nhau, tuy rằng có quan-hệ về địa-lý, nhưng cũng còn có quan hệ về lịch - sử nữa. Nước Tau khai - quốc, nguyên là cổ hơn nước Nhật ; nước Nhật dựng nước, tuy nói rằng đã trải hai nghìn năm trăm năm, nhưng cứ thực nói cho đúng ra chẳng qua xuýt-xoát vào độ trước sau kỷ-nguyên Cơ-đốc. Nước Tàu từ trước kỷ - nguyên độ hai thế-kỷ đã chiếm riêng một nơi lĩnh - thổ có phần rộng ngang bằng cả khu đất Âu - châu, mà vẫn thống-nhất ở dưới một cái chủ-quyền ; không những là một nơi kỳ-tích lạ thường trong thế-giới, mà lại đương về thời-đại ấy đã hay sớm thoát-li được cái chế-độ phong-kiến. Xem ngay như Âu-châu ngày nay vẫn tự mệnh là văn-minh, mà thoát-li được cái giảm thúc - phọc của đời phong-kiến, đến nay chẳng qua mới được độ bốn thế-kỷ, mà hiện trong cõi đất Âu-châu bây giờ cái chế-độ phong-kiến ấy vẫn hãy còn ; như là có một bộ-phận bên nước Nga, hiện bây giờ vẫn còn thấy cái cách tổ - chức về đường kinh-tế theo cái lối cũ từ khi còn chế-độ thị-tộc. Nước Nhật-bản cũng thế, từ khi đời Đức-xuyên cải-cách chính-trị, tuy bảo rằng đã bỏ hết cái tinh-thần phong-kiến đi rồi, nhưng cái hình-thức vẫn còn giống như cái chế-độ phong-kiến đời cổ nước Tàu ; cái chế-độ phong-kiến ấy từ nửa thế - kỷ trở về trước, vẫn còn chi-phối cái cách sinh-hoạt của dân nước Nhật. Vậy nên cái tư-tưởng người Nhật ngày nay, nên tiếp gần với tư-tưởng người Tàu, mà lại hóa ra càng ngày càng xa, nên xa-cách với tư-tưởng người Âu, mà lại hóa ra càng ngày càng gần, cái nguyên-nhân cũng là bởi tại thế. Xem như nước Đức bấy giờ là một nước tân-hưng, nước Nhật vì muốn tiến lên con đường duy-tân cho chóng, nên mới bắt-chước ngay nước ấy để làm khuôn-phép.

Người đời đối với những việc ấy thường hay xét lầm, như là người giống trắng chỉ biết rằng châu Âu là có văn - hóa, lại hay khinh-rẻ nước Tàu là nước chưa khai - hóa, đối với cái văn-minh cố-hữu của nước Tau, thì lại hay bỏ qua đi không thèm xem xét chi đến. Gia-dĩ người đời thấy cái kết-quả trận chiến-tranh về năm 27, 28 đời Minh-trị, nước Tàu về phần vật-chất hình-nhi-hạ không có tiến-bộ một chút nào, liền cho ngay cái văn-hóa hình-nhi-thượng của nước Tàu cũng không ra gì ; từ đấy thành ra ít người biết đến nước Tàu, tuy cũng có một vài người tiên-giác, nhưng cũng chẳng qua chỉ nghiên-cứu về « Đông-phương học » một cách nông-nổi, chứ không có thâm-trầm nghiên-cứu cho kỹ.

Nói tóm lại Trung Nhật hai nước sở-dĩ mỗi đàng một khác, là chỉ vì hai nước không có cái xã-hội thích-đáng là thâu lấy văn-hóa Âu-châu. Nước Tàu tuy không có cái xã-hội thích-đáng thâu lấy văn-hóa Âu-châu, nhưng không phải vì thế mà xã-hội nước Tàu là một xã-hội dã-man, là một xã-hội chưa khai-hóa; nguyên xã-hội nước Tàu tiến-hóa đã phát-đạt sớm hơn Âu-châu. Bác - sĩ Đỗ Uy có thường nói rằng: «Nước Tàu là một quốc-gia đã có lịch-sử hùng-vĩ lớn-lao mà phức-tạp đã trải bốn nghìn năm, dẫu lấy trí khôn người Âu Mĩ cũng khó lòng mà giải biết ra cho rõ được». Câu khen ngợi ấy cũng không phải là quá-đáng, chúng ta cứ bình-tâm tĩnh-khí mà xét qua khá rõ. Xem như những vấn-đề mà Âu-châu ngày nay đương ồn-ào bàn xét, thì toàn là

những cái người Tàu đã kinh-nghiệm qua cả rồi, nhưng vì cái lịch-sử nó suy-di như thế, thì rút lại lấy cái gì là cái của người Tàu đã kinh-nghiệm mà xét, đó mới thực là cái vấn-đề rất trọng yếu, chúng ta nên nghiên-cứu, muốn giải-thích cho rõ cái vấn-đề ấy, mà không biết rõ cái thực-tình xã-hội của nước Tàu, thì không thể giải-thích ra cho rõ được.

Người Tàu vốn theo một cái lịch-sử lâu dài nó suy-di mãi mới kinh-nghiệm mãi ra, rồi thành ra quốc-gia với xã-hội mỗi đàng phân ra mỗi ngả. Bởi vì nó phân ra thế rồi thành ra quốc-gia tự quốc-gia, xã-hội tự xã-hội, xã-hội đối với quốc-gia không còn có mong-đợi gì cả, cái tư-tưởng ấy đã in sâu vào trong óc người Tàu. Nguyên trước còn ở về thời-đại chính-trị phong-kiến, quốc-gia với xã-hội, vẫn thường có quan-hệ mật-thiết với nhau; nói đến xã-hội thì coi như là cả toàn-thể quốc-gia ; nếu gác bỏ cái chính-trị của quốc-gia đi mà không nói đến, thì không còn có gì là vấn-đề xã-hội nữa. Xem như trong sách *Luận-ngữ* có bản nói đến đạo-đức trong gia-đình và chính-trị cũng thường nói luôn làm một câu, chỗ nào cũng thế thì khá rõ biết ngay ; vậy nên trong thời-đại ấy văn-hóa với cách sinh-hoạt của xã-hội, không điều gì là không tự quốc-gia phân-tách mà thành ra, chỉ vì sau khi ấy rồi khởi ra cái cách tác-dụng phân-hóa, quốc-gia tự quốc-gia, xã-hội tự xã-hội, mỗi đàng xu-hướng đi một đường, dần dần phát-đạt, mới phân hẳn ra đôi đường đều tiến-hành, suốt đời không khi nào gặp nhau nữa : đôi con đường ấy nó cứ bằng hàng tiến-hành phát-đạt mãi lên, thành ra như con tính về phép kỷ-hà-học cứ bằng hàng thêm mãi lên. Còn như xét về cái thời-đại quốc-gia với xã-hội nó xu-hướng phân ra đôi đường, thì chừng vào hồi độ nghìn năm trở về trước, tức vào độ thời-đại cuối đời Đường đầu đời Tống.

Nhưng chúng ta xét về cái cuộc suy-di trong lịch-sử thì trước nhất phải chú-ý về cái quan-hệ với các họ ngoài. Vì như lịch-sử Ấn-độ thì là người Á-ly-An (*Aryens*) tự đất trung-ương Á-tế-á mới lấn vào cõi lưu-vực Hằng-hà, về thời-đại ấy thì người họ Á-ly-an vốn sẵn có một cái văn-hóa ưu-mĩ ; đương khi ấy về những giai-cấp đệ-nhất đệ-nhị đệ-tam, thì đều thuộc về người ngoại-tộc Á-ly-an chiếm lấy cả ; người thổ-nhân sụt xuống đến giai-cấp đệ-tứ, thành ra bọn nô-lệ. Nước Tàu thì không đến nỗi quá lắm như thế, nhưng cũng có chỗ giống như thế ; đời thượng-cổ tuy rằng không được tường hết, nhưng cũng đã phân-biệt ra hạng người hữu-tính (có họ) với vô-tính (không có họ) tức như là « dân » ; xem như kinh *Thượng-thư* là một sách khởi-thủy chép về hình-pháp của nước Tàu, cứ theo như thuyết Trịnh Huyền thì bảo cái tên gọi là « *Dân* » ấy tức là trỏ về một giai-cấp nô-lệ đó. Về sau đến thời-đại Nam-Bắc-triều phía bắc nước Tàu đều thuộc về người ngoại-tộc ; đương lúc ấy cái chính-sách của người ngoại-tộc họ cai-trị, chỉ cốt cho người Hán cứ làm kẻ nông-phu thuận-tùng mà hay hết cái nghĩa-vụ nộp thuế là đủ rồi, chớ không hà-trách điều gì cả. Đến đời nhà Nguyên nghĩ muốn thống-nhất cả nước Tàu, mới thiết-lập ra nhiều giai-cấp về sắc-mục họ Mông-cổ, bao nhiêu quyền lớn trong chính-trị, đều về trong tay những giai-cấp ấy cả. Có một nhà lịch-sử nói rằng ở về triều nhà Nguyên cái địa-vị chính-trị của người Hán có phần hướng cao lên, nhưng đó chẳng qua là một vài cái đặc-lệ riêng mà thôi ; kỳ-thực người Hán chịu phải những cách đối-đãi rất thảm-khốc ; nước Tàu đương về thời ấy cũng còn mắc cái danh-xưng gọi là « man », cái

tên gọi là «mán» ấy là cái tên người Mông-cổ tặng cho người Trung-quốc đấy. Xem như cái lệ triều nhà Thanh có đặt ra chức Mãn-khuyết với Hán-khuyết, phàm chức gì có lợi-quyền thì đều về trong tay người Mãn cả. Cuối đời nhà Thanh tuy rằng người Mãn đã mất cả uy-quyền, không phải hẳn là như thế cả, nhưng người Hán chẳng qua cũng ở về cái địa-vị trợ-tá mà thôi. Xem thế thì nước Tàu tuy không giống hẳn như nước Ấn-độ có cái chế-độ giai-cấp phân-biệt ra hẳn, nhưng người Hán cũng đã mất cái địa-vị ưu-thắng về đường chính-trị đã lâu, đã dần-dần tập-thành thói quen; khiến cho nhất-ban-nhân tự-nhiên giảm bớt cái dục-vọng về đường chính-trị. Xem như đời Nam Bắc-triều chỉ chuộng thanh-đàm, qui sự hư-vô mà trọng đường phóng-đạt, cho những kẻ cầu-cạnh dự về đường chính-trị là hủ-lậu. Cái thói ấy phát-sinh ra tuy rằng có nhiều cớ, nhưng nguyên-nhân trước nhất là bởi lúc ấy đất trung-nguyên nước Tàu đã bị phải người ngoại-tộc nó giầy-séo, khiến cho người trung-quốc phải chạy dời sang Giang-nam, phiêu-bồng vô-định, mới thành ra chán-nản việc chính-trị. Còn đến như Phật-giáo Đạo-giáo về thời ấy, thì lại càng phát-đạt lắm, đều không ngoài cái nguyên-nhân ấy cả. Nhưng đó là cái vấn-đề thuộc về tư-tưởng, đối với cái vấn-đề chúng ta muốn nghiên-cứu về cách tổ-chức xã-hội của nước Tàu, chẳng qua là gián-tiếp mà thôi. Vả chúng ta muốn khảo-sát là muốn xét về cái hồi người ngoại-tộc nó mới vào xâm-lấn nước Tàu, cùng cái quan-hệ với chủ-nghĩa gia-tộc; mà muốn khảo-sát về những điều quan-hệ ấy nó phát-đạt thế nào, thì trước phải hiểu biết cái phổ-hệ-học của nước Tàu.

Thế nào là phổ-hệ-học? là học xét về bản-đồ thế-hệ của các họ; mà nghiên-cứu về thế-hệ, cốt là để phân-biệt các họ ra xem họ nào sang họ nào hèn. Đời Tống ông Âu-Dương Tu 歐陽修 biên-lập sách *Đường-thư*, có làm ra một thiên *Tể-tướng thế-hệ-biểu*; cái biểu thế-hệ ấy tức là cái bản-đồ về các dòng quan Tể-tướng. Xem như sách *Đường-thư* thì suốt một đời nhà Đường rất là hay tranh-luận về cái vấn-đề dòng-dõi phổ-hệ, xem thế thì biết rằng phổ-hệ-học tuy không trước tự đời Đường, nhưng trong đời Đường thì đã cực thịnh; vì rằng đời Đường là nối sau khi các họ ngoại-tộc nó vào làm chủ trung-quốc, đã quen thói tự đời trước kéo dài mãi ra, vậy nên khi ấy chính là cái thời-đại phổ-hệ-học rất phát-đạt.

Phàm những lúc phổ-hệ-học thịnh-hành, tức là cái thời-đại về các thị-tộc uy-quyền hiển-hách lắm. Nói về nước Nhật thì chính vào cái thời-đại Đằng-nguyên-thị đương thịnh; nói về nước Tàu thì cái thời-đại ấy đương vào độ đời nhà Tần trước; nhân khi ấy phép làm lịch đã phát-đạt, nó làm cho cái cách học về phổ-hệ lại càng chóng tiến-bộ. Vậy nên đồ-biểu về phổ-hệ chẳng qua là làm cho rõ cái dòng-dõi của các họ, có thể nhờ đó mà làm cái thủ-đoạn để giữ vững cái dòng thế-tập của mình. Nhưng đến đời Nam Bắc-triều thì cái tính-chất về phổ-hệ-học lại khác trước; xem như *Sử-ký* về truyện Trần Thắng, Ngô Quảng, hai người ấy đều khởi thân từ kẻ làm thuê, nhân lúc cuối nhà Tần rối loạn, cũng dựng cần khởi lên để hiệu-triệu thiên-hạ (như thế thì vương hầu tướng tướng cũng chẳng có dòng giống nào cả. Lại như vua Hán Cao-tổ lại càng xuất-thân hèn-hạ lắm, tính-thị cũng chẳng rõ ra sao cả. Bởi vì từ đời nhà Châu sau khi các chư-hầu mất nước đi rồi thì cái chế-độ thị-tộc đã đổ nát mất cả cỗi-rễ, giai-cấp trong xã-hội đã tiêu-diệt vô-hình đi lúc nào rồi. Vậy nên các nhà làm sử rất là chú-ý về cái khi vua Hán Cao lên ngôi, vì

ông ấy khai dòng-dõi vốn là kẻ áo vải mà ra làm tướng thế, thì không kể giai-cấp gì nữa. Nhưng từ khi nhà Hán mất đi rồi, qua đời Tam-quốc cho đến đời nhà Tấn, cái cách học xét về phổ-hệ đồ-biểu lại đột-nhiên phát-đạt. Nhà Đông-Tấn cách đầu đời Hán chừng vào độ sáu bảy thế-kỷ, thế mà lúc đời Đông-Tấn đã sinh ra cái giai-cấp *sĩ* với *thứ* sai cách nhau. Đương lúc ấy coi cái giai-cấp sai-biệt ấy rất lấy làm trọng, hình như thiên-kinh địa-nghĩa không thể xâm-phạm được ; mà trong bọn sĩ-tộc ấy lại có một hạng qui-tộc, như là cái biểu thế-hệ chép ở trong sách *Đường-thư* ; lại còn chia ra thượng-phẩm với hạ-phẩm, như câu nói rằng : « Hạng thượng-phẩm thì không có kẻ hèn, hạng hạ-phẩm thì không có họ sang. » Ai cũng phải thán-tức về điều ấy. Chẳng hay sau khi cái chế-độ thị-tộc đã suy-đồi đi rồi, làm sao lại sinh ra cái hiện-tượng ấy, hình như không thể hiểu ra được ; cái nguyên-nhân không thể hiểu được ấy, là bởi tự trên cuộc lịch-sử nó suy-di. Mà cái nguyên-nhân cốt-yếu là vì cái quan-hệ về bọn ngoại-tộc nó vào xâm-lấn nội-địa nước Tàu. Các ngoại-tộc họ xâm vào nội-địa nước Tàu, làm hiếp-bách cái gia-tộc-chủ-nghĩa của người Hán, khiến cho phải phát-đạt một cách đặc-biệt lên. Trong bọn ngoại-tộc ấy ta rất nên chú-ý về họ Thác-bạt 拓拔 đời Bắc-Ngụy. Họ Thác-bạt vốn là dòng họ Đông-hồ nước Tiên-ty, mới dựng nước ở tỉnh Sơn-tây, rồi thiên-đô đến đất Hà-nam, sau mới dựng cờ ở cõi trung-nguyên. Những đồ di-vật trứ-danh ở Long-môn, tưởng cũng là những vật-phẩm chế ra tự thời-đại ấy. Trong họ Thác-bạt có vua Ngụy Văn-đế thực là một ông vua rất chú-ý xét đến văn-hóa người Hán-tộc, từ sau khi thiên-đô đến đất Lạc-dương, thì liền chỉnh-đốn lại các tính-thị người trong nước, đồng-thời cấm không được dùng theo quốc-tính, mà đổi theo họ Hán, như là họ Thác-bạt thì đổi làm họ Trưởng-tôn 長孫, họ Ngột cốt 乞骨 thì đổi làm họ Hồ 胡, đại-loại như thế. Đến Ngụy Thu 魏收, làm sách *Ngụy-thư* mới nhân theo đó làm ra một thiên *Quan-thị-chí* 官氏志 để cai-quát hết cả. Từ đời Đông-Tấn trở về sau, các ngoại-tộc vào làm chủ nước Tàu dẫu nhiều, mà chưa có đời nào mưu định kế-hoạch như đời vua Ngụy Văn-đế. Từ khi cái kế-hoạch ấy thành công rồi, người Hán phải chịu uy-hiếp, dần-dần mất cả cái địa-vị ưu-thắng về đường chính-trị ; rồi thành ra ỷ-lại, chỉ tranh nhau ở trên cái địa-vị xã-hội ; muốn tăng cao cái địa-vị xã-hội lên phải xướng lên cái chủ-nghĩa gia-tộc để chống giữ cho vững, đó cũng là một cái thủ-đoạn cần phải ứng-phó. Còn đến như cái phương-pháp thì người Hán-tộc phải có một cái cách tổ-chức nhất-định, vì thế phổ-hệ-học mới lại thành ra phát-đạt.

Ta xét kỹ cái cuộc lịch-sử nó suy-di thì biết đời Lục-triều cái gia-tộc-chế-độ thực khác với đời nhà Châu : Qui-tộc đời nhà Châu tức là bậc trưởng-giả trong sĩ-tộc ; mà nhà vua với chư-hầu đều có thể cho người họ tự-tiến bày lên hàng qui-tộc ; còn như vinh-tước thì đều phải nguồn gốc tự nhà vua ; nhưng từ khi phổ-hệ-học phát-sinh ra rồi thì dòng qui-tộc nước Tàu lại không như trước nữa ; cái danh-nghĩa qui-tộc lúc bấy giờ không phải là dòng họ quan của nhà nước, không có can-thiệp gì đến việc chính-trị ; cái địa-vị qui-tộc của họ không phải là do đấng thiên-tử và nhà vua ban cho họ, nên họ cũng không sợ bị phải nhà-nước cướp mất ; bọn họ vẫn tự-phụ lấy cái địa-vị chí-tôn trong xã-hội, dám kháng-nhân với đấng thiên-tử mà không chịu nhường ; những cái chứng-cứ ấy cứ xét như đời Nam Bắc-triều thì khá rõ, cái nguyên-nhân là vì người

ngoại-tộc vào làm chủ đất nước Tàu. Vả lại xét lịch-sử thì nước Tàu về phía nam nhà vua vẫn coi họ ngoại-thích là quí-tộc, mà lấy họ ngoại-thích để làm phên rào cho nhà vua. Nước Tàu về phía bắc thì không như thế, như họ Lư 盧 ở Phạm-dương họ Lý 李 ở Lũng-tây, họ Trịnh 鄭 ở Huỳnh-dương, hai họ Thôi 崔 ở Thanh-hà Bắc-lăng, và họ Vương 王 ở Lang-gia, đều là những họ có danh-tiếng trong các thị-tộc. Dầu thiên-tử lúc bấy giờ đem con gái gả cho cũng không thèm ; cứ theo một nhà sử-gia xét ra thì đời Bắc-Ngụy hai-mươi-nhăm bà hoàng-hậu có đến mười-một người xuất-thân tự dòng Hán-tộc, mà tựu-trung không có một người nào là dòng quí-tộc cả, xem thế thì biết cái quan niệm về chủng-tộc của họ ; dầu quí đến dòng-dõi bậc thiên-tử, mà thân-phận đã không hợp thì cũng không cùng thông-hôn, đó thực là một cái phong-thói các họ danh-tộc ở phía bắc nước Tàu.

Cái phong-thói ấy không giống với nước Nhật-bản, nước Nhật thì quyền cho vinh-tước là tự nhà nước, nhà nước tức là cái nguồn gốc vinh-tước. Bên nước Tàu thì quan-giai với phẩm-cấp là cái vinh-tước của quan-lại mà phụ-thuộc về thiên-tử, nhưng không thể lấy thế mà bắt cả xã-hội phải theo, ở trên xã-hội vẫn tự có một cái vinh-tước riêng. Như là trên kia đã kể ra các cự-tộc như các họ : Thôi, Lư, Lý, Trịnh, cái quyền dữ-đoạt là bởi tự xã-hội chứ không phải ở tự nhà-nước ; cũng có lúc nhà-nước đem tước-vị trao cho họ, tuy rằng họ không cự-tuyệt, nhưng họ cũng không lấy thế làm vinh. Khi ấy các nhà làm sử vẫn đã chú-ý xét về việc ấy, xem như Nam Bắc-triều lịch-sử thì biết đời Nam Bắc-triều không hay sinh-xuất ra những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ ; mà có sinh ra kẻ trung-nghĩa nữa phần nhiều là tự trong bọn hàn-sĩ ; kẻ hàn-sĩ vốn không có thân-phận gì chợt một cái được cảm-ơn tri-ngộ, nên cũng không tiếc gì liều mình hết bụng trung ; đến như bọn quí-tộc với các nhà môn-phiệt, không những là cho sự liều mình với nhà vua là dại, lại còn mong nhà vua đổ nát đi cho sớm; vì mỗi một lần nhà vua mà đổ nát đi, thì cái địa-vị của họ lại nhân đó mà tăng cao thêm lên.

Lại xét xem sách Đường-sử về các dòng-dõi quí-tộc ở phương bắc, có lắm sự rất thú-vị, như là việc vua Đường Thái-tôn có sai quan đại-thần là Cao Sĩ-Liêm biên-tập lại cái đồ-hệ về tính-thị cả toàn-quốc, đến khi làm xong dâng lên vua xem, thì hàng-liệt thứ-tự vẫn theo cái lệ cũ là Thôi, Lư, Lý, Trịnh ; họ Lý vốn là quốc-tính họ nhà vua Đường, mà kể về địa-vị trong xã-hội thì họ Lý lại ở dưới họ Thôi họ Lư ; xem thế thì biết khi bấy giờ dầu lấy hiến-pháp nhà vua cũng không biến đổi được cái địa-vị nguyên-lai của xã-hội. Lại tiến lên một tầng nữa mà xét, thì họ Lý 李 nhà Đường dầu cùng là họ Lý, nhưng có phải thuộc về họ Lý ở Lũng-tây không ? điều đó cũng chưa dám chắc. Cứ như lời thầy Chu-tử thì dòng-dõi họ nhà Đường vốn nguồn-gốc tự rợ di-địch. Vì thế vua Thái-tôn không lấy làm bằng lòng, lại sai phàm quốc-tính thì toản-thuật riêng ra. Tuy rằng sách kỷ-lục của triều-đình có thể đổi đi được, nhưng đến như địa-vị trong xã-hội thì vẫn không thể đổi được ; như là đời vua Cao-tôn mệnh cho con vua cầu-hôn với nhà họ quí-tộc, mà bị phải nhà quí-tộc họ cự-tuyệt ; vua Cao-tôn tức giận mới sai các quan đại-thần không được thông-hôn với các nhà quí-tộc, cái mệnh-lệnh ấy công-bố ra gọi là lệnh « Cấm-hôn-gia ». Nhưng cái mệnh-lệnh ấy cũng không có hiệu-quả gì cả, lại làm cho thêm cao cái danh-dự các nhà quí-tộc lên ; mà nhà các quan đại-thần vẫn cùng các nhà

qui-tộc thông-hôn ngầm với nhau, để mong chiếm lấy cái địa-vị cao trong xã-hội. Sau đến đời vua Văn-tôn cũng thế, vua Văn-tôn có mệnh hoàng-nữ cho hạ-giả lấy một người trong họ qui-tộc, cũng bị phải qui-tộc họ cự-tuyệt; Văn-tôn than rằng: « Họ nhà ta đã hai trăm năm làm vua thiên-hạ, lại không bằng họ Thôi họ Lư hay sao! » Xem thế thì biết suốt đời nhà Đường uy-quyền nhà qui-tộc cũng hách thật. Ở bên Nhật-bản đương cái khi quyền thiên-tử không hay sai khiến được qui-tộc, là bởi qui-tộc cậy là họ ngoại-thích; nhưng ở bên Tàu thì không thế, các nhà qui-tộc lại tự khoe-khoang mình là không phải họ ngoại-thích mới là danh-giả.

Xem như cái thuyết trên này thì xã-hội nước Tàu là một xã-hội phóng-khí cả chính-trị; cái nguyên-nhân ấy rất có quan-hệ làm cho cái cách chính-trị độc-đoán lại càng phát-đạt.

Đương đời nhà Hán lúc qui-tộc chính-trị thịnh-hành, thì chính-trị nước Tàu cũng có phần chỉnh-đốn; cái nguyên-nhân sở-dĩ chỉnh-đốn được là nhờ về thực-lực của địa-phương sung-túc, tuy rằng ác-chính thi-hành ở trung-ương, nhưng địa-phương có thể xuất-lực mà để-kháng lại được. Lúc bấy giờ chú-ý nhất là cái quyền nhiệm-mệnh các quan địa-phương; ở về đời Hán cái quyền thừa-nhận các quan địa-phương, tuy rằng vẫn tự trung-ương cầm quyền, nhưng ngoài cái lệ đặc-biệt ra, phàm dùng người vẫn lấy người bản-quận làm hạn. Cứ xem cả toàn-thể dân-tộc nước Tàu, thì cái chính-thể hợp lẽ ấy nếu cứ làm theo mãi, chắc là được cái kết-quả tốt-tươi; song vì còn giữ cái giai-cấp qui-tộc, nên một đàng lại khởi lên cái vấn-đề xã-hội (như là những việc kiêm-tính đất cát), một đàng thì làm trở-ngại chủ-quyền của nhà nước khó phát-đạt (như những việc quan-hệ đối với nước ngoài), bởi vậy những người cầm quyền-chính có thế-lực lúc bấy giờ, đã từng cố sức làm cho giảm-tước bớt cái quyền-lực của địa-phương đi. Xem như thế thì lịch-sử chính-trị của nước Tàu, tức là là một bộ lịch-sử chỉ tranh-đấu về giai-cấp.

Cái hi-vọng làm cho giảm-tước bớt quyền-lực của địa-phương, thì nhất là đời Tùy Văn-đế. Từ khi Văn-đế xuống tờ sắc mệnh cho các quan địa-phương khi đi phó-nhiệm không được đem theo quyến-thuộc, và đồng-thời qui-định cho các quan-lại phải theo cái cách địa-phương tập-quyền, ba năm một lần phải hoán-cải, cái pháp-luật ấy đã một hồi thịnh lắm, thậm-chí có lệ rằng hễ người nào làm quan mà gặp khi bố về gần quê nhà thì phải hồi-tị. Đến đời Thanh đời Minh lại có phần nghiêm-ngặt hơn nhiều, tinh-thần của pháp-luật ấy chỉ cốt khiến các quan địa-phương bỏ hẳn cái quan-niệm về hương-quán, vẫn đành là có hơi bớt được cái tệ người địa-phương lũng-đoạn mất chính-quyền, nhưng cái chính-trị độc-đoán lại nhân đó mà phát-triển ra không còn sót một tí gì; tuy rằng đôi ba khi cũng có giảm bớt được cái ác-chính đi, nhưng mà kẻ quan-lại thì chẳng khác gì như anh đi đường, mà các nha-thự thì không khác gì nhà lữ-quán; vì ngôn-ngữ bất-thông, phong-tục không hiểu, mà các quan-lại nhiệm-chức thì lại tâm không nhất-định, đi làm quan hình như đi đến nơi dị-vực; vả lại nhiệm-kỳ cũng không được quá ba năm, mới đến phó-nhiệm một cái đã tính đường về, xưa nay không mấy người chịu chú-ý đến dân-chính. Chẳng qua chỉ chú-ý về việc trưng-thu thuế-má, nếu hay thu được dư chừng nào thì để đút vào tư-nang cho đầy.

Như trên đã nói cũng chưa hết được cái tệ-hại, cứ xem như kẻ quan-lại mà không hiểu tình-hình nơi mình

cai-trị, thì hình như là không xâm-lạm được phần lợi-ích của địa-phương, nhưng xét đến sự-thực thì khác hẳn; khi các quan mới đến phó-nhiệm, tất phải trước sai-khiến những kẻ tư-lại (những kẻ sành-sỏi tinh-quái về đường chính-trị) để làm tiên-khu; mà tội-ác của những kẻ tư-lại ấy thì ai đã đọc qua sử Tàu đều hiểu biết cả, không cần phải kể ra đây làm gì nữa. Tóm lại thì những kẻ quan-lại mà đã không hiểu tình-hình nơi mình cai-trị, thì thế-tất phải nhờ đến kẻ tư-lại làm chảo-nha; mà kẻ tư-lại cũng lợi-dụng được những ông thượng-quan ngờ-nghệch, để lừa-lọc mưu-tính cho đầy túi tham; cái cảnh-tượng chính-trị độc-đoán ấy, không phải chỉ một vài thế-kỷ mà thôi, từ đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh đời nào cũng như thế; vậy nên quốc-gia dẫu đổi họ nọ đến họ kia luôn-luôn, mà cái nếp chính-trị của các bác tư-lại vẫn không biến-đổi chút nào; Diệp Thủy-Tâm 葉水心 bảo rằng: « Quan thì mất cái nếp phong-kiến đi rồi, mà kẻ lại vẫn giữ cái nếp phong-kiến», thực có như thế; tuy rằng quan vẫn tự-mệnh là cha mẹ dân, mà kỳ-thực thì dân vẫn coi quan như hùm beo vậy.

Bởi cái cuộc suy-đi lâu đời như thế, khiến cho nhân-dân đối với việc chính-trị đều sinh ra lòng nản-sợ lẳng-trốn, vì cái thói nản-sợ lẳng-trốn ấy rồi thành ra nhạt-nhẽo, không còn quan-thiết gì đến cả; làm người dân chỉ biết rằng chính-trị là cái chức-nghiệp của nhà chính-trị, chứ chính-trị không có thể làm phúc-lợi cho dân được, chỉ làm ác-hại cho dân mà thôi; chính-trị là tiêu-cực chứ không phải là tích-cực. Ta đọc qua các lịch-sử không cứ nước nào, hễ thi-hành ác-chính thì thường hay thúc-giục làm cho nhân-dân nổi lên phản-kháng; hễ càng thêm ác-chính ra bao nhiêu, thì cái lòng dục-vọng về chính-trị của nhân-dân lại càng thêm cao lên; nước Tàu thì không thế, hễ càng thêm ác-chính, thì nhân-dân lại càng thoát ra ngoài vòng chính-trị. Vậy nên chính-trị triều nhà Nguyên tuy rằng hủ-bại đến cực-điểm, thế mà đến khi đánh đổ nhà Nguyên lại không phải tại nhân-dân, là tại bọn thổ-phỉ ở An-huy; triều nhà Minh cũng vậy; khi đánh đổ nhà Minh không phải tại dân Mãn-châu, là tại bọn lưu-khấu Lý Tự-Thành; nhà Thanh mà được thiên-hạ không phải lấy của nhà Minh, là lấy ở trong tay Lý Tự-Thành; cứ xem như thế thì những cuộc chính-trị cách-mệnh của nước Tàu xưa nay, dân Tàu vẫn không tham-dự chi cả. Người đời Nguyên là Gia-luật-sở-tài có nói: « *Hưng nhất lợi bất như trừ nhất hại.* » Câu nói ấy nhân-dân ai cũng biểu-đồng-tình. Cứ xét như các địa-phương thì biết xã-hội nước Tàu đối với chính-trị quan-hệ như thế nào. Tóm lại thì xã-hội người Tàu là một xã-hội phóng-khí cả chính-trị; cứ nói về phương-diện chính-trị thì đã bị phóng-khí rồi. Bên Âu-châu về đường văn-minh tuy có phần tiến-bộ, nhưng rồi cũng giống như nước Tàu, chính-trị với xã-hội rồi cũng dần-dần phân-li ra, cũng chưa biết chừng; nhưng hiện bây giờ thì chưa đến nỗi như thế. Như trên kia đã nói thì nước Tàu nước Nhật tuy rằng đồng-thời thâu lấy văn-minh Âu-châu, nhưng kết-quả thì mỗi đàng một khác, cái nguyên-nhân sở-dĩ khác ấy tuy rằng bởi tại nhiều cớ, nhưng một cái cớ là tại xã-hội hai nước, một đàng thì nên thâu lấy văn-minh Âu-châu, một đàng thì không nên thâu lấy văn-minh Âu-châu, đã đủ chứng rõ ra đấy rồi.

Thứ ba xét đến những điều tác-dụng về phương-diện văn-hóa, cũng có quan-hệ ít nhiều. Văn-hóa nước Tàu nguyên chỉ lấy nhà vua làm trung-tâm, rồi lần-lượt mới giáo-hóa cho dân-chúng; cái chỗ mà nhà vua đóng đô gọi là nơi quốc-đô, thường bị phải các họ ngoại-tộc nó xâm-lấn vào, những kẻ bầy-tôi

trong triều bất-đắc-dĩ phải giữ lấy văn-hiến nhà vua mà tán-lạc đi bốn phương, những nơi mà tán-lạc đến ở ấy rồi cũng biến-thành một nơi tân-văn-hóa phát-sinh; cái lệ ấy đã thấy từ đời Chiến-quốc trở về trước; trên kia đã nói cái đời Ngũ-Hồ lấn vào nước Tàu, chính là một cái cơ-hội rất tốt cho văn-hóa phương bắc nước Tàu tràn sang phương nam; vậy nên nước Tàu mỗi một lần nội-loạn, thì văn-hóa lại nhân khi ấy thoát-ly cái đường chính-trị trung-tâm, mà tán-bố ra xã-hội; kết-quả rồi thành ra không có can-thiệp gì với chính-trị cả, mà tự phát-đạt một mình. Cái lệ về triều nhà Thanh tuy rằng có khác, như những nơi quốc-đô phụ-cận tuy đã từng trải đến ba trăm năm, mà không hay sinh-xuất được mấy người học-giả; trong mười phần đến tám chín phần là những kẻ học-giả sản-xuất tự đất Giang Tích; Giang Tích là nơi học-vấn trung-tâm, mà lại cốt ở cách học chất-phác, phần nhiều là các phái gia-học; đến như các nghệ-thuật cũng thế. Cái nguyên-nhân ấy tuy rằng bởi đất Giang Tích giàu thịnh, văn-hóa thông sớm, nhưng cũng thực bởi xã-hội sớm phân-ly với đường chính-trị, tự gây nên cái phong-thói « vị đạo học mà phải đi học »; cái hiện-tượng ấy các nước khác cũng giống như thế nhiều.

Còn như quan-hệ với đường chính-trị thì thuộc về nhà học-hiệu. Xét lịch-sử đời cổ nước Tàu, mới đặt ra cái chế-độ khảo-thí để kén người dùng làm quan-lại, thì thực trước tự đời vua Hán Vũ-đế (vào khoảng trước kỷ-nguyên 130 năm). Trong thế-giới không có cách thi nào cổ hơn cái chế-độ khảo-thí ấy. Đương đời vua Vũ-đế là cái thời-đại các quí-tộc rất là toàn-thịnh, từ khi có cái chế-độ khảo-thí ấy, thì mới hơi có cái hiệu-lực kén-dùng những kẻ nhân-tài ở chốn thảo-mao. Song từ khi cái chính-trị độc-đoán phát-đạt lên, thì cái chế-độ khảo-thí ấy lại thành là cái cơ-quan cho kẻ gian-hùng thao-túng kẻ nhân-tài; mà cái nội-dung thi-cử lại chỉ lấy thơ-phú bát-cổ làm kim-khoa ngọc-luật, còn đến học-vấn và thảo-hạnh đều không hỏi đến cả, chỉ cốt là người nào tài văn bát-cổ, giỏi nghề thư-pháp thì là được đỗ cao; học-trò mà đã được đỗ đến cao-khoa, thì thế nào là triết-học của đạo Khổng đạo Lão, thế nào là chế-độ của các tiền-triều, phàm những điều học-vấn cốt-tử về chính-trị đều gác bỏ đi không nhìn đến nữa. Cố Viêm-Võ 顧炎武 nói có mục-kích cái trạng-huống học-giới cuối đời Minh, ông nói rằng: « Khi nhỏ đọc sách *Tứ-thư* vẫn phải đọc cả chính-văn và tập-chú cho kỹ; về sau này ta thấy các học-trò thường bỏ cả tập-chú mà không đọc; đến như tham-khảo học-thuyết của các nhà để khảo-cứu sự đắc-thất thì lại tuyệt không có người nào lưu-ý đến cả; thậm-chí có người không biết *Thập-tam-kinh-chú-sớ* là cái gì cả. » Xem thế thì biết cái chế-độ khảo-thí khi ấy nó lưu-độc ra như thế, và biết cái tâm-lý học-trò bấy giờ rất là kém hèn. Cố-thị lại có viết ra một tập *Nhật-tri lục*, có một đoạn nói về cách sưu-kiểm, kể ra những cái thói học-trò bấy giờ đi thi, lắm cách giả-dối, làm cho quan trường phải ứng-phó không xiết, phải đặt ra nhiều cách sưu-kiểm để tra xét học-trò. Thư Nguyên-Dư 舒元輿 cũng thường nói: « Xưa nay các người cống-sĩ chưa có bị khinh rẻ như bây giờ; các quan Công Khanh Tể-tướng cũng tự cống-sĩ mà ra, mà kẻ hữu-tư dám coi như kẻ bộc-lệ, nào là quanh trường rào gai, để phòng học-trò làm gian-trá, như thế không phải là cách cầu kẻ trung-trực. » Lại nói: « Quốc-triều thi học-trò thực là xét cùng đến chốn u-ẩn, không sót một tí gì; mà kẻ học-trò thì trần đầu sắn vế xô nhau vào

trường thi, bởi thế tiên-bối có người vất bút mà bỏ ra không thèm thi nữa ; tuy rằng thế, mà cái thói gian-giảo đâu đâu cũng có, phép thi càng nghiêm mà kẻ phạm phép lại càng nhiều. » Xem thế thì biết càng xét-nét bao nhiêu học-trò lại càng thêm cái thói trá-ngụy ; cái thói thi-cử trá-ngụy ấy tự đời nhà Đường đã có, thực đáng kinh sợ.

Ấy cái cách học-vấn như trên kết-quả chỉ làm cho nhà chính-trị lợi-dụng; mà học-trò khi ở trong trường học, lại học những cách không phải là đem ra ứng-dụng, chẳng qua chỉ học những lối văn-bài đem ra ứng-thí mà thôi. Thậm-chí Khổng-giáo là cốt dạy cho người ta trí-tri cách-vật, và cái qui-mô trị-quốc bình thiên-hạ, lớn đến những điều cốt-yếu về chính-trị, nhỏ là những điều để tu-dưỡng nhân-cách, rất là rộng-rãi, từ khi bị phải nhà chính-trị họ lợi-dụng, thành ra người đời lại chê cả Khổng-giáo cho là một cách học để đi thi ; đến ngày nay nước Tàu đã bỏ hẳn cách khảo-thí ấy đi rồi, nhiều người đã xướng lên giải-phóng cho Nho-giáo, cũng là cái lẽ đương-nhiên vậy.

Cách học-vấn nước Tàu những đời gần đây đã thực là thoát-li cái quan-hệ về đường chính-trị, cái nguyên-nhân cũng bởi đó. Xem cách khuynh-hướng như thế, thì chỉ cốt vận-động văn-hóa cho chốn dân-gian, từ bấy giờ lại do dân-gian lập ra các nhà học, như tự đời nhà Tống đến bây giờ. Hồng-Mại 洪邁 là người Nam-Tống trong bài *Dung-trai tam-bút* có kể một đoạn như sau này :

« Năm Thái-bình-hưng-quốc thứ năm, cho đồng-chủ Bạch-lộc đất Giang-châu là Minh khởi làm chức chủ-bạ Bao-tín ; đồng Bạch-lộc nguyên ở phía nam núi Lư-sơn, ở đấy thường tụ học-trò đến vài trăm người để cùng giảng học ; từ khi Lý Dục lập-quốc mới cắt cho đồng ấy và mươi khoảnh ruộng tốt, rồi lấy thuế ruộng để làm lương cấp cho học trò ; lại tuyển những kẻ thông-kinh trong nhà thái-học cho coi việc đồng ấy, hàng ngày giảng-tập cho học-trò; từ khi Minh Khởi bàn đem ruộng ấy nộp trả quan, vậy nên mới cho Minh Khởi ra làm Chủ-bạ ; đồng Bạch-lộc từ đó mới bỏ dần đi không ai giảng học nữa. Năm Đại-trung-tường-phù thứ hai, người dân phủ Ứng-thiên là Tào Thành nhân nơi ở cũ của Thích Đồng-Văn ở đất Sở-khâu dựng ra năm mươi gian nhà học-xá, họp và nghìn quyển sách-vở, đón các sinh-đồ đến giảng-tập rất đông; quan phủ mới tâu việc ấy lên vua, vua mới xuống chiếu cho biển gọi là « *Ứng-thiên-phủ thư-viện* », sai quan lễ-bộ-lang là Thích Thuấn-Tân chủ việc giảng học ở đấy, lại cho bản-phủ đề-cử Tào Thành làm chức trợ-giáo. Từ đời nhà Tống khởi lên các phủ huyện đều có nhà học là bắt đầu từ đấy. Về sau ở Đàm-châu lại có nhà Nhạc-lộc-thư-viện, đến năm Khánh-lịch lại xuống chiếu cho các châu quận đều đặt nhà học, đặt quan giáo-thụ, hợp nhà thư-viện lại làm một. Nay còn nhà học ở Nhạc-lộc, Bạch-lộc đều nuôi học-trò giảng-tập, cái cách tôn-trọng lễ-mạo và cấp lương cho học-trò, có phần hậu-đãi hơn các ông tiến-sĩ. »

Xem những truyện trên ấy thì biết rằng đời Bắc-Tống những nhà học bởi quan lập ra, nguyên là bắt-chước các nhà tư-thục cuối đời Ngũ-đại, trước còn là tư-thục của dân-gian, đến khi phát-đạt lên, Chính-phủ mới nhân đó đổi làm nhà học công, như là những nhà học ở Bạch-lộc, Nhạc-lộc vậy. Song từ khi nhà tư-thục đổi làm nhà học công thì cái cách học-vấn lại không chuyên ở nhà học-hiệu nữa, nhà học hiệu lại thành ra một nơi trường thi để khảo-thí học-trò. Vương An-Thạch 王安石 ở đời Tống đã từng sửa-sang chỉnh-lý

lại, nhưng về sau cũng vô-hiệu, lại nhân vì sửa-sang mà làm thêm hủ-bại ra. Xem như lời Hồng Mại vừa nói trên đó, thì từ khi nhà tư-thục đổi ra làm nhà học công, mà làm sao các nhà học ở Bạch-lộc Nhạc-lộc, lại nổi lên được, cấp lương và tôn-trọng học trò lại hậu hơn nhà học công, xem thế thì biết cái cách học-vấn lúc bấy giờ, cũng bởi cái đại-thế từ nhà học-hiệu phân-li ra vậy. Xem đó lại càng rõ cái cách học-vấn khi ấy không quan-hệ gì với cái cách thi-thiết của nhà học công mà vẫn tự-nhiên tiến-bộ lên mãi.

Khi ấy có ông Chu Hi 朱熹 thực là một bậc thạc-học đệ-nhất về sau đời Khổng-tử, nhưng mà cách sinh-nhai của ông rất là bần-bạc, làm quan chỉ đến chức chủ-bạ ở Đồng-an, và chức Tri-sự ở Nam-khang, bổng-lộc rất bạc có được là mấy; nhưng khi bấy giờ nhiều người mộ theo học-vấn ông ấy, chẳng nệ gì xa nghìn dặm lũ-lượt đến theo học; đó là cốt lấy nhân-phẩm làm trọng mà học cho thành nhân-cách, chứ không phải học để đi thi; từ đời Tống đời Nguyên cho đến đời Minh đời Thanh vẫn xu-hướng về cái học-phong chỉ cốt đến chất-chính người hữu-đạo mà học cho giỏi. Ngoài ra người Tàu thì chỉ biết rằng đặt ra nhà học-hiệu là chỉ cốt làm nơi khảo-thí, mà chính là nơi tiếp-kính về đường lợi-lộc, chứ không phải nơi chân-chính để khảo-cứu về đường học-vấn; cái nơi chân-chính khảo-cứu về đường học-vấn lại ở về các nhà tư-thục kia, ai mà muốn xét về học-vấn cho tinh-thâm, thì tất phải tìm đến nhà tư-thục mà học mới được.

Nước Tàu từ khi cái cách học-vấn nhà trường công không bằng nhà tư-thục, rồi nó dần-dà thành ra cái nền giáo-hóa chốn dân-gian, dân-tộc nước Tàu sở-dĩ tấn-tới cũng nhờ về đó. Vậy nên từ đời Tống Nguyên đến nay, quốc-gia dầu thay đổi họ này đến họ khác luôn luôn, quốc-dân cũng thường bị phải lưu-li thất-sở, thế mà về đường học-vấn truyền-thụ vẫn tiến-bộ lên chiếm được cái địa-vị cao; đến triều nhà Thanh đường học-vấn tiến-bộ mới lại càng kinh, cái nguyên-nhân ấy là bởi tại nền học-vấn đã kết-quả thành ra dân-chúng-hóa cả rồi. Trước-giả thường đối với những người học-giả đời nhà Thanh, thấy các ông ấy hay làm trọn-vẹn được những sự-nghiệp của các vị tiên-nho đời Tống đời Nguyên, thì rất lấy làm cảm-động và kính-ngưỡng lắm.

Lại xét xem cái cách giáo-dục từ cuối đời nhà Thanh cho đến bây giờ, chính-phủ Tàu vẫn thường hết sức để cải-cách; nhưng chỉ thâu lấy cái chế-độ giáo-dục của nước ngoài rồi đem biến-cải bề ngoại-diện đi, chớ sự-thực thì không có kết-quả gì cả, đến bây giờ thì lại hãm về đường hắc-ám lắm, đó tuy bởi tại tài-chính quẫn-bách và cảnh quân-phiệt kiêu-hoành nó làm vạ lây đến cả giáo-dục, nhưng cái nguyên-nhân cốt-tử thì chính bởi tại cái ảnh-hưởng cuộc suy-đi trên lịch-sử, xưa nay nhân-dân đối với các trường học quan lập ra, là trường học theo tân-thức ngoại-quốc, vẫn không có trông mong được điều gì; cho rằng trường học quan-lập ấy là do các quan-lại và cảnh quân-phiệt họ bày ra để giàng-buộc lấy nhân-tâm, về phần dân cũng chẳng có quan-thiệp gì cả; cái cách học-vấn của dân-gian là cốt ở nhà tư-thục chứ không phải ở trường công. Cứ như cái tư-tưởng của dân-gian trên ấy, mà nay thử đem cái chế-độ giáo-dục hoàn-toàn của Âu-châu hay của Nhật-bản mà thay đổi lại học-pháp giáo-pháp trong nước Tàu, thì có được công-hiệu gì không? điều đó không cần phải biện-bác cũng đã rõ. Song vì nước Tàu không chấn-khởi lên được, mà bảo rằng xã-hội nước Tàu vì dùng đến chế-độ giáo-dục

nước ngoài mà đến nỗi hắc-ám thì là lầm. Gần đây nước Tàu có đón một nhà bác-sĩ đại-học ở Kha-luân-ti-á, ông ấy thấy cái cách học-vấn của các nhà tư-thục nước Tàu phát-đạt lạ thường, đã phải nói rằng cái cảnh tượng ấy ở bên Âu-châu chửa từng có bao giờ.

Trở lên tóm thuật cái cuộc suy-di trên lịch-sử nước Tàu có ba điều : 1° Vinh-tước của xã-hội thoát-li đứng riêng hẳn ra ngoài vòng quốc-gia; 2° Nhân-dân tự hoạt-động mà những bỗ không nghĩ gì đến đường chính-trị; 3° Học-vấn chốn dân-gian phân-li khác hẳn với các nhà trường công. Ba điều ấy là cái cương-lĩnh làm cho xã-hội nước Tàu phát-đạt lên. Cái cách sinh hoạt của người Tàu về sau phân-hóa thế nào, cũng có thể xem đó mà biết được. Kết-quả nó đắp thành được cái cơ-sở chắc-chắn cho xã-hội nước Tàu, mà chế-độ gia-tộc nước Tàu cũng nhờ đó mà duy-trì được vững, lại có phần phát-đạt thêm lên ; về đường sản-nghiệp cũng không bị phải chính-phủ can-thiệp và bảo-hộ, mà vẫn tự-nhiên thành-lập được. Mới rồi có người tự bên Tàu trở về bảo ta rằng : « Nông-nghiệp nước Tàu thì rất tốt, nhưng hiềm một cái còn đơn-sơ mà ít các thức giống-má lầm. » Ta bảo rằng : « Anh cứ quen lấy cái con mắt xem sản-nghiệp trong cõi đất Nhật-bản mà xem sản-nghiệp nước Tàu, thì không khỏi lấy làm lạ ; không biết rằng sản-nghiệp nước Nhật thì phần nhiều nhờ về chính-phủ đã gia-công bảo-hộ lại tưởng-lệ cho, còn là cái thói cũ về đời phong-kiến ; đời phong-kiến trước kia các nước chư-hầu còn phải phòng ngăn cái cách sinh-hoạt của những kẻ võ-sĩ (cũng như những kẻ thực-khách về đời Châu đời Tần bên Tàu) nên mới phải khích-khuyến những nghề sản-nghiệp trong nước, nay thử đi khắp trong cõi đất nước Nhật, từ chốn hẻo-lánh cửa rừng cho đến chốn kinh-đô, thì còn thấy những đồ công-nghệ sản-xuất ra, phần nhiều là những đồ di-vật từ đời phong-kiến bởi các nước chư-hầu tự-chế ra để tự-cấp cho đủ dùng. Nước Tàu thì không như thế, đã kể rõ ra như trên kia. Những việc thuộc về phép quan sử-lý, thì chỉ có hai việc, là việc thuế với việc hình mà thôi ; còn những sản-nghiệp của dân ở trong nước Tàu thì phép quan không có kinh-lý đến ; mà nhân-dân cũng không phải nhờ đến phép quan giúp sức làm gì, họ chỉ nhờ về địa-lợi mà tự kinh-doanh sinh-sản lấy, rồi lấy những sản-vật thu-hoạch được, tự đem trao-đổi với những vật thu-hoạch của người khác, cái nền sản-nghiệp của nước Tàu mà vững-chãi là nhờ về đấy. Nếu chỉ xem ở Mãn-châu thấy đất ấy chỉ sản ra thứ gạo cao-lương với thứ đại-đậu, mà bảo rằng sản-nghiệp nước Tàu đơn-sơ lầm, thế là không xét đến cả toàn-bộ nước Tàu và cái cách kinh-tế trao-đổi của nước Tàu phát-đạt như thế nào, nên mới nhận lầm ra như vậy. Nay nếu lấy cái cách Tây mà bàn rõ cái sản-nghiệp của Tàu thì thế nào lại cho Mãn-châu là cái xứ chỉ sản ra gạo lương với đậu, mà lưu-vực Dương-tử-giang lại cho là cái xứ sản ra tơ sống với gạo được ; nhưng không biết xưa nay sản-nghiệp nước Tàu nơi nào vẫn đứng riêng ra nơi ấy. Tuy rằng nước Tàu đã chia rẽ, mà cái nguyên-nhân không thể chia rẽ được, cũng nhờ về cái sức phát-đạt của đường kinh-tế nhiều lầm. » Người ấy nghe ta nói lấy làm phải lầm.

Lại còn như những điều nghệ-thuật tự chốn nhà vua phân-li ra, Phật-giáo từ chốn tự-viện phân-li ra, đó đều là những việc trọng-yếu bởi xã-hội tác-dụng phân-hóa ra, cùng với những điều ta thuật trên này đều có quan-hệ thiết-yếu cả, không thể kể xiết được.

Đông-Châu *dịch*

# CÁC NƠI CỔ-TÍCH ĐẤT NGHỆ-TĨNH

V

### Cuộc đi chơi cửa Lò

Cuộc đi chơi này nhằm vào ngày thứ năm 25 Avril 1928. Bảy giờ rưỡi sáng hôm ấy thì quan Đốc cùng học trò lớp đệ-tứ-niên đi ô-tô thuê tới làng Thượng-xá 上舍 thuộc huyện Nghi-lộc 宜祿 tỉnh Nghệ-an. Làng này sở-dĩ gọi là Thượng-xá, là vì ở đó chính là chỗ cửa Xá 舍 ngày xưa, nhưng vì bờ biển mỗi ngày một bồi thêm ra, cho nên bây giờ thành ra ở trên cõi đất liền, cách biển chừng hơn ba cây số, mà lại có dân-cư đông đúc vậy.

Khi tới nơi thì thầy trò bắt đầu vào xem làng quan Phó-tướng tên là Nguyễn Đình-Đắc 阮廷得. Nguyên ông là cháu mười hai đời ông Cương-quốc-công 國國公, tên là Nguyễn Xí 阮熾. Khi trước ông giúp vua Gia-long đánh được Tây-sơn 西山. Vua Gia-long trọng-dụng ông lắm. Nhưng ông sở-dĩ theo vua Gia-long là cốt để đánh Tây-sơn mà báo thù cho vua Lê, thực cũng thân Hán 漢 mà tâm Hàn 韓 như ông Trương Tử Phòng 張房子 ngày xưa vậy. Bởi vậy đã nhiều lần vua Gia-long muốn trao cho ông quyền cao chức trọng mà ông đều cố từ, lại đến khi thấy Tây-sơn đã gần tới ngày bại-vong rồi thì ông liền cố nài xin về nhà làm ruộng, chứ không tham-luyến gì cái miếng đỉnh-chung của đời. Muốn biết tâm tích ông thế nào thì xin xem đoạn hành-trạng của ông sau này sẽ rõ. Khi ông mất rồi thì vua Gia-long sai quan về chọn đất mà táng ở đó và lại phát tiền sai quan sở-tại xây lăng.

Xem lăng xong rồi thì đi xem nhà thờ ông Cương-quốc-công (xem lịch-sử của ông ở đoạn sau này). Chẳng những nhà ông là nhà vinh-hiển thứ nhất trong tỉnh mà thôi, mà theo cái tâm-tích, cái sự-nghiệp của ông thì ông thực cũng là một bậc nhân-vật thứ nhất trong xứ vậy. Đền thờ ông bây giờ đây là đền của Lê Thánh-tôn 黎聖宗 lập ra năm đinh-hợi 丁亥 (1467) là năm thứ tám hiệu Quang-thuận 光順 để thờ ông là một bậc công-thần cả khai-quốc cả trung-hưng của nhà Lê vậy.

Ở ngoài cửa, ngày xưa vua Lê có sai xây hai cột hoa-biểu (cột nanh), nhưng cũng tầm-thường. Bây giờ con cháu ông có ông Tú-tài tên là Nguyễn Sĩ-Xán mới đi khuyên-giáo con cháu các chi trong họ được hơn một ngàn đồng bạc đưa về xây một cái cửa tam-quan nguy-nga lắm. Nhưng hôm chúng tôi tới đó thì cửa xây cũng chưa xong. Nguyên ông Nguyễn Xí có mười sáu người con trai mà trưởng-thành được mười lăm người, cho nên con cháu đông lắm. Ông và các con ông đều có công to với nước, được vua cấp cho lộc-điền nhiều lắm, rồi con cháu cứ theo các chỗ có ruộng đất nhà nước cấp cho mà ở, cho nên bây giờ họ ấy ở tản-tác ra hầu gần khắp cả mọi nơi.

Đền này có năm tòa: Trong tòa thượng-tử thì ở giữa đặt vị hiệu thờ cụ thân-sinh ông Nguyễn Xí; bên hữu thì đặt vị-hiệu thờ ông Nguyễn Xí, còn bên tả thì đặt vị-hiệu thờ ông anh là ông Nguyễn Biện 阮抃. Ông Nguyễn Biện khi trước theo vua Lê Thái-tổ 黎太祖 cầm quân đi đánh quân nhà Minh đã lập được nhiều công. Sau bất-hạnh bị tử-trận, rồi vua truy-tặng làm Nghiêm-quận-công 嚴郡公. Ông khi mất còn

trẻ tuổi chưa có vợ con, cho nên con cháu ông Nguyễn Xí rước về hợp ở đó.

Cái trung-từ thì nhà trùng-điêm. Phía ngoài tầng trên có cái biển bốn chữ đại-tự khảm bằng sứ là :

*Cương-quốc-công từ*

岡國公祠

(Đền thờ ông Cương-quốc-công)

Ở trong có treo hai câu đối sơn son thếp vàng :

*Hà nhạc nhật tinh, thiên-thu hạo-khí* (1).

河嶽日星千秋灝氣。

*Phụ tử huynh đệ, vạn cổ anh-phong* (2).

父子兄弟萬古英風。

Ở giữa thì trần-thiết các đồ tế-khí.

Cái hạ-từ thì để cho con cháu ngồi và làm lễ.

Hai cái tả-miếu và hữu-miếu ở hai bên thì thờ các vị con ông Nguyễn Xí. Ở hai bên miếu này lại có tạc tượng hổ và có thiết-vị thờ nữa.

Nguyên ông thân ông Nguyễn Xí tên là Nguyễn Hội 阮會 khi xưa làm nghề nấu muối mà theo như nham-cảo làng Thượng-xá thì ông tức là ông tổ nghề làm muối ở làng này, cho nên lúc ông đang sinh-thời làng có lập giấy nhượng cho ông hòn núi Cồn-thông để trả cái ơn ông đã dạy cho dân cái nghề làm ăn rất cần-thiết và rất có bổ-ích cho nhân-quần xã-hội. Một hôm ông ngồi làm muối ở dưới núi Cồn - thông, bỗng đâu có một con cọp ở đâu chạy tới vồ ông chết đi rồi đưa tới xứ Đồng-dam 同毯 đào huyệt mà táng. Đến sáng mai người nhà đi kiếm được, đưa về khâm-liệm và nhập quan tử-tế rồi đưa táng đi chỗ khác. Tối hôm ấy hùm-tinh tới chỗ cũ không thấy nữa thì gầm-thét ầm-ầm rồi đi tới chỗ mới bới lên bỏ quan đi mà đưa lại chỗ cũ táng lại như trước. Táng rồi lại bẻ cây cắm chung-quanh rồi cứ ngồi đó canh giữ hai ba ngày luôn. Người nhà thấy vậy biết là mả thiên-táng, rồi cứ để đó chứ không dám dời đi nơi khác nữa. Chỗ mả ông Nguyễn Hội cũng ở gần nhà thờ, mả ông Nguyễn Xí cũng táng ở đó. Bấy giờ ở đó cả vạt đất độ chừng năm sáu mẫu đều để cây - cối lên tốt lắm, chứ không ai được cày bừa làm gì đó cả.

Ngôi mả ông Nguyễn Hội trở đầu về một hòn núi hình như cái mão quan đại - tướng, gọi là núi Mão ; bên tả có hòn núi hình như là cờ, gọi là núi Cờ ; bên hữu có hòn núi hình như con gươm, gọi là núi Gươm; ở đầu chân có hòn núi hình như con voi, gọi là núi Voi (tức là núi Cồn-thông hay là núi Quần-tùng 羣松), lại có một hòn núi hình như cái trống, gọi là núi Trống. Theo địa-lý thì huyệt mả này là để nhằm đất phát đại-tướng. Con cháu cho rằng họ này sở-dĩ được quan sang lừng-lẫy là nhờ ngôi mả ấy, mà ngôi mả ấy là nhờ hùm-tinh táng cho, thì con hùm-tinh ấy tức là ân-nhân của họ, cho nên mới tạc tượng con hùm-tinh ấy ra mà thờ để tỏ lòng biết ơn.

Xem đền xong, quan Đốc lại đưa học trò lên hòn núi ở gần Cửa-Lò mà cách đó độ chừng hai cây số để quan-sát và xem phong-cảnh luôn thể. Khi lên tới đỉnh núi ấy, đứng trông qua hòn núi bên kia sông Cấm 禁 thấy nước mưa rội đất ở trên núi làm cho hai bên hông núi thành ra từng rãnh từng hẻm, thì quan Đốc liền nhân đó

(1) Khí chính của trời đất ở trên thì thành ra mặt trời và các ngôi sao, ở dưới thì thành ra sông núi, còn ở giữa thì lúc thành người giỏi gọi là hạo-khí.

(2) Ông Nguyễn-Xí cả anh em và mười lăm con đều làm quan đại-tướng đời nhà Lê và đều có công to với nước cả.

mà dạy cho học trò một bài khoa-học về việc tang-điền thương-hải. Nguyên là nước mưa và nước suối cứ sói cứ đào đất ở trên núi trôi xuống rồi nước sông và nước thủy-triều lại đưa xuống mà lấp vào bờ biển làm cho bờ biển mỗi ngày một bồi thêm ra mãi.

Quan Đốc tìm cho chúng tôi được mấy cái chứng-cớ rất rõ-ràng về cái kết-quả của sự thôi-dơi ấy ở trong quyển gia-phả của họ ông Cương-quốc-công.

Quyển gia-phả ấy chép rằng : « Về hồi thập-ngũ thế-kỷ các vua nhà Lê có cấp cho ông Nguyễn Xí mấy khu đất mới bồi để làm lộc-điền mà thưởng cho ông đã có công to về việc khai-quốc và trung-hưng nhà Lê ». Vậy thì mấy khu đất ấy là đất mới bồi ra độ về hồi cuối nhà Trần 陳 đầu nhà Lê vậy. Bởi vì về hồi đầu đời vua Lê Thánh-tôn 黎 聖 宗 thì những chỗ ấy còn là đất của công, chưa có ai khẩn-canh cả, cho nên vua Lê mới lấy mà cấp cho ông Nguyễn Xí làm ruộng lộc-điền.

Mấy khu đất ấy ở Cửa-Xá 𠫑 舍 và ở dọc bờ biển.

« Cửa-Xá » là tên cửa biển ngày xưa mà cách năm trăm năm về sau thì cửa biển bây giờ là Cửa-Lò lại ở về phía đông mà cách đó độ hơn ba cây số. Mấy khu đất bồi ở Cửa-Xá ngày xưa thì đã có dân-cư và đã thành thôn-ấp từ hồi thập-ngũ thế-kỷ kia rồi.

Còn như mấy xứ lộc-điền của ông Nguyễn Xí ở dọc bờ biển thì tức là mấy dải đất cát ở bờ biển ngày xưa đối với dải núi cát ở Cửa-Lò bây giờ. Dải đất cát ấy và dải núi cát ấy cứ chạy song-hành với nhau mãi, từ Cửa-Lò cho tới Cửa-Hội 𠫑 會 (cửa sông Lam-giang). Theo gia-phả thì về hồi thập-ngũ thế-kỷ ông Nguyễn Xí cũng có lập thêm được mấy làng ở các khu đất ấy, tức là làng Phú-ích 富 益 và làng Kim-ồ 金 塢 bây giờ.

Nguyên khi ông Nguyễn Xí theo vua Lê Thái-tổ đi đánh quân Minh thì tướng nhà Minh tên là Nguyễn-Sĩ 阮 仕 đưa quân tới hàng rồi theo về với ông. Lại trong năm thứ ba niên-hiệu Thái-hòa 太 和 vua Nhân-tôn là năm ất-sửu 乙 丑 (1445), ông đi đánh Xiêm-thành rồi có người Xiêm-thành là tụi Chế Hiệp 制 協, Chế Lâu 制 婁 và Chế Đả 制 打 tất cả hơn năm-mươi người ra hàng rồi cùng theo về với ông.

Khi được vua Lê cấp cho ông xứ Bàu-ồ 泡 塢 và xứ Đồng-sô 塘 蘇 mỗi xứ hơn hai trăm mẫu để làm lộc-điền thì ông cho hai tụi hàng-nhân ấy tới đó chia nhau mà ở.

Người Xiêm-thành thì ở Bàu-ồ, còn người Tàu thì ở Đồng-sô. Ruộng đất hai xứ ấy thì ông chỉ trừ lại mỗi xứ mấy mẫu để làm ruộng hương-hỏa mà thôi, còn thì cho hai tụi dân ấy chia nhau mà khai-khẩn làm của riêng cả.

Khi người Tàu và người Xiêm-thành tới ở đó thành thôn-ấp rồi thì xứ Bàu-ồ đổi làm xã Kim-ồ 金 塢 mà xứ Đồng-sô thì đổi làm xã Phú-ích 富 益. Vua Lê lại sắc cho dân hai xã ấy phải đời đời làm nô-dân nhà ông Nguyễn Xí và đều được nhiêu trừ tất cả việc quan và việc binh như con cháu ông Nguyễn Xí để lo việc quét dọn và canh giữ trong nhà thờ.

Xem thế thì đủ biết rằng mới trong sáu trăm năm nay mà bờ biển đã bồi thêm được hơn ba cây-số rồi.

Quan Đốc lại đem địa-đồ mà chỉ cho học-trò biết rằng bờ biển mà bây giờ chúng tôi đứng trên núi trông thấy từ Đò-Cấm cho tới Cửa-Lò thì

khác hẳn với hồi năm 1905 là hồi vẽ ra địa-đồ ấy, vì rằng theo hình - thế bờ biển bây giờ mà so với hình-thế bờ biển vẽ trong địa-đồ ấy thì mới có 23 năm mà bờ biển đã bồi ra được nhiều lắm rồi. Xem thế thì đủ biết rằng bờ biển bồi ra mau lắm, cho nên quan Đốc có nói rằng địa-đồ về phần ở trên bờ biển thì ít ra cũng hai-mươi năm phải họa lại một lần thì mới có thể trúng được. Cái bãi cát bây giờ ở kề biển đó tuy là đương còn cát trắng,nhưng chỉ trong vài mươi năm nữa thì sẽ đã có thể đắp đê mà cày cấy được.

Đứng trên núi mà chụp ảnh xong thì thầy trò lại trở về làng Thượng-xá để dùng cơm trưa. Khi về tới làng thì người sở - tại dẫn vào cái đền ở giáp Đông-thịnh. Đền này thờ ông Huân - quận - công 勳郡公 là Nguyễn Bá-Ký 阮伯驥 và ông Yên-quốc-công 安國公 là ông Nguyễn Bá-Ký 阮伯騏 tức là con ông Nguyễn Bá - Ký. Nguyên là hai cha con ông khi trước giúp vua Lê yên được họ Mạc,cho nên khi mất rồi thì vua phong làm Phúc-thần mà giao cho dân bốn giáp ở làng ấy phụng-tự là giáp Thịnh 盛, giáp Đông 東, giáp Hòa 和, và giáp Mĩ 美. Khi vào tới nơi, người họ ông Nguyễn Xí có đưa một tá tôm hùm để chào mừng quan Đốc. Quan Đốc cảm ơn họ mà nhận lấy rồi giao cho tên phu trưởng đưa về để hôm sau dọn cho các cậu học - trò lớp đệ-tứ-niên ăn, vì quan Đốc nói rằng thứ tôm ấy có cái chất bổ não mà các cậu học-trò bây giờ lại cần ăn những đồ ăn có chất ấy để cho thêm sức mà học.

Thầy trò ngồi nghỉ một chốc thì cơm vừa dọn xong, đồ ăn tuy cũng chỉ cá thịt tôm sò, nhưng đều là đồ tươi đồ sốt cả, cho nên khi ăn ai cũng lấy làm ngon miệng lắm.

Khi ăn nhân nói chuyện đời xưa lại biết thêm được hai làng ở gần đó là làng Vạn - lộc 萬祿 và làng Tân-lộc 新祿 cũng mới lập ra sau hồi thế-kỷ thứ mười-lăm. Nguyên về hồi vua Thánh-tôn nhà Lê, khi ông con đầu ông Nguyễn Xí là ông Nguyễn Sư-Hồi 阮師回 đóng quân ở cửa biển này để đi tuần mười hai cửa biển trong nước, thì địa - phận hai làng ấy gọi là xứ Cây-bàng 棱榜, chứ chưa có dân-cư làng xã gì hết.

Cơm nước xong, thầy trò ngồi nghỉ-ngơi trong chốc lát, rồi lại bảo người dẫn đường đi xem nại muối và sang chỗ các nhà mát ở Cửa-Lò.

Vì kỳ này vừa mới hết tiết mưa, cho nên các nại còn bỏ không, chưa có chỗ nào làm cả. Họ nói độ tới cuối tháng ba đầu tháng tư thì mới bắt đầu làm, vì tới kỳ ấy thì mới chắc rằng trời nắng được luôn.

Dân làm muối họ kêu rằng vì không có nghề gì làm, nên chỉ phải làm muối, chứ thiệt làm không đủ ăn. Vì rằng mỗi ngày phải ba người làm thì mới được một tạ, mà mỗi tạ thì tòa Thương-chánh chỉ trả cho có 0$42 mà thôi.(Tòa Thương-chánh bán ra thì khi rẻ cũng mỗi tạ là 3$00 mà có khi tới 6$,7»). Bán cho các nhà buôn họ tới đó mua thì được giá đắt hơn nhiều (Mỗi tạ ít ra cũng một đồng bạc),nhưng lại bị sở Thương-chánh cấm ngặt lắm. Thường ngày có lính tuần-đinh tới canh giữ hễ làm được muối thì phải gánh tới sở Thương-chánh ở gần đó ngay, cho nên không ai bán lậu được chút nào cả.

Nghe đâu kỳ hội-đồng năm ngoái, viên Thứ-dân đại-biểu có yêu-cầu Nhà-nước cho phép dân được tự-tiện làm muối và bán muối — (hiện bây giờ dân không được tự-tiện bán muối đã đành, mà cái số nại muối cũng có hạn, không được làm thêm), — sở Thương-chánh

Hoa-Lư — Hang Tam-cốc (ở trong)

Hoa-Lư — Hang Tam cốc : đàng sau lưng, có bia khắc ở trên

*Kinh ảnh T. C. Khuyến*

Bia chạm « Trúc-lâm thất-hiền » ở đền Vua-bà làng Đan-nhiễm (Nam-đàn)

Đền Nhạn - tháp (Nam-đàn)

*Kinh ảnh Trần Đình-Quán Vinh*

chỉ cầm quyền đánh thuế mà thôi. Việc yêu-cầu ấy chẳng những bọn làm muối, mà tất cả nhân-dân cũng đều rất lấy làm hoan-nghênh, nhưng chưa thấy Nhà-nước ấn-định ra thế nào cả.

Xem nại muối xong, thầy trò lại ra nhà mát Cửa-Lò. Ra tới đây thấy hơi mát-mẻ, khí trời trong sạch, trong mình nghe được khoan-khoái nhẹ-nhàng hơn ở chốn thành-phố nhiều, thì ai nấy đều lấy làm hớn-hở. Nhờ ở biển có không-khí trong sạch, mà không-khí trong sạch là rất cần cho sức khỏe, cho nên mấy người kẻ ở biển tuy họ dầm mưa dãi nắng lắm thì màu da ngăm-ngăm đen, nhưng trông ra ai nấy đều sức vóc lực-lưỡng, khí-sắc hùng-hào, khiến cho mấy người mình gầy sức yếu, trông thấy mà phải lấy làm thèm.

Đứng trên bờ biển mà trông ra, xúc-cảnh sinh-tình, trong lòng lại sinh ra nghĩ tới điều này việc khác : Mặt biển mênh-mông, không biết đến đâu là bờ là đáy, thì có khác gì việc học của mình, mình càng học lại thấy càng rộng càng sâu, nếu không có thầy giỏi, không tìm được cách hay, thì cũng như người vượt biển ra khơi, mà không thuộc lối, không có địa-bản, thì chắc phải đến nỗi thất-lạc, không có khi nào tới bờ tới bến được. Cổ-nhân sở-dĩ có chữ « học-hải 學海 » tưởng cũng đã suy-nghĩ kỹ-càng lắm vậy. Lại như khi trông ra biển thấy gió thổi ầm-ầm, mấy lớp sóng dựng lên như cồn như núi, như hình muốn đem mấy chiếc thuyền chài mà đổ xuống dưới đáy biển thì trong lòng lại sinh ra một mối cảm-tình đối với các làng ngư-phủ, vì một cái kế thân-gia mà phải liều mình đi làm cái nghề đã vất-vả lại hiểm-nghèo, suốt đời lo sợ. Thế mà người ta lại đem hoạn-đồ mà ví với biển, mà đặt ra chữ « hoạn-hải ba-đào 宦海波濤 » thì ra đi đường sĩ-hoạn cũng nguy-hiểm lắm sao ?

Học-trò ngồi chơi tới khi nhạt nắng thì xuống bến tắm, mãi tới gần năm giờ chiều mới lên xe trở về.

NGUYỄN ĐỨC-TÀNH

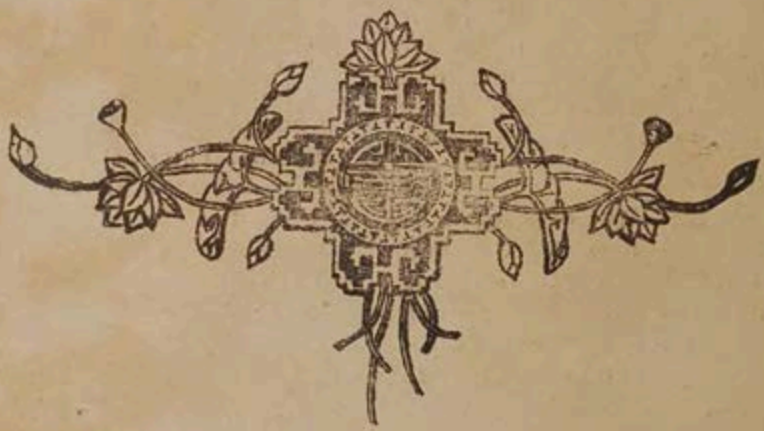

# HI-LONG DI-THẶNG

## 希龍遺乘

**Dật-sử một nhà nho nước Nam Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long (1)**

VIII

### XX

**Thay quyền giữ khoán trong làng, Cải-lương hương-ước mở đường văn-minh.**

Triều vua Thành-thái năm thứ tư (Tây-lịch năm 1892)

Sáu mươi nhăm tuổi, làm Tiên-chỉ, tính rất giản-dị, không như quan Thượng tính nghiêm-ngặt, cho nên dân làng có sự nguy-cấp, thường đến kêu với ông giúp đỡ cho. Ông cũng hết lòng làm ơn. Ai tạ gì cũng không lấy, nói rằng: « Sinh-trưởng ở làng, may làm lên được, kẻ làng người nước ai cũng trông cậy mình, mà mình lại không giúp đỡ được gì, thì khác gì huynh-thử xã Hạc-châu, xã Thượng-phúc; vả việc nghĩa là bản-phận của mình, có thể giúp được thì giúp, chứ có phải mong người ta tạ ơn đâu? Người ta tạ mà mình lấy, cũng không phải là tham, nhưng của ấy cũng không thể để lập-nghiệp sinh-cơ được, nên không lấy. »

Lệ làng trưởng Văn-hội được một mẫu ruộng, thổ-trì một sào. Ông làm trưởng Văn-hội không nhận những ruộng ấy, để cho Văn-hội làm của công. Ruộng làng biếu Tiên-chỉ, thì chiếu tiền dong trả cho dân để biện lễ sự thần, khỏi phải san-bổ.

Làng có một cánh ruộng ước hơn bốn mươi mẫu giáp xã Thuận-hành, người xã ấy là Nguyễn Bá-Tấn cùng với huynh-thử người làng lót lễ quan trên, để chực tranh cái ruộng ấy, khất quan về khám lập mốc để phân địa-giới. Người làng là Nguyễn Học đánh trống đem dân ra đuổi phái-viên không cho dựng mốc và cắt cả giây đạc, chém cả gậy đạc. Phái-viên về bẩm với quan tỉnh đã trị. Lũ tên Học và dân làng ai cũng lo sợ, đến kêu ông rằng: « Tên Bá-Tấn nó đắp đê giang-phận của nó, nay nó lại chực chiếm cả bãi nổi của dân. Việc này nghe ra quan tỉnh chủ-trương cho nó, vậy xin quan lớn lo liệu cho, kẻo dân mất ruộng. » Ông bảo dừng ngại, để cho việc lên tỉnh xem quan tỉnh bảo sao, rồi sẽ liệu. Bấy giờ Tổng-đốc là quan Đào (người Cổ-am Hải-dương) có ý bênh Bá-Tấn. Dân lên hầu mắng rằng: « Chúng mày mạn phép, thằng nào thủ mưu, thằng nào đánh trống, thằng nào cắt giây, thằng nào chặt gậy, thằng nào nhổ mốc? Lính đâu đem giam cổ chúng nó vào trại cho tao, không cho kêu. » Ông biết tình-hình như thế, lập-tức lên nói với quan Thượng Đào rằng: « Khúc sông ấy bãi nổi ở thượng-lưu là của xã tôi, hiện đã trước vào điền-bạ, quân-cấp cho dân-đinh đã mấy năm nay; tên Bá-Tấn khẩn-trung ruộng thời

(1) Xem Nam-Phong từ số 132 đến số 138.

nó chỉ trưng được chỗ ngang đất nó, chứ lẽ gì nó dám chạy lên thượng-lưu giành đất của làng tôi? » Ông Đào nói rằng: « Đất ấy dẫu là đất Hành-thiện, nhưng trước tên Bá-Tấn chưa đắp đê thời bãi ấy là phù-sa; tự khi nó đắp đến giờ thời bãi ấy mới nổi to lên như thế, không phải công Bá-Tấn thời công ai? »

Ông nói :

« Quan lớn lầm. Phàm hai sông liền nhau, sông nọ nước chảy thời sông kia phải lấp; tức như sông Phụ-long ở tỉnh Nam này, quan lớn vẫn thường trông thấy tự khi đào ra sông mới thì sông cũ lấp, thế thời sông Phụ-long ấy lấp nổi thành điền, thì công ai? hay là cũng công Bá-Tấn? »

Quan Đào lặng ngắt, biết rằng thế không giành được. Sau lên sai viên Kinh-lịch chia địa-giới, lập mốc lại, mà bãi nổi ấy nguyên giao xã Hành-thiện nhận canh. Sau Bá-Tấn lại kêu tòa Sứ rằng xã Hành-thiện đất lậu còn nhiều, xin phải quan họa đồ về đạc lại. Nhưng đạc lại thì xã Hành-thiện không có ruộng thừa. Toà cũng y lời tỉnh sức. Từ đấy ruộng dân không bị kẻ ngoài xâm-phạm nữa.

Cách hai năm nữa, đê làng bên sông gần lở đến mà chùa gần ở bên đê. Các quan trong làng lấy làm lo sợ.

Ông nói rằng thủy-thế không ngại lở đến chùa, chỉ ngại về đê gần sông quá, mỗi năm lần đắp, không những là mất ruộng mà dân-phu tổn-hại khó-nhọc. Ông bàn với quan Tổng-đốc Cao Xuân-Dục rằng: « Đoạn đê làng tôi xung-khích nước sông Nhị-hà; nay đắp đê chỗ này, mai đắp đê chỗ khác, dân phu thiệt-hại biết bao nhiêu. Không cứ theo phía bắc làng tôi đắp ghé sang trại Tiến-thiện, qua đê Hạc-châu, thì sau này cũng không phải lo về thủy-hoạn.»

Quan Tổng-đốc lấy làm phải, bèn lập-tức sai quan phủ sở-tại sức cho dân-phu hàng-huyện hạn ngày đến đắp. Lúc ấy tổng lý hàng huyện kêu rằng đê thuộc địa-phận làng Hành-thiện mà cả huyện phải đi đắp, có ý không bằng lòng. Ông bảo tuy đê Hành-thiện, nhưng sự lợi hại quan-thiệp đến cả huyện; phỏng đoạn đê ấy vỡ, nước tràn vào thì hàng huyện có thể ngồi yên được không? Nay dời đê tuy khó-nhọc một lần, nhưng sau này chắc được yên-ổn cả. Đắp đê xong tự đấy dân làng khỏi mất ruộng mà hàng huyện cũng khỏi phải năm năm đắp đê.

Sau quan phủ sở-tại bẩm với quan tỉnh và quan Sứ xin đào một con sông tự sông con làng Hành-thiện ra đến sông cái (Nhĩ-hà) để lấy nước vào phủ uống cho khỏi tù-hãm. Lúc ấy quan Sứ cùng quan tỉnh về khám, nghe tiếng ông là người lão-thành, tìm ra hỏi việc đào sông lợi hại thế nào. Ông nói đào sông ấy không lợi. Quan Sứ hỏi, sao quan phủ bảo uống nước sông này không hợp cách vệ-sinh.

Ông bảo: «Làng tôi khoa thì Tiến-sĩ Phó-bảng, quan thì Tổng-đốc, Tuần-phủ ai cũng uống nước sông này, vẫn được khỏe mạnh không thấy tù-hãm gì, vả cũng có thông ra sông cả; tôi tưởng đào con sông ấy chỉ lợi cho thầy phủ để người nhà đi lại và chở-chác đồ vật cho tiện, chứ dân tôi không lợi gì. Tôi sợ đào cái sông ấy đến mùa nước lên lại thêm sự đề-phòng khó-nhọc. » Quan Sứ nghe lời hỏi quan phủ rằng: « Sao cả làng người ta uống nước sông này không tù-lấp mà ông lại bảo rằng tù là nhẽ gì? » Quan phủ không tìm được cách trả lời, bèn thôi.

Lại có thầy tú-tài Đặng Vũ-Huyến không có con trai, đã mất rồi. Khi thầy tú ấy chết, người họ lập tên Đặng Vũ-Thấu làm kế-tự. Anh họ thầy

tú ấy là Phó-tổng Kiêm ra giành. Trong họ đến kêu với ông rằng: « Vì chưng thầy tú ấy sinh-bình có nuôi tên Kiêm, nhưng tên ấy thiện-tiện bán mất hai mẫu ruộng họ, nên không lập tên Kiêm mà lập lên Thấu. Lúc thầy tú mất, thừa-tự vào chống gậy đương tang. Nay vợ thầy tú mất, tên Kiêm lại ra tranh giành. Họ chúng tôi nhờ quan lớn phân-xử cho để khỏi sự tranh-cạnh tôi-thôi. »

Ông tức-khắc đòi tên tổng Kiêm đến hỏi, thời tên Kiêm cũng nhận có bán ruộng họ hai mẫu.

Ông bảo rằng:

« Kể thứ-tự hàng chiêu hàng mục thì lập anh là phải. Nay vợ chồng thầy tú không lập anh không phải là ghét anh đâu, vì anh thiện-tiện bán ruộng, họ sợ sau này anh không giữ được cơ-nghiệp thời không dựng anh cũng đáng; vả chiếu trong luật phàm những người đáng lập kế-tự hoặc có hiềm-khích và duyên-cớ gì thời cho chọn hàng chiêu, hàng mục, trong họ người nào hiền lành hay người nào đáng yêu thời tùy lòng người ấy lập cũng được. Nay lập tên Thấu cũng là hợp lẽ trong luật trạch-ái. Bởi anh có duyên-cớ việc bán ruộng, vợ chồng thầy tú trước đã ghét anh, mà người họ cũng không bằng lòng, thời anh giành thế nào được. »

Tên Kiêm nghe lời thôi không giành nữa.

Lại có một việc người Thông-lại ở phủ vu cho người trong làng là Nguyễn Xiền cầm mất của nó hai cái xuyến vàng, hai cái áo nhiễu giá năm mươi đồng bạc, đòi chuộc tên Xiền không cho, đến thưa với ông. Ông hỏi:

— Các đồ ấy anh cầm một thứ, hay là cầm hai thứ?

— Bẩm cầm một thứ.

— Cầm bằng ấy thức năm mươi đồng bạc thời nhà giàu mới sẵn tiền cầm được, chứ nhà tên Xiền làm gì có bằng ấy tiền mà cầm? Anh đem đi cầm hay là sai đứa nào đi cầm?

— Bẩm tôi nhờ tên Chi đi cầm.

— Tên Chi là đứa cờ bạc phá-đãng, hiện bố nó đã có giấy thưa ở làng, ai ai cũng biết. Anh làm Thông-lại ở phủ gần đây khởi-hữu anh không biết mà anh còn sai nó đi cầm, sao anh dại vậy? Vả chức Thông-lại một tháng được mấy đồng bạc lương mà có những vóc nhiều hoa xuyến. Như thế thì anh lấy tiền ở đâu mà tậu được lắm thế?

Người Thông-lại biết mình lẽ khuất lẳng lặng, cáo lui.

Trong làng ai có sự gì oan-ức ông vẫn có lòng kha-hộ. Tên nào ngỗ-ngược cũng tìm cách trừng-trị. Một hôm có cụ hương-trưởng là Nguyễn Tất-Vấn đến kêu rằng: « Tên đội-trưởng Nguyễn Bá-Tấu nó chửi tôi thậm-tệ và nó lại đi đốt nhà tôi, hiện có hàng xóm biết, xin quan lớn nghiêm-trị nó cho. »

Ông bảo:

— Tôi vẫn biết nó là tên lính mãn về, quen thói hung-ngược; nó nhẫn-tâm đánh bố nó thì còn trừ ai. Muốn trị nó phải chiếu vào pháp-luật mới trị được. Nếu bây giờ bắt lỗi lăng-mạ tôn-trưởng thời chỉ đánh đập lại cho về, rồi ngày ngày nó mượn chén say chửi bóng chửi gió lại thêm tức mình mà thôi. Cứ về để tôi sẽ liệu.

Cách một tháng nữa cha tên Tấu đến kêu rằng: « Nó vác gậy đuổi đánh tôi, hiện có làm giấy lân-bang chứng-kiến. » Ông lập-tức sai tuần-đinh nã bắt tên Tấu. Tên ấy sợ tội trốn mất. Xét tên Tấu là đứa ngỗ-nghịch và là một tay đầu trộm đuôi cướp, nó đi mất thì trong làng trừ được cái hại to.

Khi ông làm Tiên-chỉ không những giúp đỡ dân được nhiều việc, đến như hương-ước cải-lương cũng có ích-lợi cho xã-hội.

Nguyên lệ làng ngày hội lễ khánh, ai lên thượng-bàn, thôn lớn bốn người, thôn nhỏ hai người, phải đứng ra trông coi giã bánh tế thần trong hai ngày, phải làm cỗ đãi người hàng thôn ; ông mới giảm cái lệ ấy. Ai lên thượng-bàn dương lệ ấy chỉ mất xôi năm cân, gà hai con, để cho huynh-thứ trong thôn và người giã bánh ăn, không phải làm cỗ bàn nữa.

Lệ cưới trước xưa nhà trai nhà gái đều phải làm cỗ cho người họ ăn. Ông dựng lệ lại. Họ nhà trai khi cưới vợ thì phải làm cỗ, họ nhà gái thì thôi.

Việc tang lệ trước phải làm cỗ bàn đãi dân làng Ông dựng ra cái nộp chiếu-can tiền. Lúc bấy giờ những các kỳ-lão và huynh-thứ trong làng nhiều người không bằng lòng. Ông cũng nhất-quyết cải lại và đem sự lợi hại hiểu bảo. Sau ai cũng nghe ra mới biết là giản-tiện. Lời hiểu bảo diễn sau này.

### Diễn-thuyết việc giá-thú

*Các nước văn-minh con trai con gái mười-chín hai-mươi hễ bằng lòng lấy nhau thì làm lễ cưới. Tục nước ta có nơi lên chín lên mười đã dựng vợ gả chồng cho con. Đến khi sinh đẻ, khí-huyết chưa được sung-túc, bởi thế giống người hèn yếu, không được mạnh khoẻ như người các nước văn-minh lại còn sinh ra nhiều lối tệ-đoan nữa. Lúc cưới nó còn bé chưa biết gì, đến khi lớn lên, hoặc vì sự giàu nghèo, sự xấu đẹp mà bỏ nhau. Lại có nhà hồi vợ cho con ngay tự lúc lên năm lên sáu lên bảy tuổi, phải theo tự-tiết đi lại mãi cho đến lúc mười-bảy mười-tám tuổi mới đi xin cưới. Khi cưới thì nhà gái thách-thức tiền bạc, không lo đủ không cho cưới ; thành ra ngăn-trở sự nhân-duyên. Nhưng không biết con trai mình tức là con rể người khác, mà con gái người khác lại là con dâu nhà mình, nên xử sao cho được phương-tiện. Nếu mình có con gái mà đòi tiền của người ta, thế người ta phải bán ruộng nương lo cưới cho xong. Đến khi giàu ăn khó chịu dẫu thế nào cũng ở con gái mình ; vả thách-thức của người ta chắc cũng khó ăn khó ở. Tục có câu : « Mẹ tham mà lợn đầu gà, để tôi chịu chửi ông bà tổ-tiên. » Lời nói ấy đáng làm gương cho nhà có con gái. Vậy từ nay việc cưới không nên sách-nhiễu tiền bạc. Con trai con gái không nên cưới sớm ; khi cưới thời chỉ nhà trai làm cỗ để cho họ-đương đến mừng uống rượu mà thôi. Họ nhà gái ai đến mừng đến cả họ trai cho tiện ; chứ họ nhà gái đã sắm-sửa cho con lại phải làm cỗ thì phiền lắm.*

### Diễn-thuyết việc tang

*Âu-châu các nước văn-minh người nào chết, dẫu quan sang chức trọng cũng trong hai-mươi bốn giờ thời đưa, còn người thăm viếng thì chỉ gửi danh-thiếp, không phải lễ-vật gì. Người nào có tình-nghĩa thì làm một vòng hoa đặt trên mộ để kỷ-niệm thôi. Nước mình việc hiếu có nhà để hàng tháng, sắm-sửa nhà táng minh-tinh làm cỗ làm bàn, mời dân làng tế lễ linh-đình, tốn phí đến hai ba trăm bạc, lấy thế làm báo hiếu. Trước kia người Nhật-bản cười ta về việc hiếu : cô bàn yến ẩm xem như yến ẩm vui mừng, khi người vào phúng viếng, ba lần gật đầu, ba tiếng ô-hô xem như trẻ con nó bỡn, hiện có chép vào sách « Vạn-quốc sử-ký » để răn nước mình ; thế mà đã lâu nay chưa đổi được cái hủ-tục ấy đi. Nếu bảo rằng « sự tử như sự sinh », vậy sao khi cha mẹ còn sống, thì cố chả cho ăn, mới sau chết xuống làm vạn tế ruồi. Lại có câu : « Thế-gian còn đại chưa khôn, sống mặc áo rách chết chôn*

áo lành », lời nói ấy thực phải. Như nói nghĩa tử là nghĩa tận, thời người ta chết phải nên thương xót, nên giúp đỡ mới phải. Ngày trước đức thánh Khổng ở gần bên nhà có tang chưa từng ăn no. Ý là thấy người ta chế động lòng thương xót ; chứ lẽ nào huynh-thứ dân làng đến nhà người chết ăn uống no say, rồi lại hạch sách mọi sự thêm bận cho người hiếu- hủ mà người hiếu-chủ phải để người chết nằm đó đi khoản đãi dân làng ; thế không phải là hiếu. Vậy việc tống-táng đừng bày ăn-uống xa-xỉ như trước, cũng đừng nên dùng minh-tinh nhà táng, phí tiền mà không ích gì ; cốt là quan-quách làm cho cẩn-thận, trong ba ngày thì đưa, không nên để lâu ; còn như sự lệ nên nộp chiết can tiền để sung-công ; những người tùy-phu thời tùy lòng hiếu-chủ khu-xử.

### Diễn-thuyết việc tế tự

Công-minh chính-trực gọi là thần. Thần không phải như người ta : tốt lễ dễ kêu. Như bảo rằng : « Vô vật bất linh, » phải nhiều giấy vàng giấy bạc, thế là chỉ đồ tiếng tham cho thần, hễ có nhiều vàng bạc, thì thần phù-hộ, chứ đốt giấy ra tro có lẽ nào dùng được. Lại bảo « vô tửu bất thành lễ », lễ phải có rượu có thịt ; nhưng không biết thần hưởng về lòng thành không hưởng về lễ-vật. Phỏng lễ rượu thịt bao nhiêu, thần hưởng hết thời chắc sau không ai dám đưa đồ lễ nữa. Xem nhiều dân khi lễ có rượu thịt thì huynh thứ ra lễ đông đủ, khi lễ chay thì khua trống mãi cũng không thấy huynh-thứ nào ra. Ngạn rằng : « Khua mõ không bằng gõ thớt », thực không sai. Thế biết bụng thành chỉ vì xôi thịt không phải vì thần. Chẳng qua mượn tiếng ông thần bày ra tế-lễ để ăn uống với nhau. Nhiều khi vị miếng xôi miếng thịt trói buộc nhau, đánh chửi nhau, hẳn thù kiện cáo nhau, thậm-chí mất cơ mất nghiệp cũng vì sự xôi thịt. Như thế lễ thần để cầu phúc hóa ra cầu họa thì ích gì.

Vậy từ nay việc tế-lễ nên cải-lương đừng dùng giấy vàng giấy bạc, cũng không nên bày ra nhiều xôi thịt, cốt lấy kính-thành là hơn.

### Diễn-thuyết việc Cương-cai

Cương-cai nghĩa là việc tế thần trong một năm trên dưới chiếu lượt ; hễ lên thượng-bàn thì phải đương-cai, làm lễ tế thần rồi để thôn giáp ăn ; nếu bỏ không làm thời sợ dân làng chê cười và phải truất ngôi ; vì thế nhà không có cũng phải vay công mượn nợ, hoặc bán ruộng nương để lo việc nợ miệng. Tục-ngữ có câu : « Một miếng của làng bằng một sàng của nhà, » lời nói ấy thực là đem miếng ăn làm phiền-lụy cho người ta, thế mà đời ông truyền đến đời cha, đời con truyền đến đời cháu, buộc lấy mãi mãi không thể cởi ra được. Lời ngạn bên Âu-châu có câu rằng : « Người ta ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn. » nghĩa là đã sống ở trên đời, phải nghĩ làm sao giúp đỡ cho xã-hội, ích-lợi cho đồng-bào, chứ không phải sống để chăm về miếng sỏ cho to, đĩa xôi cho lớn. Như tục nước mình, sự xôi cỗ rất là hủ-lậu quá. Trong dân có người bảo rằng tục - lệ của ông cha nỡ nào bỏ đi ; nhưng không biết nghĩ cơ-nghiệp điền-địa của ông cha mà không biết giữ, chỉ giữ cái lệ miệng ích gì ? Cũng có người suy-tị, trước mình phải làm lễ mất tiền, bây giờ người ta được bớt ; nhưng không biết nghĩ cái lệ ấy không bớt đi thời anh em con cháu mình, sau này lại phải đa-mang đeo nợ. Có người bảo tục dân nước mình có cỗ có phần thời mới phân kẻ trên người dưới ; nhưng không biết trên dưới đã có sổ nhân-danh và tọa-thứ ở đình. Vậy việc sự-lệ ăn uống nên cải-lương

đừng có bày ra xa-xỉ như trước mà đàn anh cũng không nên vin lệ cũ để bó buộc nhau thời trong dân mới có thể giàu thịnh.

### Diễn-thuyết việc yến-lão

Tục-ngữ có câu : « Sống lâu lên lão làng, » lại có câu : « kính lão đắc thọ ». Việc yến-lão cũng là việc trong nước mình. Khi lên lão cũng nên làm tiệc mời thân-bằng cố-hữu và dân làng đến ăn uống vui-vẻ, thực là lẽ phải ; nhưng lão giàu đã vậy, còn lão nghèo thì lo thế nào ? Nếu lão này khao-vọng thì lão khác cũng phải theo. Có người đến sáu bảy mươi tuổi, chạy ngược chạy xuôi, vay chỗ này mượn chỗ khác để lo việc mình được như lão kia. Tiền sau mang công nhiều nợ, lão lại phàn-nàn già chả trót đời. Như thế kính lão lại để phiền cho lão.

Vậy việc khánh-lễ đừng nên xa-phí như trước theo như hương-ước. Ông lão nào có thời nên nộp tiền lệ ít nhiều để sung công, còn ông lão nghèo nghỉ nên miễn ; đến như bảo mũ áo các ông lão thời tùy tục dân, đừng nên phiền như trước nữa.

### Diễn-thuyết việc khao-vọng

Nước văn-minh ai được danh-giá muốn mời anh em bạn hữu thì chỉ mời đến ăn bữa tiệc thôi, chứ không lễ khao-vọng gì cả. Tục nước mình người nào làm được chức-địch và có phẩm-hàm nếu không khao-vọng trong làng thì người ta xỉ-báng ; bởi vì người trước khao-vọng, mình đã trót ăn của người ta ; nếu khi mình có danh-vị mà không khao-vọng thời mang tiếng ăn bữa ; thậm-chí phải bán cả tư-điền thổ trạch đi để khao-vọng ; nhà không có cũng phải vay công mượn nợ mà làm. Thế thời chẳng qua nhập-khẩu thành-tàn, cứu ra không có ích gì cho xã-hội. Lời ngạn có câu : « Bất hư danh thụ thực-hại » Lại có câu : « được tiếng khen ho-hen chẳng còn » là nghĩa thế.

Vậy việc khao-vọng từ nay nên tỉnh-giảm tùy hạng nộp tiền chiết-can để sung công-quĩ.

### Diễn-thuyết việc thương-mại

Các nước Á-châu trọng việc buôn bán. Hưu-quan vẽ cũng nhiều ông đi buôn và các nhà giàu hợp của lại kể hàng vạn hàng triệu lập thành hội buôn. Người làm công kể có trăm người. Việc buôn-bán cũng đặt ra điều-lệ rất nghiêm như việc cai-trị vậy. Đồ hàng giá cao giá hạ đã có nhất định ; không như tục nước mình : « Nhà hàng nói thách, làm khách trả rẻ. » Ai mua đồ gì phải có giấy, nếu có phải đồ gì hư hỏng tự hiệu làm ra đem đến hiệu đổi lấy đồ khác cũng được, không như nước mình : « Tính ăn lãm thua, vô ý mất tiền. » Nên việc buôn-bán ngày thêm thịnh-vượng. Nước mình buôn-bán trước xưa, những phường so-cò tính mãng, buôn trâu bán chả, buôn bán hèn-mạt, còn những bậc tri-thức chưa mấy người đứng ra buôn ; thành ra những mỏ sắt, mỏ kẽm, mỏ than, cùng tơ chỉ, thóc, gạo, ngô, đỗ, các quyền-lợi to về tay nước khác cả. Gần mấy năm nay Nhà-nước Bảo-hộ, khai-hóa sự buôn-bán, dần dần mở-mang. Các quan và nhà giàu hợp của lại buôn cũng nhiều, nhưng xem ra khi mới lập hiệu thời chương-trình thật là chỉnh-đốn, không được mấy lúc hiệu đã tan rồi. Cứu lại nguyên-nhân đó có ba điều :

Một là không có thành-tín, người giữ tiền không có bụng thực, người góp tiền không có bụng tín, hoạn-đắc hoạn-thất, cùng nghi-nhị nhau. Trong hội người này mua chịu một ít, người khác cũng mua chịu một ít ; người này vay hội một ít tiền, người khác cũng vay hội một ít tiền, — đó nào cũng có ngàm, — lâu tiền vốn tan dần đi mất.

*Hai là không được kiên-nhẫn. Nay bỏ của ra, mai đã chực mong lời; nay buôn thứ này mai buôn thứ khác, lỡ buôn thứ gì lỗ vốn thời bụng đã thấy chán. Người chủ hiệu chán thời những người có phần chung cũng chán dần; bụng đã chán rồi phá ra chơi-bời, không tưởng suy-tính đến sự lợi-hại, mà những người làm công, nhân thể sinh ra huy-hoắc, cũng không ai biết đấy là đâu. Lâu lâu tiền vốn mất dần, thế là tan hiệu.*

*Ba là không có chế-độ. Đồ hàng-hóa khai-trương rặt là đồ ngoại-quốc. Mình buôn lại của người ta thời cái lãi người ta hưởng hết đi rồi; chẳng qua mình buôn lại kiếm lời quanh với nhau thôi. Khi bỏ tiền ra mua hàng trăm hàng nghìn, khi thu lại từng xu từng hào; nếu có lãi ít nhiều chỉ người làm công ăn hết, thế gọi là hồ người giấy người, khéo phất thời ăn, nếu không khéo thời lỗ cả vốn.*

*Nay xem làng ta đất hẹp người nhiều, ruộng-nương thời ít, nên cần phải nghĩ cách buôn-bán; hoặc buôn thóc gạo tơ lụa, những đồ thổ sản của nước mình nghĩ chế-tạo ra tiện dùng. Tơ lụa lại là quyền lợi lớn của nước mình. Nếu lập ra xưởng dệt cho khéo, bảo nhau người mình dùng của mình, ấy là lợi to.*

### Diễn-thuyết việc công-nghệ

*Các nước Âu-châu công-nghệ một ngày một tinh-xảo, một ngày một phát-đạt, vì trong nước ai nghĩ chế được đồ gì tiện-lợi, thời Nhà-nước giúp tiền để làm thành nghề, rồi lại cho giấy khen và cho bằng chuyên-lợi, còn cái máy gì khó thời nhà-nước định huyền-thưởng, nên ai cũng hết lòng hết sức nghĩ làm cho được. Nước ta kỹ-nghệ chỉ có đồ thêu đồ khảm một hai thứ đem ra đấu-xảo với các nước. Những đồ ấy chỉ có nhà quan và nhà giàu mới dùng đến; chưa thấy chế được mấy thứ để tiện cho dân-gian dùng. Vả con nhà nghề lâu nay nhiều thói hủ-bại, chẳng những thợ may bớt giẻ, thợ vẽ bớt hồ, thợ sơn bôi bác, thợ bạc lọc lừa, thậm-chí người nào chế được cái gì lợi lại giấu đi không cho ai bắt-chước, để lợi riêng một mình. Cũng có người hễ thấy ai chế được nghề gì khéo chực học lỏm để kiếm lời không chịu nghĩ ra cách cho khéo hơn. Lại có người mình đã vụng không làm được, thấy người ta làm chực đem lòng đố-kỵ phá-hại của người ta. Có người chế được đồ gì đem bán, thấy người ta mua rẻ cứ lấy đồng tiền làm lào, sau sinh ra làm dối để bán cho chạy hàng; không trách đồ gì so-sánh với các nước cũng thua kém. Lại còn có người học được nghề gì khéo chỉ đi làm kiếm lương ăn, không chịu đem cái nghề khéo của mình để tổ-chức việc công-xưởng trong làng. Thế thời mong bao giờ được giàu thịnh như các nước. Tuy nước mình xưa chế-tạo cũng có đồ khéo, như xã Kim-động và xã Hại-nại (thuộc tỉnh Hưng-yên) chế được nón lông, quạt lông; xã Chuyên-mĩ (Hà-đông) chế đồ sà-cừ; xã Tô-lịch (tỉnh Hà-nam) chế đồ đồi-mồi; xã Long-tiên (Hà-nam) chế đá hoa; xã Đại-bái, xã Đồng xâm (tỉnh Thái-bình) làm đồ vàng bạc, đồ tam-khí; xã Nhị khê chế đồ gỗ tiện; xã Kiêu-kỵ chế vàng quỉ; xã Tây hồ chế thuốc nhuộm; xã Quần-anh (Nam-định) chế lụa đậu; vân-sa thời xã Cổ-đô Sơn-tây; nón dừa thời tỉnh Quảng-nam; gối mây tỉnh Quảng-bình; nhiễu nam ở tỉnh Khánh-hòa; lương sa ở xã Tuy-viễn (tỉnh Bình-định), lụa tốt ở Thụy-nguyên (Thanh-hóa), đó là những đồ có danh-tiếng ở nước mình. Nhưng xem ra ngày trước việc công-nghệ phần nhiều về hạ-lưu; còn như bậc thượng-lưu, trung-lưu không mấy người lo nghĩ đến, vì là Triều-đình chuyên trọng khoa-cử, nên khiến những người tài-*

*trí thông-minh chăm chăm mài-miệt về cái cuộc ấy, đến nỗi già đời không ích gì cho quốc-dân.*

*Nay nước Bảo-hộ đã mở trường kỹ-nghệ để khai-hóa cho nước mình, xem cũng nhiều người tinh xảo. Xã ta đây người nhiều, học trò cũng nhiều, huynh-thứ nên khuyên bảo con em đi học nghề và nghĩ cách chế-tạo những đồ dùng cho tiện-lợi thời việc công-nghệ có phần phát-đạt hơn ngày xưa.*

*Than ôi! nước ta địa-thế bề rộng bề dài vuông* hai-mươi bảy vạn « cây-lô-mét » *mà mỏ than mỏ dầu, mỏ vàng mỏ bạc, mỏ đồng mỏ kẽm, thông Trung Nam Bắc ba kỳ chỗ nào cũng có khoáng-sản. Sinh ra khoáng-sản là công ở Tạo-vật mà thành được khoáng-sản ấy là công ở bác-vật; có Tạo vật lại phải có bác-vật ra tay chế-tạo thời công-nghệ mới được hoàn-toàn. Cuối đời nhà Trần đương niên-hiệu Vĩnh lạc, nhà Minh sai quan chia coi vàng bạc và lò muối. Lúc ấy lợi-quyền các mỏ về tay người Tàu cả. Đến triều vua Gia-long năm thứ mười, sai ông Lý Gia-Du giám-đốc các mỏ xứ Bắc-kỳ. Triều vua Minh-mệnh năm thứ hai, sai các quan khám xét các mỏ ở biên tỉnh Bắc-kỳ, đặt ra chín sở để khai mỏ, nhưng phần nhiều về người Khách đứng trông coi, bởi vì người nước mình xưa nay chưa có ai lý-hội đến khoáng-học thành ra thua kém người ta. Tây-lịch năm 1884, niên-hiệu Kiến-phúc, nước Bảo-hộ có nghị-ước dựng cột đèn các chỗ hải-đảo ở Nam-kỳ Bắc-kỳ cũng là cách-thức khai mỏ. Từ đấy khoáng-sản dần dần mở-mang mà sự hóa-học cũng được một ngày một tiến-bộ.*

*Ông Nguyễn Toản là tay hóa-học ở xứ Bắc-kỳ. Ông người làng Nhân-mục (Hạ-đình, Hà-nội) anh ruột quan nghè Khuê, học chữ nho cũng uẩn-súc mà tân-học cách-trí lại được tinh-túy hơn, hiện có soạn một bộ « Điện-học diễn-nghĩa » dịch thành quốc-âm, sách ấy có bổ-ích cho khoa-học cách-trí.*

*Triều vua Thành-thái năm thứ chín, đương Tây-lịch năm 1897 quan cai-trị người Pháp là ông Xương. — Ông* (CHÉON) *ở Hà-nội có vấn-đề về khoa hóa-học; bài trả lời của ông Toản phát-minh ra nghĩa thâm-thúy không kém gì người học cách-trí bên Tây. Ông Xương, Ông vỗ tay thán-thưởng, đặc-cách tư cho chức Hàn-lâm. Triều vua Duy-tân thứ ba, Tây-lịch năm 1909 người làng là tú-tài Đặng Ngọc-Hân đóng tiền rước ông ấy về làng học, cũng đã thành được nhiều nghề.*

### Diễn-thuyết việc hương-ước

*Hợp làng thành nước, làng có hay thì nước mới hay. Muốn cho phong-tục hay thời trên dưới phải bảo nhau chăm chỉ làm ăn, đừng nên kiện cáo; nhưng cốt tại dân anh dựng hương-ước cho dân theo, mà phải có lòng công-ích mới được. Người ta sinh ra ở trong xã-hội làm người dân anh biết quí cái giá-trị của mình thời nên hết bổn-phận của mình; bổn-phận của mình phải giúp đỡ công việc cho đàn em; không những là việc quan, đến như việc nông-tang việc buôn-bán, việc công-nghệ cũng phải mở-mang mọi việc cho dân có nghề làm; và hiểu bảo đàn em phải tuân theo hương-ước. Tự mình cũng đừng làm sự gì trái hương-ước. Người dưới phải theo lời người trên, người trên đừng ăn hiếp người dưới. Phòng trong dân có người nào hiềm-thù sự gì thời lấy nghĩa-lý hiểu bảo để cho hai bên thuận hòa, đừng để kiện cáo lôi-thôi. Như thế thời phong-tục mới có thể cải-lương được.*

∴

Khi dựng hương-ước xong, tự nghĩ trong làng nhiều thế-gia cự-tộc, các

quan ai cũng có anh em họ hàng, thầy tớ lỗ có sự gì phạm đến hương-ước thường hay bênh nhau, che chống cho nhau sợ thi-hành không được. Nhân có người thân-thích lỡ phạm vào điều luật vi-cảnh, đến kêu với ông xin khoan-thứ cho. Ông không nghe bảo rằng : « Ta không có bụng nghiệt gì với chúng mình đâu, nhưng phép nước lệ làng không thể bênh ai được, cứ phải tuân lệnh nộp phạt để sau này còn răn cấm người ta. »

Làm tiên-chỉ được năm năm việc làng xếp đặt cũng tiệm được yên-ổn, bèn từ tiên-chỉ. Lúc ấy huynh-thứ trong làng đến kêu : « Tự khi quan lớn trông coi việc dân đến giờ dựng đặt hương-ước và các việc điều-độ cũng được chu - tất cả, xin ngài giữ khoán cho dân mấy năm nữa, nếu ngài từ thì cũng khó có người thay.

Ông quyết từ mà rằng :

« Dân ta cũng nhiều quan, không có lẽ một mình tôi giữ làm mãi, người biết ra đã vậy, người không biết ra lại bảo tuổi đã già còn tham lộc của dân. »

Huynh-thứ nghe nói không dám cưỡng. Nhân bấy giờ huynh-thứ và thân-sĩ xã Lại-trì thuộc phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình, nghe tiếng ông từ tiên-chỉ, đều xin rước ông về làng, mở trường để học trò trong dân học.

*(Còn nữa)*

ĐẶNG NGUYỄN-KHU

# KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

## XI

Tống Hoa-Nguyên thu xếp việc hòa-hiếu cho Tấn với Sở. Mùa hạ năm Thành-công thứ 12. Tấn Sĩ-Nhiếp, hội minh với Sở Công-tử Bì và Hứa Yển ở ngoài cửa Tây-môn nước Tống. Minh-thư có nói rằng : « *Từ đây Tấn với Sở không đánh lẫn nhau, Sự gì yêu hay là ghét thì hai nước phải đồng-ý nhau. Cùng lo liệu sự tai nguy, cứu giúp sự hung hoạn cho nhau. Nếu nước nào hại Sở thì Tấn phải đánh. Đối với Tấn thì Sở cũng phải như thế. Sứ thần hai nước mang đồ chi-lễ đi lại với nhau, đường xá không đâu được ngăn trở. Hai nước cùng phải lo điều-đình cho những nước Chư-hầu nào bất hòa với nhau. Phải trừng-trị những nước Chư-hầu nào không vào chầu vương-đình nhà Châu. Bên nào bội lời thề này thì thần-minh chu diệt, khiến cho phải bại quân mà không được hưởng phúc ở nước mình.* »

Mùa hạ năm Thành-công thứ 13. Tấn-hầu sai Lã-Tướng đem ý mình nói để tuyệt giao với Tần rằng : « *Ngày xưa vua Hiến-công tôi với vua Mục-công Tần cùng kết-hiếu để đồng-tâm lực-lực với nhau. Đã làm lễ minh-thệ lại kết nghĩa hôn-nhân. Sau trời giáng họa cho Tấn, Văn-công thì chạy sang Tề, Huệ-công thì chạy sang Tần. Chẳng may vua Hiến-công tôi lại mất. Nhưng vua Mục-công Tần không quên cái tình kết-hiếu với tiên-công tôi, giúp cho vua Huệ-công lại được về thừa tự nước Tấn tôi. Song việc ấy cũng không thành công-cán gì mà xui ra trận đánh nhau ở Hàn. Bấy giờ vua Mục-công cũng biết hối ngay, lại giúp cho vua Văn-công tôi về. Thực là nhờ ở công của vua Mục-*

*công tác-thành cho cả. Xem vua Văn-công lúc xuất-bôn ra, thân mặc đồ giáp-trụ, lặn suối trèo đèo, trải khắp mọi nơi nguy-hiểm. Ngài đi trải các nước Chư-hầu đông-phương là những nơi đông-đôi các đời Ngu, Hạ, Thương, Châu, thế mà lại về chầu Tần thì biết vua Văn-công đã báo đáp lại cái ơn cũ Tần rồi đó.*

*Người Trịnh lẫn vào bờ-cõi Tần. Vua Văn-công tôi đem quân Chư-hầu và quân Tần đến vây Trịnh. Thế mà các quan đại-phu Tần không hề bàn-bạc gì với vua Văn-công tôi, cứ tự-tiện minh-thệ với Trịnh. Chư-hầu người ta đều giận, định sống chết với Tần. Vua Văn-công tôi thấy thế sợ hãi lắm, phải yên-ủi cho Chư-hầu bằng-lòng. Vì vậy mà quân Tần trở về được vô-sự. Thế là Tần tôi có công lớn với bên tây nhiều lắm đó.*

*Chẳng may vua Văn-công tôi mất. Vua Mục-công không thương đến mà khinh-miệt cả kẻ khuất người còn. Đem binh trận qua đất Hào của nước tôi, dùng mẹo làm đoạn-tuyệt tình giao-hiếu với nước tôi. Đánh Bảo-thành, diệt Phi, Hoạt của nước tôi làm cho các nước huynh-đệ chúng tôi li-tán, các nước đồng-minh chúng tôi rối-loạn để mà lật đổ quốc-gia của chúng tôi đi.*

*Vua Tương-công tôi chưa quên cái ơn cũ của Tần thật, nhưng lại sợ xã-tắc nước tôi sẽ bị tan-tành vì Tần, nên mới có trận đánh Tần ở đất Hào. Làm như thế cũng là mong cho vua Mục-công hối lại mà tha tội cho. Nhưng ngài có nghe cho đâu. Ngài bèn hợp với Sở mà mưu hại nước tôi. Cũng may trời bênh lẽ phải mà Thành-vương Sở bị giết, nên vua Mục-công mới không được thỏa-chí với nước tôi.*

*Đến khi Mục-công với Tương-công đều mất. Bên Tần thì vua Khang-công, bên tôi thì vua Linh-công cũng lên nối ngôi. Khang-công chính là bà Cơ bên tôi sinh ra đấy. Thế mà ngài cũng lại định phá đổ công-thất, lật nghiêng xã-tắc bên tôi. Đem những quân mâu-tặc của nước tôi về cho nó làm dao-động cả biên-cương của nước tôi. Vì thế mà nước tôi mới có trận đánh Tần ở Lệnh-hồ. Nhưng nào Khang-công có chừa đâu. Kéo vào Hà-khúc đánh miền Thúc-xuyên của nước tôi. Bắt dân ở Vương-quan đi làm tù, cắt đất Cơ-mã. Vì vậy nước tôi phải đánh Tần ở Hà-khúc, Tần mà không thông hành sang đông-đạo được là vì Khang-công đoạn-tuyệt tình giao-hiếu với nước tôi vậy.*

*Đến khi nhà vua lên nối ngôi (Tần Hoàn-công) thì vua Cảnh công bên tôi chỉ nghển trông sang bên tây mà mong rằng: « Ngõ-hầu ngài đặt yên cho nước ta. » Kế đó lại có lễ đồng-minh, nhưng ngài cũng chẳng đoái tình. Ngài thấy nước tôi có cái loạn tự Địch thì lấy làm may. Đem quân vào Hà huyện đốt phá hai ấp Cơ, Cảo của nước tôi. Tàn-hủy việc nông-công, giết hại dân biên-ải của nước tôi. Vì vậy nước tôi phải đóng binh ở Phụ-thị để phòng-ngữ.*

*Ngài thấy thế thì cũng biết hối rằng cái họa binh-cách sẽ dai-dẳng mãi. Ngài muốn cầu phúc với hai đức tiên-quân là Hiến-công bên tôi với Mục-công bên ngài. Nên ngài sai Bá-Xa sang bảo vua Cảnh-công tôi rằng: « Tôi với ông cùng hòa hiếu với nhau mà bỏ cả lỗi trước đi. Lại cố-kết lấy tình nghĩa cũ mà truy-niệm đến công-nghiệp xưa. » Lời minh-thệ ấy chưa thành thì vua Cảnh-công tôi tạ thế! Quả-quân tôi nay bèn mở tiếp cuộc hội-minh ở Lệnh-hồ.*

*Ngờ đâu ngài lại đem lòng bất-tường, phản-bội lời minh-thệ. Rợ Bạch-địch ở cùng khu-vực với ngài, nó là kẻ cừu-thù của ngài mà là họ hôn-nhân của nước tôi. Ngài truyền mệnh-lệnh cho*

*nước tôi rằng: « Tần với Tấn cùng đánh rợ Địch ». Quả-quân tôi sợ uy ngài; không dám đoái đến tình nhân-nghĩ. Phải vâng lệnh của sứ-giả ngài ngay.*

*Ngờ đâu ngài lại nhi-tâm với rợ Địch mà bảo nó rằng: « Tấn sắp đánh nước mi đấy.» Rợ Địch nó tuy vâng lời ngài mà bụng nó thì thực ghét. Nó lại cho sang mách nước tôi.*

*Người Sở họ ghét ngài ăn ở thất-thường, họ cũng cho sang bảo nước tôi rằng: « Tần bội lời thề ở Lệnh-hồ mà sang cầu mình với nước tôi. Tần đã làm lễ chiêu-cáo với đức Hiệu-thiên thượng-đế, với ba đức tiên-công Tần, ba đức tiên-vương Sở rằng: « Nước tôi tuy đi lại với Tấn, nhưng chỉ vì điều lợi đó thôi. » Bất-cốc này thấy vua Tần ở phản-trắc như thế mà ghét, nên tuyên-cáo việc ấy cho Chư-hầu biết để mà trừng-trị kẻ không có bụng nhất-tâm đi. » Các nước Chư-hầu người ta đều nghe được lời ấy cả. Ai cũng căm tức mà kéo đến xin hợp với quả-nhân. Vì vậy quả-nhân phải đưa Chư-hầu đến đợi mệnh-lệnh ngài. Chúng tôi chỉ cốt cầu lấy hòa-hiếu. Nếu ngài đoái đến Chư-hầu, thương đến quả-nhân mà cho chúng tôi được cùng ngài minh-thệ thì quả-nhân ơn ngài, và xin theo ý ngài để yên-ủi cho Chư-hầu ở đâu về đấy chứ còn dám gây ra họa-loạn làm gì.*

*Còn như ngài mà không cho chúng tôi được đội ơn lớn của ngài, thì quả-nhân này không biết nịnh xin thú thực: Thế nào quả-nhân cũng không khiến cho Chư-hầu người ta lui binh được.*

*Vậy xin ngỏ hết cùng các quan chấp-sự, xin các quan nghĩ kỹ.»*

Tháng năm. Quân Tấn đem quân Chư-hầu đánh nhau với quân Tần ở Ma-toại; quân Tần thua.

**7 — K. — Công đến hội với Tấn-hầu Vệ-hầu Trịnh-bá, Tào-bá, Tống Thế-tử Thành, Tề Quốc-Tá, người Tiêu-Châu cùng đồng-minh ở đất Thích. Tấn hầu bắt Tào-bá giải về Kinh-sư**

T. — Tấn-hầu bắt Tào-bá (Giết Thái-tử tự-lập). Chư-hầu toan vào chầu Vương mà lập Tử-Tang (con thứ vua Tào làm vua Tào. Tử-Tang xin từ nói rằng: « Sách xưa có nói rằng: « *Bậc thánh thì đạt tiết, bậc thứ thì thủ tiết, bậc dưới nữa thì thất-tiết.* » *Việc làm vua không phải là cái tiết-hạnh của tôi. Tôi tuy không phải là bậc thánh, nhưng dám đâu bỏ cái tiết-hạnh mà tôi vẫn giữ đi được.* »

Tử-Tang bèn trốn sang Tống

**8 K. — Tấn-hầu với Sở-tử, Trịnh-bá đánh nhau ở Yển-lăng. Quân Sở quân Trịnh thua**

T — Tấn-hầu đánh Trịnh. Sở-tử cứu Trịnh, quân Sở trấy qua ấp Thân. Tử-Phản vào ấp Thân yết-kiến Thân-Thúc. Thì và hỏi rằng: « *Quân ta đi trận này thế nào?* » Thân Thúc-Thì thưa: « *Đức, hình, tường, nghĩa, lễ, tín là những khí-giới để chiến-tranh đó. Đức để thi ơn. Hình để trị gian. Tường (điềm lành) để thờ thần. Nghĩa để đặt lợi. Lễ để thuận tự. Tín để giữ việc. Dân-sinh phong-hậu, đạo đức được chỉnh đốn. Dân-dụng có lợi ích, sự thần có tiết-độ. Trật-tự thuận hàng, công việc thành-tựu. Như thế thì trên dưới hòa mục, hành-vi không có trái ngược gì. Nhà nước cầu sao được vậy, ai ai cùng biết cái chức phận đương-nhiên. Châu-thi có câu rằng: « Khắp hòa dân-sự ai ai, chính-trung đều phải lấy ngài làm nêu.» Như thế sẽ được thần giáng phúc, mùa-màng không tai-hại, dân-sinh thịnh-vượng, hòa-đồng mà nghe theo người*

*trên. Ai mà chẳng tận lực để phục-tùng mệnh-lệnh, liều chết để xông vào chỗ chiến-trường. Ấy sở-dĩ hễ chiến đấu là thắng đấy đều bởi đó. Nay nước Sở, trong thì không thiết gì đến nhân-dân ngoài thì đoạn-tuyệt tình giao-hiếu với lân-quốc. Cho sự minh thệ làm thường, thề rồi lại ăn lời ngay được. Động-binh trái với mùa-màng, bắt dân vất-vả cho mình thỏa chí. Dân đã không biết lấy gì làm tin lệnh thì hoặc tiến hoặc thoái cũng sợ bị tội lỗi. Người nào thiết thân người ấy thì còn ai chịu ra mà liều chết cho. Ông phải gắng lên chứ tôi thì không được trông thấy ông nữa.»*

Hai quân Tấn Sở gặp nhau ở Yền-lăng Phạm Văn-tử không muốn chiến. Khước Chí nói: « *Trận ở Hàn, vua Huệ-công thua chết. Trận ở Cơ, ông Tiên-Trần không trở về. Trận ở Bật ông Thuân-bá phải chạy, đó là những cái sỉ của Tấn cả. Ông cũng đã trông thấy những việc tranh chiến ở đời tiên-quân đấy. Nay ta lại tránh Sở thì lại càng sỉ thêm.* »

Văn-tử nói: « *Ở đời tiên-quân ta mà phải tranh-chiến luôn, là vì bấy giờ Tấn, Địch, Tề, Sở họ đều cường-thịnh cả. Nếu không hết sức chiến-đấu thì con cháu sẽ bị suy-vong với họ. Nay tam-cường đã phải phục ta rồi. Ta chỉ còn phải địch với Sở mà thôi.*

*Chỉ có bậc thánh-nhân trị nước thì mới không có ngoại-ưu nội-hoạn được. Còn như không phải là bậc thánh-nhân, thì hễ không có ngoại-hoạn tất có nội-ưu, như thế thì thà tha cho Sở để nó làm ngoại-hoạn cho vua ta có hơn không.* »

Quân Sở bị sa vào chỗ nguy-hiểm. Đêm vua Sở trốn. Quân Tấn kéo vào chỗ đồn quân Sở ăn ba ngày lương. Phạm Văn-tử đứng ở trước ngựa nhung-mã của vua mà nói rằng: « *Vua thì còn nhỏ mà quần-thần chúng tôi thì đều bất-tài, vậy vì đâu mà được thế này, xin ngài nghĩ đấy. Sách Châu-thư có nói rằng: « Mệnh trời không có thường », nghĩa là trời chỉ yêu người có đức.* »

Tấn Lệ-công từ trận Yền-lăng về, càng kiêu-ngạo, có nhiều kẻ tin yêu ở ngoại triều. Lệ-công muốn khử cả các quan đại-phu đi mà lập bọn tả-hữu ấy lên. Vì vậy người Tư-Đồng đánh giết nhà họ Khước mà phanh thây cả ra chốn triều-đường.

Năm Thành-công thứ 18. Loan-Thư sai Trình-Hoạt giết Lệ-công, chỉ dùng một cỗ xe ngựa đưa ra chôn ở ngoài cửa Dực-đông-môn.

Tấn Điệu-công lên nối ngôi. Mới truyền mệnh-lệnh cho bách-quan. Thi ơn huệ; bãi công-dịch; tha cho những khoản đóng góp còn thiếu; ban cấp cho những kẻ quan-quả; chấn hưng những việc phế trệ; cứu giúp những bọn thiếu-túng; đỡ bọn tai-hoạn; cấm sự dâm-ác; giảm thuế-lệ; tha tội-lỗi; bớt đồ khí-dụng. Sai dân tùy lúc; muốn làm việc gì phải lựa không phạm vào mùa-màng. Cho Ngụy-Tường, Sĩ-Phương, Ngụy Hiệt làm quan Khanh; Tuân-Gia, Tuân-Hội làm Công-tộc Lại-phu để huấn-luyện cho con em các nhà quan Khanh lấy những điều cung kiệm hiếu đễ. Cho Sĩ Trinh-tử làm Thái-phó để chỉnh-đốn lại chính-sách của Phạm-Vũ-tử. Cho Hữu-Hàng Tân làm Tư-không để chỉnh-đốn lại chính-sách của Sĩ-Vĩ.

Phàm các trưởng-quan về sáu bộ đều là những người có danh-tiếng, dân đã khen-ngợi. Cử ai làm chức gì không trái với cái tài của người ta. Ban tước cho ai đều xứng với cái đức của người ấy. Dân không oán-thán vào đâu được, cho nên Điệu-công lại khôi-phục được bá-nghiệp.

## IX.— ĐỜI VUA TƯƠNG-CÔNG

(Làm vua được 31 năm, năm đầu là kỷ-sửu. Châu-Giản-vương năm 14. Trước kỷ-nguyên 572)

.·.

Năm Tương-công thứ ba. Tấn Kỳ-Hề xin cáo lão. Tấn-hầu hỏi nên cho người nào nối chức được. Kỳ-Hề bèn cử Giải-Hồ chính là người thù của Kỳ-Hề. Tấn-hầu sắp-sửa lập Giải-Hồ lên thì y chết. Tấn-hầu lại hỏi người khác, Kỳ-Hề thưa rằng: « Có Kỳ-Ngọ (con Kỳ-Hề) khá. »

Bấy giờ Dương-Thiệt Chức (Tả-quan giúp Kỳ-Hề) cũng lại chết. Tấn-hầu hỏi: « Ai thay được? » Kỳ-Hề thưa: « Có Dương-Thiệt Sích (con Dương-Thiệt Chức) khá. »

Tấn-hầu bèn cho Kỳ-Ngọ làm Trung-quân Uý, Dương-Thiệt Sích làm quan Tả.

Lời phê của Tả-truyện: Quân-tử cho Kỳ-Hề là người biết cử thiện. Cử người thù mà không phải là siểm, lập con lên mà không phải là tây-vị; đề-bạt con nhà cựu-thuộc mà không phải là bè-đảng. Sách *Thượng-thư* có nói rằng: « Vương-đạo quảng-đãng, không đảng không thiên. » chính là Kỳ-Hề đó.

.·.

Đạo quân của Dương-Can là em Tấn-hầu ở Khúc-lương rối loạn cả hàng-trận. Ngụy Giáng bèn sai chém tên đánh xe của Dương Can. Tấn-hầu giận lắm, bảo Dương-Thiệt Sích rằng: « *Ta hội Chư-hầu là để cho được vinh-hiển, thế mà Dương Can bị hình thì ta nhục còn gì bằng, thế nào ta cũng giết Ngụy Giáng chứ không tha.* » Dương-Thiệt Sích thưa: « *Giáng là người không có nhị-tâm. Thờ vua không tránh hoạn-nạn, thì có tội tất không trốn hình-phạt. Tốt y sẽ đến giãi bày bây giờ, ngài cần gì phải hạ lệnh vội.* » Nói vừa xong, Ngụy Giáng đến đưa thư cho lính hầu rồi toan phục xuống gươm mà chết. Sĩ-Phương ngăn lại.

Tấn-hầu đọc thư của Ngụy Giáng rằng: « *Bữa nọ nhà vua thiếu người sai khiến mà cho thần làm chức Tư-mã này. Thần nghe sách có nói rằng: Việc binh lấy sự thuận tùng làm uy-vũ. Kẻ đi việc binh đành chết không dám trái lệnh, ấy là cung-kính. Nay nhà vua hội họp Chư-hầu, thần đâu dám làm điều bất-kính. Quân nhà vua mà không có uy-vũ, bọn chấp-sự chúng tôi mà làm điều bất-kính, thì còn tội gì lớn hơn.*

*Thần sợ rằng việc đối-loạn hàng-trận ở trong đạo quan ông Dương-Can mà thần im đi thì thần đã không tránh khỏi tử-tội, mà ông Dương-Can cũng không khỏi liên-lụy. Vì thần không biết huấn-luyện quân-sĩ mà phải dùng đến lệnh gươm thời tội thần rất nặng, dám đâu không phục-tùng hình-pháp của nhà vua để ngài thêm giận. Vậy xin nộp cái tử-thi này cho quan Tư-khấu.* » Điệu-công vội chạy chân không ra nói rằng: « *Lời quả-nhân nói là thuộc về tình thân-ái; việc của ông xử là thuộc về phép quân-lễ. Quả-nhân có em mà không giáo-huấn được, để cho phạm vào phép lớn là lỗi của quả-nhân đó. Thôi ông đừng làm để thêm lỗi cho quả-nhân nữa. Quả-nhân xin ông.* » Tấn-hầu cho Ngụy-Giáng là biết lấy pháp-luật mà giúp cho dân. Trận ấy về, Tấn-hầu thiết tiệc đãi Ngụy-Giáng rồi cho làm Tả đạo Tân quân.

### 1-K— Chúc-Tôn Báo sang sứ Tấn

T.—Mục-thúc (tức Thúc-Tôn Báo) sang sứ Tấn để đáp lại lễ sinh của Trí Vũ-tử Tấn. Tấn-hầu đãi yến. Nhạc-công khua chuông rồi hát ba chương « *Tử-*

*hạ* (1) ». Mục-thúc không bái tạ, Nhạc-công lại hát ba chương « *Văn-vương* (2) ». Mục-thúc cũng không bái tạ. Nhạc-công lại hát ba chương « *Lộc-minh* (3) ». Mục-thúc bái tạ ba lần.

Hàn Hiễn-tử sai quan Hành-nhân ra hỏi rằng : « Ông đem quân-mệnh đoái tới tệ-ấp tôi. Chúng tôi theo lễ của tiên-quân, gọi là có khúc ca nhạc để đãi ông. Nhưng sao khúc nhạc trọng thì ông không bái tạ mà khúc nhạc thường thì ông bái tạ đến ba lần. Thế là lễ gì ? » Mục-thúc thưa : « Thơ *Tử-hạ* » là dùng khi Thiên-tử đãi các vua Chư-hầu, sứ-thần tôi không dám dự. Thơ « *Văn-vương* » là dùng khi hai vua hai nước tương-kiến nhau, sứ-thần tôi không dám nhận. Duy có thơ « *Lộc-minh* » là có nghĩa nhà vua bên này đãi quả-quân tôi. Nên tôi phải bái tạ . Thơ *Tử-mẫu* (4) *là nhà vua yên-ủi* kẻ sứ-thần tôi, nên tôi lại phải bái-tạ Thơ « *Hoàng-hoàng giả-hoa* (5) là có ý nhà vua dạy kẻ sứ-thần tôi rằng : « *Phải nên tư-vấn châu-toàn.* » Tôi xem câu ấy có những nghĩa là : *Tư-vấn điều phải, tư-vấn người thân, tư-vấn điều lễ pháp, tư-vấn việc chính-trị và tư-vấn sự khó khăn.* Ấy tôi được nghe năm điều hay như thế *nên tôi lại phải bái-tạ.*

Năm Tương-công thứ tư vua nước Vô-chung là Gia-phủ sai Mạnh-Nhạc sang Tấn nhờ Ngụy-Giảng để nộp những da hổ báo mà xin Tấn hòa với các rợ Nhung. Tấn-hầu nói rằng : « *Nhung địch nó không có bụng thân-mục với ai mà lại tham. Không bằng đánh đi.* Ngụy Giảng thưa : « *Tuy Chư-hầu mới qui phục, Trần mới xin hòa với nước ta, nhưng họ cũng còn xem ý ta. Hễ ta ở có đức-nghĩa thì họ theo, mà không thì họ giở đó. Nếu ta vất-vả đem quân đi đánh Nhung thì Sở tất đánh Trần, mà ta không cứu Trần được, thế là ta bỏ Trần đó, bấy giờ tất các nước trung-hoa người ta phản ta cả. Rợ Nhung cũng như loài cầm thú mà thôi. Phục được rợ Nhung mà bỏ mất các nước trung-hoa thì chả ra không hay lắm dư.* » Bấy giờ Tấn-hầu thích đi săn, cho nên Ngụy Giảng nói luôn rằng : « *Ngày xưa lúc nhà Hạ suy, Hậu-Nghệ thiên-đô sang đất Hữu-cùng, cậy mình tài bắn, không chăm việc dân mà chỉ đam việc săn bắn. Dùng người Súc là đứa con em sàm-nịnh của họ Bá-minh nước Hàn Súc, siểm mị bọn nội-cung, đút lót các quan ngoài mà ngu-lộng cả dân-sự. Súc lại làm cho Nghệ càng vui-thú về việc đi săn để lừa lấy quốc-gia của Nghệ. Bọn gia-thần của Nghệ giết Nghệ. Súc lại cậy tài khéo gièm-pha trá-ngụy của mình mà không thi ân-trạch cho dân. Bấy giờ Mỹ là di-thần nhà Hạ chạy ra nước Hữu-cách, bèn diệt Súc mà lập vua Thiếu-khang nhà Hạ. Đó là vì có Nghệ với Súc ở thất nhân-tâm cả.*

*Cho nên khi ông Tân-Giáp làm quan Thứ sử nhà Châu. Ông truyền bách-quan ai nấy cứ theo chức-sự của mình mà làm một bài « trâm » để khuyên ngăn điều lỗi cho vua. Bài « trâm » của quan Ngu-nhân (chức coi việc đi săn) rằng : « Mênh-mang cái bờ cõi vết chân vua Vũ, đã chia ra làm chín châu và mở ra chín con đường kia, nhân-dân thì có nhà để ở, có miếu để thờ. Cầm-thú thì có những nơi cỏ rậm để ở ăn. Thế là dân với vật đều có nơi ăn chốn ở,*

---

1 — Nhạc chương này chép ở sách Châu-lễ.

2, 3 — Hai nhạc-chương này đều chép ở thiên Đại-nhã sách Châu-thi.

4 — *Tử-mẫu* 子 牡 = Tên bài thơ.

5 — *Hoàng-hoàng-giả hoa* 皇 皇 者 華 = Tên bài thơ. Hai bài thơ này cùng ở thiên Đại-nhã sách Châu-thi.

*không quấy rối nhau. Đến đời vua Hậu-Nghệ, ham đi săn, chỉ nghĩ đến chim-muông chứ không lo gì việc nước. Lấy được nhà Hạ đó mà không mở-mang ra được. Thế thì biết việc vũ không đủ trọng. Kẻ thế-thần này biết việc rừng nội, có mấy lời thưa với quan hầu. » Bài « trâm » của quan Ngu-nhân như thế há không nên nghĩ dư ? »*

Tấn-hầu hỏi : « *Thế thì không gì bằng hòa Nhung dư ?* » Ngụy Giáng thưa : « *Hòa Nhung có năm điều lợi là : Người Nhung-địch ăn ở tu-bạ, qui ngoại-hóa mà khinh thổ-sản. Hòa với họ thì ta có thể buôn được những vật thổ-sản ấy, đó là một điều lợi. Hòa với họ rồi thì nơi biên-cương yên-ổn, dân được làm ăn vui vẻ ở nơi điền-dã mà nhà nông phát-đạt, đó là hai điều lợi. Hòa rồi thì Nhung-địch phải phục sự Tấn, lân bang đều chấn động mà Chư-hầu phải nể-vì, đó là ba điều lợi. Lấy đức phục được rợ Nhung mà quân-lính không hề mỏi-mệt, đồ giáp-binh không hủy-hoại tí gì, đó là bốn điều lợi. Soi gương vua Nghệ, lấy đức tu-thân mà gần được yên xa phải phục, đó là năm điều lợi. Xin ngài nghĩ xem. »* Tấn - hầu bằng lòng, cho Ngụy-Giáng đi hội - minh với các rợ Nhung, rồi sửa-sang việc dân. Còn sự đi săn bắn thì định ra có mùa riêng.

**2 — K. Qui-tôn Hành-phủ mất**

T —Năm Tương-công thứ năm. Qui Văn-tử (Qui-tôn Hành-phủ) mất. Qui Văn-tử làm Tướng-quốc giúp ba đời vua mà không có của-cải gì để riêng. Vợ lẽ không mặc áo lụa. Ngựa không cho ăn thóc. Không có chứa để những đồ vàng ngọc, hoặc những đồ giáp-binh phòng-bị gì. Quân-tử coi đó biết Qui Văn-tử là người trung với nhà nước.

**3 — K. Người Trịnh lấn nước Sái, bắt được Sái Công-tử Nhiếp**

T. — Năm Tương-công thứ tám. Trịnh Tử-Quốc, Tử-Nhĩ vào ăn cướp nước Sái, bắt được Sái Công tử Nhiếp. Người nước Trịnh ai cũng mừng, duy có Tử-Sản không theo chúng. Tử Sản nói : « *Phàm nước nhỏ không có văn-đức mà lại có vũ-công là cái họa rất lớn đó. Rồi đây Sở vì Sái đến đánh ta, ta có thể không phục Sở được chăng ? Ta phục Sở thì tất quân Tấn kéo sang. Tấn Sở lần lượt đến đánh Trịnh, vậy từ nay trở đi trong bốn năm năm Trịnh không lúc nào yên được* ». Tử-Quốc giận lắm nói : « *Ngươi biết đâu, việc lớn quốc-gia đã có quan trên. Trẻ con nói càn có tội* »

**4 — K. Sở Công-tử Trinh đem quân đánh Trịnh**

T— Mùa đông năm Tương-công thứ tám. Sở-Tử, đánh Trịnh để trị cái tội lấn Sái. Trịnh-Tử, Tử-Quốc, Tử-Nhĩ muốn hàng Sở. Tử-Khổng, Tử-Kiều (tức Tử-Du), Tử-Chiền (tức Tử-Hãn) thì muốn đợi Tấn cứu-viện. Tử-Tứ nói. « *Châu-thi có câu rằng : « Người đời thấm-thoát thoi đưa, đợi sông Hà biết bao giờ sông trong. Nhiều cha con khó lấy chồng, nhiều mưu việc rối như bồng tơ vương : » Dân nguy-cấp lắm rồi, hằng hàng Sở để cho dân đỡ chết. Quân Tấn sang, lại theo Tấn. Chỉnh-đốn lễ-vật để đợi, hễ ai đến thì cung, đó là cái lối của nước nhỏ vậy. Ta sắp lấy trâu dê ngọc lụa đem ra đợi ở hai mặt cõi nước mà cung kẻ cường-giả để che-trở cho dân. Làm như thế giặc không hại được dân mà dân không khốn-đốn gì, chả cũng hay dư ?* »

Tử-Chiền nói : « *Nước nhỏ thờ nước lớn là ở điều tín chứ nước nhỏ mà đã không giữ điều tín thì binh-họa đem đến không ngày nào không. Ta đã giữ tín-ước với Tấn năm lần hội rồi, nay bội ngay đi được thì dẫu có nhờ được Sở đánh Tấn mà cứu ta cũng không ra gì. Vì là cái chỗ thân-thích thì bỏ mà lại chực đi theo cái chỗ nó định diệt mình. Vả phải đợi*

*Tấn chứ cái chước ấy không theo được. Vua Tấn đang độ thông-minh, bốn đạo quân không thiếu-thốn tí gì, tám quan khanh thì hòa-mục với nhau, thế thì thế nào họ cũng không bỏ Trịnh. Vả quân Sở đến đây xa-xôi lương ăn sắp hết, tất phải nóng về. Ta sợ gì. Xá-chi tôi nghe nói : « Không giữ gì bằng giữ điều tín ». Vậy ta cứ giữ vững thanh đề cho quân Sở mỏi, giữ chặt điều tín để đợi quan Tấn đến là hơn cả. »*

Tử-Tử nói : « *Châu-thi có câu rằng : « Nhiều lời chỉ tổ vỡ nhà, đến điều chuyên-trách ai mà dám đương. Muốn làm phải bước lên đường, khoanh chân nói khoác trên giường ích chi. » Xin cứ theo Sở, có thể nào Phi tôi xin chịu tội.* Vì vậy Trịnh hòa với Sở và sai Bá-Biện sang cáo với Tấn rằng: »*Nhà vua truyền mệnh-lệnh cho nước tôi rằng : « Nước mi phải sắp sẵn lấy xe ngựa, chỉnh-tề lấy binh lính, để mà đánh dẹp bọn xâm-lược. » Bỗng có người Sái không theo mệnh-lệnh Tấn, nên tệ-ấp tôi không dám ngồi yên, phải đem hết binh-lương đi trị tội Sái. Có bắt được một quan Tư mã là Nhiếp đã đem dâng Tấn ở Bình-khâu rồi. Bây giờ Sở đến đánh nước tôi mà hỏi chúng tôi rằng : « Cớ gì bay dám đánh Sái ? » Rồi Sở đốt đồn trại, phá thành quách của chúng tôi. Dân-chúng ở nước tôi bây giờ, từ đàn ông đàn bà, con trai con gái, không ai được ở yên mà phải đi cứu-cấp lẫn cho nhau. Sở họ định tàn phá giết hại nước tôi cho đến tiệt, mà chúng tôi không biết kiện cáo vào đâu cho được. Dân nước tôi bây giờ nhà nào cũng có người bị chết chóc, phi cha anh thì con em.*

*Ôi, đang khi nhân-dân người ta lo sầu thống-khổ, không biết nương thân vào đâu, họ biết cái thế cùng-khốn lắm, nên họ chót xin hàng quân Sở rồi. Cô nào cùng quần-thần ngăn cấm họ thế nào cũng không được. Vậy dám cáo để Tấn biết. »*

Tấn Tri-Vũ-tử sai quan Hành-nhân là Viên giả lời rằng : « *Trịnh bị có mệnh-lệnh của Sở mà nhà vua không từng cho một kẻ hành-nhân nào sang cáo cho quả-quân biết mà cứ tự nín yên ngay với Sở. Thế là cái ý của nhà vua muốn vậy, ai còn dám ngăn trở nhà vua nữa làm gì. Nhưng quả-quân này thì cứ đem quân Chư-hầu đến yết-kiến nhà vua ở dưới chân thành, nhà vua liệu đấy. »*

∴

Tấn Cảnh-công sai Sĩ-nhã sang Sở xin quân để đánh Tấn. Sở-tử ưng cho. Sở Tử-nang can rằng : « *Không nên, hiện nay ta không địch với Tấn được. Vua Tấn tùy người có tài gì thì dùng về việc ấy. Cử người nào cũng không sai. Việc gì thích-nghi cho quan chức thì không hay thay đổi. Trong hàng quan Khanh thì người ta nhường cho kẻ hay lên trên. Trong hàng quan Đại-phu không ai trễ bỏ chức-trách. Kẻ sĩ đua nhau theo giáo-hóa mệnh lệnh. Kẻ thứ-nhân hết sức về việc canh-nông. Cho chí người đi buôn, người làm thợ cùng những kẻ phục-dịch đều không hay thay đổi nghề mình. Vua thì minh bày tôi thì trung. Người trên nhường nhau, người dưới đua nhau. Hiện nay ta chỉ nên thờ Tấn chứ không địch với họ được. Xin ngài nghĩ lại. »* Sở-vương nói : « *Ta đã chót hứa mất rồi. Tuy ta không bằng Tấn, cũng phải xuất-sư* » Quân Sở trầy ra Vũ thành để giúp Tấn.

**5 — K — Công đến hội với Tấn-hầu, Tống-công, Vệ-hầu, Tào-bá, Cử-tử, Tiêu Châu-tử, Đằng-tử, Tiết-bá, Khởi-bá, Tề Thế-tử cùng đi đánh Trịnh rồi đồng-minh ở đất Hề (đất Trịnh)**

T. — Mùa đông năm Tương-công thứ chín. Chư-hầu đánh Trịnh, Người

Trịnh sợ phải xin hòa. Tấn Trung-Hàng Hiến-tử nói rằng : « *Hằng cứ vây lấy Trịnh lại để đợi Sở đến cứu Trịnh sẽ đánh Sở. Chứ không thể thì dẫu có cho Trịnh hòa cũng không thành.* » Trí Vũ-tử can rằng : « *Cứ cho Trịnh hòa rồi đem quân về để cho quân Sở đi lại mỏi-mệt. Ta phân bốn đạo quân ra làm ba phần cùng với những quân tinh-nhuệ của Chư-hầu, hễ cứ Sở về thì ta lại đến trước họ. Như thế ta không vất-vả gì mà Sở không làm sao được ta. Thế chả hơn chiến dư. Chiến mà để hai bên phơi xương ra đồng cho thỏa chí mình thì không nên. Vả chiến thì bị cuộc lao-lực lớn mà dây-dưa mãi. Cái đạo của tiên-vương ngày trước thì hễ lao-tâm là quân-tử mà lao-lực là tiểu-nhân.* » Bấy giờ Chư hầu cũng đều không muốn chiến, bèn cho Trịnh hòa. Làm lễ đồng-minh ở Hi. Tấn Sĩ Trang-tử làm tờ minh-thư rằng : « *Từ ngày đã minh-thệ này trở đi. Trịnh không những chỉ theo mệnh-lệnh Tấn mà nếu có chí gì khác thì như lời thề này.* » Trịnh Công-tử Phi vội bước vào viết rằng : « *Trời hại nước Trịnh bắt phải ở vào giữa cái khe hai nước lớn. Nước lớn không lấy đức nghĩa đãi cho mà lại đem sự binh loạn đến bách. Làm cho quỉ-thần không được hưởng tế-tự, nhân-dân không được hưởng địa-lợi. Vợ chồng tân-khổ rấp-riếm không biết kêu van vào đâu. Vậy từ ngày đã minh-thệ này trở đi, hễ gặp nước nào mạnh hơn, có lễ phép và bênh-vực cho dân Trịnh, mà Trịnh không phục-tùng lại còn dám có chí khác thì cũng như thế.* » Tăn Tuân-Yền (tức Hiến-tử) nói : « *Phải cải lời minh-thư ấy lại.* » Trịnh Công-tôn Xá-chi thưa : « *Lời thề đọc lên thì thượng-thần soi xét ngay. Nếu lại cải đi được thì tội-bạn nước lớn cũng được* ».

Trí Vũ-tử bảo Hiến-tử rằng : « *Chúng ta thực không có đức-nghĩa mà ép người ta thề-bồi như thế còn ra lễ-phép gì. Không có lễ-phép thì làm minh-chủ thế nào được. Nay ta hãng tạm đồng-minh với Trịnh rồi kéo về. Cho quân nghỉ ngơi và sửa-sang đức-chính rồi sẽ lại sang. Trước sau rồi cũng lấy được Trịnh, cần gì cứ phải ngày nay. Nếu ta mà không có đức-chính gì thì đến dân ta nó cũng bỏ ta chứ một gì Trịnh. Thế mà nếu ta cứ cho dân được hòa vui yên-ổn thì đến người ở xa cũng phải qui-phục nữa là Trịnh.* » Tấn bèn cùng làm lễ đồng-minh rồi kéo quân về.

### 6 — K. Sở-tử đánh Trịnh

T. — Sở-tử đánh Trịnh. Trịnh Tử-Tứ đi hỏi xin hòa với Sở. Tử-Khổng và Tử-Kiều nói rằng: « *Vừa mới đồng-minh với một nước lớn, máu thề ở miệng chưa khô mà đã bội ngay thì sao phải?* » Tử-Tứ nói : « *Ta thề là thề rằng nước nào mạnh thì ta theo. Nay quân Sở đến đánh ta mà Tấn không cứu ta thế là Sở cường đó. Ta có dám bội gì lời minh-thệ đâu.* » Trịnh bèn hòa với Sở.

.˙.

Tấn-hầu về đến nước rồi. Chỉ mưu toan lấy cách để yên dân. Ngụy Giảng xin gia ơn huệ và tha lao-dịch cho dân. Bao nhiêu của chứa trong kho đem hết ra cho dân vay. Từ vua trở xuống, ai có tích được chút gì đều bỏ cả ra, trong nước không có của cải gì bị đọng lại một chỗ thì nhân-dân cũng không có ai túng thiếu. Nhà nước không có cấm dân những việc làm lợi, cũng không tham lấy của dân. Khi có tân-khách thì mới mổ một con sinh. Những đồ khí-dụng không làm mới, xa-phục đủ dùng, thì thôi. Chính-sách ấy thi-hành được một năm, trong nước việc gì cũng có tiết-độ cả. Ba lần đem quân ra mà Sở không dám đối-địch.

### 7 - K. Tấn diệt thành Bức-dương

T. — Năm Tương-công thứ 10. Tấn Tuân-Yền, Sĩ-Cái xin đánh thành Bức-dương. Tuân-Anh nói rằng: « *Thành ấy nhỏ mà kiên-cố. Đánh được thì cũng chẳng được tiếng giỏi gì, mà thua thì người ta cười.* » Hai người cố xin. Quân Tấn bèn đến vây Bức-dương, nhưng chưa hạ được thành. Quân trú-binh trên thành giòng cái dây bằng vải xuống thử xem quân ngoài có ai dám trèo lên không. Quân Tấn có Tần Đồng-phủ bám vào leo lên đến mặt nữ-tường thì dây đứt. Đồng-phủ rơi xuống. Trên thành lại giòng dây xuống. Đồng-phủ tỉnh lại lại bám dây leo lên như thế ba lần. Quân trú-binh phải chịu là giỏi rồi thôi. Đồng-phủ cứ đeo cái đoạn dây bằng vải đứt mà đi rao bảo cho trong quân ba ngày. Bấy giờ quân Chư-hầu vây Bức-dương đã lâu ngày. Tuân-Yền, Sĩ-Cái nói với Tuân-Anh rằng: « *Sắp đến cữ nước lụt, sợ bấy giờ quân ta sẽ không về được, vậy xin cho ban-sư về.* » Tuân-Anh giận lắm, cầm cái ghế quăng vào giữa chỗ hai người mà rằng: « *Chúng bay đã làm cho vua phải vất-vả gọi binh Chư-hầu, và dắt-dìu lão-phu đến chỗ này. Bây giờ không được việc gì, chúng bay lại định đổ lỗi cho lão-phu rằng: « Ấy vì ông ấy sai ban-sư về chứ không thì đánh được ». Tao già yếu rồi, không chịu nổi điều trách móc ấy. Tao truyền cho trong bảy ngày mà không đánh được thì tao lấy đầu chúng bay đi.* » Hôm ấy là ngày canh-dần, Tuân-Yền, Sĩ-Cái đem quân thân xông pha vào nơi tên đạn, đến ngày giáp-ngọ thì diệt được thành Bức-dương. Quân về, Tuân Yền cho Tần Đồng-phủ làm quan Hữu-xa. Đồng-phủ sinh ra Tần Phi-Tư là học-trò ông Trọng-Ni.

### 8 - K. Kẻ cướp giết Trịnh công-tử Phi, công-tử Phát, và công-tử Triếp

T. — Trịnh bấy giờ, Tử-Tứ làm Tướng-quốc, Tử-Quốc làm Tư-mã, Tử-Nhĩ làm Tư-không và Tử-Khổng làm Tư-đồ. Tử-Tứ đào ngòi ở ruộng nhà mình rồi lấn lấy cả ruộng của họ Tư, họ Đồ, họ Hầu và họ Tử-sư. Cho nên các họ ấy tụ tập những bọn bất-đắc-chí để khởi-loạn. Mùa đông năm Tương-công thứ mười. Chúng đem cướp vào giết Tử-Tứ, Tử-Quốc và Tử-Nhĩ. Lại bắt Trịnh-bá đưa sang Bắc-cung.

Tử-Sản nghe tin bèn đến viếng những tử-thi rồi đem quân đến Bắc-cung đánh kẻ cướp. Tử-Kiều cũng đem người trong nước đến giúp sức. Bọn kẻ cướp chết hết. Tử-Khổng lên làm Tướng quốc mới đặt ra một quyền luật. Trong luật ấy phân ngôi thứ cho các quan và đều chỉ được đến nghe chính-sách của quan chấp-chính. Vì thế các quan Đại-phu, các quan Hữu-tư và các cậu cả nhà quan Khanh không thuận theo luật ấy. Tử-Khổng định giết cả đi. Tử-Sản ngăn lại và xin Tử-Khổng đốt quyển luật ấy đi. Tử-Khổng không nghe nói rằng: « *Đặt luật ra để trị nước, thế mà thấy bọn chúng-nhân nổi giận, phải đem đốt đi, thì ra chính-quyền ở bọn chúng-nhân dư. Như thế chả khó khăn cho nước lắm ư.* » Tử-Sản nói: « *Công-phẫn thì khó giải mà chuyên-chế thì khó thành. Ông hợp cả hai cái khó ấy lại để cai-trị nước thì nguy lắm. Bất-nhược đốt quyển luật ấy để yên lòng công-chúng. Làm như thế ông được tùy-ý, chúng được yên thân, chả hay lắm sao. Chứ chuyên-chế thì không thành mà phạm vào công-phẫn thì là việc gây họa đó. Ông phải nghe tôi mới được.* » Bèn

đem quyền luật ra đốt ở ngoài cửa Sương-môn. Bấy giờ công-chúng mới yên.

### 9 — K. Sở-tử là Thầm mất

T. — Sở-tử bị bệnh, bảo các quan Đại-phu rằng : «*Bất-cốc này là kẻ bất-đức, còn nhỏ đã làm chủ xã-tắc. Năm lên mười tuổi thì tiên-quân mất, chưa được rèn tập gì sự giáo-huấn của các quan Sư-bảo mà đã hưởng-thụ nhiều phúc lộc, nên không thêm được đức hay gì. Bất-cốc làm cho quân nước ta bị thua ở Yên, để nhục cho xã-tắc để lo cho các ông nhiều lắm. Cũng nhờ có uy-linh các ông mà bất-cốc này bảo-toàn được tính-mệnh để về dưới đất, vậy về sau những khi xuân-thu cúng-tế, cho bất-cốc này được theo vào miếu của các tiên-quân thì nên đặt tên « thụy » cho bất-cốc là « Linh », — bị loạn mà không hại » hay là «Lệ — giết hại kẻ vô-tội » cũng được, tùy các ông chọn lấy.* » Các quan không dám thưa. Sở-tử dặn năm lần, các quan mới vâng lời. Mùa thu năm Tương-công thứ 13, Sở-tử mất. Con là Nang bàn với các quan đại-phu để đặt tên thụy. Các quan nói : « *Đã có di-mệnh của ngài.* » Vương-tử Nang nói : « *Xem di-mệnh của ngài như thế thực là cung-kính lắm, không nên đặt những ác-thụy mà hủy bỏ cái tính tốt của ngài đi. Như ngài làm vua một nước đường-hoàng hách-dịch như nước Sở này. Vỗ yên các rợ Man-di, chinh-phục cả miền Nam-hải và liên-thuộc được các nước hoa-hạ như thế. Thế mà biết đến lỗi mình thì chả là cung kính lắm dư? Vậy xin đặt tên « thụy » cho ngài là « Cung — tức là Cung-vương.* » Các quan đại-phu đều lấy làm phải.

— Năm Tương-công thứ 13, Ngô vào lấn Sở. Sở Dưỡng Do-Cơ phải ra đối địch, Tử-Canh thì đem quân tiếp theo. Do-Cơ nói rằng : « *Ngô nó cho ta là đang có quốc-tang thì không xuất-sư được. Tất nó khinh ta mà không phòng bị. Vậy ông đặt ba toán phục-binh để tôi dụ nó đến mà đánh.* » Tử-Canh nghe lời. Đánh nhau ở Giong-bồ, quân Ngô đại-bại. Công-tử Đãng bị bắt.

— Năm Tương-công thứ 14, Ngô Tử chết, con trưởng là Chư-Phàn đã làm lễ trừ tang rồi định lập Qui-Trát là em lên làm vua, Qui Trát từ rằng : « *Khi Tào Tuyên-công mất. Chư-hầu với người Tào không bằng lòng vua kế bấy giờ là kẻ bất-nghĩa, mà định lập cho Tử Tang lên. Tử-Tang bỏ đi không chịu làm, để cho vua Tào bấy giờ được yên. Quân-tử cho Tử-Tang là người giữ được tiết. Nay anh là con trưởng thì ngôi vua ai còn dám mon-men vào. Vả tâm vua không phải là khí tiết của tôi. Trát tôi đây tuy bất-tài cũng xin bắt chước ông Tử-Tang cho khỏi thất tiết.* »

Chư Phàn cố nài, Qui-Trát bỏ cả cửa nhà đi một nơi làm ruộng ăn. Chư-Phàn mới thôi.

### 10 — K. — Vệ-hầu xuất-bôn

T. — Năm Tương-công thứ 14, Vệ Hiến-công xuất bôn ra nước Tề. Quan Nhạc-sư nước Tấn là Khoáng đứng hầu Tấn-hầu. Tấn-hầu hỏi rằng : « *Người Vệ đuổi vua đi như thế, chả cũng quá lắm dư?* » Sư Khoáng thưa rằng : « *Hoặc-giả là quá tự vua. Kẻ như bậc hiền-quân thì phải thưởng người thiện mà phạt người ác, yêu dân như con, che chở cho dân như trời đất. Thì dân phải thờ phụng vua, yêu vua như cha mẹ. Trông ngóng như nhật nguyệt, kính trọng như thần-minh, sợ hãi như sấm sét. Như thế còn dám đuổi đi đâu. Vua là người làm chủ cho quỉ-thần, làm nơi ỷ vọng cho dân. Thế mà vua làm cho dân khổ n-khổ, làm cho quỉ-thần tuyệt-tự. Bách-tính phải thất-vọng, xã-tắc mất trông mong, thì còn để làm gì mà không đuổi. Vả trời sinh ra dân*

*rồi mới lập ra vua để chăn coi dân, chứ không được làm mất tính hằng của dân đi.*

*Trời rất là thương dân, có lẽ nào để cho một người đứng trên cả bản-dân, cứ theo cái dục-vọng mình mà tha - hồ làm bậy, để hủy bỏ cả tính hằng của trời đất đi. Tất không có lẽ nào như thế.*

***

Nước Tống có một người bắt được hòn ngọc đem dâng cho Tử-Hãn. Tử-Hãn không nhận. Người dâng ngọc ấy nói rằng : « *Tôi đã đem cho người thợ rũa ngọc xem người ta bảo đây là một viên ngọc quí lắm. Tôi mới đem dâng ngài.* Tử-Hãn nói rằng : « *Anh thì lấy viên ngọc này làm báu mà tôi thì lấy điều không tham làm báu. Nay anh đem viên ngọc này cho tôi, thế là tôi với anh cùng làm mất của báu của mình cả. Bất-nhược người nào giữ của báu của người ấy là hơn.* » Người dâng ngọc ấy lạy xuống kêu rằng : « *Tôi là kẻ hèn mà giấu ngọc trong mình thì đi ra khỏi làng tôi cũng không thoát được. Vậy xin nộp vật này ở đây cho khỏi chết.* » Tử-Hãn bèn lưu người dâng ngọc ấy ở lại trong ấp mình rồi sai người thợ ngọc đem viên ngọc ấy rũa chạm cho thành-khí, bán được một món tiền to mới giao lại cả cho người dâng ngọc ấy mà cho về.

Năm Tương-công thứ 17, Hoàng-Quốc-phủ làm Thái-tể Tống, đang giữa mùa gặt, giở ra xây đền cho vua Bình-công. Tử-Hãn xin hoãn đến xong mùa. Bình-công không nghe. Bọn dân-phu đi xây đền hát với nhau rằng : « *Một ông trắng một ông đen, ông trắng bởi việc ông đen thương người.* » Tử-Hãn nghe thấy, thân tự cầm roi ra ốp phu, đánh những đứa lười biếng mà rằng : « *Hèn như chúng ta cũng còn phải có cái nhà để che mưa che nắng. Nay vua xây có một cái đài mà chúng ta không làm cho chóng xong thì còn ra gì* » Bọn dân-phu không hát câu ấy nữa. Có người hỏi cớ sao dân khen mà lại đánh. Tử-Hãn nói : « *Bé mọn như nước Tống ta mà dân khen người nọ chê người kia là cái gốc loạn đó.* »

**11 — K. Công đến hội với Tấn-hầu, Tống-công, Vệ-hầu, Trịnh-bá, Tào-bá, Cử-tử, Tiêu-châu-tử, Đằng-tử, Tiết-bá, Khởi-bá cùng vây Tề.**

T.— Mùa thu năm Tương-công thứ 18, Tề-hầu đánh cõi bắc-bỉ nước ta. Tấn-hầu bèn đánh Tề. Tề-hầu ra chống-cự ở thành Bình-âm. Quân Chư-hầu đánh vào cửa thành, quân Tề chết nhiều. Tấn Phạm Tuyên - tử bảo Tề Tích Văn-tử rằng : « *Tôi biết ông nên không dám giấu. Nước Lỗ nước Vệ mỗi nước xin đem một nghìn cỗ binh-xa tự bản-quốc kéo sang Tề, Tấn đã ưng rồi. Nếu họ vào đến Tề thì Tề mất nước mất, sao ông không liệu đi.* » Tích Văn-tử nói với Tề-hầu. Tề-hầu sợ lắm. Án-Anh nghe biết nói rằng : « *Vua đã nhát mà lại cả nghe, tất không địch với Tấn lâu được.* » Người Tề trèo lên núi Vu-sơn để trông xem quân Tấn. Người Tấn sai quan Tư-mã đặt đồn canh khắp các nơi đồi suối. Chỗ nào quân không đóng đến cũng cắm cờ. Xe ngựa thì bên tả người thực ngồi còn bên hữu để người giả, sau xe buộc cành rào cho xe kéo. Tề-hầu đứng xa trông thấy, sợ nghĩ quân Tấn nhiều lắm. Đêm ấy quân Tề phải trút. Tấn Sư Khoáng bảo Tấn-hầu rằng : « *Tôi nghe tiếng quạ kêu có ý vui-vẻ, chắc quân Tề trốn rồi.* » Hình-bá thì bảo Phạm Hiến-tử rằng : « *Tôi nghe có tiếng ngựa nó rít giọng li-biệt nhau thì quân Tề trốn rồi.* » Thúc-Hướng cũng bảo Tấn-hầu

rằng: « *Tôi thấy trên mặt thành có quạ đỗ tất quân Tề trút rồi.* » Tháng 10, quân Chư-hầu vào thành Bình-âm. Ngày nhâm-dần đốt làng Đông-quách, làng Bắc-quách lại tiến đến cửa thành Đông-môn quốc-đô Tề. Tề-hầu đóng xe chực chạy ra Bưu-đường.

Thái-tử với Quách-Vinh đến nắm lấy dây cương ngựa giữ lại mà rằng: « *Địch-quân vào vội-vàng thế là chỉ muốn trải qua cho được nhiều đất rồi lui ra đó thôi. Ngài dùng sợ gì. Vả ngài là chủ xã-tắc thì không núng được. Ngài mà núng thì quân đổ ngay, ngài phải đợi lại xem sao đã.* » Tề-hầu toan cứ chạy bừa đi. Thái-tử rút gươm cắt dây cương ngựa đi. Tề-hầu mới thôi.

Trận ấy quân Chư-hầu lấn vào đến sông Duy và sông Nghi. Tháng giêng năm Tương-công thứ 19 Chư-hầu ở sông Nghi kéo về. Tấn Tuân-Yền mọc một cái nhọt ở đầu. Quân sang qua sông Hà đến Chú-ung, Thân-Yền đau lắm lối cả mắt ra. Tháng hai thì chết, mà mắt không nhắm vào được. Loan-Hoài-tử nói rằng: « *Có lẽ vì việc đánh Tề chưa thành công nên ngài thế này.* » Bèn khấn rằng: « *Ngài mắt đi rồi mà chúng tôi không tiếp-tục việc đánh Tề thì xin có sông Hà này làm chứng.* » Bấy giờ tử-thi Tuân-Yền mới nhắm mắt.

— Lỗ Quí Vũ-tử đem những đồ binh-khí đánh lấy được của Tề đúc ra cái chuông Lâm-chung mà làm bài minh ghi công nước Lỗ. Tang Vũ Trọng bảo Quí-Vũ-tử rằng; « *Làm thế không hợp lễ. Bài minh là Thiên-tử thì làm để ghi cái đức tốt. Vua Chư-hầu thì ghi cái công-nghiệp hợp thời. Quan Đại-phu thì ghi cái huân-lao. Nay kể huân-lao thì ra ghi lấy cái bậc hạ-đẳng, mà kể công-nghiệp thì phải nhờ ở nước người ta. Kể hợp thời thì làm hại việc mùa-màng của dân nhiều. Thế thì lấy gì mà làm bài minh. Vả nước lớn đánh được nước nhỏ thì mới đem những đồ lấy được đúc chuông đúc đỉnh để ghi công-nghiệp cho con cháu biết, để rõ rệt đức sáng mà trừng-giới kẻ vô-lễ vậy. Bây giờ nước ta phải nhờ sức người ta để cứu cho mình khỏi chết thì có gì mà ghi. Nước nhỏ may đánh được nước lớn mà đem những vật bắt được bêu ra trọc tức họ ấy là cái cách diệt-vong đó.* »

## 12 K. — Thứ-Kỳ nước Tiểu-Châu đem ấp Tất, ấp Lư-khâu qui phụ vào nước ta

T. — Thứ-Kỳ nước Tiểu-Châu xuất-bôn sang nước ta và dâng ấp Tất, ấp Lư-khâu. Quí Vũ-tử gả cô vua cho Thứ-Kỳ. Những tụng-giả của Thứ-Kỳ thì đều được ban-thưởng cả. Bấy giờ Lỗ sinh ra nhiều trộm-cướp Quí-Tôn (Quí Vũ-tử) bảo Tang Vũ Trọng rằng: « *Sao ông không trị trộm cướp đi?* » Vũ-Trọng nói: « *Không trị được, mà Hột tôi cũng không thế sao được.* » Quí-Tôn nói: « *Bốn mặt cõi bờ đều thuộc quyền ta thì sao ta lại không trừ nổi trộm cướp. Ông làm quan Tư-mã chỉ có việc trừ-khử trộm cướp thì sao lại không thể sao được?* »

Vũ-Trọng thưa: « *Ông triệu trộm cướp ở nước ngoài vào mà hậu lễ đãi họ. Thế thì còn trị làm sao được trộm cướp ở trong nước. Ông làm quan Chính-khanh mà đem trộm cướp ở ngoài vào lại sai tôi trừ-khử trộm cướp đi thì Hột tôi làm thế nào được. Thứ-Kỳ nó ăn cướp ấp của Tiểu-Châu rồi về với ta. Ông đem nàng Cơ gả cho nó và nhận cho ấp ấy là của nó. Những đứa đi theo hầu nó, ông có thưởng cho cả. Thế là ông lấy lễ mà đãi bọn trộm cướp đại-bợm đó. Nó thì lấy cô vua và được ấp lớn. Đầy-tớ nó, đứa hơn thì cho*

*tinh hầu xe ngựa ; đứa kém thì cho áo xiêm gươm huyền-bội. Thế là ông thưởng cho kẻ trộm cướp đấy. Đã thưởng cho kẻ trộm cướp mà lại trừ-khử kẻ trộm cướp thì thảo nào chả khó. Hột tôi nghe nói rằng : Người bề trên phải rửa sạch bụng mình đi mà chuyên-nhất để đãi người. Theo đúng điều tín mà làm cho rõ-ràng chứng-nghiệm thì mới trị được người.*

*Người bề trên làm thế nào thì dân theo thế. Điều gì người trên không làm mà dân làm thì mới bất tình bất tội, nên không ai là không răn sợ. Còn như điều gì người trên làm mà dân cũng làm thì là phải đó, còn cấm làm gì.* »

∴

Mùa hạ năm Tương-công thứ 22. Người Tấn cho triệu Trịnh vào triều. Người Trịnh sai quan Thiếu-chính là Công-Tôn Kiều (Tử-Sản) giả lời rằng : « *Tệ-ấp chúng tôi ở gần nước Tấn, vì như cỏ cây cùng một hơi-hướng với nhau. Chúng tôi nào có dám ở sai điều gì. Không năm nào không đưa sinh-lễ, không trận nào không đi tòng-quân. Thế mà chính-lệnh của đại-quốc không có nhất-định, khiến cho quốc-gia chúng tôi phải suy bại, mà những việc yêu-sách bất-kỳ lại thường tổng đến. Chúng tôi không ngày nào không lo sợ, há còn dám quên chức-phận mình.*

*Nếu đại quốc mà để cho chúng tôi được yên ổn thì chúng tôi tự phải đến chầu hực luôn luôn, chứ đại-quốc cần gì phải cho đến triệu. Còn như đại-quốc mà không thương đến tình hoạn nạn của chúng tôi cứ vin lấy cái cớ không vào chầu để mà trách thì chúng tôi sẽ đến không sao kham nổi mệnh-lệnh mà rồi đến bị đại-quốc ruồng bỏ ra với kẻ cừu-thù. Tệ-ấp chúng tôi lấy làm lo-sợ điều ấy lắm. Chúng tôi không dám quyền mệnh-lệnh của đại-quốc, xin các quan chấp-sự xét cho.*»

∴

Tấn Loan-Doanh xuất-bôn sang Sở. Năm Tương-công thứ 22 lại từ Sở sang Tề. Ấn Bình-Trọng (An-Anh) nói với Tề-hầu rằng « *Kỳ hội ở đất Thương-nhâm, ngài đã thụ mệnh của Tấn* (giam Loan-Doanh). *Nay ngài còn dong Loan-Doanh để làm gì. Nước nhỏ thờ nước lớn bằng sự tín. Nếu thất-tín thì không thành-lập được. Ngài nghĩ xem.* » Tề-hầu không nghe. Bình-trọng lui ra bảo Trần Văn-tử rằng: « *Làm vua phải giữ tín, làm tôi phải giữ trung. Trung tín đốc kính, từ trên đến dưới đều phải giữ như nhau, đó là đạo thường vậy. Thế mà nhà vua tự bỏ đi thì ngài cũng chẳng bền được.* »

∴

Năm Tương công thứ 22, Trịnh Công-Tôn Hắc-Quăng bị bệnh bèn xin nộp thái-ấp lại cho nhà-nước. Hắc-Quăng gọi cả họ-hàng dầy-tớ lại để lập-tự cho con là Đoạn. Rồi lại bắt con phải chịu bớt quan chức đi. Tế-tự thì chỉ dùng lễ đơn-sơ mà thôi. Gia-sản chỉ để đủ cung giỗ tết, còn bao nhiêu đem nộp vào nhà nước cả. Ông nói rằng : « *Sinh ở cái đời loạn, làm nên danh giá mà vẫn cứ chịu nghèo thì dân người ta không trách vào đâu được.* »

### 13 – K. Tề-hầu đánh Vệ bèn đánh Tấn.

Mùa thu năm Tương-công thứ 23. Tề hầu đánh Vệ. Rồi lại sắp đánh Tấn. Ấn Bình Trọng tự nói rằng : « *Vua cậy sức mạnh mà đánh nước minh-chủ. Hễ không được là phúc cho nước ta.*

*Vì đã không có tài-đức gì mà lại có vũ-công thì sự ưu-hoạn sẽ đến ngay thân vua.* »

Trần Văn-tử bảo Thôi - Trữ rằng : « *Vua sắp đánh Tấn làm thế nào?* » Thôi-Trữ nói : « *Tôi đã can vua, nhưng vua không nghe. Vua định lợi-dụng khi nước minh-chủ có nạn. Nhưng hễ nguy-cấp đến quần-thần thì còn cần gì vua nữa. Ông hãng can đi xem.* » Văn-tử ra nói với người ta rằng : « *Thôi-tử sắp chết mất thôi. Y bảo vua ở tệ mà y lại tệ hơn.* » Tề-hầu cứ đánh Tấn. Lấy đất Triều-ca, vào cửa Mạnh-môn, trèo lên núi Thái-hàng. Duyệt quân ở đất Huỳnh-đình. Cho quân lưu thủ ở Đan-thiệu và đắp đài kinh-quán ở Thiếu-thủy để báo thù trận Bình-âm.

∴

Qui Vũ-tử không có con đích-tử (con vợ cả). Còn các con thứ thì Công-Thư là lớn, nhưng Qui Vũ-tử lại yêu Điệu-tử, muốn lập cho Điệu-tử làm thừa-tự. Bèn hỏi Tang Vũ-Trọng. Tang nói lập được. Năm Tương-công 23. Qui Vũ-tử cho Công - Thư làm chức Mã-chính. Công-Thư giận không nhận chức. Mẫn-Tử-Mã đến yết-kiến Công-Thư mà nói rằng : « *Ông không nên thế. Họa-phúc không có cửa nào, chỉ tự người ta triệu đến. Đạo làm con chỉ sợ bất-hiếu chứ không sợ không có địa-vị. Mình cứ vâng theo mệnh lệnh của cha, địa-vị kia có nhất-định gì. Nếu mình mà ở được hiếu kính thì rồi phú qui lại hơn ngành trưởng nhà họ Qui cũng được. Còn như nếu mình mà ở gian-dảo bậy-bạ thì sẽ khốn-khổ quá kẻ cùng-dân cũng nên* » Công-Thư lấy làm phải. Từ đó sớm hôm cung-kính, giữ theo hàng quan-chức của mình.

*(Còn nữa)*

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

*Biên-dịch*

# TUỒNG-HÁT

## TÔ-THỊ CHẾT ĐÀNG ANH KỲ-LỪA

II

**Cảnh thứ III. — Nhà và núi Vọng-phu**

*Tô-thị ra ngồi vỉa bằng-mạc sa-mạc :*

Này ơi ai ơi, hử hử, non thần cách-trở mây mưa, sớm thì chờ trưa thì đợi, ngần-ngần ngại-ngại, luống thẫn-thờ vì duyên.(Sa-mạc) : Tấm son trót nặng lời nguyền, vì ai chia rẽ dặm nghìn nước non ; chút thân tuyết-ủ sương mòn, nhớ ai vì bặng gái son tôi nhớ chồng.

*Than sử :*

Thương ơi, tôi vốn nàng Tô-thị, xưa sánh Đậu Kim-Liên ; bởi vì ai tơ dện rẽ duyên, để tôi chịu ruột tằm đứt đoạn. Núi đủ lở sông kia dù cạn, non chưa mòn trăng vẫn còn soi, trời nấu-nung dẫu đá đồ bồ-hòi,đất vẫn chuyển mà vôi chưa nát phấn, nghĩ tủi thân giận phận, càng nhớ bạn mong chồng, ngẫm mình nay tấc dạ như nung, dễ ai biết khúc lòng như tạc.

*Sực đứng dậy ca vọng-phu, cầm quạt che ngang mày ngóng trông mọi phía trời mà hát :*

Ớ iêng ơi, iêng vắng đâu iêng, để thiếp than rằng: người buồn ngóng núi nom trăng, núi cao trăng lững buồn chăng chăng hỡi buồn, sao iêng vắng vắng ni iêng, iêng hỡi hời hơi, iêng hỡi hời hơi, bỏ vắng iêng chàng ơi !

Phụ tình phàng, vì duyên chi hỡi, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà vội thế chàng, chi mà biệt mà biệt thế chàng, sao iêng vắng vắng ni iêng, iêng hỡi hời hơi, iêng vắng ni iêng, iêng hỡi hời hơi, iêng hỡi hời hơi, bỏ vắng iêng chường ơi !

Chàng đi lính chăng nhé, núi non thề, núi hẹn non thề, chàng bỏ em đi, ới chàng chàng ơi,trên non xanh, bóng lặn trời chênh, thiếp ngồi lần trăng thanh, chàng vắng sao đành, trời nỡ phụ duyên, ới chàng chàng ơi !

Thiếp binh-vi, chàng đi mô hỡi, hay iêng còn mệt mỏi công-danh, ới chàng chàng ơi.

Iêng ngoài đám mây cho mỏi mày thiếp ngóng, sao iêng chàng chẳng vội chòng về ngay, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà chậm thế chàng, chi mà biệt mà biệt thế chàng, sao iêng vắng vắng ni iêng, iêng hỡi hời hơi, iêng vắng ni iêng, iêng hỡi hời hơi, bực lắm iêng chàng ơi !

*Nói lối :*

Lòng ngẫm thiếp bao nguôi, ruột nhớ chàng như cắt ; xe tơ sao nỡ đứt, dệt gấm thử dâng trời, đó sao.

*Ngồi hát dệt gấm :*

Dệt gấm mà thêu hoa, thiếp tôi ngồi rồi tình bằng dệt gấm thêu hoa, thiếp tôi thêu con bướm, con đậu con bay, con say con liệng, cánh hoa lý hoa trà nên xinh ; cái mũi thoi vàng tình bằng thánh thót mà năm canh. (Lảy), trên ô-đầu riu-rít con én con oanh đặt dìu ; bức gấm hoa đào tình bằng tay em dệt em thêu. (Lảy), dâng lên là lên trời thẳm mà để dãi điều tình-thâm, xin trả chàng về tình bằng ta kết ngãi

đồng-tâm. (Lấy), bút hoa thảo tình-thư một bức em gửi thăm tin hồng; nhớ ai em vi bằng em nhớ chồng.

*Đứng dậy nói lối:*

Hừ! như tôi nay: vừa đưa thơi dệt gấm, vừa vẫy bút thảo thơ; nhớ chàng lệ đầm sa mưa, xui thiếp ruột như đốt lửa, có lẽ mà mình phát điên chắc.

*Cầm bức gấm đọc lối gửi thư hay là ngâm thơ:*

Vâng chiếu an-biên chàng trấy thú,
Hà-kiều tiện nẻo đưa đường bộ;
Ngậm sầu khóc túi lệ đầm mưa,
Một mảnh ân-tình khôn dãi tỏ.
Hóa kiếp thả làm mây đỉnh non,
Làm trăng mặt biển không hao mòn;
Làm mây đặng với chàng lồng bóng,
Làm trăng soi tỏ mặt chàng luôn.
Chàng nay nhớ thiếp nặng như núi,
Thiếp cũng nhớ chàng chẳng chút [nguôi;
Dệt một tấm dâng lên trời con,
Xin trả chồng tôi về kẻo tối.

*Cười nói điên:*

Hé hé hé! Giờ lên đòi ông trời bé, bắt phải trả ông chồng to; có lẽ nhất nàng Tô, hay giở trò gái dại. À à! giờ gấm đã dệt rồi, vậy thư này đem lại; kỳ kỳ quái quái, ngần ngần ngại ngại; ghé gì thằng bợm bãi, mang gửi trạm Kỳ-lừa, đó sao, a Nhài.

*Con Nhài ra nói lối:*

Ới trời ơi là trời! ới đất ơi là đất! cậu tôi đi vắng mặt, mợ tôi đã điên lòng; đầu tóc rối thông-bong, mắt đỏ hồng da gấc. À mà sao gấm thêu nên bức, thơ thảo thành tờ; giờ bảo đi lên phố Kỳ-lừa, ắt rồi lại mắc tay chim chuột, a mợ.

*Ngâm:*

Nhớ chồng dệt gấm thảo thơ,
Giờ đem gửi phố Kỳ-lừa được sao.
Mợ sao nóng máu hoàng-bào?
Phận bồ dường héo mà đào dường phai.

*(Ôm lấy Tô-thị cản đừng lên phố Kỳ-lừa.)*
*Tô-thị không nghe thét lối:*

Ừ ừ, đi lên phố Kỳ-lừa, ghé gì thằng ngựa nghẽo, cứ đi với mợ, a nhài.

*(Con Nhài cùng theo đi.*
*Hát điên đi lên phố Kỳ-lừa:*

Hôm qua tôi lên phố trên đỉnh đồi, tôi thấy vợ chồng con chim chích nó thề bồi nước non; nó thề rằng nước cạn non mòn, bóng trăng soi vằng-vặc vậng đá còn trơ-trơ. Đỉnh non Thần tình bằng cách nẻo mây mưa, tấc lòng son ghi-tạc dù cỏ ấy rêu mờ bao phai; mảnh gương tình tình bằng ai khéo xẻ làm hai, ngắm trăng suông để thiếp trông vời đầu non, nét guộc-gầy tình bằng em sương tuyết bao mòn, thơ để ngòi bút mực bức gấm luồn sợi tơ; luống vì chàng tình bằng em ra ngần vào ngơ, lá tờ cuốn gấm lên phố Kỳ-lừa em gửi thăm; nóng máu hoàng-bào tình bằng em ruột buốt kim châm.

*Cười nói điên:*

Hừ hừ, ruột buốt kim châm, máu nồng lửa đốt, phố Kỳ-lừa dao gót, thơ hồng-nhạn thăm chồng, đó sao? — *Cười:* hé-hé-hé.

*Con Nhài nói lối:*

Chết, mình tính thế nào! Mợ tôi giờ điên quá, phố Kỳ-lừa gặp tuồng xô-lá, người bô mẻ hẳn chúng cợt hoa, âu mình phải dấn ra, đi đâu là phải giữ, đó chi.

*Ngâm:*

Quá thương phận gái mong chồng,
Chủ nhà đến nỗi máu nồng ruột điên.
Đi đâu mình cũng theo liền,
Phận con hầu biết giữ gìn làm sao.

*(Hạ cả)*

*Đinh-trưởng Kỳ-lừa ra nói lối ngoài :*

Hừ, nghĩ mình mưu lừa bợm, làm gái rõ mê cuồng ; như nàng Tô với mình duyên chẳng tròn vuông, đem họ Đậu mình đã ép vào quân-lính ; rõ mưu mình thật thánh, nên nàng phải thất-thần, ừ giờ nghe đâu nàng ra dỗ dại, quên ngủ quên ăn, âu là nay ta thử ghé gần, cợt trăng cợt gió, đó sao.

*Ngâm :*

Chứ vắng trăng thì đã có sao,
Chồng đi cưỡi ngựa thì vợ trao cho lừa.

*(Tô-thị và con Nhài cùng đến. Đinh-trưởng trông trớp trớ).*

*Tô-thị nói :*

A thầy Đinh-trưởng, a thầy đội-trạm, đây tôi có bức gấm, gửi dàng về Triều, cùng lá tờ gửi đưa ra ải, đó thầy.

*Đinh-trưởng Kỳ-lừa nói :*

Vâng vâng mà phải phải, phải phải mà vâng vâng ! tôi thấy mợ mà tôi mừng, mợ nhớ tôi chăng mợ nhé. Bức gấm này sao khéo vẽ, lá tờ nọ cũng khéo đề, biết bao giờ cậu cưỡi ngựa về, hay là lấy tôi thằng lừa quách, a mợ.

*Ngâm :*

Sông bao nhiêu nước cho vừa,
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng.
Vắng chồng chi vội nhớ chồng,
Lấy Kỳ-lừa hãy cưỡi lồng đi chơi.

*Tô-thị cười nói điên :*

Rõ con giơi con giơi, thôi mặt chuột mặt chuột ; nói chi điều ngứa ruột, để cho mình đâm điên. Rút dao cau, mượn tai lừa chị thử chơi xuyên, cầm roi trúc cứ lưng lừa chị đây hãy vút.

*(Nắm lấy tai Kỳ-lừa chực xiên, cứ nhè lưng Kỳ lừa phất liền, Kỳ-lừa cố đặt mãi mới thoát)*

*Tô-thị hát điên đánh Kỳ-lừa :*

Chị phút liền veo-véo cái vọt tre, cái con lừa mày ưa chịu nặng, với mày phè-phỡn sao, mặt mày dài lưng mày lại ngất cao, tai mày to vất-vưởng chị mài dao xẻo liền, chị gan nồng ruột nóng mà như điên.

*Kỳ-lừa nói :*

À ra nó điên mất rồi, mình rõ dại lại đi ghẹo con điên.

*Tô-thị đánh nói :*

Mày điên, mày điên !

*Hát :*

Điên điên, dại dại, dại dại điên điên, chị xe chỉ buộc chân lừa ngựa, mi chớ quen giở trò, chị lòng căm dạ tìm mới ra dò.

*Kỳ-lừa nói :*

À ra nó dò rồi thật, mình rõ dại, lại đi ghẹo con dò.

*Tô-thị đánh nói :*

Mày dò, mày dò !

*Hát :*

Dò dò dại dại, dại dại dò dò, chị ghét mặt những quân lừa đảo, mi giở trò chuyện chi, chị máu điên không nể không vì.

*Đinh-trưởng Kỳ-lừa bị đánh chỉ chạy quanh chạy quéo, xoa trước xoa sau.*

*Nói lối ngoài :*

Hừ, nghĩ như thân lừa này, cũng là máu dê thật ; hễ thấy gái ắt thì mê tít, họ giã mình để bắt bỏ ai ; xuýt nữa xẻo mất tai, thì rõ là dơ mặt ; nhưng mà người điên thật, thôi thì mình chấp chi.

*Ngâm :*

Máu dê lắm lúc mà nguy,
Hai tai xẻo mất có khi mặt mèo.

*Con Nhài thấy thế can Đinh-trưởng nói lối*

Thôi ông ạ, mợ tôi giờ điên dại, ông chớ nói bèo-nhèo, lỡ ra cắt mất tai mèo, thì ngắm rõ ra mặt vợ, a ông.

*Ngâm :*

Máu dê quen nết chơi trèo,
Lỡ khi thui - thủi như mèo mất tai.

*Ca hành-vân can :*

Phận con Nhài, phận con Nhài, xin bợm bợm già ơi, đừng « quay quất », lỡ mất hai tai, mặt mèo khôn bắt vạ, người điên hách, thôi chồng chi, rõ mặt con giơi, trời trách trời, trách trời sao đặng, lừa ưa nặng, lặng mà nghe, nín ra về, chớ hề dại gái, vội lòng mê lòng mê.

*Đinh-trưởng Kỳ-lừa :*

Phờ râu dê, vội ra về, chịu trót một bề, rõ là ê là ê ; gái qua đàng, nghĩ thích bỏ mê, xuýt thì tai mất, từ rày chừa quách máu dê.

*Nói lối :*

Hừ, giờ gửi mình thư gấm, mà chẳng chịu trăng hoa, luống mong chồng, chồng hãy cách xa, dù gửi trạm, trạm ta giấu bặt, đó chi.

*Ngâm :*

Nhớ chồng nhắn gửi tin mai,
Chắc gì ngựa trạm vượt ngoài cửa quan.
Đã khôn mà lại không ngoan,
Không chiều chim nhạn hãy khoan thư hồng.

*Nói lối :*

Hừ, thế mới rõ, trâu đi tìm cọc, mà cọc nỡ chẳng cần trâu, ngựa đau vì tầu, mà tầu không đau vì ngựa, thôi thì lá tờ vứt phứa, bức gấm bỏ hoài, đó chi, thôi mình bước. (*Hạ*)

*Con Nhài can Tô-thị về nói lối :*

A này mợ, nay tờ thư đành mất, bức gấm cũng hoài, đình-trưởng bước một nơi, mợ con về kẻo muộn, a mợ.

*Ngâm :*

Vì ai ngăn đón tin chồng,
Tờ thư với bức gấm hồng khôn đưa !
Liếc trông trời đã xế trưa,
Mợ đành xót muối rầu dưa ra về.

*Ca kim-tiền dỗ Tô-thị :*

Ấy ai bởi vì ai, trao gấm đưa thư gửi nhắn người, mà nay gửi nhắn vì ai, khéo mà trêu ngươi, khi hoa cười, khi trăng cợt, khi dơ đời, rõ điên ruột vì ai, ấy về đi thôi.

*Tô-thị ngâm :*

Phận sao phận bạc như vôi,
Nhớ từ xưa bức gương soi cùng chồng.
Gửi đưa thư bạch gấm hồng,
Vì ai ngăn đón gió đông hỡi chàng.

*Ca tiếp kim-tiền :*

Chừ ai trách chi thiên-hạ, sá lạ chi lừa, sá lạ chi lừa, thôi bầm gan đá mà sao, thôi thôi bầm gan đá mà sao, non cao chi ngại, ấy chạy lại chạy lại xem sao, non cao chi ngại chạy lại.

*Thét lối điên :*

Thôi mày hãy cho về trở lại, để ta còn bước tới non cao, xem chồng mợ ở nơi nao, kẻo nữa thân này hóa đá, đó a Nhài. (*Ủ chạy*).

*Con Nhài đuổi theo thét lối :*

Chờ tôi đã, chờ tôi đã, ở mợ ơi mợ ơi, có lẽ mợ người trời, hay sao mà hóa đá ? mợ ơi !

(*Cùng đuổi theo. Các hạ*)

*Con Nhài chạy lạc, còn Tô-thị chạy ra đứng đầu núi nom, thét lối :*

Đứng đèo núi cheo - leo, ngắm phương trời thăm - thẳm, mây lồng muôn dặm, tuyết ủ một mầu, mong chồng giọt lệ gieo châu, thân thiếp đành lòng hóa đá, ở chàng ơi.

*Ngâm sau :*

Xa trông thăm-thẳm phương trời,
Chênh-vênh đèo núi cách ngoài cửa quan.
Mong chàng giọt lệ mưa chan,
Chẳng thà hóa đá trên ngàn non mây.

*Ca nam-thương :*

Mong ai luống chạnh đôi mày, đôi mày mỏi mệt ; ngàn tuyết hoa bay

dặm cỏ đội cây, thêm mệt mã lòng đây, đá vàng đánh đổ mưa mây, cho thêm nặng lòng đây, để mình gầy thêm gầy. Xa trông tin nhạn tuyệt vời, tuyệt vời non nước, ngoảnh trước trông sau, nào thấy tin đâu, như thêu như thêu mối sầu, dạ quặn đau, giọt mưa mau, dịp gầy cầu, núi lìa châu, tóc mây xe sầu, mây xe sầu, ngấc đầu trông bạn, nay ngãi nhạn lìa nhau, cuộc đời bãi biển nương dâu, sao cho đoạn tình nhau, rối bong tơ sầu.

*Thét lối :*

Lòng son dạ sắt, nắng lửa mưa dầu, lác-đác lệ rơi châu, ngập-ngừng thân hóa đá, đó a.

*Ngâm :*

Non xanh bao tuổi mà già ?
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.
Nhờ ai khôn gỡ tơ sầu,
Thân này hóa đá đứng đầu non trông.

*Đứng ngất đi lâu, ngất trơ như tượng đá. Con Nhài chạy đến trông kinh sởn tóc gáy ôi lên khóc, thét lối :*

Ủa lạ sao lạ sao, thiệt ghê quá ghê quá, mợ tôi sao mà hóa đá ? tôi sờ lạnh giá như đồng, chỉ vì nỗi mong chồng, bỗng nay mà hóa kiếp. Ới mợ ơi là mợ ơi !

*Hát vãn :*

Còn đứng ới mà giữa trời, trơ-trơ ới mợ ơi y y y tình bằng còn đứng y còn đứng giữa trời, y y y tình bằng mưa Tần gió Sở y y y ấy mấy tuyệt vời y y tuyệt vời đỉnh non ; song nét đá bao mòn. Vì ai, ới mợ ơi y y y tình bằng nét đá y nét đá bao mòn, y y y tình bằng hãy còn như tạc y y y ấy mấy tấc son y y tấc son cùng chồng, song là sự lạ lùng.

*Thét lối :*

Uả lạ ! Thiệt dạ đá gan đồng, rõ mình sành dạ sỏi ; mình khóc chi thêm mỏi, đành trở lại báo tin, cho nhà biết chớ. (*Khi ấy hãy tạm bỏ phông cho tượng đá nghỉ.*

*Hát thảm về :*

Chăng dễ khách non bồng, kiếp ới kiếp xưa chăng dễ khách non bồng, bỗng mà tấm thân hóa đá đứng mong chồng trên đỉnh non ; nhác ới nhác coi song nét lũa xương mòn. (Lảy), mây ngàn song bên gió núi mấy hãy còn trơ trơ ; luống ới luống vì tình nên lệ đầm hóa mưa. (Lảy), phận con hầu song bên thảm xót mấy ngần-ngơ ra về ; bóng ới bóng trăng hôm luống đã gần kề.

*Đinh-trưởng Kỳ-lừa nghe tiếng khóc ra đón hỏi nói lối :*

Uả kia con Nhài của nàng Tô-thị, mi làm sao khóc rầm khóc rĩ, ta thoạt nghe như oán như than, hay Tô-thị làm oan, để con Nhài khóc tủi, đó chăng ?

*Ngâm :*

Trăng hôm luống đã xế kề,
Chủ nhà con ở rẽ chia đàng nào.

*Con Nhài nói lối đáp :*

Uả này, bởi vì ải khéo cợt trăng, nên nỗi chủ tôi hóa đá ; lẽ ra thì bắt vạ, lại còn hỏi làm sao ?

*Ngâm :*

Chủ tôi trèo đỉnh non cao,
Tấm thân hóa đá biết nào tại ai.

*Đinh-trưởng nói lối :*

Ủa lạ đời lạ đời, không lẽ thực lẽ thực, hay cợt trăng, nó bảo mình là thằng cuội chắc, đứng nom mây, ai là người hóa vàng đá sao, a Nhài ?

*Ca hành-vân hỏi :*

Hỡi a Nhài, hỡi a nhài, nói cuội cuội lừa ai, người non nước dạo bước qua chơi, lẽ nào ra đá tạc, lời kia khác, mi lừa ai, có lẽ lừa tôi, rồi biết rồi rủa mình là cuội.

*Con Nhài nói lối tiếp :*

Không, nào ai dứ cuội, thử hãy lên non, mợ tôi hóa đá một hòn, tôi khóc tuôn mưa mấy giọt, đây mà, ở mợ ơi.

*Ca tiếp hành-vân :*

Lừa chi cuội, cuội trên trăng, đá nên vầng, đứng tầng đỉnh nửi, vẫn chờ trăng chờ trăng, người gan đá, mợ tôi là đứng đựa trăng tà, ngẩm ngàn hoa ngàn hoa, chẳng tin lời hãy đi ngay ra, thiệt là thay kiếp, con hầu khóc tủi mưa sa, ở mợ ơi.

*Đình-trưởng nói lối tiếp :*

Ủa thế nàng thiệt hóa đá à? biết mình xưa thả làm cuội quách, hay là mi nói khuếch, ừ để ta ra xem.

*Ngâm :*

Đi xem hội phải đến chùa,
Hay là Nhài lại nói chua Kỳ-lừa.

*Con Nhài ngâm đáp :*

Thôi thôi chú cuội chi ngờ,
Quả-nhiên người đá đứng chờ đầu non.

*Nói lối :*

Thôi chú ra mà xem, đây tôi còn trở lại. (*Nhài-hạ*).

*Đình-trưởng đứng nói lối :*

À sự này cũng quái, mà lẽ đó thật kỳ ; có lẽ gái nga-mi, hóa làm con người ngọc.

*Nhảy ngựa hát dịp đuổi :*

Nhong nhong nhong nhóc, nhong nhong nhong nhóc, phất cảnh roi trúc, ta giục ngựa hồ, tình tính tình hồ, qua lới nọ hồ-lơ (1 dịp). Cái quần hồ-lơ, phất-phơ ngựa bạch, mình chơi cũng hách, quan khách nào bằng, tình tính tình bằng, qua lới nọ bằng ta (2 dịp). Con ngựa hoa cà coi ra cũng lịch, giăng cương xúc-xích, cưỡi thích vô chừng, tình tính tình chừng, qua lới nọ chừng nao.

(*Đình-trưởng Kỳ-lừa vừa chạy ngựa đến đầu non trước chỗ người đá đứng trông lên, nói cợt cười chế-nhạo*).

(*Khi ấy người tượng đá lại đứng y như trước mặt mũ phỏng*).

*Đình-trưởng tiếc trông người đá cợt cười nói lối :*

Ủa lạ thiệt lạ thiệt, mà xinh sao xinh sao ; hờn-hở mặt hoa đào, mỏng manh mày lá liễu ; trước không cho mình ghẹo, giờ sẽ đến ta chòng ; thôi chi đứng mong chồng, hãy xuống đây cùng cuội, đó sao.

*Ngâm ;*

Tiếc thay mày liễu má đào,
Dầu sương dãi tuyết chồng nào mà mong.
Chút thân hóa đá hoài không,
Chẳng thà lấy chú cuội mà bồng lên cung trăng.

*Người đá đứng trên đầu non ném đá, cả cầm cành hoa vẫy nước thét lối :*

Ủa Kỳ-lừa, mi cưỡi ngựa, mi biết gan này chửa, ta mở mắt cho nhìn, ừ ừ ta ném vầng đá đen, vẫy ngành nước bạc, để cho mày thần kinh mất lác, vía lạc hồn bay, trên cật ngựa ngã ngay, giống lọc lừa hết kiếp, đó chi.

*Ngâm :*

Kỳ-lừa mi biết hay chăng,
Thác làm đá cuội chết quăng xuống ngòi.
Thân lừa chi đã quất roi,
Làm thân trâu ngựa đền bồi trúc mai.

*Đình-trưởng Kỳ-lừa bị đá ném và nước vẩy vào mặt, thét lối :*

Ủa, trời ơi là trời, đất ơi là đất, để thân Lừa chết thật, sao máu đê chẳng chửa ; đá như sỏi, nước như mưa, mắt đã mờ hồn đã ngất ; trên mình ngựa đã lăn xuống đất, thôi thân Lừa chết dứt ở đời ; à hắt-hơi hắt-hơi, thiệt tắt nghỉ tắt nghỉ. (*Ngã lăn chết. Bầy lôi ra khênh xác, khóc om lên đem về*).

(*Hạ-màn*)

## CẢNH THỨ TƯ

### Rừng núi và chùa Tam-thanh

*Đậu Kim-Liên đi lính, đã làm nên tướng-quân, trở về ra nói sử :*

Tôi vốn Đậu Kim-Liên, xưa lấy nàng Tô-thị ; vì nặng gánh tang-bồng hồ-thỉ, phải nhẹ lòng bồ liễu tơ duyên ; từ ngày vâng tờ chiếu an-biên, luống những nhớ chút tình khuê-phụ.

*Ngâm thơ tứ-tuyệt :*

Khuê-trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thượng thúy-lâu ;
Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.

*Thồng :*

Buồng khuê tuổi trẻ chưa sầu,
Ngày xuân trang-điểm lên lầu xa trông.
Lơ-thơ tơ liễu đầy đồng,
Tiếc mình nỡ để chồng hòng quan sang.

*Thét lối :*

Kia rừng chen núi đỏ, nọ mây phủ thành vàng ; giục quân kỵ lên đàng, chỉ ngàn hoa thẳng nẻo, đó a.

*Nói vía nam :*

Uả kìa trời lững bóng tà, chiếc bóng tà tà dặm liễu. (*vía*) chiếc bóng tà tà dặm liễu, (*hàn*) uả chừ ta mới về, (*vía tiếp*) giục ngựa về khuất nẻo non xa, (*hàn*) a chừ đã tới non quê rồi, (*hát nam*) tuyết mù núi cỏ ngàn hoa, (*hàn*) uả lạ sao, (*hát tiếp câu nam*) nhác trông vàng đá xa xa nhìn người, non quê cách mấy năm trời, dễ chăng đèo núi nhớ người xưa chăng.

*Thét lối :*

Quân, đây đã tới quê nhà, đặng tìm nơi trụ tất (*quân*) Dạ dạ. — *Các hạ*)

*Đậu Kim-Liên về nhà không thấy Tô-thị ra, ngồi thét lối :*

Uả lạ sao, ruột nóng như bào, lòng đau như cắt, về tới nhà sao không thấy nàng ra mừng mặt, gọi con hầu thử hỏi xem sự thật tình đầu, đó sao.

*(Linh đa đi tìm Nhài)*

*Con Nhài ra nói sử :*

Dạ dám thưa, con hầu xin dãi tỏ, từ ngày quan trấy thủ an biên, phu-nhân ngày ruột nóng máu điên, tay dệt gấm thảo thơ truyền gọi nhạn ; trạm Kỳ-lừa ra lòng ngán đoàn, xui ruột tằm đứt đoạn vò tơ ; lên non cao ngày đứng mong chờ, bỗng sao vội trơ-trơ mà hóa đá ; Kỳ-lừa cho là lạ, liền chạy ngựa ra coi ; ném đá vầng, vẩy nước đá vôi, Lừa ngã ngựa thác về nơi minh-phủ.

*Đậu Kim-Liên than sử :*

Ới thương ơi, ta nghe lời phân tỏ, mà sa giỏ hàng châu, tấc lòng son thề hẹn bạc đầu, khéo dạ thầm đau sầu tím ruột, thôi giờ sự đắng cay đã trót, cho rầu lòng chua xót mà chi, đành cáo quan về nương bóng từ-bi, để cùng bạn cho trọn bề duyên kiếp.

*Ngừng nước mắt nói lối :*

A Nhài, vậy con đưa ra tới đầu non, để ta đặng than cùng người đá, đó con.

*Ngâm :*

Bước chân ra tới non thần,
Thử thăm người đá tần-ngần nhớ quên.

*Con Nhài ngâm tiếp :*

Tấc lòng vì nghĩa vì duyên,
Biết chăng người đá cũng nên gật đầu.

*Cùng hát thầm đi ra núi :*

Xiết nỗi thảm-sầu, cái con đàng tình riêng xiết nỗi thảm-sầu, vì ai tấm thân hóa đá mấy đứng đầu non không ; mưa tuyết mấy trùng. Xa ới xa bao mưa tuyết mấy trùng, xui nên tóc rối mấy đầu bồng phơ-phơ ; trăng đợi hoa chờ. Trải ới trải bấy lâu trăng đợi hoa chờ ; tấm son gột rửa mấy bao giờ cho phai ; đá có quen người. Chẳng ới chẳng hay đá có quen người, để ta ghi tạc mấy lời non xanh ; bóng trăng in mảnh gương tình. (*Cùng đến trước người đá than khóc* .

*Đậu Kim-Liên than sử và hát vãn :*

Ới thương ơi ! sao nàng vội đổi thay xác đá, để anh càng lã-chã bàng châu; trách vì mình tên cỏ cung dâu, nỡ phụ kiếp phận bồ tơ liễu ! Ới nàng ơi ! con ngựa hồ từ đi khuất nẻo, chiếc nhạn rừng khôn khéo đưa thơ ; luống thương nàng tuyết đợi sương chờ, bỗng tựa bóng trăng mờ thân hóa đá, thôi anh sá mảng gì quan sang chức cả, đành bỏ thân nương cửa bồ-đề.

*hát vãn :*

Nương cửa ới mà bồ-đề, đành bỏ thân ới em ơi y y y tình bằng y nương cửa y nương cửa bồ-đề, y y y tình bằng lòng son như tạc y y y ấy mới trăng thề y y trăng thề còn trơ; song đáng đồ mây mưa, ới em ơi !

*Con Nhài hát vãn tiếp :*

Đánh đồ ới mà mây mưa, đá vàng, ới mợ ơi, y y y tình bằng đánh đồ y đánh đồ mà mây mưa, y y y tình bằng gan vàng sao khéo y y y ấy mấy thờ ơ y y thờ-ơ dạ vàng, sao thiếp nỡ quên chàng, ới mợ ơi !

*Nói lối*

Thôi giờ mợ tôi đã trót ra người đá, dẫu quan ngài khóc mãi cũng trơ sành ; nếu ngài về thế phát tu-hành, thì con cũng chay mình kiêng tỏi, dạ thưa ngài, ngài tủi con càng thêm tủi, ngài tu con cũng xin tu, đó thưa ngài.

*Đậu Kim-Liên nói lối tiếp :*

Ừ, chủ nhà đã ngoan, con hầu cũng giỏi, nếu không ăn tỏi, thì quyết tu-hành ; vậy vào chùa Tam - thanh, ta đọc kinh ngũ giới, đó sao.

*Cùng hát sa lệch vào chùa :*

Cánh hoa thơm tình bằng thơm ngát cõi vườn đào, chứ để tình hỏi thăm người đá y ối y mà để có tìm vào mấy tìm vào non xanh ; y y ra ới ra về tình bằng cửa động kia cửa động Tam-thanh, chứ để tình hoa cái nghẽn núi y ối y mà để bóng trăng chênh bóng trăng chênh đỉnh đèo ; y y cửa ới cửa bồ-đề tình bằng ngọn gió kia ngọn gió đìu-hiu, chứ để tình nước ngành dương vẩy rửa y ối y mà để có trong veo mấy trong veo bụi hồng ; y y con ới con hầu tình bằng cũng cảm cũng cảm chút tình chung, chứ để tình theo làm thủ-hộ, y ối y mà để chứ phật không chứ phật không cấm nào, vốn ới vốn thầy trò cũng bậc mà cũng bậc thanh-cao.

*Đậu Kim-Liên nói lối :*

Đây đã tới Động đào, coi khác nào Thiên-trúc ; lánh trần xa cõi tục, dạo gót tới chùa tiên, đó chi. (*Các hạ*),

*Tô-thị hiện thân ra nói lối ngoài (người đá hiện ra) :*

Tôi vốn nàng Tô-thị, xưa lấy Đậu Kim-Liên ; bởi vì chàng xa nơi hòn đạn mũi tên, mà tôi bỗng hóa kiếp mình sành da đá ; nay chàng bọn lục-lâm tan-phá, non quê con bạch-mã ra về ; bực vì duyên tơ-liễu phân chia, lại tìm cửa bồ-đề ở góa ; à à xưa mình từng hóa đá, giờ lại thử làm hoa, chùa Tam-thanh đó cũng không xa, vào thử mượn hoa sen đổi kiếp, đó chăng.

*Ngâm :*

Xưa từng làm đá mọc măng,
Giờ làm sen nở in trăng mặt hồ.
Kia ai đứng núi Cô-tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Tam-thanh.

*Ca từ-đại-cảnh :*

Ai ra về, lời ghi đá, mưa lã-chã, lã-chã giọt tình, khi xa đàng chờ đợi xanh non xanh, nghĩ nhân-tình, sao khéo mần thinh, sao khéo mần ngơ. Trông không đặng, mong không đặng, thêm nặng giọt hòa mưa, bao chừ cũng chờ đợi trưa sớm trưa, thương thân gầy, thành vậng đá trơ, mong kia nhạn gửi thơ. Ai đó chờ, ai đó chờ, cho dạ ngọc tôi rầu dưa, nay chàng lại mường

tượng xưa khi xưa, cho ví dù mặt cách như lòng ưa, nguyện cho vẹn đàng tơ. Chàng chàng ơi, chi vội thế, đi tu, đi tu về chùa, ấy ai làm cho thêm nặng lòng nhau, mà thêm nặng lòng nhau. Tình tình sâu, duyên còn vướng, hoa sen hoa sen nở giò, có thơm có thơm chăng hỡi, đền lại đền lại sinh ba sinh, Tam-thanh Tam-thanh vào chùa, với sư cồi lá bùa từ Phật, với sư cồi lá bùa từ Phật,

*Nói :*

Mau bước tới Tam-thanh, hóa làm sen tịnh-đế ; nghe sư giảng kệ, cùng tiểu đọc canh, sẽ cùng sư lại kết duyên lành, cho người thế nức cười bụng vỡ, đó sao. (*Hạ*).

### Bày cảnh chùa Tam thanh và hồ sen

*Sư ông là Đậu Kim-Liên và tiểu là con Nhài ra ngồi niệm kinh :*

Na-mô Phật na-mô pháp, na-mô tăng, na-mô Quan-thế-âm bồ-tát, ma-ha tát, úm ma sa hạ tát. Phục dĩ : Giò từ hay-hảy, cỗi cồ-đàm xuân nẩy giò hoa ; mây thẩm rà rà, ngành dương-liễu mưa sa nước phép. Liếc gươm tuệ mà cắt duyên đoạn kiếp ; vẫy đuốc hồng mà giải nghiệp hơ oan. Lênh-đênh thuyền bát-nhã, vượt qua bể khổ đầy chàn ; chót-vót cửa Tam-quan, phá lở thành sầu cao ngất. Na-mô-A-di-đà-phật.

*Con Nhài niệm kinh tiếp :*

Na-mô A-di-đà-phật, úm ba la mặt, phủng xuất phật đàng. Đắp nền nhân cho thơm cỏ đỏ hương ; tu cỗi phúc mới nở ngành xanh ngọn. Cõi tục mây đưa giò đón, sực hồi chuông khua rộn giấc mê ; non tiên trăng tựa hoa kề, chợt tiếng mõ gọi về cõi sáng. Thành tâm cúng dạng ; phụng thỉnh hoa hương. Na-mô A-di-đà-phật.

*Tô-thị hiện thân vào một cái hoa sen rất lớn ở mặt hồ trước cửa chùa, ngồi ca ngọc mĩ-nhân :*

Chàng ơi có ra bờ hồ, nhìn xem cảnh sen nở giò, tu chùa lên chùa sầu khách, nỗi lòng viu hỡi giò hoa, hoa đà hoa đà mỉm nói, riêng lòng ngàn nỗi thương sư, hỡi sư tương-tư sao mà. Vậng đà hoa từng vì sa đà, vì thương mặt ngọc da ngà, hỡi sư tương-tư sao mà, hóa cảnh sen dường còn la-đà.

*Ngồi trong cảnh hoa sen nghe sư niệm kinh lại mô phật nói lối nhà chùa :*

Na-mô-a-di-đà-phật, tôi xưa làm vậng đà, đứng đỉnh đèo cao ngất, giờ hóa làm hoa sen, lên mặt nước thơm lừng, na-mô-phật, na-mô-pháp, na-mô tăng, nhà sư có biết hoa chăng, cảnh bụt thôi đành phả-giới, na-mô-a-di-đà phật.

*Sư và tiểu đang ngồi niệm kinh, khi vừa mới dừng, chợt nghe thấy tiếng người mô-phật và nói véo-von ở ngoài hồ sen, liền dừng lại ngồi nghe lấy làm lạ.*

*Sư Đậu Kim-Liên nói lối bảo tiểu :*

Uả lạ sao lạ sao, quái ghê thật ghê thật ! văng-vẳng tiếng ai mô phật, chập-chờn ra ý ghẹo sư ; đây là chốn bi-từ, khéo sao mà léo nhéo ! chạy ra coi, a tiểu.

*Tiểu là con Nhài nói lối tiếp :*

Khéo ai mà trêu ghẹo, nghe nói giọng buồn rầu, hay lại cô ả Mầu, toan trêu bà tiểu Kính, đó chăng, để con chạy ra xem, a sư thầy.

*Ra trông thấy hoa sen rõ to và trong có người con gái đẹp đang nói, chạy về bảo sư thầy, hát dịp đuổi :*

Tiểu bạch sư thầy, sự này lạ quái, có người con gái, ở cái hoa sen, mọc lên mặt hồ, tình tính tình hồ, quá lời nọ hồ trăng (1 dịp). Người hẳy trẻ măng, trông băng thật đẹp, hay là duyên kiếp, toan hiếp nhà sư, bắt sư làm chồng, tình tính tình chồng, quá lời nọ chồng sư (2 dịp). Ông sư ông sư chẳng từ-bi được, mời sư đi trước, tiểu bước đi

sau, thôi chớ trọc đầu, tình tính tình đầu, quả lới nọ đầu chay.

*Sư Đậu Kim-Liên nói lối :*

Ứ sự lạ sự lạ, hãy ra coi ra coi, có lẽ phật hiện rồi, hay là tiên sa chớ.

*Ngâm :*

Dễ chăng là phật là tiên,
Người đâu nầy cánh hao sen mặt hồ.
Kiếp này đã trót dàng tu.
Có nên thì cũng hẹn hò kiếp sau.

*Hai thầy trò cùng ra bờ hồ đứng xem, Đậu Kim-Liên chắp tay vái hoa sen khấn :*

Na-mô a di đà phật, dù tiên dù phật, nay giáng ngự tòa sen, cửa bụt cửa chiền, xin mời lên viện trúc, na mô a di đà phật.

*Tô-thị ở trong hoa sen nói :*

Na mô phập, tôi Tô-thị, xưa vì chàng hóa đá, nay đổi kiếp làm hoa, mượn tòa sen để thiếp hiện thân ra, tới viện trúc cùng chàng xe chỉ lại, đó chi.

*Con Nhài mừng nói lối :*

A thế ra mợ rồi thầy ạ, vậy thì nay thầy trả chùa thôi, tôi cũng về tôi kiếm tấm chồng tôi, tiểu có lẽ tiểu tu sang kiếp tiểu, a bạch thưa thầy.

*Mừng hát trống quân :*

Thầy ơi đích mợ tôi rồi, thôi thời sư trả chùa thôi ra về ; bấy nay nương cửa bồ-đề, ăn chay nằm mộng chưa hề trăng-hoa ; bây giờ sen nầy chồi ra, khéo sao người đá lại là duyên xưa ; non thần nổi áng mây mưa, thôi thời phá giới rầy chừa đi tu

*Sư Đậu Kim-Liên mắng thét lối :*

Sư đã dốc chân tu, tiểu nói cản chi hỡi ; Nếu nàng Tô có phải, hãy bước tới ra xem, đó nàng.

*Ngâm :*

Hoa sen thoảng thoảng mùi nhang,
Nếu người giận ngọc thề vàng hãy ra.

*Tô-thị ngâm tiếp rồi bước ra :*

Đã lòng tạc đá thề hoa,
Thời xin trả cõi chiền-già đừng tu.

*Ca kim-tiền ;*

Tu chi đặng mà tu, thôi vẫn tơ duyên quyết trả chùa, chừ nên trả ngay chùa, vậy đừng tu, khéo mà đi tu, sen nên giò, sen chưa lụi, sen trong hồ, thiệt duyên nợ nghìn thu, ấy vì duyên do, kìa thân đá xưa mong đợi, sớm đợi mai chờ, sớm đợi mai chờ, bây giờ thân hóa giò sen, bây giờ thân hóa giò sen, vẫn duyên vương nợ, thôi nặng nợ nặng nợ đừng tu, chớ tu thêm nợ lấy vợ.

*Nói lối :*

A này nhà sư, đừng quên ngãi vợ ; vì chàng là duyên nợ, nên thiếp phải tìm đòi ; trách phận mình hòn đá hóa hòn vôi, khéo cuộc thế hoa tươi cười hoa rụng; nay còn trong giấc mộng, lại gặp bạn tình cờ ; thôi đừng cắt tóc làm sư, xin lại xe tơ cùng vợ, đó chàng.

*Sư Đậu Kim-Liên nói lối tiếp :*

Ủa này, nay thiếp đã gặp chàng, song sư đà mộ phật ; tóc mây đành cắt dứt, áo cà-sa quét đất lôi-thôi ; râu ria cạo mất rồi, gậy tầm-xích chọc trời ngất-ngưởng ; về với vợ nghĩ thì cũng chướng, song làm chồng nỡ mảng tình ư, ừ thì đạo phật chân-như, đành lẽ nhà sư phá-giới, đó nàng.

*Ngâm :*

Lòng thành một nén tâm nhang,
Khéo sao đá đổi gan vàng ra hoa.
Cũng đành thay áo cà sa,
Kim-thằng mượn Đức Di-đà xe dây.

*Tô-thị ngâm tiếp :*

Thề hoa tạc đá những ngày,
Phật bà nào có rẽ dây xích-thằng ;
Cà-sa chàng cứ cởi phăng,
Vợ chồng chỉ nguyện bóng trăng cùng về.

*Ca đao duyên :*

Vậng đá huê, vậng đá huê lời thề như tạc, dẫu thầy làm, dẫu thay làm kiếp khác chưa quên, chàng chàng ơi, qua chơi gửi một lời, dẫu thay làm kiếp khác chưa quên.

*Sư Đậu Kim-Liên ca tiếp đao-duyên :*

Cành hoa sen, cành hoa sen, hương nguyền chưa nhạt, chắc sau này, chắc sau này thơm ngát còn lâu, nàng nàng ơi, qua chơi gửi một lời, chắc sau này thơm ngát còn lâu

*Tô-thị ca tiếp đao-duyên :*

Bóng trăng thâu, bóng trăng thâu, những sầu em hóa đá, cảm thương chàng, cảm thương chàng em lại hóa làm hoa, chàng chàng ơi, qua gửi một lời, em lại hóa làm hoa.

*Đậu Kim-Liên ca tiếp :*

Chốn non xa, chốn non xa, chẳng thà anh tu trót, cảm thương nàng, cảm thương nàng anh lại trút cà-sa, nàng nàng ơi, qua gửi một lời, anh lại trút cà-sa.

*Con Nhài ca tiếp :*

Cởi cà-sa, cởi cà-sa về nhà ta phá-giới, nước cành dương, nước cành dương đành tưới hoa dâm, ới chàng chàng ơi, ới nàng nàng ơi, nước cành dương đành tưới hoa dâm.

*Đậu Kim-Liên nói lối :*

Thôi giã chùa giã cảnh, về tu chợ tu nhà, na - mô lạy đức phật bà, trái kiếp chẳng là sư cụ nữa.

*Cùng hát đường trường về:*

Anh có yêu em tam tứ núi anh cũng trèo, thất bát sông tang-tình anh cũng vượt, tứ cửu tam thập lục dèo anh cũng trèo qua. Bởi vì chàng nên thiếp đành gió lạnh lúc mưa sa, khi làm đá xanh trên đỉnh núi lúc nảy hoa trên mặt hồ. Vì duyên ta từ trước đã hẹn hò cởi áo cà-sa phá giới trả chùa anh cũng cam, nước non thề em ơi chỉ nguyện với trời Nam.

*HẾT*

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

---

# HỒN DU-KÝ

*(Ảo - tưởng tiểu - thuyết)*

## TỰA

*Trước Thang Khanh-Mưu có nói : « Người ta ở đời không nên không để riêng ba thứ nước mắt : Một là khóc những việc lớn trong thiên-hạ mà mình không được làm ; hai là khóc văn-chương của mình không gặp được người thưởng-thức ; ba là khóc cho thân mình chìm chìm nổi nổi chẳng gặp tri-âm. » Tôi thường đọc mấy câu ấy mà tin là đích-đáng.*

*Trong mấy năm đây mới trải việc đời, đã thấy nước đời lắm nỗi đảo-điên, trò đời lắm điều gian-dối, kể không sao xiết. Tưởng dễ thường giống người ngày nay, không còn một chút đạo-đức chân-thật nào nữa !*

Thôi cái đời nay rồi hóa cuội,

Mà con người thế hẳn còn dai.

*Chao ôi, đã sinh ra cái thế-giới cạnh-tranh này cũng chẳng sao tránh khỏi cái vòng sầu thảm bi-ai. Như thế thì lời nói của Thang Khanh-Mưu cũng chưa lấy chi làm rộng. Nên ngoài ba thứ nước mắt ấy, tôi lại còn để riêng hai thứ nước mắt nữa : một là để khóc cho quả đất kia sao không cùng với sao chổi mà vạng nhau cho tan ra ; hai là để khóc cho muôn loài trong thế-giới sao gây ra lắm nỗi đau lòng rối óc. Nỗi lòng u-uất biết cùng ai kể-lể chuyện xưa sau, nhân nghĩ mấy câu rằng :*

Giận nỗi địa-cầu không tan nát,

Xin người thế-giới chớ sinh sinh !

*Viết xong định gián lên vách cho khuây nỗi thảm, cho nguôi cơn phiền, chợt thấy Ngạo-cốt tiên-sinh đến, đưa cho xem quyển «Hồn du-ký» mà tiên-sinh đã dịch; tôi xem những lời trong sách ấy câu nào cũng đúng với tâm-sự tôi. Xong vội bỏ sách xuống mà than rằng : « Ôi Ngạo-cốt tiên-sinh biết đạo vậy ! Thế-giới đã không bao giờ tiêu-diệt được thì cái giống cạnh-tranh cũng không bao giờ mất hết được. Ông đã đem ngòi bút mà chê bôi mai-mỉa bọn mặt nạ ấy rồi, thì tôi còn phải đem cái giọt nước mắt vô-tình mà tưới vào chỗ không-hư làm gì ? Chả lẽ còn lo bể đông cạn, mà lại đào cho sâu nữa hay sao ? »*

*Thôi thì giọt nước mắt cười thầm cùng vũ-trụ, kiếp phù-sinh thôi chẳng khóc thương chi !*

PHAN-CÁT-CỔ-TƯ

Ôi ! Ai bày ra cái chủ-nghĩa chán đời, mà có thần-lực gì khiến cho ta phải sùng-bái, phải tuân-hành làm vậy. Kìa các hạng chán đời ở thế-giới này, toàn là một hạng ngu mà cậy khôn cả, cứ mờ mờ mịt mịt, nào có suy nghĩ được đến cái chân lý mười phân vẹn mười trong chữ chán đời là sao đâu ! Người đời thường cho cái chủ-nghĩa chán đời là một giống trùng độc của xã-hội. Nếu ai ai cũng theo cái chủ-nghĩa ấy, thì thế-giới sẽ không có loài người nữa, cho nên họ coi những hạng chán đời là một hạng có tội ở thế-giới.

Tôi đây cũng hơi biết đạo-đức một chút, há tôi lại chẳng hiểu lẽ ấy hay sao ? Song tôi sinh ra đời đã 30 năm nay, những điều mắt tôi thấy, tai tôi nghe, mình tôi vướng đến, óc tôi nghĩ đến, không việc gì là không đuổi tôi vào vòng chán đời cả.

*Nghĩ đời mà chán cho đời,*
*Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân.*

Tôi cũng rất ghét cái chủ-nghĩa chán đời, mà chính tôi đây lại bước vào vòng ấy đã lâu rồi. Giá có ai hỏi nguyên-nhân tại sao mà chán, tôi thực cũng không biết tại sao cả. Xin các ông cũng đừng cho rằng đem cái lý-thuyết mà làm văn là lỗi. Để tôi xin thuật cái lịch-sử đã qua của tôi để làm chứng cho tôi rằng trước kia tôi vốn không phải là hạng chán đời.

Nguyên tôi trước đã đỗ tốt-nghiệp ở

trường Đại-học Khoa-tử, là một nhà trường có tiếng ở nước Ý. Lúc tôi còn học, thì thật là siêng-năng sẻn-nhặt, hơn hết cả các anh em đồng-học, mà làm việc gì cũng hết lòng hết sức. Lỡ gặp vấn-đề gì khó giải-quyết, thì ngày quên ăn, đêm quên ngủ, cố công cùng sức suy xét cho ra, thực cũng chẳng khác gì các bậc hiền-triết nước Tàu khi xưa. Thầy thầy khen thì mừng thì vui, có khi mừng quá cũng quên mất cả ngủ. Khi ở lớp sai lầm điều gì thì buồn thì bực, cả ngày chỉ ngồi ôm đầu mà nghĩ như có sự gì lo-lắng vậy. Thường thường trong bụng chỉ ước-ao rằng: « Giá mình phát-minh ra được cái gì hơn đời, khiến cho cái tên Cách-ân-mai này cũng được danh thơm thiên-cổ ở trên mặt quả đất như ông Bồi-căn, ông Nại-đoan, ông Ngõa-đức, các ông khoa-học đại-gia ấy, thì sướng biết bao! »

Nhớ khi tôi còn bé thường ra chơi mộ chỗ công-viên, thấy tượng đồng ông Gia-phú-đức nguy-nga rực-rỡ mà lòng tôi mộ, lại thấy công-hầu khanh-tướng ngựa ngựa xe xe, mà lòng tôi thích, không phải là tôi có thích gì phú-quí lợi-lộc đâu, tôi thích là thích có cái quyền lớn ở tay, một ngày có thể đem hết được những tài bão-phụ khi xưa ra mà thực-hành được, lúc bấy giờ ngôi đã cao thì chúng-nhân phải trọng, quyền đã to thì cả nước phải theo, hoặc nhân đó mà làm nên công-nghiệp vĩ-đại, chấn-động hoàn-cầu, là tiếng thơm lừng-lẫy, muôn đời ngợi khen ngay, như thế thì danh lớn dễ lập, chí cả dễ nên. Chứ còn ở chỗ bồng-môn khuê-đậu, dẫu có tài cũng không thi được tài, có chí cũng không toại được chí, thì trọn đời cũng không bao giờ lập được danh, thật là khí bĩ khí thái, một trời một vực khác xa. Nên khi tôi đã tốt-nghiệp trong trường đại-học rồi, chỉ muốn đem thân vào vòng chính-giới là thế.

Ấy mười năm về trước là nhiệt-tâm về chính-trị, vẫn thường lấy bốn chữ công-thành danh-lập làm cái hi-vọng tiền-đồ của tôi cũng là thế.

Ôi! ông Nạp-nhĩ-tốn có nói: « Ta không biết cái sợ là gì cả. » Ông Nã-phá-luân cũng nói: « Ta không biết chữ khó là sao cả. » Hai câu ấy tôi vẫn phục là cao, trước thường khắc vào hai cái bài ngà mà đeo ở trước ngực.

Lại thường nghĩ ở cái thế-giới tạc-đạn này, dễ chỉ ra lính là có lẽ hay hơn cả. Cho nên cả năm lại chỉ nghiên-cứu về binh-học. Có khi cả ngày chỉ cậm-cụi ở trong nhà mà vẽ hình-thế chiến-trận, thậm có lúc đêm đương ngủ say tự-nhiên bò dậy chạy khắp chung quanh giường mà kêu rầm lên rằng: « Trả dầu ta đây! » Các người xúm lại cười ồ lên, bảo là tôi điên, mà tôi thì vẫn dương-dương tự-đắc. Thật trong bụng tôi lúc bấy giờ chỉ muốn theo như ông Nạp ông Nã kia, mà làm một bậc vĩ-nhân ở thế-giới sau này. Thôi tôi cứ lôi-thôi dài dòng mà kể lịch-sử một người mãi, thì cũng rờm tai các ông lắm, để tôi xin thuật lại hai việc sau này là một cái kỳ-thuật về đường sống chết tự-do để các ông nghe.

Tôi sinh-bình rất thích diễn-thuyết, vẫn cho sự mở-mang dân-trí không gì hay hơn diễn-thuyết, cho nên vẫn thường hăng-hái bước lên diễn-đàn, dẫu đến khan hầu bỏng họng, khô môi rát lưỡi, cũng vẫn vui lòng.

Nhớ bấy giờ làng tôi có hội cứu-hỏa, tôi vốn không phải là người trong hội, mà mỗi lần thấy cháy là mải-miết chạy hết sức đi cứu ngay. Một hôm cháy nhà bên cạnh, thang gác thì cháy rồi, trên gác còn hai đứa bé kêu-khóc rầm-rĩ gọi cứu, tôi lại vội-vàng lấy thang khác cố giấn mình vào đống lửa trèo lên, ôm hai đứa bé xuống đến nơi

cháy hết cả quần áo râu tóc, mải-miết gẫy cả ngón tay. Như thế thì cái nhiệt-tâm của tôi đối với xã-hội còn mạnh hơn các người nhậm-sự. Tới nay tôi được cái kỹ-thuật này mà mang lấy cái chủ-nghĩa chán đời đến nỗi gỡ không ra, thực cũng không phải ý xưa vậy. Nguyên lúc tôi học ở trường Đại-học Khoa-tư học về khoa điện-học chuyên-môn. Song tôi cần nghiên-cứu nhất là về khoa điện-học có quan-hệ đến nhân-thân người ta. Còn như thí-nghiệm về thuật thôi-miên cho đến thành-công được cũng phần nhiều là tự bụng tôi suy xét được ở ngoài những điều dạy bảo của thầy cả, tôi vẫn thường nghị-luận rằng nếu sau này mà điện-học một ngày một phát-đạt ra, thì trên mặt quả đất này, sẽ thành ra một cái thế-giới quỉ-thần. » Đến sau đọc đến sách Phật, thấy nói : « Người ta chết rồi thì linh-hồn sẽ lìa xác thịt mà tự-do hành-động. Lúc bấy giờ thì còn cho lời ấy là ngoa, thế nhưng mà cái điều quái-gở ấy vẫn còn vơ-vẩn ở trong óc tôi, vẫn nghĩ thầm rằng : « Nếu quả như lời nhà Phật đã nói, thì người ta chết đi rồi lại chả được tự-do hơn lúc sống hay sao. Song còn ngán nỗi cái vui-vẻ của linh-hồn không thể báo cho người sống biết được, mà cũng không khiến cho họ trông thấy được. Giá sau này mà có một bậc vĩ-nhân nào đã khiến cho linh-hồn được tự-do hành-động, lại giữ được cả quyền sinh-tử, muốn chết thì khiến linh-hồn lìa ngay xác thịt mà đi, muốn sống lại khiến cho linh-hồn nhập xác thịt mà về, lại chẳng là một sự lạ ở đời hay sao ? »

Song lúc ấy chẳng qua cũng là một sự vọng-tưởng mà thôi, mãi đến đêm hôm tháng bảy năm nào, một mình ngồi ró trong thư-phòng đương nghiên-cứu về điện-học, lại chợt nghĩ đến lời nói của nhà Phật kia thì cũng thường thấy có việc thực, giá mình muốn nghĩ cao hơn cái Phật thuyết ấy tưởng dễ thường cũng đạt được mục-đích chứ chả khó. Ấy cái lý-tưởng của tôi trước như thế.

Sau từ đấy mà đi, cứ ngồi nghĩ vơ nghĩ vẩn, hết lẽ này ra lẽ khác, có lúc như điên như dại, như tỉnh như say, cố hết sức nghiên-cứu về khoa linh-hồn tự-do.

Trong mười năm trở về đây, thật đã trải hết mọi mùi đắng cay : 10 lần cháy tóc, 3 lần gẫy ngon tay, 180 lần sầy da chảy máu, 2 lần đau mắt, 7 ngày liệt đi lại dậy được như thế 4 lần, chết đi sống lại cũng đến 7 lần. Bây giờ mới có cái kỹ-thuật mà từ xưa đến nay không ai nghĩ đến, tôi mới phát-hiện ra ở thế-giới này.

Thuật ấy có thể sai được não-hệ cùng các thần-kinh ra ngoài xác thịt, hóa làm một cái vật-thể vô-hình vô-sắc, đi lại ở trên không-trung, chỉ để trơ một cái trọc-xác lại như người chết mà thôi. Thế nhưng mà chỉ trong giây phút lại khiến được cả các thần-kinh nhập về xác-thịt, lại ra một người sống như thường được. Ấy các vật-thể quái-gở đi lại ở trên không ấy, tôi gọi là hóa-thân. Tôi thí-nghiệm đã nhiều lần thành-hiệu. Nhưng thật giỏi thì mới tự hôm mồng một tháng tám năm ngoái là lần tôi làm người chết lần trước nhất, ở nhà tôi, hôm ấy lại chính là ngày sinh-nhật tôi. Nhà tôi vốn đơn người, hồn đạo đức cha theo miền mây bạc, còn mẹ già tuổi-tác kỳ-di, tôi còn hai anh thì đã thành gia-thất, anh cả tôi là Bát-tuyết-tư, anh thứ tôi là Ngột-lỗ-chân, chỉ có tôi là bé nhất, nên mẹ tôi rất yêu tôi chiều tôi. Mãi đến năm tôi 28 tuổi mới đem thân vào vòng giao-tế xã-hội.

*Mang thân gánh vác với đời,*
*Bỗng may may khéo gặp người tri-âm.*

Lúc ấy gặp ngay con gái ông hầu-tước Lũ-cố, tên là Kiếm-sương, người

hào-hiệp, lại có khí-phách trượng-phu, vả có tư-dung, cùng nhau dan-díu, đã nhiều phen thề thốt nặng lời. Cô đã quyết cùng tôi một lòng son sắt. Nào ngờ trăng già độc-địa, đi nguyệt trêu ngươi, đá mòn sông cạn, ngọc nát vàng phai, những tưởng loan chung phượng chạ, xum họp một nhà, mai với trúc, trúc với mai, hay đâu thúy rẽ uyên bay, âm-dương đôi ngả một kẻ ở một người đi. Tự đấy cái lòng chán đời của tôi, càng ngày lại càng như nước lụt dâng lên.

Ôi, cha cha con con, anh anh em em, chồng chồng vợ vợ, chẳng qua cũng là một sự ngộ-hợp ngẫu-nhiên trong vòng Bác-la đó thôi. Rồi cũng đến mây tan gió cuốn, nước chảy hoa trôi, đồng-qui-ư-tận cả, tội gì mà lôi thôi rắc-rối, diễn ra lắm cảnh bi-hoan li-hợp, gây nên lắm nỗi phiền-não thảm thê làm gì. Bấy giờ trở đi tôi không kết-hôn với ai nữa. Anh em tôi thì rất là tương-thân tương-ái, coi nhau như chân như tay. Ngột-lỗ-chân hơn tôi 2 tuổi lúc bé cùng học với tôi ở Khoa-tư. Còn Bát-tuyết-tư thì tính pháp-luật lắm, trước đã làm luật-sư, sau về cùng ở chung cả với chúng tôi, kể tính-tình ba anh em tôi thì rất ơ-hờ nhạt-nhẽo về đường giao-tế, trong xã hội.

Nhân bốn giờ hôm ấy anh em cùng ngồi quây-quần cao-đàm hùng-biện với nhau. Kẻ nói đi người đáp lại, tiếng cười rộn nhà, mãi đến canh khuya cũng chưa đi ngủ. Mẹ tôi thấy anh em chúng tôi thân-ái với nhau như thế lại càng vui lắm. Vẫn thường khoe với các người rằng: « Các cháu nhà tôi được một cái thiên-tính rất là yêu mến nhau, càng lớn lên lại càng thân nhau lắm ». Được như thế lão-thân cũng đủ hả lòng. Cũng có lúc anh em bàn chuyện sống chết ở đời, thì buồn thì sợ. Cực đến nỗi giọt châu tầm-tã, áo xanh đầm-đìa, vì anh em vẫn thường nguyện với nhau rằng sống cùng ở với nhau một nhà, chết cũng đi với nhau một lúc. Giá đương khi nói cười với nhau vui-vẻ như thế này, mà cùng nhau nhắm mắt, lìa bỏ trần-gian, thì cũng là một sự sướng, nếu lại kẻ trước người sau, kẻ còn người khuất, thì rồi đến nát gan héo ruột, cái cảnh tử-biệt sinh-ly, đau-đớn ê-chề ấy kể sao xiết được. Bàn đến đây thì cười không nên tiếng, nói không ra lời nữa, giá một người lại đem truyện khác nói lảng đi thì lại tươi-cười như trước.

Nhớ khi tôi còn bé ở trường về lạc lối qua phố Phì-điền là chỗ nhà cô tôi ở. Cô tôi giữ phải ngủ lại đấy một đêm, sáng hôm sau gọi điện-thoại cho hai anh tôi biết, hai anh tôi đến ngay, trông mắt đỏ hoe, quay bảo tôi rằng: « Hôm qua em không về làm cho chúng ta lo nghĩ sợ hãi thâu đêm trằn-trọc, chỉ những khóc đầy khóc vơi, chẳng sao mà nằm cho yên. Nay thấy điện-thoại gọi, mừng rỡ quá chừng, vội-vàng lại đây ngay.»

Lại có một lần tôi đau dữ đã chết ngất đi, trăm phần không có phần nào là phần sống cả. Bát-tuyết-tư cả ngày chỉ ngồi mà khóc, cực đến nỗi cứ qui ở trước mặt mẹ tôi mà lâm-râm cầu khấn Thượng-đế để xin giảm tuổi mình cho tôi được sống.

Chỗ tôi ở đấy về nhà-quê tìm được thầy thuốc rất là khó, hôm ấy mãi muộn mới tìm được, lại khổ một nỗi phố thời xa, xe hỏa thì hết chuyến, không cân được thuốc. Ngột-lỗ-chân lại cưỡi ngựa đi ra phố để cân thuốc, đi về có tới ba mươi dặm đường, mây kéo tối dầm, trời đen như mực, không còn biết đường nào mà đi, đến nỗi lăn cả xuống rãnh, toạc cả chân ra, mà anh tôi cũng cố đi cho đến phố cân cho được thuốc mà về. Tôi mệt mất ba ngày không bò dậy được. Sau tôi khỏe, anh em lại đặt rượu ăn mừng.

*Cùng nhau chuốc chén cương-thường,*
*Gian tay dưới gối huyên-đường mừng [vui.*

Tôi còn nhớ hồi Bát-tuyết-tư còn đương làm luật-sư, có một lần trong sở phát-hỏa, mà anh tôi hãy còn ngủ chưa tỉnh, tôi sợ quá vội-vàng xông qua đống lửa mà cõng anh tôi ra, hai anh em bị cháy mất cả quần áo.

Tôi vẫn thường nói cái tình anh em mà được như nhà tôi thì hoàn-cầu cũng ít có, tôi nghĩ được như thế thực cũng là một cái cảnh vui-vẻ nhất ở đời của người ta.

Cha tôi đã mất sớm đi rồi, thì cửa nhà cơ-nghiệp lại chỉ một tay mẹ tôi thao-tác cả. Anh em chúng tôi đối với sản-nghiệp của tiền-nhân để lại cho thì vẫn nhường nhịn nhau, không hề suy-tị một chút, đến ngay tiền riêng của mình làm ra, cũng không kể là của ai cả, cứ ăn chung đồ lộn với nhau mà thôi, gặp việc tiêu thì tiêu. Tôi nhớ bấy giờ còn một cái cổ-phiếu ở công-ti nọ cũng được đến ba ngàn đồng, mẹ tôi thì già mà tuổi-tác, những công việc phải suy nghĩ tính-toán lẩn-mẩn như thế, không muốn để bận đến bụng, lại bảo anh em chúng tôi thu lấy, anh em cứ nhường nhịn nhau, anh giữa cho em, em lại giữa cho anh chẳng ai chịu nhận cả. Sau bảo Bát-tuyết-tư trước đã làm luật-sư thì những sự giấy-má sổ-sách chắc là đã quen, nên để cho trông nom việc ấy. Song anh ta nhận thì nhận, nhưng lờ lãi bao nhiêu thì anh ta cũng vẫn để làm của công. Như thế thì anh em tôi chắc không bao giờ đến nỗi giành nhau cửa cắt nhà chia được.

Nguyên trước hôm sinh-nhật tôi ba ngày anh em đã dự-định để tổ-chức một cuộc tiêu-khiển cho vui. Đến hôm ấy thì Bát-tuyết-tư đi gọi qủi-thuật, Ngột-lô-châu thì đi tìm chớp ảnh, tôi còn nhớ anh qủi-thuật đó tên là Khảo-Tư, nghề tuyệt giỏi. Anh ta lấy một con gà sống đem cắt tiết, rõ nghe tiếng gà kêu các các, thoáng cái đã thấy dao đưa cổ đứt máu rơi, gà chết ngay. Xong rồi thấy đem nước sôi làm lông bỏ từng đống ở đất, lại mổ moi hết ruột gan ra, rửa sạch, trông tay chân anh ta làm nhanh-nhẹn quá, dẫu đến thằng bếp giỏi cũng không nhanh-nhẹn được thế. Sau lại đem hạnh-nhân cùng là gừng quế bỏ cả vào bụng gà nấu chín chốc đã thấy dừ. Khảo-Tư mang ra ăn, rồi đưa cho cả mọi người cùng ăn. Lúc ấy thấy anh ta cầm cái xương gà nem xuống ghế, dưới ghế thấy có tiếng kêu. Anh ta thò tay nhặt lấy, lại hóa ngay ra con gà sống. Quay lại nom đống lông với xương cùng là thịt tiết ở đất thì tuyệt không thấy dấu vết chi nữa, đem nom trong nồi cũng chỉ còn trơ một thứ nước trong vắt mà thôi.

Trò chớp ảnh thì diễn truyện cổ-tích một nhà danh-sĩ La-mục-phi. Danh-sĩ hay nghề thi-ca, giỏi chuyện khôi-hài, khách khứa đường chơi đầy nhà, nghe danh-sĩ nghị-luận như mây bay, như nước chảy, cả nhà ai cũng đều công-nhận là danh-sĩ nghị-luận thật là vui; trong bọn ấy có một anh thợ khắc tinh, hay nói bóng nói gió để châm-chọc người ta, lại lên mặt lên mũi coi người bằng nửa con mắt, bị danh-sĩ hỏi vặn cho một hồi, không còn lối mà gỡ, cùng quá không sao được, phải bỏ cút, khắp nhà đều vỗ tay cười rầm lên. Trò xong thì trong nhà kẻ bàn đi người nói lại, chuyện như pháo dan, cười như nắc-nẻ. Mẹ tôi cũng hớn-hở mà bảo rằng: «Con gà của Khảo-Tư làm lúc nãy, chắc là hẳn giấu sẵn một con gà ở dưới ghế, còn hẳn giết là giết con gà khác.» Chị tôi cũng nói rằng: «Tự trước chí sau bất-quá chỉ trong mười phút, giết một con gà,

thật có lẽ nào lại nhanh chóng được thế.» Còn trò chớp ảnh thì mẹ tôi vừa cười vừa nói rằng: «Buồn cười nhất là chỗ anh thợ khắc, bỏ chạy ». Thật là Thượng-đế sai danh-sĩ đuổi thằng cha cuồng ấy đi (1).

Tôi vốn có tính hiếu - kỳ, nghĩ những cái thuật nhỏ mọn ấy đã ra gì, mà được các người hoan-nghênh làm vậy, cũng đứng dậy nói với mọi người cùng mẹ tôi và các anh tôi rằng :

« Tôi tuy bất-tài cũng diễn được một trò rất lạ để cống-hiến bà con. « Coi đây này, coi đây này, tôi chết cho mà xem.»

Dứt lời thì tôi đem thuật của tôi khiến hết các bộ thần-kinh hóa thân ra, mà vơ-vẩn ở trên quãng không. Lại đem thị-giác-thần-kinh cùng thính-giác-thần-kinh mà quan-sát tình-hình các người nữa.

Hóa-thân tôi lúc bấy giờ vơ-vẩn ở trên ngọn đèn khí kia, thì thấy Bát-tuyết-tư quay lại chỗ xác tôi mà nói rằng: «Em ơi, làm sao vậy, hôm nay là ngày sinh-nhật em, sao em lại làm những sự quái-gở như thế ? »

Ngột-lỗ-chân thì nói : « Em ba nó thích làm những trò tai-quái như thế, quen thân rồi. »

Mẹ tôi cũng mỉm cười mà nói: « Con ơi, tiệc ngọc đương vui, chén đào chưa cạn, dậy mau mà uống nốt chén rượu đi, đừng làm những trò quái-gở ấy, khiến cho người ta khiếp chết đi. » Song không thấy tôi động-dậy gì nữa, thì Bát-tuyết-tư đứng dậy chạy vội lại lay mình tôi, nhắc tay tôi mà gọi, nhưng tay tôi đã lạnh như giá rồi, kéo môi tôi, hút mũi tôi, cũng chẳng thấy động-dậy thoi-thóp gì cả, bấy giờ các người mới hoảng-hốt chạy cả đến chung quanh mình tôi. Bát thì khóc rằng : « Em tôi thật nguy đến nơi rồi ! » Các người lại giành nhau mà ôm lấy mình tôi, sau biết tôi chết đứt rồi thì ngơ-ngác hết cả.

Mẹ tôi thì đứng trước xác tôi mà kêu khóc, mặt nhợt hẳn đi như tờ giấy trắng, nhắc chân tôi mà kêu rằng: «Con ơi con ! làm gì nên tội mà đến nỗi nước này ! » Mẹ tôi gào khóc đến hết cả hơi, khản cả cổ. Chị tôi thì hết sức khuyên can, mà mẹ tôi thì giọt ngắn giọt dài, nước mắt vẫn rỏ như mưa.

Tôi thờ mẹ tôi rất có hiếu, bấy giờ tôi trông thấy cảnh-huống mẹ tôi thảm-thiết như thế, lòng tôi cũng đau như cắt thực, không muốn để cho mẹ tôi chua xót như thế, chỉ muốn đuổi ngay hóa-thân nhập vào xác thịt cho sống lại để yên-ủi lòng mẹ, thì chợt nghe thấy Ngột-lỗ-chân nói : « Em ba thực không hiểu ra bệnh gì cả, phải đi mời thầy thuốc ngay, họa có xét ra bệnh gì mà cứu được chăng ! » Mẹ tôi mới bắt người nhà đi tìm anh lang. Vô-thuật ở xóm bên cạnh đến nom tôi. Lại đánh giây thép lên tỉnh mời ông thầy thuốc Khả-hồi-sinh đến. Tôi nghe thấy thế cái lòng hiếu-kỳ của tôi lúc bấy giờ lại bằng-bằng bốc lên, chỉ muốn để xem cái học-lực của hai anh thầy thuốc kia đối với cái người chết lạ-lùng này ra sao. Nên tôi lại đuổi hóa-thân tôi lên trên ngọn đèn khí như trước. Một lúc thì thấy anh lang Vô-thuật đến, đem hết cả các đồ khám bệnh đến nom tôi, nom xong, nhăn cả mặt mũi lại, cũng không thấy nói lên được nửa lời. Lâu

(1) Đoạn này dịch ra cũng hơi rờm, song rút đi thì mất cả thâm-ý trong truyện. Vậy xin cứ nguyên-văn thế nào dịch ra thế. Vả truyện là truyện của người Ý làm, người Tầu dịch lại chữ Hán, nay dịch-giả lại dịch ra quốc-âm, chắc văn cũng không sao tránh khỏi cái nỗi rời-rạc lẻ-lẽ, xin độc-giả lượng xét.— *Dịch-giả*

lắm mới thấy ấp-úng lên một lời rằng: « Hẳn là lại trúng-độc chi đấy, nên các mạch máu mới đình cả như vậy. » Tôi nghe thấy thế cười ồ lên. Nhưng được cái tiếng cười của hóa-thân, người ta không nghe thấy được. Lúc ấy tôi nghĩ giận anh ta quá, giận là giận anh ta không có học-lực mà cũng không có gì là chân-kiến cả, chỉ đoán xằng mà nói dối người ta thôi. Thế mà ngày thường anh ta vẫn đến nhà tôi cứ nói khoác nói lác là thuốc anh ta giỏi, khắp cả bán-đảo Ý-đại-lợi này, không có ông thầy thuốc nào hay hơn giỏi hơn nữa.

Giờ mới biết ở trên thế-gian này trăm việc không có việc gì là việc thật cả, toàn là giả-dối mà thôi. Hồi lâu lại thấy có tiếng xe ngựa ầm-ầm kéo đến, tôi đoán chắc ngay rằng Khả-hồi-sinh đã đến. Trông ông Khả-hồi-sinh độ ngoài 60 tuổi, đầu râu thì bạc trắng, mà tinh-thần trông còn mạnh-mẽ như một chàng thiếu-niên vậy. Bước vào nom tôi, mồm thì lẩm-nhẩm nói một mình rằng: « Quái-lạ, quái-lạ! tôi làm thuốc ngoài 30 năm nay mà chưa hề gặp cái chứng nào lạ-lùng như vậy. Các bộ-phận trong thân-thể tuyệt không thương-tổn chỗ nào, mà các bộ thần-kinh thì đều mất hết cả công-dụng, đến như não-bệ cũng không còn có nữa, cũng thực là một bệnh lạ thật, tất nghỉ rồi, đi đứt rồi, không tài nào cứu được nữa. » Nói xong vùng dậy ra về.

Bộ thị-giác-thần-kinh của tôi lúc bấy giờ, lại tiễn anh ta ra đến cửa, rồi tự nghĩ rằng: cái tâm-lực của mình cũng rộng rãi ra được một ít.

Mặt trời đã gác non tây, hai chị tôi mới khuyên mẹ tôi đi nghỉ, một lúc thì hai anh tôi cũng đều đi nghỉ cả, sai thằng Phi-luật-tân ngồi nom tôi. Phi-luật-tân là một đứa bầy-tớ tin-cẩn thân-yêu của tôi, tính nó siêng-năng, tôi coi nó như là anh em, thường nó cứ nói rằng xin hết lòng hầu-hạ tôi, tôi hoặc có sự gì buồn thì nó cũng suốt ngày không ăn, tôi lại cứ bỡn mà bảo rằng: Ngộ tao chết thì mày trông cậy vào đâu? Nó nói nó xin theo tôi mà chết, chứ thề chung-thân không ở với ai nữa. Tôi cảm cái lòng tốt ấy, mà đãi nó rất hậu, giờ tôi chết lại bảo nó ngồi nom xác tôi, hẳn là:

*Mắt trông đau-đớn rụng rời,*
*Mơ-màng phách quế hồn mai với thầy.*

Nên hóa-thân tôi mới bám vào vai nó, định xem nó cử-động ra sao, thì nghe thấy nó bảo với bạn nó rằng: « Cách-âu-mai chết, thì ta hết chỗ nương nhờ. » Nghe thấy thế, tôi lấy làm lạ quá. Vì nó là một thằng bầy-tớ tin-cẩn của tôi, nay lại gọi ngay tên tôi ra mà nói, chẳng là một sự lạ hay sao! Lại nghe thấy nó nói: « Cần-nô này mà chết, thì như chủ-nhân cũng thiếu bầy tớ, âu là sáng mai ta lại xin ở với hắn-tính hắn hòa-hậu, vợ hắn lại hiền-lành. Tái-ông mất ngựa, há chẳng phải phúc đấy hay sao? Ta hoặc nhân đấy may ra lại có chỗ nương-tựa chăng. Còn Cách-âu-mai kia tính hắn nóng-nẩy, trái tính hắn, là hắn chửi mắng liền. Người đâu mà lạ thế, tuổi thì một đống, mà vợ cũng không chịu lấy, cả ngày chỉ chơi bời đi lêu đi lổng, chả biết rằng đi làm gì, bỉnh-tính lạ-lùng như thế, thì thọ thế nào được. » Nói xong lại lấy thuốc lá ra hút với bạn. Nó đùa cười nói rất vui. Nghe thấy thế các bộ thần-kinh của tôi choáng lên, đến hóa-thân tôi cũng cơ-hồ ngã ngất ra ở trên vai nó.

Chao ôi! ở trước mặt tôi thì nó thề nó xin hết lòng chung ái, tôi đối với nó thì hết lòng khoan-hậu, coi nó như em, tới nay tôi chết, xác tôi còn để trong nhà, nó đã gọi ngay tên tôi ra mà nói, cũng là đem những điều sở-đoán của

tôi ra mà bàn thì có đáng giận không? Này Phi-nô ơi, ta lầm mà nuôi phải mày, mày thật là một thằng mặt người bụng thú. Thế nhưng mà thôi, mày là một thằng nô-lệ, đom-đóm sáng đèn bay vào, chỉ cần lấy cơm no áo ấm mà thôi, chân-tính mất hết cả rồi, bất-học vô-thuật, chẳng bỗ nói mày mà cũng chẳng bỗ giận mày nữa.

Nghĩ đến đấy lại chợt nghĩ đến hai anh tôi sinh-bình vẫn cùng nhau xum-họp một nhà, khi vui lúc buồn, tình thâm quyến-luyến, tới nay một phút chia phôi, suối vàng cách-trở, kẻ còn người khuất, thì mối sầu này kể có bao nhiêu, chắc bây giờ các anh ta đương ngồi ôm đầu mà gào khóc ta, mà trong óc kia đương bồi-hồi vơ-vẩn thương ta nhớ ta, ta đã không nô đùa cười-cợt, để vui lòng anh em, lại để cái sầu cái khổ lại cho anh em, thì lòng ta yên sao. Nghĩ đến đấy thì tôi lại phải đến nom anh tôi. Bước vào buồng định đem hóa-thân ghi vào tai anh tôi mà bảo là tôi chưa chết thật.

Bấy giờ tôi mới hóa-thân vào chỗ Bát-tuyết-tư trước, buồng tuy đóng cửa, nhưng còn có không-khí lọt vào được, thì hóa-thân tôi còn tự-do vận-động được; mới theo luồng không-khí soi kẽ cửa mà vào, thấy Bát-tuyết-tư đương vẩnh mặt ngồi uống rượu vang, coi bộ rất là vui-vẻ. Tôi giật mình lấy làm lạ, nghĩ thầm bảo cái đêm hôm nay đêm gì, xác ta còn để đây, mà anh ta sao đã thong-dong vui-vẻ làm vậy. Song lại thấy chị tôi vỗ vai anh tôi mà thì-thào rằng: « Mẹ rõ đã già mà dại, khóc thì Cách-âu-mai nó cũng chết rồi, khóc làm chi nữa cho tội xác, tôi đã đắt vào nhà rồi, còn cứ rũ-rượi gục ở trên cánh tay tôi mà khóc, mỏi quá đi mất, cơ-hồ gẫy cả tay. » Song lại thấy bảo: « À, này thịt gà chín rồi, có ăn bây giờ không? » Bát-tuyết-tư nói: « Thong-thả hãy đợi ta một chút, họ khóc làm ta đức cả đầu, ta còn ván-vất khó chịu lắm, đến giờ cũng chưa yên. »

— Phải, à quên! Phật-nhi đã có thư về nó nói mai nó cũng về.

— « Phật-nhi năm nay đã đỗ tốt-nghiệp, sang năm tất phải đi Bá-lâm lưu-học không biết mình có vận nổi không, lâu nay tôi lấy làm lo quá, tiền nong thì ở cả tay mẹ, mẹ lại có chia ra nữa thì ta với Ngột-lỗ-chân cũng chẳng được mấy, giờ Cách-âu-mai nó đã chết rồi, thì chắc mẹ chỉ chia cho hai anh em ta mà thôi, giá được như thế, thì anh em ta đại phát-đạt, ta chắc có lẽ số tiền thâu-nhập của ta năm nay tăng lên nhiều, mà những tiền gửi ở nhà băng, cùng là vườn-tược ở xóm kia, tất là rồi, về tay ta cả, có lẽ học-phí của Phật-nhi cũng đỡ lo được. Cách-âu-mai chết rồi, giờ mình cùng ta hết lòng chiều-chuộng mẹ, nịnh hót mẹ, thì rồi cái lòng mẹ yêu nó tất phải dồi ra yêu chúng ta. Sau này phần ta mới có lẽ được hơn phần Ngột-lỗ-chân được, ấy cái hạnh-phúc của ta sau này đó.

Ôi! ý tôi là định lại để yên-ủi lòng Bát, ai ngờ Bát lại nói như thế, thì có thảm không? Chao ôi! giá đem cái tình thân-ái của Bát đối với tôi lúc trước, so-sánh với cái tâm-lý của hắn ngày nay, thì quang-cảnh đã như cách mấy ngàn năm.

*Kiếp này thôi thế thì thôi,*
*Anh em thì cũng là người đường xa.*

Tôi bình-nhật vẫn cho Bát-tuyết-tư là một người nhân-từ hiền-hậu hơn Ngột-lỗ-chân, tới nay coi Bát chẳng qua là một hạng rắn khôn mà thôi. Than ôi! tôi thực không may mà phải ông anh như vậy. Vừa nghĩ đến đấy thì chợt thấy chị tôi bưng thịt gà lên, anh ta liền rót rượu uống rất là vui-vẻ, tôi không nỡ nom anh ta một lần nữa làm gì.

Lại tự nhủ mình rằng: Anh Ngột-lỗ-chân ơi, ngày thường tôi vẫn cho anh là không bằng Bát-tuyết-tư, tới

nay mới biết là lầm, tôi xin đem hóa-thân tôi lại thăm anh đây — Bấy giờ tôi lại vận-động hóa-thân vào buồng Ngột-lỗ-chân, thấy Ngột-lỗ-chân hãy còn ngồi trên ghế xem tiểu-thuyết, coi ra yên-ủi vui-vẻ lắm, mồm lại ngậm thuốc lá phì-phèo. Còn chị ta thì ngồi một bên mà nói rằng : — Tôi nghe thấy mẹ bảo đem hết kỷ-phần của Cách-âu-mai cúng vào nhà thờ Khắc-la-để cầu minh-phúc cho nó. — Mẹ điên thế chứ, ngày thường mẹ vẫn coi nó như vàng như ngọc, còn ta với Bát-tuyết-tư có phải con mẹ đâu. Giờ nó chết rồi mà mẹ cũng còn cử-động những cách dã-man như thế, người ta đã chết rồi thì thân cũng đến nát, hồn cũng đến siêu, thiên-đường địa-ngục nào phải sự thực đâu. Ta năm nay thấy túng đi, mà mẹ chả cho ta gì cả. Cách-âu-mai chết rồi cũng còn nghĩ đến sự cầu-phúc cho nó. Mẹ ta đối với chúng ta thực là chếch-lệch quá.

Dứt lời thì anh ta đi ngủ. Hóa-thân tôi vừa ra khỏi cửa thì đã thấy kéo gỗ khò-khò rồi.

*Ấy đấy anh em là thế, giàu mà chi, dù giỏi nữa mà chi ;*

*Thôi thì cay đắng làm gì, giở cũng mặc, mà hay thì cũng mặc.*

Tự đấy mà đi, tôi chẳng nghĩ chi nữa. Tưởng ở trên thế-giới này không người nào là không đeo một bộ mặt nạ trông nhau.

Nên ngoài cái thân-thể tôi, tôi không còn quan-hệ chi nữa, đối với hai anh tôi, tôi cũng xử một cách thái-nhiên mà thôi, cũng không cho thế là lạ-lùng gì cả.

Thế nhưng mà còn mẹ tôi, tôi xem thì thật hết lòng yêu tôi, tới nay không biết vì tôi mà đau-đớn đến thế nào. Vừa thấy tình-trạng của hai anh, thì lại sinh ngờ cái lòng từ-ái của mẹ, không biết có thật không, nên phải hóa-thân đến nom mẹ.

Đến thì thấy ngọn đèn lờ-mờ, không tàn không tỏ, mẹ tôi thì nằm bẹp ở giường mà ngậm sầu nuốt tủi, đoành châu lai-láng, gối chăn đầm-đìa, chốc lại ghé mắt gọi to lên rằng : « Con ơi, con đi đâu thế ! » Chán lại giơ tay làm như chực ẵm lấy tôi mà nói rằng : « Con ơi, con đã về đấy ư ! » Nói xong thấy tay không, lại khóc. Ngọn đèn khuya-khoắt, tấm cau-trường chẳng cắt mà đau !

*Bâng-khuâng nào có gì đâu,*
*Mơ-màng nửa giấc hạt châu đầm-đìa.*

Chán lại bò dậy bấm chuông mà gọi thằng Phi-luật-tân, dặn phải trông nom thi-thể tôi cẩn-thận. Ôi, ở trên thế-gian này thật bụng yêu tôi dễ chỉ có mẹ tôi mà thôi. Canh khuya đi nằm hãy còn vơ-vơ vẩn-vẩn như điên như dại, thương tôi tiếc tôi, chẳng lúc nào nguôi. Còn như anh em thân-ái tôi, bạn-bè tri-kỷ tôi, họ-hàng thân-thích tôi, xóm làng thân-cận tôi, thực đối với tôi không có một chút mảy-may gì là quan-hệ cả. Tôi bây giờ tuy là người đã qua đời, nhưng cái chân-tướng của thế-tình cũng đã trải hết. Nay xin bá-cáo cùng các người, xin các người phải nên biết ơn cha mẹ, kính mến cha mẹ, ơn ấy như trời như bể, như núi như non.

Cứ xem ngay người nhà tôi thì biết, ngày thường đối-đãi với tôi cũng như là mẹ tôi, thôi chả có gì khác cả, thế mà giờ tôi hóa đi sẽ thương xót tôi, khóc lóc tôi, chỉ có mình mẹ tôi mà thôi. Còn các người kia tuyệt không có một tí nước mắt chân-tình nào cả.

Vì thế cho nên cái lòng chua xót của tôi lúc bấy giờ không sao mà nén đi được. hóa-thân cứ vơ-vẩn siêu-lạc không yên, mới phải nhập vào tai mẹ tôi mà nói rằng : « Mẹ đừng buồn, con chưa chết thật đâu. » Thế nhưng mà tiếng hóa-thân lại nhỏ quá, mẹ tôi không nghe thấy, tôi lại phải chia một bộ

thần-kinh nhập vào tai rồi phụ vào màng tai mẹ tôi mà nói lại. Mẹ tôi nghe thấy, mừng sợ khôn cầm, vùng dậy, kêu điên lên rằng : « Cách-âu - mai con ơi ! Con ơi, con ở đâu vậy ? » Tôi lại nói : « Con không chết thật đâu, con có đem các thần-kinh của con hóa-thân đi, giờ nhập ở bên màng tai mẹ đấy. »

— Thế thế à, có thật không con ? Con không nói dối mẹ chứ ?

Thần-kinh tôi lúc ấy bối-rối quá chừng, một bộ-phận nhập vào màng tai mẹ tôi, còn thính-giác-thần-kinh thì ở ngoài để nghe mẹ tôi nói, nghe xong thì thính-giác-thần-kinh lại phải nhập vào tai để báo cho thần-kinh ở trong màng tai biết. Nói xong lại ra, lúc bấy giờ tôi bảo mẹ tôi rằng : « Sáng mai con sống lại, mẹ cứ mở xác con ra, thì mẹ sẽ thấy con sống ngay, mà có lẽ lại linh-lợi hoạt-bát hơn trước. » Mẹ tôi bảo : « Con ơi, thế giờ con sống ngay lại, để vui lòng mẹ nào ! — Thưa không được, mẹ đừng sợ, cứ để con đem hóa-thân con đi thăm bạn con đã, sáng mai rồi mẹ sẽ thấy con vui-vẻ. » Xong tôi lại hợp thần-kinh ở trong màng tai lại với thần-kinh ở ngoài tai vào làm một, mà trông trộm mẹ tôi, thì thấy đuôi con mắt hãy còn ngấn nước mắt, nhưng cũng đã có vẻ vui mừng. Xong thấy mẹ tôi nhắm mắt nằm nghỉ, chốc lại thấy dậy bảo : « Con ơi, con có về được thật không, hay là mẹ chiêm-bao đấy ? » Tôi lại phải nhập vào tai mẹ mà nói rằng : « Thật ạ, mẹ cứ yên lòng nằm nghỉ. » Mẹ tôi lại nằm nghỉ, nhưng trằn-trọc, nào có nghỉ yên, nét mặt vẫn thấy âu-sầu, doanh châu còn đương lã-chã.

*Đĩa dầu vơi nước mắt đầy,*
*Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.*

*Ngậm-ngùi lưỡng-lự tàn canh,*
*Rõ-ràng mở mắt nghĩ mình chiêm-bao !*

Lại nói đến bạn tôi tên là Khoa-lỗ-tư, lúc bé anh ấy cùng học với tôi ở Khoa-tư, đỗ rồi thì anh ta ra làm nghị-viên ở Hạ-nghị-viện. Anh ta là người tính-tình cao-thượng, chí-khí khẳng-khái, thích bàn thời-sự, người rất khôn-ngoan sắc-xảo, anh em đều ỷ-trọng. Tôi vốn ít bạn mà cũng ít giao-thiệp với bạn, chỉ có anh ta là bạn đồng-học, lúc bé thì anh ta rèn tập cho tôi, lúc lớn thì anh ta lại càng tương-đắc với tôi lắm. Vả lại ở gần nhau nên thường hay đi lại thăm nom nhau. Có tính anh ta thì thích động, mà tính tôi thì ưa tĩnh, thế nhưng mà mười năm về trước, tôi lại thích động bằng mấy anh ta kia.

Nguyên bấy giờ nước Áo với nước Ý vốn là thế-cừu. Mai-đặc-nát đã nói độc một câu rằng : « Ý-đại-lợi chỉ có tên không ở trên mặt quả đất mà thôi ». Người Ý vẫn in sâu lời ấy vào óc, chỉ thấy người Áo là đánh chửi kịch-liệt, dẫu nghiêm-cấm cũng không được.

Lúc bấy giờ chỗ Phân-y-tân là một cái hải-cảng có tiếng ở nước Ý, địa-thế tuy xung-yếu mà đường thông-thương rất phồn-thịnh. Mà quân Thập-tự lúc đi đánh Đông vẫn thường lấy đấy làm cơ-quan, để vận lương-thực binh-khí. Lại từ ngày con sông Tô-di-sĩ đi lại được thì Phân-y-tân lại là một chỗ buôn-bán phồn-thịnh hơn.

Một hôm tầu Áo đến, bọn cu-li Ý giành nhau xuống tầu khuân hàng, người thủy-thủ ngăn lại, xẩy tay ngã mất một người cu-li xuống bể, sóng gió to quá, người ấy bị thủy-thần đưa ra Địa-trung-hải mất, tìm mãi không được xác. Bọn cu-li lấy thế làm hiệp-hiềm, định đem kiện người chủ tầu phải bắt người thủy-thủ lên làm tội, song người chủ tầu không cho. Quan Ý cho bắt thì họ nhổ neo kéo buồm chạy liền, lại thanh-ngôn rằng việc ấy họ đã cùng với sứ-thần nước họ thương-thuyết với chính-

phủ Ý xong rồi, chán rồi cũng tha, chả thấy giải-quyết ra sao cả.

Bọn cu-li họ tức mới đề-xướng lên việc đề-chế hàng Áo, không mua hàng mà cũng không làm gì với họ nữa. Bọn thượng-lưu xã-hội trước cũng vẫn đã không bằng lòng với Áo, nên bấy giờ lại hết lòng tán-thành cho, vả lại giúp cả thế-lực cho nữa. Chẳng những thế mà thôi, lại tùy nơi đặt chỗ diễn-thuyết khuyên nhau đề-chế hàng Áo. Khoa-lỗ-tư vốn là một người hiếu-sự, nên đối với việc này anh ta lại càng nhiệt-tâm lắm, hễ thấy việc gì là đi, mà đi là tất diễn-thuyết. Anh ta diễn-thuyết thì bi-đát lạ thường, ai nghe cũng phải rỏ nước mắt. Ấy tiếng anh ta cũng nhân đó mà một ngày một to ra. Song cứ như ý tôi thì tôi cho là không phải, là vì cái lẽ mạnh được yếu thua, là lẽ công trong thiên-diễn. Nếu muốn đề-chế hàng nước ngoài, thì trước hết nước mình nhất-nhất cái gì cũng phải đủ phải tốt hơn của người đưa lại, thì mình hãy nên đề-chế của người, bằng nay không dùng đồ của nước này, lại dùng của nước khác, mà một ngày lại một nhiều hơn lên thì có khác gì đuổi lang mà lại rước hổ về nuôi không. Vả cái lòng chuộng với không chuộng của người ta không ai giống ai, mà cái đồ dùng khéo hay không khéo thì cũng chỉ cần ở chỗ thích-dụng hay không thích-dụng mà thôi. Nay bắt người ta ghét cái người ta ưa, mà lại ưa cái người ta ghét, nghĩa là người ta không thích dùng, giờ bắt người ta phải dùng, người ta thích dùng, lại không cho người ta dùng, thì có lẽ nào được không? Vả như thế thì ra cướp quyền tự-do của người, lại chẳng dã-man lắm dư?

Lại nói đến hóa-thân tôi bấy giờ mới vơ-vẩn ra đường để đến nhà Khoa-lỗ-tư, ngoài đường đèn điện sáng như ban ngày, đường đá bóng lộn chẳng chút trần-ai, thấy có một thằng bé con ôm một ôm giấy in đưa cho các người đi đường mỗi người mỗi mảnh, tôi liếc mắt trông thì rõ là những truyền-đơn của hội Á-đích-công-viên sáng mai khai-hội, bụng bảo dạ rằng chắc lại việc đề chế hàng Áo rồi, Khoa-lỗ-tư hẳn cũng là một tay chủ-động trong hội này không sai, đêm nay chắc thế nào anh ta cũng quanh-quẩn trong nhà, để dự-bị sẵn một phen hùng-biện đây, chứ ngủ không yên giấc đâu. Nghĩ thế tôi mới trở vào nhà anh ta, đến nơi chợt nghe có tiếng động cửa, thấy một người tự trong đi ra, mình mặc áo trùng đen, đầu đội mũ che xuống đến mắt, tự mắt trở lên trông không rõ là ai cả, song tôi trông cách đi đứng cử-chỉ thì hết thảy như Khoa-lỗ-tư, bấy giờ tôi mới nhập hóa-thân vào vai anh ta, ngẩng lên nom thì rõ thật là anh ta rồi, thấy vùn-vụt đi ra cửa, đi qua một cái phố lớn, lại quanh rẽ sang một cái ngõ nhỏ, đường không có đèn điện đèn khí, lờ-mờ trông không được rõ, bấy giờ thấy Khoa-lỗ-tư đi vào một cửa hàng Áo, hàng coi nhỏ thôi.

Bụng tôi lúc ấy thực thâm-bội cái lòng nhiệt-thành của anh ta. Canh khuya trời tối, mà cũng còn cố bước chân vào cái hàng rếch-rác nhỏ mọn này để khuyên ngăn người ta không cho mua hàng, thế thì anh thật là một người hết sức đề-chế hàng Áo, không ngờ tự lúc anh ta bước chân vào hàng, rồi thì tuyệt không thấy anh ta mở mồm nói một câu gì cả, chỉ thấy móc túi lấy tiền xỉa lên mặt «thồi» hỏi mua hai chai rượu Ân-tư-khắc (là một thứ rượu ngon nhất của nước Áo), mấy thước vải Kham-tư cùng là các phong-bì giấy-má bút mực rồi xếp cả vào cặp. Lúc bấy giờ tôi thấy thế, thực không hiểu ý-tứ anh ta ra sao cả, là vì nếu anh thực là người hết lòng đề-chế hàng Áo thì anh thấy người mua hàng của họ, tất anh

phải chửi mắng tân-nhẫn, nay cớ gì đương lúc canh khuya người vắng anh lại phải ẩn ẩn núp núp làm bộ như ma như quỉ, lại vội-vàng mà đi vào hiệu, như có ý giấu không muốn để cho ai biết mà lại đường-đột móc túi lấy tiền mua hàng của Áo mang về, sao lại cố làm ra những sự lì-kỳ, để cho người ta không biết được là cớ gì! Tôi còn đương nghĩ vơ nghĩ vẩn chưa hiểu ra sao, thì anh ta đã về đến nhà rồi, hóa-thân tôi cũng theo anh ta vào, thấy anh ta để cặp xuống một bên, bỏ mũ ra, tôi trông sắc mặt anh ta như có ý hoảng-hốt lo sợ gì, hồi lâu mới thấy định-thần lại, ngồi vào bàn giấy lấy bút mực ra viết, trông tay anh ta viết như mây bay, như gió cuốn, tôi nom kỹ thì rõ anh ta giáp bài diễn-thuyết để sáng mai ra diễn ở A-đích-công-viên, tôi xem lời rất thảm-thiết, giá ai nghe đến cũng phải rỏ nước mắt ra thật, anh này thật là một hạng quái-vật ở đời, nẫy anh ta vừa mua hàng Áo về, giờ anh ta lại thảo diễn-thuyết khuyên người đề-chế hàng Áo, vậy thì nẫy anh mua hàng của Áo về để làm gì?

Chốc thấy anh ta thảo xong, thì anh ta trần-trọc xem đi xem lại hồi lâu mới thấy gấp bỏ vào cặp, rồi lại giường định nằm nghỉ. Vừa nằm xuống, lại thấy bò dậy lại chỗ cạnh bàn, lấy chìa khóa mở ngăn bàn mang ra một cái bát, trong bát đựng một thứ nước vàng vàng, mùi hơi hăng-hăng như là nước ớt thì phải, tôi xem cái ngăn bàn của anh ta như là anh ta làm khóa bí-mật lắm, khó mà biết được, có lẽ một mình anh ta biết, một mình anh ta hay mà thôi. Xong thấy anh ta móc túi lấy khăn tay bỏ vào bát ấy thấm ướt đi, lại đem lên hỏa-lò phơi khô, mới gấp bỏ túi. Tôi không biết thuốc, nên không hiểu anh ta dùng thuốc gì tẩm vào khăn, và để chữa chứng gì, lòng càng bối-rối, chỉ muốn nhập vào tai anh ta, để hỏi xem anh ta làm gì, thì đã thấy anh ta ngáy o-o rồi.

*(Còn nữa)*

THIỆN-ĐÌNH *dịch*

---

Aussitôt que le capitaine a perdu de vue son étoile, aussitôt qu'on le voit chercher avec embarras son chemin sur la carte, alors sa voix, qui avait la puissance de faire manœuvrer l'équipage comme un seul homme, perd sa force, son magisme de commandement, on reconnait au timbre, aux accents de cette voix qu'il n'y a plus d'autorité : alors arrive le mousse, puis le savant de l'équipage et aussi l'homme de l'école qui apportent des livres, qui donnent des conseils ; bientôt les matelots eux-mêmes s'en mêlent. . . C'est l'image du gouvernement parlementaire : c'est l'anarchie.

MICKIEWICZ
*philosophe polonais (1798-1855)*

Chiếc tầu bềnh-bồng trên mặt bể, hễ thấy ông chúa tầu lạc mất phương-hướng rồi, phải giở bản-đồ ra mà dò mãi không thấy, thời bấy giờ cái tiếng hiệu-lệnh giông-giả thường làm cho cả thuyền-viên hiệp-lực như một người, hình như mất hẳn cái uy-lực chủ-trương cai-quản đi ; nghe cái giọng cái tiếng ấy như không có oai-quyền gì nữa : bấy giờ thằng nhỏ trong tầu, bác đồ hay chữ, thầy quyền bập-bẹ giảm ba câu mới đem sách ra bàn, kẻ khuyên thế này, người bảo thế nọ ; rồi đến cả lính thủy cũng can-thiệp vào, nát bét cả... Ấy cái hình-ảnh chính-thể đại-nghị có giống như thế.

# MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

## 孟子國文解釋

### XXIX

IV

恭子也。何交敢問萬
也。曰。孟心際問曰。章

Dịch-âm. — *Vạn-Chương vấn viết : « Cẩm vấn giao-tế hà tâm dã ? » Mạnh-tử viết : « Cung dã. »*

Dịch-nghĩa. — Vạn - Chương hỏi rằng : « Dám hỏi người ta lấy lễ-vật giao-tiếp cùng nhau, tâm ấy là tâm gì vậy ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Là cái tâm cung-kính vậy. »

*Chú-giải. Tế = Tiếp.*

Đây là Vạn-Chương thấy thầy Mạnh chẳng làm quan ở nước người, mà còn nhận cái lễ-vật của người giao-tiếp, cho nên đặt ra lời mà hỏi vậy.

∴

故以乎。者曰曰。爲曰。
弗是而義其辭不卻
卻爲後乎。所者恭。之
也。不受不取賜何卻
恭。之。義之之。哉。之

Dịch-âm. — *Viết : « Khước chi khước chi vi bất cung, hà tai ? » Viết : « Tôn-giả tứ chi, viết kỳ sở thủ chi giả nghĩa hồ, bất nghĩa hồ, nhi hậu thụ chi, dĩ thị vi bất cung, cố phất khước dã.*

Dịch-nghĩa. — Vạn-Chương hỏi rằng : « Giao-tiếp vẫn để tỏ kính, khiêm-nhường cũng để tỏ lễ ; thế mà có khi mình từ khước lễ-vật, người ta lại cho mình là chẳng kính, là cớ sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Người bậc tôn cho mình mà mình tự nghĩ bụng rằng cái của lấy được kia hợp nghĩa chăng, hay chẳng hợp nghĩa chăng, hợp nghĩa rồi sau mới nhận, chẳng hợp nghĩa thì không nhận. Như thế là bỉ cái lễ-vật mà khinh cả người cho, là chẳng kính người tôn ; cho nên đành cứ nhận mà chẳng dám từ khước vậy. »

*Chú-giải — Khước* = Chẳng nhận mà trả lại.

Đây là thầy Mạnh nói về cái lễ người bậc tôn đối với người bậc tôn.

∴

子接其無義其之。曰。
受也交受。也。取以請
之以也不而諸心無
矣。禮。以可以民卻以
斯道。乎。他之之。辭
孔其曰辭不曰卻

Dịch-âm — *Viết : « Thỉnh vô dĩ tứ khước chi, dĩ tâm khước chi, viết kỳ thủ chư dân chi bất nghĩa dã, nhi dĩ tha từ vô thụ, bất khả hồ ? » Viết : « Kỳ giao dã dĩ đạo, kỳ tiếp dã dĩ lễ, tư Khổng-tử thụ chi hĩ. »*

Dịch-nghĩa. — Vạn-Chương lại nói rằng : « Cái vật bất-nghĩa vẫn không nên lấy, nhưng nên khéo xử, xin rằng chớ khước bằng lời mà khước bằng tâm, mình nếu nghĩ bụng rằng cái vật này là cái vật bất-nghĩa lấy của dân đây, thì nên thác ra lời khác để khước đi mà không nhận, chẳng cũng nên ư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta giao với

(1) Xem N.-P số 137

mình phải đạo, tiếp với mình phải lễ, thì thánh như ông Khổng-tử cũng phải nhận đấy vậy. »

*Chú-giải* — Đây là nói trong khi giao-tiếp cốt xem rằng phải đạo hay không phải đạo, có lễ hay không có lễ mà thôi; hà-tất phải dùng mẹo giả-dối chẳng khước bằng lời mà khước bằng tâm.

* * *

何不者罔人與。其門萬
其辭也。不于曰。餽之章
受也。殷諒。貨。不也外曰。
之。於受是罔可。以者。今
今夏。不不康禮。其有
爲周待畏誥斯交禦
烈。受教死。曰。可也人
如殷。而凡殺受以於
之所誅民慝禦道。國

Dịch - âm. — *Vạn - Chương viết : « Kim hữu ngữ nhân ư quốc-môn chi ngoại giả, kỳ giao dã dĩ đạo, kỳ quĩ dã dĩ lễ, tư khả thụ ngữ dư ? » Viết : « Bất khả. Khang-cáo viết : « Sát việt nhân vu hóa, mẫn bất úy tử, phàm dân võng bất đối. » Thị bất đãi giáo nhi tru giả dã. Ân thụ Hạ, Châu thụ Ân, sở bất từ dã, ư kim vi liệt, như chi hà kỳ thụ chi.»*

Dịch-nghĩa — Vạn-Chương nói rằng: « Nay nếu có kẻ ăn cướp được của người ở ngoài chốn quốc-môn, kẻ ấy giao-tiếp với mình phải đạo, đem cho mình phải lễ, thì cũng nên tiếp-nhận cái của ăn cướp ấy dư ? » Thầy Mạnh nói rằng: « Cái của ấy không nên nhận. Thiên *Khang-cáo* có nói rằng: « Kẻ giết người làm ngã ra mà cướp lấy của, ngu dại chẳng sợ gì cái chết, phàm người dân chẳng ai là chẳng oán kẻ ấy.» Xem lời Kinh *Thư* thì biết kẻ ấy là kẻ phép vua không dung, chẳng đợi phải răn-dạy mà nên tức-khắc giết đi vậy. Cái phép giết kẻ ác ấy, nhà Ân thừa-thụ ở nhà Hạ, nhà Châu thừa thụ ở nhà Ân, không đợi phải nói kỹ nữa, đến nay vẫn hiển-nhiên rõ ràng. Làm sao lại nên tiếp-nhận cái của ăn cướp ấy.»

*Chú-giải* — *Ngữ* = Ngăn đón người mà giết đi, và cướp lấy của. *Quĩ* = Đưa cho. *Khang-cáo* = Tên thiên trong kinh *Thư*. *Việt* = Đánh ngã lộn. *Mẫn* = Ngu-tối. *Võng* = Chẳng, cũng giống nghĩa chữ *mạc* 莫. *Đối* = Oán. *Liệt* = Rõ ràng.

* * *

況獵之其數作。敢也。曰。
受較。盡有之將問苟今
其孔也。而不比何薄之
賜子孔取故今說其諸
乎。亦子之而之也。禮侯。
獵之者後諸曰。際取
較。仕盜誅侯子矣。之
獵於也、之而以斯於
較魯充乎。誅爲君民
獵也。類夫之有子也。
可。魯至謂乎。王受獵
而人禮非其者之。禦

Dịch-âm.— *Viết : « Kim chi chư-hầu, thủ chi ư dân dã, do ngữ dã; cầu thiện kỳ lễ tế hĩ, tư quân-tử thụ chi, cảm vấn hà thuyết dã ? » Viết : « Tử dĩ vi hữu vương-giả tác, tương tị kim chi chư-hầu nhi tru chi hồ, kỳ giáo chi bất cải nhi hậu tru chi hồ. Phù vị phi kỳ hữu nhi thủ chi giả đạo dã. sung loại chi nghĩa chi tận dã. Khổng-tử chi sĩ ư Lỗ dã, Lỗ nhân liệp dốc, Khổng-tử diệc liệp dốc, liệp dốc do khả, nhi huống thụ kỳ tử hồ »*

Dịch-nghĩa. — Vạn - Chương nói rằng: « Vua chư-hầu đời nay lấy của ở dân, cũng như kẻ cướp vậy, nếu khéo về lễ giao-tế, thì quân-tử cũng tiếp-nhận lấy lễ-vật, dám hỏi là thuyết gì vậy ? » Thầy Mạnh nói rằng: « Nhà ngươi tưởng rằng nếu có đấng vương-giả dấy lên, liền đem cả vua chư-hầu đời nay mà giết đi chăng, hay là còn

phải ra giáo-lệnh mà họ chẳng đổi rồi sau mới giết đi chăng. Ôi! cái lời bảo rằng lấy cái vật chẳng phải của mình có, tức là kẻ trộm cướp, là nói suy loại cho cùng đến cái nghĩa tinh-vi đấy thôi, chứ vua chư-hầu lấy của dân vẫn khác với kẻ trộm cướp của người vậy. Ông Khổng-tử làm quan ở nước Lỗ, người nước Lỗ có cái tục đua săn cầm thú tranh cướp nhau để cung-cấp việc tế-tự, ông Khổng-tử cũng đua săn. Cái tục đua săn là tục khá-bỉ mà còn phải theo, phương-chi nhận lấy cái vật người ta đem cho phải đạo phải lễ.

∴

有 行。也。奚 四 子 事 非 曰。
所 而 兆 不 方 先 道 事 然
終 後 足 去 之 簡 奚 道 則
三 去。以 也。食 正 獵 與。孔
年 是 行 曰。供 祭 韓 曰。子
淹 以 矣。爲 簡 器。也。事 之
也。未 而 之 正。不 曰。道 仕
　　嘗 不 兆 曰。以 孔 也。也。

Dịch-âm.— *Viết* : «*Nhiên tắc Khổng-tử chi sĩ dã, phi sự đạo dư?*» *Viết* : «*Sự đạo dã.*» «*Sự đạo, hề liệp dốc dã.*» *Viết* : «*Khổng-tử tiên bạ chính tế khí, bất dĩ tứ phương chi thực cung bạ chính.*» *Viết* : «*Hề bất khứ dã?*» *Viết* : «*Vi chi triệu dã, triệu túc dĩ hành hĩ, nhi bất hành, nhi hậu khứ, thị dĩ vi thường hữu sở chung tam niên yêm dã.*

Dịch-nghĩa. — Vạn-Chương nói rằng : « Thế thì ông Khổng ra làm quan, chẳng phải lấy hành-đạo làm chức-sự dư? » Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Khổng-tử vẫn cốt về việc hành-đạo vậy. » Vạn-Chương nói rằng: « Đã cốt việc hành-đạo, thì nên biến tục, sao lại cũng theo cái tục đua săn? » Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Khổng-tử trong khi theo tục, tự có điều biến tục, trước nhất lập ra sổ để chuẩn-định đồ tế, chẳng lấy những vật khó kiếm của bốn phương cung-cấp vào sổ chính-tế. » Vạn-Chương nói rằng: « Ông Khổng-tử phải uỷ-khúc để biến tục, thế là chẳng hành được đạo, sao chẳng bỏ quách mà đi? » Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Khổng muốn làm thử cái mối đầu vậy; nếu mối đầu đã thử làm, mà đạo mình vẫn chẳng được thực-hành, rồi sau mới đi, vậy nên chưa từng có khi nào ở trọn ba năm yêm-trệ trong một nước, mà chẳng cốt về việc hành-đạo vậy.

*Chú-giải.* — *Liệp* = Săn. *Dốc* = Đua thi. *Triệu* = Cái mối bắt đầu của mọi việc. *Yêm* = Trì-trệ ở lâu.

∴

養 也。靈 可 於 仕。之 孔
之 於 公。之 季 有 仕。子
仕 衛 際 仕 桓 公 有 有
也。孝 可 也。子。養 際 見
　公。之 於 見 之 可 行
　公 仕 衛 行 仕。之 可

Dịch-âm.— « *Khổng-tử hữu kiến hành khả chi sĩ, hữu tế khả chi sĩ, hữu công dưỡng chi sĩ; ư Qui-Hoàn-tử, kiến hành khả chi sĩ dã; ư Vệ Linh-công, tế khả chi sĩ dã; ư Vệ Hiếu-công, công-dưỡng chi sĩ dã.* »

Dịch-nghĩa.— « Ông Khổng-tử có khi vì thấy đạo khá làm được mà ra làm quan; có khi vì giao-tiếp có lễ khá mà làm quan; có khi vì quốc-quân lấy lễ nuôi người hiền mà làm quan. Đối với Qui-Hoàn-tử, là thấy đạo khá hành mà làm quan vậy. Đối với vua Vệ Linh-công, là vì giao-tiếp có lễ mà làm quan vậy. Đối với vua Vệ Hiếu-công là vì quốc-quân biết lấy lễ nuôi người hiền mà làm quan vậy. »

V

爲 有 養 妻 爲 有 貧 仕 孟
養。時 也。非 貧。時 也。非 子
　乎 而 爲 娶 乎 而 爲 曰。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết* : « *Sĩ phi vị bần dã, nhi hữu thời hồ vi bần ; thú thê phi vị dưỡng dã, nhi hữu thời hồ vi dưỡng.*

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Làm quan vì hành-đạo, chẳng phải vì nghèo vậy, mà có lúc bất-đắc-dĩ phải vì nghèo. Cũng như lấy vợ vì kế-tự, chẳng phải vì nuôi vậy, mà có lúc bất-đắc-dĩ phải vì nuôi.

*Chú-giải.* — *Vị bần* = Nhà nghèo bố mẹ già vì chút bổng-lộc mà ra làm quan. *Vị dưỡng* = Tự mình không thể làm được những việc hàng ngày sinh-hoạt ở trong nhà, muốn nhờ có vợ để đỡ đần.

∴

貧富卑尊者爲
居辭居辭貧

Dịch âm.— « *Vị bần giả từ tôn cư ti, từ phú cư bần.*

DỊCH-NGHĨA.— « Kẻ vì nghèo mà làm quan thì nên từ chối ngôi cao ở về ngôi thấp, từ chối lộc hậu hưởng cái lộc bạc.

∴

擊抱宜惡居辭居辭
柝。關乎。乎貧。富卑。尊

Dịch âm.— « *Từ tôn cư ti, từ phú cư bần, ô hồ nghi hồ ? bão-quan kích thác.*

DỊCH-NGHĨA.— « Từ chối ngôi cao ở về ngôi thấp, từ chối lộc hậu hưởng cái lộc bạc, thì chức gì nên làm ? Chức giữ cửa quan, đánh cái mõ cũng được.

*Chú-giải.* — *Quan* = Cái cửa chỗ hai nước giao-thông. *Thác* = Cái mõ bằng gỗ để đêm đi tuần, gõ làm hiệu.

∴

長牛乘已會委孔
而羊田矣。計吏子
已萬矣。嘗當矣。嘗
矣。壯曰爲而曰爲

Dịch-âm.— « *Khổng-tử thường vi ủy-lại hĩ, viết cối-kế đáng nhi dĩ hĩ ; thường vi thặng-điền hĩ, viết ngưu dương đốt tráng trưởng nhi dĩ hĩ.*

DỊCH-NGHĨA — « Khổng-tử từng làm chức ủy-lại, ngài nói rằng việc cối-kế xứng đáng mà thôi vậy. Ngài lại từng làm chức thặng-điền, ngài nói rằng trâu dê béo tốt mạnh lớn mà thôi vậy.

*Chú-giải.*— *Ủy-lại* = Chức tiểu-lại giữ kho tiền thóc. *Cối-kế* = Tính-toán số tiền thóc xuất-nhập. *Thặng-điền* = Chức tiểu-lại giữ việc chăn-nuôi trong vườn công. *Đốt* = Béo tốt. *Nhi-dĩ-hĩ* = Là ý giữ chức-trách mình mà thôi, không can-thiệp đến việc khác.

Đây là chứng-dẫn về sự ông Khổng vì nghèo mà làm quan.

∴

也。不朝人也。言位
行。而之立高，卑
恥道本乎卑而

Dịch-âm.— « *Vị ti nhi ngôn cao, tội dã ; lập hồ nhân chi bản triều, nhi đạo bất hành, sỉ dã.* »

DỊCH-NGHĨA.— « Ngôi thấp mà nói trèo việc cao, là tội việt-chức vậy. Đứng ở triều người ta mà đạo chẳng thực-hành được điều gì, là xấu-hổ ăn không vậy.

*Chú-giải.* — Đây là nói cái cớ kẻ vì nghèo mà ra làm quan, sở-dĩ nên từ chối ngôi cao ở về ngôi thấp thì để xứng-chức ; từ chối lộc hậu mà hưởng lộc bạc, thì khỏi mang tiếng ăn không.

VI

非之儲國。敢也。不萬
禮託侯。而也。孟託章
也。於禮後諸子諸曰。
諸也，託侯曰。侯士
侯。士於失不何之

Dịch-âm.— *Vạn Chương viết* : « *Sĩ chi bất thác chư-hầu hà dã ?* » *Mạnh-tử viết* : « *Bất cảm dã ; chư-hầu thất quốc, nhi hậu thác ư chư-hầu, lễ dã ; sĩ chi thác ư chư-hầu phi lễ dã.*

DỊCH-NGHĨA.— Vạn - Chương hỏi rằng : « Kẻ sĩ chẳng ăn nhờ ở nước chư-hầu, là cớ sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Phận chẳng dám vậy. Chỉ có vua chư-hầu mất nước, rồi sau mới ăn nhờ ở nước chư-hầu khác, là lễ vậy ; kẻ sĩ vốn không tước không đất mà ăn gửi ở nước chư-hầu, là chẳng phải lễ vậy. »

*Chú-giải.* — *Thác* = Gửi, nhờ, chẳng có quan chức mà ăn bổng-lộc.

Đây là Vạn-Chương thấy thầy Mạnh du-lịch các chư-hầu, nhận đồ quĩ-tặng mà chẳng nhận số bổng-lộc, cho nên đặt ra lời hỏi này.

.·.

也。君何受受餽萬
固之饔之。之之章
周於也。受乎。粟。曰。
之。餼曰。之曰。則君

Dịch - âm. — *Vạn - Chương viết : « Quân quĩ chi tức, tắc thụ chi hồ ? » Viết : « Thụ chi » « Thụ chi hà nghĩa dã ? » Viết : « Quân chi ư manh dã, cố chu chi. »*

DỊCH-NGHĨA — Vạn-Chương hỏi rằng: « Vua đem cho thóc, thì vâng nhận đấy chăng ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Nên nhận. » Vạn-Chương hỏi rằng : « Vâng nhận là nghĩa sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ sĩ chửa làm quan cũng là dân, vua đối với dân, vẫn có cái lẽ chu-cấp khi thiếu-thốn. »

.·.

不賜於皆曰。問曰。之曰。
恭於上。有抱其不則周
也。上無常闕不敢不之
者。常職豁敢。也。受。則
以職以柝何曰何受。
爲而食者。也。敢也。賜

Dịch-âm. — *Viết : « Chu chi tắc thụ; tử chi tắc bất thụ, hà dã ? » Viết : « Bất cảm dã. » Viết : « Cảm vấn kỳ bất cảm, hà dã. » Viết : « Bảo quan kích thác giả, giai hữu thường chức dĩ thực ư thượng vô thường thức nhi tứ ư thượng giả, dĩ vi bất cung dã. »*

DỊCH-NGHĨA.—Vạn-Chương hỏi rằng: « Vua giúp đỡ thóc thì vâng nhận, vua ban cho lộc thì chẳng vâng nhận, là ý sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Cũng là phận chẳng dám vậy. » Vạn-Chương hỏi rằng : « Dám hỏi chẳng dám nhận lộc, là ý sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Tự bách-quan cho đến kẻ giữ cửa quan đánh cái mõ đều có chức thường để ăn lộc thường ở vua ; kẻ sĩ không có chức thường mà nhận cái lộc thường ở vua ban cho, như thế là chẳng kính vậy. »

.·.

可悅焉不門悅。也。常曰。
謂賢畜受。之於亟繼君
悅不伋。曰外。卒問。乎。餽
賢能蓋今北也亟曰。之
乎。舉自而而標餽繆則
又是後稽使鼎公受
不臺知首者肉。之之。
能無君再出子於不
饔餽之拜諸思子讓
也。也。犬而大不思可

Dịch-âm.— *Viết : « Quân quĩ chi tắc thụ chi, bất thức khả thường kế hồ ? » Viết : « Mục-công chi ư Tử-Tư dã, hữu vấn, hữu quĩ đỉnh-nhục. Tử-Tư bất duyệt, ư tốt đã tiêu sứ giả xuất chư đại-môn chi ngoại, bắc diện khể thủ tái bái nhi bất thụ. Viết : « Kim nhi hậu tri quân chi khuyển mã súc Cấp. » Cái tự thị đãi vô quĩ dã. Duyệt hiền bất năng cử, hựu bất năng dưỡng dã, khả vi duyệt hiền hồ. »*

DỊCH-NGHĨA. Vạn-Chương hỏi rằng: « Vua cấp đỡ cho thì vâng nhận lấy, chẳng biết những đồ cấp đỡ ấy, có thể thường nối được không ? » Thầy Mạnh

nói rằng : « Vua Mục-công nước Lỗ đối với thầy Tử-Tư, năng hỏi han, năng đem cho món thịt chín. Thầy Tử-Tư cho rằng không phải cái lễ nuôi người hiền mà chẳng bằng lòng, rồi sau vẫy kẻ sứ giả đuổi ra ngoài chốn đại-môn, ngảnh mặt sang phía bắc dập đầu hai lạy mà chẳng vâng nhận, và nói rằng : « Từ đây về sau mới biết rằng nhà vua lấy cái đạo nuôi chó ngựa nuôi Cấp này. » Chứng tự đấy vua Mục-công mới nghe ra, không sai quan đài đem cho thịt chín nữa. Mục-công yêu người hiền mà chẳng biết cất-nhắc người hiền, lại chẳng biết nuôi người hiền, khá gọi là yêu người hiền đấy ư. »

*Chú-giải.* — *Lũy* = Năng, thường. *Đỉnh-nhục* = Thịt đã nấu chín bày ở trên cái đỉnh. *Cấp* = Tên thầy Tử-Tư. *Đài* = Chức quan hèn nhỏ, chủ việc sai khiến.

∴

也。拜鼎君繼稽曰。子。曰。
也。肉命粟。首以如敢
非使將庖而君何問
養己之。人受。命斯圖
君僕子繼其將可君
子僕思肉。後之。謂欲
之關以不廩再養養
道亟爲以人拜矣。君

Dịch-âm. — *Viết* : « *Cảm vấn quốc-quân dục dưỡng quân-tử, như hà tư khả vi dưỡng hĩ ?* » *Viết* : « *Dĩ quân mệnh tương chi, tái bái khể thủ nhi thụ, kỳ hậu lẫm-nhân kế túc, bào-nhân kế nhục, bất dĩ quân mệnh tương chi. Tử-Tư dĩ vi đỉnh nhục sử kỷ bộc-bộc nhĩ lũy bái dã, phi dưỡng quân-tử chi đạo dã*

Dịch-nghĩa. — Vạn-Chương hỏi rằng : « Dám hỏi đấng quốc-quân muốn nuôi người quân-tử, như thế nào mới xứng-đáng gọi là nuôi ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Lần đầu sai người lấy mệnh vua đem lại cho ; hiền-giả phải hai lạy rập đầu mà vâng nhận ; về sau thì kẻ giữ kho cứ kế-tiếp đem thóc, kẻ giữ chạn cứ kế-tiếp đem thịt, chẳng phải lấy mệnh vua đem cho, ấy cái lễ nuôi người hiền như thế. Thầy Tử-Tư nghĩ rằng cho món thịt chín mà khiến mình phải tần-phiền lạy luôn luôn, chẳng phải là cái đạo nuôi người quân-tử vậy.

∴

之上中。養牛二其堯
舜位。後舜羊女子之
賢故舉於倉女九於
者曰而畎廩焉。男舜
也。王加畝備。百事也。
公諸之以官之。使

Dịch âm. — « *Nghiêu chi ư Thuấn dã, sử kỳ tử cửu nam sự chi, nhị nữ nhứ yên, bách quan ngưu dương xương lẫm bị, dĩ dưỡng Thuấn ư quyển-mẫu chi trung, hậu cử nhi gia chư thượng vị, cố viết vương công chi tôn hiền giả dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Vua Nghiêu đối với ông Thuấn, sai con mình chín con trai thờ ông Thuấn, hai con gái gả cho ông Thuấn, trăm quan trâu dê kho đụn đủ, để nuôi ông Thuấn ở trong chốn ruộng nương, rồi sau cử ông Thuấn mà đặt ở ngôi cao. Như vua Nghiêu biết nuôi người hiền lại biết cử người hiền, cho nên gọi là cái đạo đấng vương-công tôn người hiền vậy. »

(*Còn nữa*)

TÙNG-VÂN và ĐỒNG-CHÂU *dịch*

# NHẤT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

## 一怒爲紅顏

*(Lịch-sử tiểu-thuyết)*

---

## IX

### HỒI THỨ CHÍN

*Vĩnh-Lịch hoàng đại-nghĩa trách Tam-Quế.*

*Trần mi-nhân tình-nghiệp tu Dã-viên.*

Ngô Tam-Quế khi ấy đã nhận tước Bình-tây-vương của người Mãn phong cho, cái lòng nhớ đến nhà Minh ngày trước, đã vất bỏ đi không còn gì nữa ; cho nên sứ Nam-triều là Tả-Mậu-Đệ khi đi đến nơi, Tam-Quế chỉ tìm lời từ-chối, không chịu tiếp-kiến. Khi đó Lý Sấm đã bị bộ-hạ là Ngưu-Kim-Tinh sát-hại, Ngưu-Kim-Tinh lại bị bộ-hạ sát-hại, giặc Sấm đã tan. Nhưng nhà Minh còn có Phúc-vương ở Nam-kinh, dư-đảng giặc Sấm còn có Trương Hiến-Trung ở Tứ-xuyên, nhà Minh lại có Lỗ-vương ở Chiết-giang nữa, tự xưng là giám-quốc, thật là bốn phương đương bời-rối nhiều việc. Ngô Tam-Quế thì mới phá tan giặc Sấm hiện ở Hà-nam. Kẻ đại-thần người Mãn ở Bắc-kinh nhiều người muốn sai Tam-Quế dời binh đi đánh Nam-kinh. Duy Mãn-thân-vương là Đa-Nhĩ-Cổn cho rằng Tam-Quế vốn là bề tôi nhà Minh, đem lòng ngờ Tam-Quế, sợ rằng Tam-Quế lại đảo qua mà vì Phúc-vương trợ-lực ; cho nên chẳng dám sai Tam-Quế đi đánh Nam-kinh, chỉ hạ-lệnh phong-vương cho Tam-Quế ở Vân-nam, mà sai Tam-Quế đi đánh Tứ-xuyên, hễ Tứ-xuyên dẹp yên, thì về Vân-nam thụ-tước hưởng đất mà hưu-dưỡng.

Lúc ấy Ngô Tam-Quế rõ ràng đã biết Mãn-thân-vương thực có lòng ngờ mình, trong tâm bồi-hồi, rất lấy làm sợ-hãi ; nhưng chỉ muốn hết sức lập công với Mãn-triều, để giải-thích cái lòng người Mãn nghi-kỵ. Khi Tam-Quế thu-xếp quân-đội và đem gia-quyến về Vân-nam, chỉ có ả Trần Viên-Viên tỏ ý không muốn đi, liền đối với Tam-Quế nói rằng : « Thiếp tự khi đội ơn đại-vương thưởng-thức, được sung vào số tôi-đòi ; thiếp trong bụng vẫn nghĩ rằng Điền-công chẳng phải là ai, thực là người có ơn nặng cũ với thiếp, vẫn mong rằng nhờ sức đại-vương để bảo-toàn cho Điền-phủ. Lại tưởng rằng đại-vương là kẻ niên-thiếu anh-hùng, tương-lai kiến-lập được công-nghiệp cho xứng-đáng, thực chửa biết đâu. Thiếp tôi xuất-thân là kẻ hàn-vi, ngõ-hầu được theo gót đại-vương, may ra để tiếng sử xanh, vẻ-vang muôn kiếp. Nay đại-vương chí-nguyện đã thành, lòng thiếp đã thỏa lắm rồi vậy. » Tam-Quế nghe Viên Viên nói đến đấy, đã biết ngay rằng trong tâm Viên-Viên có ý chê mắng mình một cách mát mẻ, liền đáp lại rằng : « Bản-phiên ngày nay đến thế này, thực không phải là bản-chí đâu. » Tam-Quế nói xong, cúi mặt thở dài.

Viên-Viên lại nói rằng : « Đại-vương ngày nay tước phong đến tước vương, phủ mở đến phiên-phủ, còn lấy làm chửa mãn dư. Thiếp năm xưa bị nạn, tù trói ở trong tay giặc Sấm, đã toan cam một sự chết, nhưng lại sợ rằng không ai biết cho. Nay giặc Sấm đã tan, đại-vương cũng lại đã phú-quí ; xin đại-vương lượng xét cho lòng thiếp làm ơn cho thiếp được thi-phát đi tu, để trọn-vẹn lấy cái năm thừa, được hàng ngày ngồi trước phật Quan-âm, xám-hối điều lỗi trước, thực là thiếp này may lắm. » Tam-Quế nói rằng : « Nàng sao nói ra lời ấy, ta chính là may được có ngày nay, cùng nàng cùng hưởng phú-quí. » Viên-Viên nói rằng : « Đại-vương đã công-thành danh-lập, nam - diện xưng-vương, sau này thiếu gì vợ đẹp kẻ hát hay ; hà-tất tiếc một cái thân nhỏ-mọn này, mà chẳng để cho thiếp được thỏa chút nguyện riêng. » Tam-Quế nói rằng : « Nàng sở-cầu, điều gì là chẳng nghe, chỉ bản-phiên này thực là chẳng nỡ để nàng bỏ ta mà đi, xin nàng đừng lại nói đến sự ấy nữa. » Viên-Viên nói rằng : « Thiếp không phải là chẳng biết đại-vương có lòng yêu thiếp ; nhưng đại-vương nếu chẳng cúi theo lòng thiếp sở-nguyện, thì thiếp sau này tất tiếng xấu để muôn đời, chẳng đáng gọi là người vậy. » Tam Quế nói rằng : « Nàng sao lại nói những điều như thế. » Viên-Viên nói rằng : « Thiếp nguyên là một kẻ Ngọc-phong ca-kỹ, trước đã về Điền-phủ, kế được thờ đại-vương, sau lại bị giam bắt ở trong quân giặc ; thiếp là một kẻ đàn-bà, đã chẳng được tòng-nhất nhi-chung, đời sau tất cho thiếp là một kẻ vô-sỉ, đã thất-thân với giặc mà lại còn dương-dương vác mặt trên cõi đời, điều đó thì lấy lẽ gì mà tự-giải được ; cho nên thiếp ngày nay không phải là bỏ đại-vương, thực là thiếp bất-đắc-dĩ vậy. » Tam-Quế nghe đến đấy, trong tâm lại càng bồi-hồi, phương-diện mình ngày nay, thực chẳng khác gì lời Viên-Viên nói đó, tự mình thực không thể sao lại đủ hỏi mình. Nhưng cũng không có lời gì để đáp lại, chỉ nói rằng : « Nàng nói thế, chỉ là chê mắng bản-phiên này mà thôi ; nhưng bản-phiên này cái sự ở trong tâm, thực khó đối với người mà nói ra cho hết được, đợi xem đại-cục sau này như thế nào, sẽ biết cái chủ-ý của bản-phiên này sở-định ; nàng đã có ý tu-hành, đợi khi đến Vân-nam sau này, sẽ vì nàng sửa-sang một cái tĩnh-tu-thất, để thành-chí nàng ; chứ ngày nay thì quyết chẳng bỏ nàng ở đây. » Viên-Viên nghe nói, tỏ ra ý bất-đắc dĩ phải nghe theo, mới quỳ xuống mà bái tạ. Viên-Viên bái tạ xong, Tam-Quế có than rằng : « Con người ta bất-hạnh, gặp phải khi quốc-biến, tốn-phí tâm-lực kinh - doanh, thường thường chẳng được như nguyện, nay ta xấu-hổ đối với kẻ hồng-nhan kia vậy. » Viên-Viên chỉ cúi đầu không đáp lại.

Khi ấy Mãn-triều vì các tỉnh đông-nam còn nhiều nơi chửa quy-phụ, đã sai Định-nam-vương là Khổng Hữu-Đức, Bình-nam - vương là Thượng-Khả-Hỷ, Tĩnh-nam-vương là Cảnh-Kế-Mậu, ba người ấy cũng đều là quan nhà Minh mà từng về hàng nhà Mãn, đều đem binh xuống phía nam, để mưu-toan việc thống-nhất. Ngô Tam-Quế thì đặc-biệt phụng-mệnh thống-suất chư-bộ binh-mã vào Tứ-xuyên, đánh đẳng giặc Trương-Hiến-Trung. Lúc ấy Trương-Hiến-Trung đã bị bộ-hạ là Tôn-Khả-Vọng giết chết, Khả-Vọng sai tướng là Lưu Văn-Tú ra cự nhau với quân Tam-Quế. Chẳng bao lâu quân Văn-Tú thua, Tôn-Khả-Vọng bỏ Tứ-xuyên chạy về Quý-châu, kết hợp với quân Vĩnh-lịch-đế ở Quảng-tây. Vĩnh-lịch-đế nguyên là em Sùng trinh-đế, chư-thần nhà Minh lập lên ở Quảng-đông, để chống-cự với người Mãn. Song binh ít thế yếu, bị quân Mãn đánh

thua, chạy về Quảng-tây, sau lại chạy về Vân-nam, rồi lại chạy sang Diến-điện.

Tam-Quế lúc ấy cũng đã thống suất binh đội do Tứ-xuyên xuống Vân-nam. Tam-Quế tức-khắc thống-lĩnh đại-binh tới cõi nước Diến-điện, truyền hịch cho vua Diến, bắt phải giao trả bọn vua tôi Vĩnh-lịch-đế nhà Minh. Vua Diến sợ hãi, liền giao trả Vĩnh-lịch-đế cho Ngô Tam-Quế. Tam-Quế bắt Vĩnh-lịch-đế đem về Vân-nam-phủ, tự lấy làm mình có công to, tấu-báo lên Mãn-triều. Mãn-triều liền có chỉ-dụ để Vĩnh-lịch-đế ở Vân-nam, giao cho Tam-Quế tùy-nghi xử chí. Tam-Quế liền đại-hội chư-tướng thương-nghị cái phương-pháp xử-chí Vĩnh-lịch-đế. Ý Tam-Quế muốn đem giết đi. Lúc ấy viên bộ-tướng là Chương-Kinh với Trác-La tại tọa, ngoảnh lên Tam-Quế hét lên mà nói rằng: « Đại-vương đời đời chịu ơn nhà Minh, hoặc vì bất-đắc-dĩ mà đến sự ngày nay. Nhưng hồi-đầu lại việc trước, chính nên nhờ cơ-hội này, mua chuộc lấy cái tình trước ở trong phần vạn-nhất. Vả lại Vĩnh-lịch cũng là vua nhà Minh, nay được ở trong tay đại-vương, đại-vương nên bảo-toàn lấy thân-thể tính mệnh cho ông ấy. Nếu đại-vương đối với việc này còn có sợ ngại, thì chúng tôi xin lấy thân mà đảm-bảo cho việc ấy. » Tam-Quế nghe nói, mặt phải phát đỏ lên bằng-bằng, tức-khắc lui vào chốn hậu-đường, các tướng cũng đều tan lui.

Tam-Quế trong tâm đã một niềm muốn giết Vĩnh-lịch-đế, nhưng lại muốn đi bái-yết Vĩnh-lịch-đế, làm ra bộ thương-xót, và tỏ ra ý bất-đắc-dĩ, để che mặt thế-gian. Tam-Quế nhân hỏi người bộ-tướng là Hạ Quốc-Tương rằng: « Khi ta vào tiếp-kiến Vĩnh-lịch-đế, chẳng biết nên thi-hành cái lễ-nghi thế nào? » Quốc-Tương nói rằng: « Đại-vương nay đã là tước vương, Vĩnh-lịch nay đã là kẻ tù, chỉ nên thi-hành cái lễ đứng bình-thân vái một cái là phải. » Tam-Quế cũng lấy làm phải, tức-khắc chuyển-tiến vào chỗ hậu-đường để thay áo. Chợt thấy Trần Viên-Viên đương ngoảnh vào tấm gương tự soi bóng mình. Viên-Viên nguyên đứng nép ở trong hậu đường. Quốc-Tương với Tam-Quế bàn nói với nhau thế nào, Viên-Viên đã trộm nghe được cả, cho nên cố ý ngồi lại ở đó, định để cùng Tam-Quế nói bàn. Tam-Quế mới bước vào, hỏi ngay rằng: « Nàng sao lại một mình ngồi ở đây? » Viên-Viên nói rằng: Thiếp vừa mới rồi có lên lầu ngoảnh mặt trông về phía bắc, khi về thấy tóc loạn bay, chừng là bị luồng gió cuồng thổi lên đó, cho nên phải tu-sức lại đấy thôi. » Tam-Quế hỏi rằng: « Nàng nói lên lầu trông về phía bắc, tóm lại có ý gì không? » Viên-Viên nói rằng: « Thiếp là người phương bắc, trông về cố-hương với cố-quốc đấy thôi. » Tam-Quế nói rằng: « Nàng ở đây vinh-hoa phú-quí vạn-bội cũng nhớ đất cũ đấy ư? » Viên-Viên nói rằng: « Thiếp ngày xưa xem chuyện cổ-nhân, những sự cảm-tình về cố-hương cố-quốc, bậc anh-hùng thường vẫn có, huống-chi thiếp là một kẻ nhi-nữ đổi thay. » Tam-Quế nghe nói chỉ nín lặng, liền vào chốn nội-thất, Viên-Viên cũng liền đứng dậy theo vào, chợt thấy Tam-Quế thay áo. Viên-Viên hỏi rằng: « Đại-vương nay toan đi đâu? » Tam-Quế nói rằng: « Toan đi yết-kiến vua cũ đây. » Viên-Viên cố ý làm ra bộ kinh-ngạc nói rằng: « Sùng-trinh-đế hãy còn đấy ư, sự ấy thật là may cho nhà Đại-minh lắm vậy. » Tam-Quế nói rằng: « Ta không phải là nói Sùng-trinh-đế, chỉ nói Vĩnh-lịch-đế đấy thôi. » Viên-Viên nói rằng: « Đại-vương nếu bảo toàn được dòng dõi nhà Minh, nghĩ-ngợi đến giang-sơn nhà Minh, thì đi yết-kiến là phải. Nếu chẳng làm

được như thế, mà trong khi tiếp-kiến, Vĩnh-lịch-đế lấy lời nghiêm - chính trách đại-vương, thì đại-vương lấy lời gì đối lại. Nhưng thế nào mặc dầu, khi tiếp-kiến, đại-vương nên thi-hành cái lễ vua tôi, để biểu chút tình với vua cũ nước cũ, thiếp tưởng như thế là phải.» Tam-Quế cười nói rằng : « Kẻ kia đã bị ta bắt được, còn đương đối với ta cầu sự sinh-toàn, há lại dám trách ta hay sao. » Viên-Viên nói rằng : « Thiếp nghe Vĩnh-lịch-đế là kẻ thôn-minh đại-độ, chẳng qua tại các quan nhà Minh không có người khá, cho nên đến nỗi diệt-vong đấy thôi. Vĩnh-lịch-đế không phải là kẻ sợ chết đâu, đại-vương chớ coi khinh. » Tam-Quế nghe nói, cũng chẳng đáp lại, liền đi ra, cưỡi xe thẳng ruổi đến Xế-tử pha. Nguyên Xế-tử-pha ở ven ao Vĩnh-minh, là nơi Tam-Quế an-chỉ Vĩnh-lịch-đế.

Tam-Quế đi đến Xế-tử-pha, đã thấy số nhiều các viên tướng cũ trong bộ-thuộc đứng vòng quanh cả ở ngoài cửa, cầu vào yết-kiến Vĩnh-lịch-đế. Tam-Quế thấy lòng người nhớ nhà Minh, trong tâm không khỏi hổ thẹn. Tam-Quế đi trước, các người nối gót đi sau, vào yết-kiến Vĩnh-lịch-đế. Tam-Quế bắt đầu khi tiếp-kiến, toan quỳ xuống lại chẳng quỳ, đã chẳng quỳ lại toan quỳ xuống, cứ quanh-co mãi, dáng bộ rất là cục-súc nực cười. Vĩnh-lịch-đế bắt đầu hỏi rằng : « Lại đó là người nào ? » Tam-Quế tức-khắc ứng rằng : « Họ tên tôi là Ngô Tam-Quế. » Tam-Quế ứng xong tức-khắc cúi mình xuống quì ở trên đất, Vĩnh-lịch-đế liền hỏi rằng : « Chức Bình-Liêu-đại-tổng-nhung Ngô Tam-Quế đấy phải không, con viên Kinh-thành-đề-đốc Ngô-Tương đấy phải không ? » Lại liền trách rằng : « Mày là tôi con nhà Đại-Minh, cha con nối dõi, chịu ơn nặng của nước. Mày đỗ khoa vũ-cử, thăng đến chức tổng-nhung, đấng tiên-đế giao cho mày phương-diện, phong cho mày tước-điển, tự mày nên nghĩ cảm ơn vua báo ơn nước. Mày đã dẫn người ngoài về để tiệt-diệt quốc - gia, tội mày lớn hơn giặc Sấm, giặc Sấm chẳng qua tàn-bạo một thời, mày để vạ nghìn năm, Nay mày lại làm bức trẫm ở đây, ý mày toan muốn làm gì?» Tam-Quế nghe xong, chẳng nói ra được một lời gì, chỉ cúi mặt xuống đất mà bất-động, kẻ tả người hữu phải kíp vì ôm dậy, khi ấy trông sắc mặt Tam-Quế đã như sắc vôi nguội, kẻ xem chẳng ai là chẳng cả kinh mất sắc. Tam-Quế lùi ra về đến trong phủ, ngồi đứng chẳng yên đến mấy ngày. Từ đấy chẳng dám lại đi yết-kiến Vĩnh-lịch-đế nữa, chỉ truyền lệnh đem hành-cung của Vĩnh-lịch-đế bốn mặt vây giữ, mười phần nghiêm-mật ; phàm có người nào xuất-nhập, đều phải có lệnh Tam-Quế mới được.

Viên-Viên nhân thong-dong hỏi Tam-Quế rằng : « Chủ-ý đại-vương xử-chỉ Vĩnh-lịch-đế như thế nào ? thiếp tuy đàn bà, cũng hơi biết lẽ phải. » Tam-Quế nói rằng : « Ý ta chưa quyết. » Viên-Viên nói rằng : « Thiếp trộm nghĩ đừng giết Vĩnh-lịch-đế là hơn ; đại-vương mua chuộc lấy tiếng hay về sau này, chỉ còn một sự ấy mà thôi, cớ sao lại tự mình toan dày-bước vào chỗ tiếng ác. » Tam-Quế nghe nói, chỉ nín lặng. Trong tâm Tam-Quế hàng ngày chỉ muốn đem Vĩnh-lịch-đế sớm sửa xử - chỉ ; nhưng vì thứ trước hội-nghị, có nhiều người chủ-trương về sự không giết Vĩnh-lịch-đế ; vậy nay bất-tất hội-nghị nữa, chỉ khiến cho Vĩnh-lịch-đế và bà mẫu-hậu tự mình tìm chốn tự-tận đi là hơn. Tam-Quế tức-khắc kén lấy hai giải khăn bằng lụa đem ra, để ở trong một cái tráp, niêm-phong cẩn - mật, mặt ngoài đề mấy chữ rằng trong này là thức đồ ăn, đem cấp cho Vĩnh-lịch- đế và bà mẫu-hậu. Tam-Quế liền sai kẻ tâm-phúc thẳng đem đến Xế-tử-pha. Vĩnh-lịch-đế

chợt nghe Tam-Quế sai người đem thức ăn lại, trong ý đã lấy làm kinh-ngạc hồ-nghi, nhưng vẫn nín lặng, truyền cho sứ-giả tiến lại, kẻ tả người hữu tiếp lấy dâng lên. Vĩnh-lịch-đế mở ra xem, thì thấy trong trâp không có thức ăn gì cả, chỉ có hai cái giải khăn bằng lụa. Vĩnh-lịch-đế ngoảnh về bà mẫu-hậu sa nước mắt mà nói rằng : « Đứa nghịch-tặc định muốn cho trẫm với thái-hậu tự thắt cổ đây. » Mẫu-hậu nói rằng : « Đứa nghịch-tặc muốn cho mẹ con ta tự mình thắt cổ, để che tai mắt người ; ta vội gì mà chết hoài, chẳng bằng đợi đứa nghịch-tặc tự nó cầm dao giết ta, để thành cho nó cái tiếng ác giết vua. » Vĩnh-lịch-đế nói rằng : « Đời sau tất có người biết, xin mẫu-hậu bất-tất phải như thế. » Mẫu-hậu mới cả khóc, tức-khắc cầm lấy giải khăn lụa, sai kẻ tả người hữu giúp việc để tự-tận. Kẻ phi-tần mấy người đứng xung quanh, đều lên tiếng cả khóc. Đương khi mẫu-hậu sắp sửa chết. Vĩnh-lịch-đế cả phát ra lời bi-khổ, ngoảnh về các phi-tần mà nói rằng : « Tự xưa kẻ làm vua, không có ai khổ như trẫm ; nay trẫm sắp-sửa theo thái-hậu đây, dưới cái tổ đã vỡ, lẽ đâu còn có cái trứng lành, lũ mày sớm nên tự-liệu. » Các phi-tần đều xúm quanh Vĩnh-lịch-đế mà khóc. Mẫu-hậu đã chết, Vĩnh-lịch-đế cũng tức-khắc làm việc tự-ải mà chết. Ngày hôm ấy gió đen mây ám, trời đất tối rầm, người giáp mặt không ai trông rõ mặt ai. Tam-Quế truyền lệnh đem xác Vĩnh-lịch-đế và mẫu-hậu, dùng lửa thiêu hóa ; kẻ nghe sự ấy đều không nỡ đi xem.

Trần-Viên-Viên thực là một gái vừa thanh vừa sắc hơn cả một đời ; nhưng tự khi Vĩnh-lịch-đế bị hại trở về sau, Viên-Viên thường có ý bất-mãn với những sự hành-động của Tam-Quế, bề thanh mỗi ngày mỗi rão-rời, bề sắc cũng mỗi ngày mỗi buồn-bã. Duy Tam-Quế đối với Viên-Viên phần yêu quý vẫn chẳng kem đi phần nào. Tam-Quế thấy Viên-Viên thường có ý chẳng vui, nghĩ tìm một cách phương-pháp để chiều lòng Viên-Viên. Mới cả dấy việc thổ-mộc, vì Viên-Viên sửa đắp lên một cái đài gọi là Sơ-trang đài để Viên-viên ở. Một hôm Viên-Viên có bảo Tam-Quế rằng : « Thiếp tự khi đội ơn đại-vương để mắt đoái đến, cho đến bây giờ, sung-sướng lắm rồi. Lại vì đại-vương là đấng anh-hùng, vẻ-vang lây đến thân thiếp, thiếp còn hám-hận nỗi gì. Duy ngày trước thiếp đã từng có lời nói, xin đại-vương chớ quên. » Tam-Quế nói rằng : « Lời nàng nói với ta rất nhiều, ta không thể nhất nhất nhớ được cả ; nay trỏ về điều gì, nàng cứ nói rõ cho hay. » Viên-viên nói rằng : « Thiếp nay vinh-hoa đã quá lắm rồi, nếu lại còn tham mà hưởng vinh-hoa nữa, thì sau này tất có điều phiền-não mà thêm lụy cho thiếp, thiếp xin được một nơi tĩnh-thất, tu-hành nghiệp-tuệ, để trọn vẹn cái kiếp phù-sinh, và chuộc lại những điều tội lỗi trước, ấy đều là cái ơn của đại-vương vậy. » Tam-Quế nói rằng : Ngày trước việc nhung-mã vội-vàng, nàng còn cùng nhau bôn-tẩu ; nay đã là lúc bốn phương vô-sự, chính nên cùng nhau yên hưởng phú-quý, sao lại vội nhắc đến cái tư-tưởng ấy du ? » Viên-Viên nói rằng : « Ngày trước đại-vương đã hứa lời, ngày nay sao lại trái lời. » Tam-Quế nói rằng : « Thực có thế. Nhưng nàng nếu lìa bỏ chốn này, thì ta tất chẳng thuận hứa. Nếu muốn ở quanh miền thành Vân-nam sửa sang lấy một nơi tĩnh-dưỡng, thì ta sẽ có thể tán-thành được chí nàng. » Viên-Viên nói rằng : « Nay đại-vương ngôi đã đến cô-quả, tước đã đến bá-vương, người đẹp kẻ hát hay đã đầy chật ở trong cung, thiếp cũng chắc rằng đại-vương tất hứa cho thiếp vậy. Thiếp không phải là tất định lìa bỏ chốn Vân-nam. Vì tự thủa loạn-li về sau, nhà thiếp đã tan-hoang, thiếp đi cũng không biết về đâu. Thiếp

chỉ nguyện được một nơi sơn-lâm thanh-thủ, u-cư mà tĩnh-xử, chút chuộc lại cái lỗi trước đấy thôi.»

Tam Quế mới nghe lời Viên-Viên thỉnh, tức-khắc sai người đi xem xét quanh miền địa-phương thành Vân-nam. Được một chỗ rất thích-hợp về cảnh kiến-trúc, là chỗ mé bắc thành, một giải đất rộng dài, đàng sau gối núi, đàng trước kề sông, rất là thanh-nhã; tức-khắc ở chốn ấy kiến-trúc lên phòng-lâu, sửa sang ra vườn-được, đặt tên là Dã-viên. Tuy là một nơi tĩnh-thất, kỳ thực rất là mĩ-lệ, chẳng khác gì một tòa ly-cung. Phụ-cận có giải núi Thương-sơn, cây cối rậm tốt. Tam-Quế lại kiến-trúc một cái cầu đá, khiến Dã-viên trực đạt với chùa Thương-sơn. Tóm kể trong cảnh Dã-viên, lầu gác đình đài có hơn một trăm sở. Từ đấy Trần-Viên-Viên hàng ngày ở trong Dã-viên tĩnh-tu, cái dáng-bộ cung-trang đã đổi ra dáng-bộ nâu-xồng, cái phương-diện hát múa đã đổi ra phương-diện kinh-kệ. Duy Tam-Quế đối với Viên-Viên, ái-tình trước sau vẫn không thay đổi. Tam-Quế lại đắp một con đường tự Phiên-phủ thông đến Dã-viên, hai bên đường đều sai trồng một giống dương-liễu. Tam-Quế hàng ngày đến Dã-viên, làm sự tìm hoa, xem người viết kinh, suốt ngày không ra khỏi Dã-viên một bước; phàm sự bẩm báo trong bộ-hạ, đều truyền lệnh làm việc ở trong Dã-viên.

Đồng-thời với Viên-Viên lại có một người kỵ-nữ-tử, đối với sự Tam-Quế giết Vĩnh-lịch-đế, thường nuốt giận nghiến răng, làm cho Tam-Quế xuýt nữa bị chết ở trong cạm ái-tình, là ả Dương-Nga. Dương-Nga nguyên là người đất Vân-nam, người bố là Dương-Thế-Anh, nghề võ-thuật từng trứ-danh ở Vân-nam, đời đời làm chức vũ-vệ giáo-tập ở trong phủ tước Kiềm-quốc-công Mộc-Thiên-Ba. Dương lúc bé, cũng đọc sách hơi biết chữ; kịp lớn lên mới theo cha học-tập võ-thuật. Người cha trách rằng: «Mày là con gái, chỉ nên học-tập sự kim chỉ nữ-công, nghề võ không phải là nghề mày nên học tập.» Dương-Nga thưa rằng: «Hiện nay đời loạn, tương-lai cái thân-thế chẳng biết ra thế nào, sao có thể bắt chước cái thái-độ bồ-liễu yểu-điệu, chỉ làm việc nữ-công mà thôi được». Người cha rất lấy làm kỳ! Lại vì sinh hạ chỉ được một Dương-Nga là con gái, cho nên rất yêu giấu, nhất-thiết muốn học nghề gì đều chiều theo. Người cha mới hết lòng dạy cho nghề võ, chẳng bao lâu Dương-Nga tinh-hiểu hết được nghề cha.

Năm Vĩnh-lịch thứ mười một nhà Minh, Dương-Nga tuổi mười bảy, Mộc-phủ bị cái nạn thổ-hào là Sa-Định-Dương tác-loạn. Người bố là Dương Thế-Anh vì hết sức cứu hộ Mộc-Thiên-Ba, đến nỗi thân bị trọng-thương; trở về Mộc-phủ, thì đã gần chết. Dương-Nga chạy đến hỏi thăm cha. Người cha than rằng: «Cha vì hết sức cứu chúa bị loạn-quân sở-thương, cha chắc chẳng lâu được ở trên cõi đời. Tiếc thay mày là con gái, nếu là con trai, tất có thể báo-thù rửa hồ được cho cha.» Dương-Nga khóc nói rằng: «Con tuy là phận gái, biết đâu chẳng vì cha báo-thù được; cha cứ phóng-tâm, con tất báo thù được cho cha.» Dương-Nga nói dứt lời, Dương Thế-Anh liền nhắm mắt. Dương Nga chôn cha xong, tức khắc đề chí báo thù. Gặp khi quân Tôn-Khả-Vọng đến Vân-nam, Mộc-Thiên-Ba mới nhờ quân Tôn-Khả-Vọng làm kế-sách phục-thù. Dương Nga khi ấy tức-khắc đổi cái trâm, đội mũ tinh, đổi cả họ tên đi nữa, tình-nguyện ứng-mộ, sung vào đội tiền-phong, và làm kẻ hướng-đạo, liền phá vỡ được quân giặc. Dương Nga tay giết được Sa-Định-Dương, cắt lấy đầu Sa-Định-Dương đem về tế vong-linh cha. Từ đấy trong

quân đã biết Dương Nga là gái anh hùng, chẳng ai là chẳng lấy làm kỳ-dị. Tôn-Khả-Vọng nhất-thiết muốn lấy Dương Nga làm vợ. Dương Nga tự nghĩ rằng Khả-Vọng là một kẻ hung-ác trong đảng Sấm, này mai tất bại, không nên thất-thân với Khả-vọng. Dương-Nga tế cha xong, tức-khắc náu vết lánh đi. Khả-Vọng hết sức cho đi tìm, đều chẳng thấy, Khả-Vọng cũng không biết làm thế nào. Kịp khi Khả-Vọng đã chết, Tam-Quế vào Vân-nam, Dương Nga khi ấy đã ngoài hai mươi tuổi. Dương Nga thấy Tam-Quế đem binh ra cõi Diến-điện, bắt Vĩnh-lịch-đế đem về giết ở Xế-tử-pha, trong lòng rất lấy làm căm giận Tam-Quế thường than rằng : « Vĩnh-lịch-đế là vua cũ ta, nay chết ở trong tay kẻ nghịch-thần; ta là con gái sức chẳng trừ nổi được kẻ nghịch-thần, để lại cái chất yếu-điệu này, cũng chẳng làm gì. » Dương Nga tự-đoái mình có cái sắc khuynh-thành, lại biết rằng Tam-Quế là kẻ hiếu sắc, Dương Nga mới ở mé tây thành Vân-nam, mở ra một ngôi tửu-điếm, trong điếm có để sáu cái chum ở dưới cửa sổ. Người hỏi để làm gì? thì đáp rằng : Bác nào say rượu vô-lễ thì mời bác ấy vào chum, là lấy nghĩa trong *Đường-sử* có câu « thỉnh-huynh nhập ủng », để răn những kẻ đối với mình vô-lễ. Dương Nga hàng ngày ở trong tửu-điếm ngồi bán hàng, trang-sức mọi vẻ, nùng-đạm thực đã sứng-đáng đắc-nghi, kẻ trông thấy chẳng ai là chẳng kinh-dị là tuyệt-sắc.

Lúc ấy bộ-hạ Tam-Quế nhiều hạng khinh-bạc thiếu-niên, vả lại việc binh đã nghỉ, lương-bổng có thừa, hàng ngày vô-sự, chỉ mặc áo đẹp, đeo gươm cưỡi ngựa, giong-ruổi đi ăn chơi, thấy Dương Nga đẹp lạ, hàng ngày vào uống rượu ở trong điếm, đua nhau trêu cợt. Dương-Nga lại muốn cho Tam-Quế biết mình là có võ-thuật. Một hôm có một hai chàng thiếu-niên quân-sĩ uống rượu say đối với Dương Nga làm bộ trêu-cợt. Dương Nga tức-khắc giơ cánh tay ngọc, xách một hai chàng ấy bỏ vào trong chum, đem nước nóng rội ngoài. Lũ thiếu-niên quân-sĩ khác thấy thế, tức-khắc kéo ùa vào cầm binh-khí chiến-đấu với Dương Nga, Dương-Nga không khiếp sợ chút nào, nhảy thoát ra một cái, đứng ở giữa đường. Lũ thiếu-niên lại đến vây đánh. Dương Nga lại nhảy thoát ra ngoài vòng vây. Bọn thiếu-niên tung-hoành xúm đánh. Dương Nga cướp được binh-khí của bọn thiếu-niên, mới giở nghề võ ra, kẻ đối-địch chẳng ai là chẳng thua chạy. Lũ thiếu-niên lại reo hò. Dương Nga nói rằng các ngươi không sợ chết đó. Dương Nga liền phất tay áo, xông đến tận nơi đánh đứ cho một loạt, khiến kẻ nào kẻ ấy đều bị sây đầu sứt trán bị đau mà đi. Tự đấy Dương Nga đối với lũ thiếu-niên khinh-bạc, đều chính-sắc cự-tuyệt không cho vào điếm. Lũ thiếu-niên cũng biết mình, không dám xâm-phạm. Lúc ấy tiếng Dương Nga đã xôn-xao cả một thời, Quả-nhiên Ngô Tam-Quế nghe tiếng, than rằng đàn bà đâu có đàn bà ấy. Tức-khắc muốn lấy làm vợ, thoạt tiên sai người đến tỏ ý với Dương Nga. Dương Nga cả mừng, nghĩ thầm rằng ta phen này quyết định bắc-chước ả Tây-Thi dùng kế làm hại Ngô-vương Phù-Sai, nếu kế ấy mà thành thì cũng là ta báo thù được cho vua cũ nước ta trong phần vạn-nhất. Dương Nga lập-tức tỏ ý thuận-nguyện. Chẳng ngờ ngay ngày hôm sau, Dương Nga liền đắc-bệnh, chẳng bao lâu bệnh nặng mà chết. Tam-Quế nghe tin, thương tiếc vô-cùng, tức-khắc sai người chuẩn bị lễ-vật đi ra viếng tế lại hậu cấp cho tiền tống-táng. Trông ra thì mắt không nhắm, mà sắc mặt vẫn còn như lúc sống. Người Vân-nam đều tỏ lòng thương tiếc ái-mộ, có nhiều người đi đến viếng tế.

(*Còn nữa*)

Tùng-Vân *dịch*

# VĂN - UYỂN

## Le Premier Regret

Sur la plage sonore où la mer de Sorrente
Déroule ses flots bleus aux pieds de l'oranger,
Il est près du sentier, sous la haie odorante,
Une pierre petite, étroite, indifférente
Aux pas distraits de l'étranger.
La giroflée y cache un seul nom sous ses gerbes,
Un nom que nul écho n'a jamais répété,
Quelquefois seulement le passant arrêté,
Lisant l'âge et la date en écartant les herbes,
Et sentant dans ses yeux quelques larmes courir,
Dit : « Elle avait seize ans : c'est bien tôt pour mourir,

⁂

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées?
Laissons le vent gémir et le flot murmurer ;
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées ;
Je veux rêver et non pleurer.

⁂

Dit : « Elle avait seize ans. » Oui, seize ans et cet âge,
N'avait jamais brillé sur un front plus charmant,
Et jamais tout l'éclat de ce brûlant rivage,
Ne s'était réfléchi dans un œil plus aimant!
Moi seul je la revois, telle que la pensée
Dans l'âme, où rien ne meurt, vivante l'a laissée,
Vivante comme à l'heure où, les yeux sur les miens,
Prolongeant sur la mer nos premiers entretiens,
Ses cheveux noirs livrés au vent qui les dénoue,
Et l'ombre de la voile errante sur sa joue,
Elle écoutait le chant du nocturne pêcheur,
De la brise embaumée aspirait la fraîcheur,
Me montrait dans le ciel la lune épanouie
Comme une fleur des nuits dont l'aube est réjouie,
Et l'écume argentée, et me disait : « Pourquoi

## Mối tiếc thương lần đầu

*Biển xa lớp lớp ngọn triều,*
*Sóng còn xanh biếc tiếng reo vang ầm.*
*Nhìn dưới giậu hoa cam bên ngõ,*
*Có mảnh bia nho nhỏ nằm trơ ;*
*Vô-tình đá đã thờ-ơ,*
*Lạ-lùng khách cũng hững-hờ bước chân.*
*Hoa phủ đá hàng trên đã lấp,*
*Chẳng còn ai buồn nhắc tên xưa ?*
*Khách du họa có bao giờ,*
*Dừng chân, rẽ cỏ, xem qua chữ đề.*
*Tất cũng phải làm-li giọt ngọc,*
*Khóc than cho Tạo-vật vô-tình :*
*« Hoa kia đôi tám xuân-xanh,*
*Cớ sao đã vội lìa cành thế ru ! »*

⁂

*Sao lại cứ vẩn-vơ truyện cũ ?*
*Lặng yên cho sóng gió kêu than ;*
*Mạch sầu lai-láng khôn hàn,*
*Muốn đem mộng cũ giẹp hàng lệ xa !*

⁂

*Tuổi đôi tám xuân vừa đương độ,*
*Nhìn dung-quang hớn-hở lạ nhường;*
*Xanh xanh kia ngấn nước dương,*
*Khóe tươi ai nhuộm, mầu gương ai lồng!*
*Hình-ảnh ấy ghi trong tấc dạ,*
*Còn y-nhiên, biết thủa nào quên !*
*Nhớ khi mặt biển con thuyền,*
*Mắt trông đôi mắt, nặng nguyền tri giao.*
*Lần tóc mây bay theo ngọn gió,*
*Ánh buồm lay bên má chập-chừng ;*
*Hóng làm gió thoảng mùi hương,*
*Lặng nghe ngư-phủ đêm trường giọng ca.*
*Kia vầng nguyệt như hoa hớn-hở,*
*Nọ sóng còn sáng tựa mầu ngân;*
*Trỏ tay nàng hỏi lần-ngần :*
*« Cảnh này tình ấy sáng dần lại đâu ?*
*« Khoảng trời xanh trăng sao tua-tủa,*
*« Bãi cát vàng sóng vỗ lửng-lơ;*
*« Rung rinh núi ngất mây mờ,*

Tout brille ainsi dans les airs et dans moi ?
Jamais ces champs d'azur semés de tant de flammes,
Jamais ces sables d'or où vont mourir les lames,
Ces monts dont les sommets tremblent au fond des cieux,
Ces golfes couronnés de bois silencieux,
Ces lueurs sur la côte et ces chants sur les vagues,
N'avaient ému mes sens de voluptés si vagues ;
Pourquoi, comme ce soir, n'ai-je jamais rêvé ?
Un astre dans mon cœur s'est-il aussi levé ?
Et toi, fils du matin, dis, à ces nuits si belles,
Les nuits de ton pays, sans moi, ressemblaient-elles ?
Puis, regardant sa mère, assise auprès de nous,
Posait, pour s'endormir, son front sur ses genoux,

* * *

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?
Laissons le vent gémir et le flot murmurer;
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées ;
Je veux rêver et non pleurer.

* * *

Que son œil était pur et sa lèvre candide !
Que son ciel inondait son âme de clarté !
Le beau lac de Nemi, qu'aucun souffle ne ride
A moins de transparence et de limpidité.
Dans cette âme, avant elle, on voyait ses pensées ;
Ses paupières, jamais sur ses beaux yeux baissées,
Ne voilaient son regard d'innocence rempli ;
Nul souci sur son front n'avait laissé son pli ;
Tout folâtrait en elle : et ce jeune sourire,
Qui plus tard, sur la bouche, avec tristesse expire,
Sur sa lèvre entr'ouverte était toujours flottant,
Comme un pur arc-en-ciel sur un jour éclatant.
Nulle ombre ne voilait ce ravissant visage,
Ce rayon n'avait pas traversé de nuage.
Son pas insouciant, indécis, balancé,
Flottait comme un flot libre où le jour est bercé,

« *Vịnh sâu, rừng thẳm, đèn xa, nước [gần;*
« *Khắp mọi vật như tăng mối cảm,*
« *Giục lòng này như tỉnh như mơ!*
« *Chiều nay hỏi lại từ xưa,*
« *Giấc mơ sao mới bây giờ là đây ?*
« *Hay lòng thiếp có ngôi tinh-tú,*
« *Mới soi cho sáng tỏ tưng-bừng;*
« *Chàng ơi, vắng thiếp vừ chăng*
« *Có đêm nào vì đẹp dường đêm nay?* »
*Nàng nói đoạn ngẩng đôi mắt [phượng,*
*Nhìn mẫu-tử tỏ dáng yêu-đương;*
*Rồi nàng tựa gối mơ-màng,*
*Bâng-khuâng giấc điệp, dịu-dàng nét [hoa.*

∴

*Sao lại cứ vẩn-vơ truyện cũ,*
*Lặng yên cho sóng gió kêu than;*
*Mạch sầu lai-láng khôn hàn,*
*Muốn đem mộng cũ giẹp hàng lệ xa!*

∴

*Cặp môi thắm khéo ngây thơ nét,*
*Đôi mắt xanh trong vắt như gương;*
*Như soi tỏ tấm can-trường,*
*Hồ Nê sóng lặng cũng nhường mấy [thanh!*
*Vẻ kiều-diễm tâm-tình dễ lộ,*
*Khóe thu-ba như tỏ lòng trinh;*
*Dung-nhan đượm vẻ hữu-tình,*
*Mối ưu-tư chẳng để hình ngăn giãn.*
*Nụ cười lúc từ-trần thắm-đạm,*
*Nay hé môi tưởng đám mây lồng.*
*Khuôn trăng như áng gương trong,*
*Gót sen nhẻ-nhẹ như dòng nước sa.*
*Tiếng oanh vàng như ca như hát,*
*Thanh-cao thay, khúc nhạc hữu-tình!*
*Tâm-hồn theo điệu thanh-bình,*

On courait pour courir ; et sa voix argentine,
Echo limpide et pur de son âme enfantine,
Musique de cette âme où tout semblait chanter,
Egayait jusqu'à l'air qui l'entendait monter.

⁂

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?
Laissons le vent gémir et le flot murmurer,
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées ;
Je veux rêver et non pleurer.

⁂

Mon image en son cœur se grava la première,
Comme dans l'œil qui s'ouvre, au matin, la lumière ;
Elle ne regarda plus rien après ce jour :
De l'heure qu'elle aima, l'univers fut amour !
Elle me confondait avec sa propre vie,
Voyait tout dans son âme et je faisais partie
De ce monde enchanté qui flottait sous ces yeux,
Du bonheur de la terre et de l'espoir des cieux.
Elle ne pensait plus au temps, à la distance,
L'heure seule absorbait toute son existence ;
Avant moi cette vie était sans souvenir.
Un soir de ces beaux jours était tout l'avenir,
Elle se confiait à la douce nature
Qui souriait sur nous, à la prière pure
Qu'elle allait, le cœur plein de joie et non de pleurs,
A l'autel qu'elle aimait répandre avec ses fleurs ;
Et sa main m'entraînait aux marches de son temple,
Et, comme un humble enfant, je suivais son exemple,
Et sa voix me disait tout bas : « Prie avec moi,
« Car je ne comprends pas le ciel même, sans toi ! »

⁂

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?
Laissons le vent gémir et le flot murmurer,
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées ;
Je veux rêver et non pleurer.

*Họa cùng mây gió, khiến mình ngẩn-ngơ !*

⁂

*Sao lại cứ vẩn-vơ truyện cũ ?*
*Lặng yên cho sóng gió kêu than ;*
*Mạch sầu lai-láng khôn hàn,*
*Muốn đem mộng cũ giẹp hàng lệ xa !*

⁂

*Nhớ từ thủa thu-ba gợn sóng,*
*Chỉ riêng in một bóng người tình ;*
*Khác nào trong buổi lê minh,*
*Vừa bừng mắt đã in hình thái-dương !*
*Ngoài ra nữa, coi thường chẳng đoái,*
*Đứng riêng ra thế-giới chung-tình ;*
*Cùng nhau kết bạn đồng-thanh,*
*Cuộc truy-hoan chỉ riêng mình với ta !*
*Cõi nhân-thế cùng chia hạnh-phúc,*
*Chốn thiên-đường hi-vọng san đôi ;*
*Kể chi ngày vắn đường dài,*
*Ái-tình cuộc ấy là đời đôi ta !*
*Khi chửa gặp xót-sa thân-thế,*
*Nỗi nhạt-suông sá kể cùng ai ;*
*Suy cho đến cuộc tương lai,*
*Cái đời nàng cũng là đời tối-tăm !*
*Nay kết giải đồng-tâm khăng-khít,*
*Cánh hoa kia phó mặc thợ trời ;*
*Thường khi khoan-khoái vui cười,*
*Đem hoa rải-rắc ở nơi nhà thờ.*
*Đến trước điện dắt ta qui xuống,*
*Tựa trẻ thơ ta cũng theo nàng ;*
*Ghé tai nàng sẽ dịu-dàng :*
*« Một lời cầu-nguyện thiếp chàng cùng nhau !*
*Không có chàng thiếp sao ngơ-ngẩn,*
*Tưởng trời kia cũng chẳng tin nào ! »*
*Lạ thay : trong lúc tâm-giao,*
*Trăm điều nàng chỉ trông vào một ta.*

⁂

*Sao lại cứ vẩn-vơ truyện cũ ?*
*Lặng yên cho sóng gió kêu than ;*
*Mạch sầu lai-láng khôn hàn,*
*Muốn đem mộng cũ giẹp hàng lệ xa !*

∴

Voyez, dans son bassin, l'eau d'une source vive,
S'arrondir comme un lac sous son étroite rive,
Bleue et claire, à l'abri du vent qui va courir,
Et du rayon brûlant qui pourrait la tarir :
Un cygne blanc naseant sur la nappe limpide,
En y plongeant son cou qu'enveloppe la ride,
Orne sans le ternir le liquide miroir,
Et s'y berce au milieu des étoiles du soir ;
Mais si, prenant son vol vers des sources nouvelles,
Il bat le flot tremblant de ses humides ailes,
Le ciel s'efface au sein de l'onde qui bruni,
La plume à grands flocons y tombe et la ternit,
Comme si, le vautour, ennemi de sa race,
De sa mort, sur les flots, avait semé la trace ;
Et l'azur éclatant de ce lac enchanté
N'est plus qu'une onde obscure où le sable a monté.
Ainsi, quand je partis, tout trembla dans cette âme,
Le rayon s'éteignit, et sa mourante flamme
Remonta dans le ciel pour n'en plus revenir ;
Elle n'attendit pas un second avenir ;
Elle ne languit pas de doute en espérance,
Et ne disputa pas sa vie à la souffrance ;
Elle but d'un seul trait le vase de douleur,
Dans sa première larme elle noya son cœur ;
Et, semblable à l'oiseau, moins pur et moins beau qu'elle,
Qui le soir, pour dormir, met son cou sous son aile,
Elle s'enveloppa d'un muet désespoir,
Et s'endormit aussi ; mais, helas ; loin du soir !

∴

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?
Laissons le vent gémir et le flot murmurer,
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées :
Je veux rêver et non pleurer.

∴

Elle a dormi quinze ans dans sa couche d'argile,
Et rien ne pleure plus sur son dernier asile ;
Et le rapide oubli, second linceul des morts,

∴

*Kia suối nước chảy ra thành vũng,*
*Tròn soe soe khéo giống hồ băng ;*
*Gió yên nước vẫn thăng-bằng,*
*Nắng không soi đến nước hằng không [vời :*
*Con thiên-nga đương bơi đương lội,*
*Nước trùm đầu còn nổi ngẩn ra ;*
*Sao soi, nước lặng, đêm tà,*
*Hồ gương trang điểm thiên nga mới tình!*
*Thiên-nga bỗng thình-lình vỗ cánh,*
*Chực tìm nơi lạc-cảnh mà chơi ;*
*Than ôi ! mây nước kia ơi !*
*Nước u-ám nổi, mây tơi-tả nhường !*
*Mảnh lông trắng còn vương lại đó,*
*Vết thiên-nga gieo rõ rành-rành.*
*Khác nào chim cắt đành-hanh,*
*Giết thiên-nga lại còn dành vết thương!*
*Cảnh hồ trước rỡ-ràng như vẽ,*
*Nay tối-tăm nước để bùn phai!*
*Giã nàng ta bước chân ra,*
*Khiến nàng lòng rối, tơ chia đoạn sầu.*
*Vầng thái-dương rầu-rầu ánh sáng,*
*Bóng dần tà, rồi lặn phương tây;*
*Chót vì đàn đã đứt giây,*
*Âu đành đập vỡ, chẳng thay đổi đàn !*
*Chẳng còn chịu tơ vương đeo-đẳng,*
*Mối đoạn-trường cắt chẳng hề đau!*
*Đắng cay cỗ rốc chén sầu,*
*Khối tình đem tắm giòng châu mới là !*
*Rồi cũng tựa thiên-nga thủa nọ,*
*Buổi tà-huy gục cổ ngủ yên ;*
*Thương nàng chút phận thuyền- [quyên,*
*Vội đem thất-vọng, lánh miền minh-ti !*

∴

*Sao lại cứ vẩn-vơ truyện cũ ?*
*Lặng yên cho sóng gió kêu than ;*
*Mạch sầu lai-láng khôn hàn,*
*Muốn đem mộng cũ giẹp hàng lệ xa !*

∴

*Mười lăm năm cánh hoa vùi đất,*
*Chốn hoàng-lâu lặng ngắt lời than;*
*Lối vào đời đã sớm quên,*
*Đời quên tựa vải liệm thêm một lần.*
*Đá đã lấp, ai thăm, ai viếng,*

A couvert le sentier qui menait vers ces bords ;
Nul ne visite plus cette pierre effacée,
Nul n'y songe et n'y prie, excepté ma pensée.
Quand, remontant le flot de mes jours révolus,
Je demande à mon cœur tous ceux qui n'y sont plus,
Et que, les yeux flottants sur de chères empreintes,
Je pleure dans mon ciel tant d'étoiles éteintes,
Elle fut la première, et sa douce lueur,
D'un jour pieux et tendre éclaire encor mon cœur,

* * *

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?
Laissons le vent gémir et le flot murmurer,
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées :
Je veux rêver et non pleurer.

* * *

Un arbuste épineux à la pâle verdure,
Est le seul monument que lui fit la nature ;
Battu des vents de mer, du soleil calciné,
Comme un regret funèbre au cœur enraciné,
Il vit dans le rochar sans lui donner d'ombre ;
La poudre du chemin y blanchit son feuillage ;
Il pousse près de terre, où ses rameaux penchés,
Par la dent des chevreaux sont toujours retranchés ;
Une fleur au printemps, comme un flocon de neige,
Y flotte un jour ou deux ; mais le vent qui l'assiège,
L'effeuille avant qu'elle ait répandu son odeur,
Comme la vie avant qu'elle ait charmé le cœur ;
Un oiseau de tendresse et de mélancolie,
S'y pose pour chanter sur le rameau qui plie ;
Oh : dis, fleur que la vie a fait si tôt fletrir,
N'est-il pas une terre où tout doit refleurir ?

* * *

Remontez, remontez à ces heures passées ;
Vos tristes souvenirs m'aident à soupirer ;
Allez où va mon âme, allez, ô mes pensées ;
Mon cœur est plein, je veux pleurer.

LAMARTINE

*Ai cầu nguyện, ai tưởng đến ai;*
*Riêng ta tấc dạ ai-hoài,*
*Trông xuân theo lớp sóng vài tiếc [xuân.*
*Vết tình xưa chập-chờn trước [mắt,*
*Cõi tâm-thiên sao lặn mịt-mờ;*
*Êm-đềm chiếu rạng lòng ta,*
*Ngôi sao thứ nhất chẳng là nàng [ru ?*

∴

*Sao lại cứ vẩn-vơ truyện cũ,*
*Lặng yên cho sóng gió kêu than.*
*Mạch sầu lai-láng khôn hàn,*
*Muốn đem mộng cũ giẹp hàng lệ xa !*

∴

*Một cây gai lờ mờ sắc lá,*
*Ấy trời xanh xây mả hồng-nhan ;*
*Nắng thiêu, gió biển đập tràn,*
*Đồi không bóng mát rễ lan khắp đồi.*
*Cây với đồi, tình ơi lòng hỡi !*
*Hạnh-phúc đâu? dư mối tiếc thương!*
*Lá cây trắng sóa bụi đường,*
*Cành cây rủ đất, chán-chường dê ăn.*
*Trắng như tuyết, hoa xuân một đóa,*
*Được đôi hôm hớn-hở trên cành ;*
*Hương thơm chưa kịp phát-sinh,*
*Thương ôi ! gió đã vô-tình bẻ hoa !*
*Ngẫm cuộc thế khác chi làn gió,*
*Hạnh-phúc kia chưa tụ đã tan ;*
*Hầu cành chim đậu hót ran,*
*Khéo rầu-rĩ tiếng, cho tan-nát lòng !*
*Ngao-ngán nhẽ hóa-công sao nỡ,*
*Cho đời hoa sớm nở tối tàn ?*
*Hỏi hoa trong chốn không-gian,*
*Có chăng cõi đất hoa tàn lại tươi ?...*

∴

*Càng nhắc lại khắc vui ngày cũ,*
*Càng khiến người ngậm thở ngùi [than !*
*Mạch sầu trăm mối chứa-chan,*
*Lòng tơ thổn-thức, hai hàng châu sa !*

PHÙNG TẤT-ĐẮC *dịch*

# THỜI-ĐÀM

## Việc thế-giới

**Thời-cục nước Tàu.** — *Gần đây nước Tàu cái chính-sách thống-nhất và tập-quyền đã thấy tiến-bộ nhiều lắm. Tỉnh Hồ-bắc tổ chức đã xong, từ nay tỉnh ấy đã do chính-phủ Nam-kinh trực-tiếp kiểm-soát. Tình-thế việc ngoại-giao đã thấy khá hơn dần dần, Nhật Hoa điều-đình đã thấy giải-quyết xong các công việc dở-dang.*

*Còn việc chiến-tranh của Quảng-đông với Quảng-tây ở trên Tây-giang thì hình như đã dẹp yên. Quân Quảng-tây đã thua hẳn, các tướng khởi-nghịch đã chạy trốn tan nát. Quân Quảng-đông đã hạ-lệnh rằng : 1) Nếu ai bắn chết hay bắt sống được Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hy, mỗi tên sẽ được thưởng ba vạn đồng ; 2) Nếu ai bắn chết hay bắt sống được Hoàng Thiệu-Hùng được thưởng hai vạn đồng.*

*Nếu đã dẹp yên được các tướng bạn-nghịch trên này thì vùng Lưỡng-Quảng rồi cũng ở dưới quyền thống-nhất. Song ở Quảng-châu gần đây lại có tin rằng Trần Tế-Bường và Trần Minh-Khu chia rẽ nhau, thì ở Quảng-châu lại náo-động.*

*Cái bể Tàu mênh-mông kia lớp sóng này chưa yên, lớp sóng kia đã khởi, vẫn thường nổi lên những cơn giông-tố chiến-tranh luôn, chưa biết ngày nào đã yên hẳn.*

*Việc Phùng Tưởng xung-đột với nhau theo như điện tín hằng ngày, thì mỗi lúc một khác.*

*Phùng Ngọc-Tường có điện cho Tưởng Giới-Thạch nói rằng : Phùng không đến Nam-kinh thương-nghị vớ Tưởng vì cái số-phận của Lý Tế-Thâm thực là một bài học hay cho Phùng. Phùng lại nói cuộc hội-nghị mới rồi về việc bãi binh, chẳng qua một việc giả-dối. Phùng hỏi tại làm sao lại họp quân ở Hà-nam để đánh Phùng.*

*Tưởng Giới-Thạch liền điện khuyên Phùng đừng nghe các tì-tướng xui bẩy.*

*Các tướng bộ-hạ của Phùng hiện chia làm hai phái, phái chủ-chiến là bọn Trương Chi-Giang ở Trịnh-châu, phái chủ-hòa là bọn Hàn Phục-Cừ ở đường Bình Hán.*

*Có tin ở Khai phong nói rằng Phùng Ngọc-Tường ở Trịnh-châu đã ra lời bố-cáo đánh Tưởng. Cùng ký tên vào tờ bố-cáo ấy, có bọn Hàn Phục-Cừ, Tôn Lương-Thành tất cả là 18 người. Đại-ý kể tội Tưởng là lấy đảng làm cơ-quan riêng, chuyên quyền độc-đoán, cam chịu sự ngoại-giao làm nhục cho nước, thực là công-địch của đảng-quốc vậy.*

*Lại có tin hai mươi tám vị trưởng-quan thuộc bộ-hạ quân Phùng liên-danh phát-biểu lời tuyên-ngôn, công-kích Tưởng Giới-Thạch và yêu-cầu Tưởng từ-chức để tạ quốc-dân. Bọn ấy lại xin Phùng mang quân đánh Tưởng. Lời tuyên-ngôn ấy không khác gì tuyên-chiến với Tưởng Giới-Thạch.*

*Quân chủ-lực của Phùng hiện họp cả ở Lạc-dương. Ngoài ra Phùng lại cử Thạch Hữu-Tam mang một sư-đoàn đến đóng ở Lão-hà-khẩu, Hàn Phục-Cừ đến đóng ở Tín-dương và Vũ-thắng-quan.*

*Phùng Ngọc-Tường có gửi điện-tín cho ngoại-giao-đoàn ở Bắc-kinh và các lãnh-sự ở Thượng-hải nói rằng từ khi cuộc hội-nghị thứ ba của quốc-dân-đảng phạm đến các tôn-chỉ của bản-đảng, thì chính-phủ Nam-kinh không hợp luật-pháp nữa. Phùng tự-xưng là thống-tướng binh-gia cứu-quốc và xin liệt-quốc giữ thái-độ trung-lập trong khi Phùng cạnh-tranh với Chính-phủ Nam-kinh. Phùng nói Phùng công-nhận các số tiền của chính-phủ hiện-thời vay, và các giao-ước của chính phủ hiện-thời ký để mua súng đạn và cam-đoan bảo-hộ sinh-mệnh tài-sản người ngoại-quốc.*

*Sau lại có tin Phùng Ngọc-Tường từ Hoa-âm gửi thông-điện đi các nơi nói rằng :*

*« Ngọc-Tường theo đòi trong đám hàng ngũ đã ba chục năm nay. Từ năm tân-hợi, quân cách-mệnh khởi-nghĩa ở Loan-châu, trong khoảng 18 năm trời, nào khi đánh đổ họ Viên, nào lúc hội-sự bắc-phạt, đều có nối gót theo chân các bậc tiền-tiến, đem tính-mệnh gửi trước mũi tên hòn đạn, để mua lấy tự-do bình-đẳng, thực-hiện chủ-nghĩa tam-dân, vì đại-đa-số đồng-bào mưu lấy hạnh-phúc, dầu sống thác cũng không dám quản.*

*« Năm ngoái việc bắc-phạt thành-công, đại-cục vừa định, toàn-quốc ai cũng mong-mỏi hòa-bình, tưởng rằng giáo-nghĩa của tiên-tổng-lý có thể lần-lượt thực-hành ra được.*

*« Không ngờ đầu xuân năm nay lại xảy ra cuộc chiến-tranh. Vũ-Hán vừa êm, Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam, Tứ-xuyên lại sinh ra rắc-rối. Ngọc-Tường nằm dưỡng-bệnh ở Hoa-sơn, lòng nơm-nớp sợ nước nguy dân khốn, rất không nên có sự nội-chiến, cho chóng diệt-vong. Thế mà anh em không lượng cái khổ-trung, lại thêm lắm tiếng gièm pha, điều này tiếng khác.*

*« Song Ngọc-Tường đã hứa thân về cách-mệnh, dầu thế nào cũng không kể, nếu có lợi cho đảng-quốc, ích cho nhân-dân, cũng xin ẩn-nhẫn lui nhường, chỉ đối với lương-tâm là đủ, quyết không nỡ làm cho đại-cục tan nát phân chia !*

*« Vậy nay xin từ chức, để tạ đồng-bào, kể từ ngày 27 Mai trở đi phàm những văn-điện các nơi, đều không thu nhận, từ nay vào ẩn trong núi để xem sách, làm một thằng dân đời thái-bình, thế là tục-nguyện, vậy các ngài thức-giả trong nước, cao-minh xin lượng xét cho. »*

*Tưởng Giới Thạch có triệu-tập các yếu-nhân lại để bàn cách ứng-phó với Phùng.*

*Các yếu-nhân trong chính phủ Quốc-dân bàn về việc đánh Phùng, Hồ Hán-Dân lấy cớ là Phùng không phục chính-phủ trung-ương, phản-đối việc đánh Quảng-tây ; Tôn Khoa lấy cớ là Phùng chiếm giữ các toa xe hỏa, ngăn-trở việc giao-thông ; Hà Ứng-Khâm bàn nên đem quân đến miền tây-bắc, giải trừ sự thống-khổ của nhân-dân.*

*Hồ Hán-Dân lại nói rằng quân Phùng bắn phá hai đường giao-thông Bình-hán, Lũng-hải, như vậy Phùng thực là có lỗi. Vả hiện nay phái quân-phiệt đã đổ, không để cho quân-phiệt khác lại sản-sinh ra nữa. Trung-quốc đã có cục-diện thống-nhất, không để cho lại thành ra chế-độ liên-tỉnh tự-trị nữa.*

*Tưởng Giới-Thạch có diễn-thuyết trong cuộc kỷ-niệm chu-niên của chính-phủ quốc-dân, đại-ý nói rằng: « Lần này quân Phùng phá-hoại đường giao-thông Bình-hán, Lũng-hải, tình-hình nghiêm-trọng không còn giấu được nữa. Lưu Ức-Phần có thông-điện tổ-chức đạo quân hộ-đảng cứu-quốc, cử Phùng Ngọc-Tường làm chức tổng-tư-lệnh và trách-bị chính-phủ trung-ương mấy điều : Một là việc ngoại-giao bán nước, hai là hội quân-quốc đại-biểu*

thứ ba không hợp phép ; ba là dùng người không đảng, đều chú-trọng trên mình Trung-chính rày, cầu ta phải từ-chức, nếu không thì sẽ thống-suất 50 vạn quân đánh chính-phủ trung-ương. Điện ấy Phùng chưa ký tên. Trung-ương đã điện cho Phùng phải tra xét việc ấy, nhưng chưa thấy Phùng trả lời. Lại nghe mặt tây-bắc cùng Lý Tôn-Nhân có liên-lạc, nhưng Lý đã là bạn-nghịch không cần phải nói đến hắn, chứ như Phùng thì không đến nỗi thế, nhưng bộ-hạ của hắn làm càn thì hắn phải chịu trách-nhiệm. Lần này phá-hoại đường giao-thông, làm cái việc đảng cộng-sản không làm, chính-phủ trung-ương lấy sự hòa-bình thống-nhất làm chủ, bất-cứ kẻ phản-động nào cũng đều không sợ cả, theo sự kinh-nghiệm về lịch-sử, phái phản-động và bọn quân-phiệt bất-cứ bọn nào đều phải lập-tức tiêu-diệt cả, chính-phủ trung-ương phải lấy chủ-nghĩa mà chinh-phục những kẻ ấy »

Bộ tuyên-truyền của đảng-bộ trung-ương có phát-biểu cái nguyên-nhân phải đánh Phùng, kể mười tội của Phùng như sau này :

1º Phá đường ngăn-trở lễ phụng-an, ngỗ-nghịch với Tiên-tổng-lý ;

2º Tự-tiện điều-động quân-đội ;

3º Câu-kết quân-phiệt Quảng-tây ;

4º Tham lấy mỗi tháng 500 vạn lư-bố (đồng bạc của Nga) và số khí-giới của Nga, cùng nước Nga định điều-ước đoạn-tống vứt Ngoại-Mông ;

5º Bao-dung đảng cộng-sản cho lẩn vào các nơi mưu loạn.

6º Luôn năm cưỡng-bách nhân dân miền tây-bắc phải giồng giống thóc không hợp thổ-nghi, quan-lại bắt dân phải bán thuốc phiện, vì vậy nên lương ăn thiếu-thốn, gây nên sự đói kém, lại mượn cớ cứu nạn-dân để lấy tiền ;

7º Trái cái án quyết-nghị của hội biên-khiển;

8º Không theo chế-độ quốc-dân-quân;

9º Riêng tự dời kinh, cuốn gói hết các công-vật mang đi ;

10º Tính hay đối-đá, đối người trách-vọng như thánh-hiền, đối với bạn âm-phỏng như thù-địch, đối bộ-thuộc coi như nô lệ.

Tưởng Giới-Thạch có thông-điện hiểu-dụ tướng-lĩnh tập đoàn quân thứ hai, hết sức công-kích sự bạn-nghịch của Phùng Ngọc-Tường, nói Phùng là người âm-hiểm giảo-trá, giảo-giở không thường, cả nước cùng ghét. Nay chính-phủ trung-ương đã tước hết đẳng-tịch của Phùng, hạ-lệnh nã bắt, nhưng chỉ hạn một mình Phùng, còn các tướng-sĩ nên bỏ nghịch theo thuận, để làm cho xong cái công-việc cách-mệnh.

Tưởng Giới-Thạch có mở một cuộc hội-nghị tại Nam-kinh bàn về việc đối-phó với Phùng đã quyết định hạ lệnh thảo-phạt, đem tổng-bộ dời đến Từ-châu, cùng Hà Ứng-Khâm, Lưu Trĩ, Diêm Tích-Sơn, Trương Học-Lương, Đường Sinh-Trí, Phương Chấn-Võ, Trần Điều-Nguyên, Hà Thành-Tuấn, Lưu Trấn-Hoa cùng hô-ứng, muốn chỉ một chuyến mà bình được Hà-nam. Đạo lệnh thảo-phạt đợi sau khi Tôn Khoa trở về Nam-kinh rồi mới phát biểu.

Đạo quân Hưu-Trĩ hiện đang tiến đến Tín-dương.

Các báo ở Bắc-bình từ ngày 19 Mai đã đổi gọi quân Phùng là quân nghịch-tặc.

Lại có tin rằng Phùng Tường thế sắp khai-chiến, quân-đội hai bên đã điều-động khắp nơi. Trương Học-Lương cũng mang năm vạn quân Phùng vào cửa quan, đóng ở một giải Đương sơn ; Đường Sinh-Trí cũng đã mang quân-đội đến phía tây-bắc Sơn-đông để dự-bị đánh Phùng Ngọc-Tường.

Lính cảnh sát Trung-hoa ở Cáp-nhĩ-tân có đến khám xét quán lãnh-sự Nga, bắt được nhiều giấy-má trọng-yếu và

*khí-giới, bắt viên lãnh-sự Nga và viên phó Kinh-lý đường Trung-đông cùng hơn 70 người làm ở trong quán lãnh-sự. Nghe đâu việc ấy có quan-hệ đến việc đường Trung-đông. Lại có tin nói Phùng Ngọc-Tường cùng chính-phủ Nga có mật-ước, cho nên các nhà đương cục dùng cái chính-sách cương-quyết, tìm chứng bắt người. Việc ấy có ảnh-hưởng đến việc Trung Nga giao-thiệp rất to.*

*Lại có tin rằng cái kế-hoạch thông với nước Nga của Phùng như sau này:*

*1º Theo ý-chỉ của chính-phủ Nga, đem ba tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc, Tân-cương thoát-ly nước Trung-hoa và nhận Hồi-giáo làm nước độc-lập.*

*2º Sau khi lui binh bắn phá hết các đường hang núi từ Đồng-quan đến Lục-dương.*

*3º Đặt một đồn vô-tuyến ở Bình-quảng để thông tin-tức, nghe đâu có đặt một bộ máy tiếp tin ở quán lãnh-sự Nga.*

*Trong khi khám xét bộ lãnh-sự Nga ở Cáp-nhĩ-tân có bắt được:*

*1º Một cái chương-trình làm cho Mãn-châu theo chủ-nghĩa quá-khích;*

*2º Một cái chương-trình nhủ-trợ Phùng Ngọc-Tường;*

*3º Một bản dự-án về việc quân cộng-sản quấy-rối ở đường cương-giới của Nga với Trung-hoa để ngăn cản cho chính-phủ Phụng-thiên khỏi mang viện-binh đến giúp cho Tưởng Giới-Thạch.*

*Có tin rằng cứ như những văn-kiện bí-mật của Phùng mà người ta mới tra xét ra được, trong có một cái mật-ước của Phùng ngầm đính với Uông Tinh-Vệ, do Uông giới-thiệu Phùng mua một số khí-giới lớn của hai nước Đức, Nga, hết sức tiến-hành việc quân-bị, đợi sau khi đã đạt tới cái mục-đích đảo Tưởng, do Phùng đảm-nhiệm việc quân, Uông đảm-nhiệm việc chính-trị.*

*Những người tỉnh Hà-nam ở Nam-kinh có mở một cuộc hội-nghị kể bốn tội Phùng Ngọc-Tường như sau này:*

*1º Lấy khoản tiền chẩn-cứu cho nạn-dân đem mua khí-giới;*

*2º Chiếm số gạo chẩn làm lương quân;*

*3º Lấy hết lương ăn của dân đem về chứa ở Thiểm-tây;*

*4º Đánh thuế nặng làm tuyệt sinh-lộ của dân. Trình xin chính-phủ trung-ương hạ lệnh thảo-phạt.*

*Thị-đảng bộ Giang-ninh trình xin chính-phủ hạ lệnh đánh Phùng là người trái đảng phản nước.*

*Lại các tướng-lĩnh ở Tứ-xuyên là bọn Lưu-Tương, Lưu Văn-Huy cùng nhau liên-danh gửi điện về kinh-sư, kể tội-trạng Phùng Ngọc-Tường, xin chính-phủ trung-ương hạ-lệnh thảo-phạt.*

Diêm Tích-Sơn khuyên Phùng cùng xuất-dương. — *Diêm-Tích-Sơn có gửi điện cho Phùng nói rằng tiểu-đệ bấy lâu vẫn có lòng quả-quyết sẽ có một phen đi du-lịch các nước ngoài, nếu lại được cùng đại-huynh cùng đi, thì còn gì hay bằng. Anh em mình lập-tức từ chức, lấy lễ-nhượng đổi can-qua, há những may cho anh em mình, lại may cho nước nhà nữa. Tiểu-đệ đã quyết định ngày trở về làng, thu xếp việc phụng-dưỡng cha già cho được ổn-thỏa, rồi lập-tức mang gia-quyến đến Vân-thành chờ đón đại-huynh. Vậy xin một mặt tuyên-bố quốc-dân, một mặt cùng qui phu-nhân đến Sơn-tây cùng nhau xuất-dương, bao nhiêu quân-đội bộ-hạ giao trả chính-phủ trung-ương để theo như phương-pháp biên-khiển đã quyết-định, thực-hành cải-biến. Vậy đại-huynh định ngày nào đi sẽ xin trả lời cho biết để tiểu-đệ chuyển điện cho chính-phủ trung-ương, đình-chỉ việc hành-động về quân-sự.*

*Triệu Đái-Văn ở Nam-kinh có tiếp được điện của Diêm Tích-Sơn nói rằng*

*Phùng đã trả lời bằng lòng từ chức xuất-dương, nhưng chưa định kỳ.*

*Có tin ở Bắc-bình nói rằng Hàn Phạc-Cử phục-tòng chính-phủ trung-ương, Phùng biết đại-thế đã hỏng, nên có họp một cuộc hội-nghị ở Đồng-quan, từ chức xuất-dương đi sang nước Đức, việc quân giao cho Tôn Lương-Thành, việc chính-trị giao cho Lộc Chung-Lân.*

*Nhưng cứ như các người thức-giả đã dò xét Phùng là người khéo làm sự dối-dá chưa chắc đã thực lòng từ chức, còn sự xuất-dương thì chắc là không.*

*Chính-phủ trung-ương đối với việc đánh Phùng Ngọc-Tường, ít ngày nay lại thấy im hẳn, mà hai cuộc hội-nghị Trịnh-châu và Thái-nguyên lại đồng-thời cử-hành ; đối với trung-ương giữ cái trách-nhiệm toàn-quyền ở cuộc hội-nghị Thái-nguyên là Hà Thành-Tuấn và Dương Sinh-Trí, giữ cái trách-nhiệm toàn-quyền ở cuộc hội-nghị Trịnh-châu là Hạ Điệu-Tổ và Tiền Đại-Quân. Bốn người ấy đều là những đại-viên thân-tín của chính-phủ trung-ương, vậy thì hai cuộc hội-nghị ấy đủ biết là trọng-yếu vậy. Xem cái ý trung-ương thì đối với Phùng, còn muốn dùng cái thủ-đoạn chính-trị để mưu giải-quyết, cho nên việc tiến đánh Hà-nam còn chưa tích-cực tiến-hành, mà trước khi cử-hành hai cuộc hội-nghị lớn ấy, có lẽ cũng là thấy trong nước nhiều tai-nạn, không muốn khinh-suất dụng-binh để làm nguy gốc nước chăng. Hai cuộc hội-nghị ấy coi như đã có cái phương-pháp giải-quyết, về cuộc hội-nghị Thái-nguyên thì Diêm Tích-Sơn khuyên Phùng theo đúng như lời đã nói mà từ chức xuất-dương để thôi việc chiến-tranh ; về cuộc hội nghị Trịnh-châu thì bọn Hàn Phạc-Cử, Thạch Hữu-Tam yêu cầu cấp lương, cũng là cái vấn-đề sau khi đầu hàng tất phải có, sự giải-quyết cũng không khó gì. May ra cái họa chiến-tranh ở trung-nguyên, nhờ có hai cuộc hội-nghị ấy có thể tiêu-trừ đi được, cũng chưa biết chừng.*

*Sau khi Hà Thành-Tuấn, Dương Sinh-Trí cùng Diêm Tích-Sơn hội kiến, Diêm chủ-trương như sau này :*

*1° Nếu mình theo như lời khuyên bảo của Tưởng Giới-Thạch, thôi việc từ chức, thì mong chính-phủ trung-ương đối với tỉnh Hà-nam chớ dụng-binh ;*

*2° Vấn-đề đối với Phùng Ngọc-Tường nên theo phương-diện chính-trị giải-quyết, hay nhất là giao cho Sơn-tây giao-thiệp ;*

*3° Việc cải biên quân Phùng nên theo như án quyết-nghị trong hội biến-khiển.*

*Chính-phủ Nam-kinh có cử nhiều sứ-giả đến điều-đình với Diêm Tích-Sơn. Vì Diêm Tích-Sơn hiện là một yếu-nhân trong cuộc phân-tranh của chánh-phủ quốc-dân với Phùng Ngọc-Tường.*

*Hai bên hành-động một cách bí-mật, nên không biết rõ việc phân-tranh ngầm ngầm của hai bên ra làm sao. Hai bên vẫn hết sức dự-bị quân-nhu, song Nam-kinh có ý muốn giữ cho khỏi xảy ra chiến-sự.*

Tưởng Giới-Thạch quyết từ-chức. — *Tưởng Giới-Thạch vì muốn theo như lời đã tuyên-ngôn trước, đã quyết đến kỳ hội-nghị trung-ương toàn-thể sẽ từ chức chủ-tịch chính-phủ quốc-dân ; nhưng chắc thế nào toàn-thể hội-viên cũng giữ Tưởng ở lại.*

Việc triệt bỏ quyền lĩnh-sự tài-phán. — *Bộ ngoại-giao Nam-kinh có tuyên-ngôn rằng về việc triệt bỏ quyền lĩnh-sự tài-phán, người ngoài vì có sự thiệt-hại thiết thân, nên còn ra ý phản-kháng, lại lấy sự điều-tra năm 1926 làm căn-cứ. Nhưng dù sao mặc lòng, chính-phủ Trung-hoa đã cả quyết làm cho thấu tới được mục-đích, mong quốc-dân cả nước đều nên cố sức để mưu sự thực-hiện.*

Bỏ hình trảm-quyết. *Chính-phủ quốc-dân hạ-lệnh cho các cơ-quan*

*quân-chính phải theo như chế-độ tư-pháp đã cải-cách, từ đây không được dùng hình trảm-quyết, phàm điều-lệ trừng-trị giặc cướp, và điều-lệ thi-hành hình-luật trong lục-quân hải-quân đều phải thân-hành hình dùng súng bắn chết mà thôi.*

Việc thu hồi tô-giới nước Tỉ ở Thiên-tân. — *Quan ngoại-giao tổng-trưởng Vương Chính-Đình hội-kiến với quan công-sứ Tỉ-lợi-thời, kết-quả cuộc đàm-phán về việc thu-hồi tô-giới nước Tỉ ở Thiên-tân, giải-quyết được viên-mãn, và bàn định cái thủ-tục tiếp-thu tô-giới ấy. Do bộ ngoại-giao Nam-kinh phái các nhân viên tổ-chức một hội tiếp-thu ủy-viên, để xử-lý hết-thảy các công việc.*

*Bộ ngoại-giao Nam-kinh đã tiếp được bản chiến-hội của công-sứ Tỉ, nói rằng chính-phủ Tỉ đã dự-bị việc giao trả tô-giới của nước ấy ở Thiên-tân về quyền chính-phủ Trung-quốc quản-trị.*

Vân-nam phủ. — *Chính-phủ trung-ương gia-công cổ-động việc bài-xích ngoại-hóa, mới hạ-lệnh cho các viên-chức chỉ dùng toàn sản-vật bản-xứ, và dùng đồ dệt bản-xứ để may quần áo.*

*Ở Vân-nam-phủ đã lập-thành một hội để xem xét công việc điều-đình của chính-phủ Trung-hoa với liệt-quốc, và để bất-kỳ vận-động với chính-phủ trung-ương và chính-phủ địa-phương.*

*Hội ấy có đăng báo một bức thư của Trương Duy-Hàn là đại-biểu Vân-nam đã dự công việc điều-đình bản giao-ước với Đông-dương. Trong bức thư ấy Trương bày tỏ cái thái-độ của mình và phân-trần mọi lẽ làm sao giao-ước chưa nhất-định. Trương Duy-Hàn có nói đường hỏa-xa từ Hồ-khẩu đến Vân-nam-phủ chưa có thể đòi lại được, vì có giao-ước ký từ đời nhà Thanh, mà hiện chưa mãn-hạn. Bộ hỏa-xa của chính-phủ trung-ương định đặt một đường hỏa-xa từ Vân-nam-phủ đến Quảng-châu, và một đường từ Vân-nam-phủ đến Hồ-nam. Về đường thứ hai này, hiện đã bắt đầu điều-khiển. Như vậy đường hỏa-xa của người Pháp ở Vân-nam sẽ dùng bớt dần, khi nào mãn-hạn thì sẽ chuộc lại. Trương lại nói mọi việc khó-khăn về Hoa-kiều ở Đông-dương thì đã gần hết, vì nay mai sẽ đặt lính-sự Trung-hoa ở Hà-nội, Hải-phòng và Sài-gòn.*

Thủ-tiêu điều-ước. — *Chính-phủ Nam-kinh có tư sang rằng kể từ đầu tháng sáu này thì chính-phủ Tàu nhất-định thủ-tiêu cái điều-ước đã ký với nước Pháp về việc quan-thuế đối với hàng-hóa của người Pháp do đường bộ Bắc-kỳ chở sang Tàu.*

*Nguyên từ trước thì hàng-hóa Pháp chở đi đường ấy được đánh thuế nhẹ hơn hàng-hóa các nước khác, mà bây giờ thì phải chịu theo nhất-luật.*

*Chính-phủ Pháp trách Nam-kinh sao không cho biết trước, mà lại tự mình thủ-tiêu như vậy; thế cho nên bên này đáp lại, mà định từ ngày mồng 7 tháng 6 trở đi thì bao nhiêu hàng-hóa Tàu nhập-cảng đều phải chịu như giá thường. Điều đó cũng có trở-ngại cho sự giải-quyết về điều-ước thương-mại Pháp Trung.*

Tang-lễ Tôn Văn. — *Đầu tháng sáu này có việc tang-lễ Tôn Dật-Tiên, rước linh-cữu từ Bắc-bình tới Nam-kinh an-táng. Vì việc chính-trị đương buổi khó-khăn, nên đảng quân-phiệt không dám đưa đám. Tang-lễ do Tôn phu-nhân chủ-trương. Đám rước nghiêm-trang trọng-thể, các ngoại-giao-đoàn đi xe-hỏa riêng từ Bắc-bình đến Nam-kinh dự lễ táng Tôn Văn cũng đông.*

*Tưởng Giới-Thạch cũng đến Hồ-châu để đón rước linh-cữu Tôn Dật-Tiên.*

## Việc trong nước

**Lược thuật các việc quan-hệ.** — Buổi sáng ngày thứ sáu 14 tháng 6, quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Thống-sứ Bắc-kỳ ROBIN cùng các quan chức Tây-Nam đã làm lễ khánh-thành con sông đào ở địa-hạt hai tỉnh Bắc-giang Thái-nguyên. Sông này là nối con sông Cầu với con sông Thương, việc khai đào thật là một công-trình lớn-lao trong lịch-sử công-chính ở Đông-dương này. Sông dài 53 cây-lô-mét, rộng 10 thước, sâu chỗ ít nhất là 2 thước 40, đào theo cách thức mới, ở đây chưa có sông nào như thế. Có bảy cái cống và đủ các cách ngăn nước lấy nước. Công làm tới ngót bảy năm, có nhiều sự khó-khăn, vì đất đào có lẫn đá và năm năm đến mùa mưa thì nước lụt không làm được. Sông này vừa dùng để thuyền-bè đi lại, vừa dùng để dẫn-thủy-nhập-điền được. Những « sà-lan » nặng tới 300 tấn có thể đi lại dễ-dàng được. Nhờ có sông này mà những sở mỏ hiện đương khai ở tỉnh Thái-nguyên có thể trực-tiếp thông với cửa Hải-phòng được, khiến cho nhiều mỏ sắt ở vùng đó rồi cũng có thể khai dần được. Hiện nay còn đương đào những ngòi cùng lạch chạy qua các đồng ruộng, ngòi dài tới 190 cây-lô-mét, lạch tới 2000 cây, bao giờ đào xong thì được 3 vạn 4 nghìn mẫu tây đất hiện nay hoa-lợi không có mấy, sẽ nhờ nước phù-sa Sông-Cầu mà trở nên phì-nhiêu, có thể cấy được hai mùa một năm. Dân xem gương nhiều nơi khác nhờ phép dẫn-thủy-nhập-điền như thế mà thành ra giàu-có, nên hiện nay đã nhiều nhà đến ở, lập thành làng xóm ở cả trên bờ sông vậy.

Ngày 19 quan Toàn-quyền cùng với các quan Văn-phong đã đi đường bộ về Nam, qua đường khánh-thành mấy cái cầu cống mới làm xong ở mấy tỉnh Trung-kỳ (như cầu sông Darang ở hạt Phú-yên). Nghe nói ngài xuống Sài-gòn ít lâu, rồi lên nghỉ mát ở Dalat, chừng một tháng, xong lại về Sài-gòn, độ đến tháng mười tây thì ra Hà-nội.

— Đồng bạc Đông-dương trong bao lâu nay vẫn đứng chừng trên dưới 12 quan 50, đến đầu tháng 6 thì trong mấy ngày luôn chợt thấy hạ sụt xuống đến 11 quan 20, thiên-hạ không hiểu vì cớ sao, không khỏi lấy làm lạ. Xét ra thì sự hạ giá này là bởi giá-trị chất bạc sút kém đi, ngày mồng 4 tháng 6 ở chợ Luân-đôn, một đồng-bạc giá 24 *pences*. Chợ buôn bạc hiện nay đương vào hồi không lợi. Bạc chứa ở Thượng-hải bây giờ nhiều lắm, và về phần chính-phủ Ấn-độ thời không trợ-cấp cho việc giao-dịch hối-đoái như mấy năm trước nữa. Gia-dĩ, cái thặng-giá (*prime*) của đồng bạc trước vẫn cao, nay cũng sút dần đi. Chân-giá (*parité*) đồng bạc, nghĩa là giá thuần chất bạc ở trong đồng bạc, về khoảng đầu tháng sáu này là 10 quan 45, (vì tiền *livre* của Anh giá 124 quan 05 và chất bạc lõi ở Luân-đôn là 24 *deniers*), mà quan-giá có 11 quan 20, như thế thì thặng-giá chỉ có 7,30°/o mà thôi. Sự đó là bởi số giao-dịch buôn bán không được quân-bình, xuất-cảng nhiều hơn nhập-cảng.

Giá bạc hạ như thế, không có lẽ gì đáng ngại cả, mà lại có điều lợi cho việc xuất-cảng các hàng-hóa trong nước; duy chỉ có hiệt ít nhiều cho các quan-lại Tây để dành tiền bằng quan tiền tây, và cho nhà « băng » phát-hành giấy bạc vì cái giá tiền hiện-ngân trong kho có sút kém vậy.

Còn các nhà buôn nhập-cảng thời cũng không phải lo gì, vì số xuất-cảng đã được tăng lên thì cái lượng tiêu-thụ ngoại-hóa của người dân cũng sẽ nhân đó mà tăng lên vậy.

Tuy-nhiên trong có mấy ngày mà giá bạc thăng giáng mau như thế, cũng là một cái chứng-triệu tiền-tệ không vững-vàng, mà việc buôn-bán cốt ở tiền-tệ phải cho vững-vàng mới được. Cho nên nghe chừng chính-phủ đương trù muốn cải-cách tiền-tệ cho bản-xứ.

— Hiện nay vấn-đề quan-hệ nhất ở bản-xứ là vấn-đề mộ nhân-công đi làm các nơi. Quan Toàn-quyền đương chú-ý về vấn-đề đó. Tháng trước đã có tờ chu-tri cho các quan thủ-hiến để điều-tra về việc đó. Mới đây quan Thống-sứ Bắc-kỳ có hỏi ý-kiến các viện Canh-nông Thương-mại, hiện viện Canh-nông đã trả lời tường-tận lắm, xin lược-dịch như sau này :

« Viện Canh-nông Bắc-kỳ :

« Xét ra các cách mộ nhân-công từ xưa đến nay thường sinh ra nhiều điều tệ-lạm, khiến cho kẻ ứng-mộ cùng gia-quyến những kẻ ấy ta-thán nhiều lắm ;

«Xétra nhiều kẻ nhân-công phàn-nàn rằng khi ký giấy mộ thì nói đi nơi này mà sau thành ra đi nơi khác ;

« Xét ra nhiều kẻ mộ phu giả danh là có quan-hệ với nhà-nước, thừa thế bắt-nạt mà lợi-dụng kẻ lao-động, có khi thành hẳn một sự buôn-bán nhân-công ;

« Xét ra bổn-phận của viện Canh-nông tuy nhất-diện là phải giúp cho người dân An-Nam có việc mà làm để cho bản-thân cùng gia-quyến được no đủ, nhất-diện lại phải giúp cho các xứ trong cõi Đông-Pháp cùng cả các thuộc-địa Pháp khác nữa có đủ nhân-công mà mở-mang cho được phát-đạ ; nhưng cũng có trách-nhiệm nghiêm-nhặt phải bênh-vực cho nhân-công bản-xứ khỏi những cách cưỡng-bách hại đến sự tự-do cùng các quyền-lợi tinh-thần vật-chất của người ta, và phải giữ cả cho cuộc yên-ổn chung trong bản-xứ nữa ;

« Bởi các lẽ đó, nên toàn-viện đồng-thanh xin với chính-phủ Đông-Pháp bỏ hẳn cái lệ cho người riêng được trực-tiếp mộ nhân-công, mà đặt ra những sở-mộ do nhà-nước chủ-trương lấy ở ngay các tỉnh có nhân-công muốn ứng-mộ ; duy có cách đó mới tiệt được những cái tệ của các sở buôn mộ nhân-công từ trước đến nay, đã khiến cho nhiều người ta-thán và sinh ra lắm sự tiếng-tăm, có phương-hại về đường chính-trị, đường tinh-thần.

« Duy đặt sở mộ như bản-viện bàn đó thời kẻ ứng-mộ mới được cách đảm-bảo chắc-chắn, giữ được quyền tự-do về bản-thân cùng về lao-công của mình, tùy-ý muốn thuận nhận cách-thức như thế nào mặc lòng.

« Người nào muốn ứng-mộ ra làm ở ngoài thời tự mình đến sở mộ của nhà-nước, không bị ai ép-uổng, sở mộ sẽ xét căn-cước, chỉ bảo cho biết các cách-thức ứng-mộ thế nào, rồi khám xét thân-thể xem có làm được công-việc ấy không và có chịu được thủy-thổ nơi đến làm không.

« Những sở khai-khẩn ở các thuộc-địa cần đến nhân-công Bắc-kỳ thời cứ trực-tiếp với các sở mộ đó, không cần phải ai làm môi-giới cả, sở mộ sẽ nói rõ cho biết các trách-nhiệm đối với nhân-công phải thế nào ; rồi yết-thị ở các làng cho ai nấy biết cần đến bao nhiêu nhân-công do sở khai-khẩn nào dùng, ở tại xứ nào, cách-thức làm ra làm sao.

« Bản-viện có hỏi riêng ý-kiến các hội-viên An-Nam thì thấy đều đồng-ý như thế cả, và lại khẩn-khoản xin nhà nước bỏ cái lệ cho người riêng được mộ nhân-công vậy. »

— Ngày 21 tháng 6 tầu *Angers* ở Nhật-bản về, đáp Sài-gòn, nhân có bậc thi-hào Ấn-độ RABINDRANATH TAGORE đi

chuyến tầu ấy, các thân-hào ở Sài-gòn làm lễ nghênh-tiếp long-trọng. Cuộc nghênh-tiếp này do báo *Tribune Indochinoise* và đảng Lập-hiến chủ-trương cổ-động. Chính - phủ Nam - kỳ cùng thành-phố Sài-gòn cũng tham-dự cuộc nghênh-tiếp ấy.

— Quan Toàn quyền mới rồi có ký hai cái nghị-định có quan-hệ cho người An-Nam ta : một cái định rằng những quan-viên tòng-sự nhà-nước mà theo nghị-định *Varenne* năm 1927 có tư-cách thi vào các ngạch Tây được, nếu kỳ thi hay kỳ hạch không mở ở bản-xứ mà mở ở bên Pháp, thời được phép sang Pháp thi, khi đi vẫn được ăn lương như ở nhà mà lại không phải mất tiền tầu ; nghị-định này có quan-hệ riêng cho các Y-sĩ bản-xứ, từ nay sẽ có thể sang Pháp thi vào ngạch *médecins de l'Assistance* cũng như người Tây, vì kỳ thi này chỉ có mở ở Pháp mà thôi ; — một cái thời định rằng các người An-Nam có bằng tú-tài bản-xứ từ nay vào làm tham-tá sở nhà nước cũng được bằng-đẳng như người có bằng tú-tài Pháp.—Hai đạo nghị-định này chắc sẽ có ảnh-hưởng tốt trong dân-gian.

— Bà lớn Hoàng Trọng-Phu là chánh-thất quan Thái-tử Thiếu-bảo lĩnh Hà-đông Tổng-đốc, mới tạ-thế ở tư-đệ ngài ở Hà-nội ngày 13 tháng 6 tây vừa rồi (tức mồng 7 tháng 5 ta), hưởng thọ 62 tuổi. Bà lớn là con quan cố Đốc-phủ Đỗ Hữu-Phương ở Lục-tỉnh, em quan Đại-tá hưu-trí Đỗ Hữu-Chẩn, chị quan Thượng-thẩm cố-vấn Đỗ Hữu-Trí, quan cố đại-úy đội tầu bay Đỗ Hữu-Vị và bà tuần-phủ Hà-nam Lê Nhiếp ; đông-đõi thế-phiệt, thật là đáng bậc nhất-phẩm-phu-nhân trong nước. Từ ngày lệnh-lang mất ở bên Pháp thì bà lớn ưu-phiền mà thành bệnh. Ngày 22 tháng 6 (16 tháng 5 ta) đã cử-hành tang-lễ, an-táng ở mộ-địa riêng tại ấp Thái-hà, quan khách Tây Nam đi đưa kể có nghìn người, mà thiên-hạ đến xem cũng đến hàng vạn.

---

## Sách mới

Bản-chí tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này :

1.— *Quan sự cẩm-nang* 官 事 錦 囊. Dùng cho các chức-dịch hàng tổng hàng xã, và những người muốn làm thừa-phái. PHẠM HUY-LỤC soạn. Nhà in Trung-Bắc tân-văn xuất-bản. Giá 8 hào.

2.— *Phả-ký*. Sách kiểu - mẫu gia-phả, có phụ-biên gia-lễ nghi-tiết. Phò-bảng NGUYỄN CAN-MỘNG soạn. Nhà in Phú-văn-đường, số 16 phố Hàng Gai xuất-bản. Giá 3 hào.

3.— *Guide de la langue française.— Notions d'étymologie anglaise. — Pour nos futurs bacheliers.* — Par Pétrus LÊ CÔNG-ĐẮC.

4.— *Sử-ký Vạn-quốc*. Của cha Trang-Nam (A. GALLEGO O. P.) soạn. In tại Phú-nhai-đường.

5.— *Sợi tơ lòng*. Tiểu-thuyết. Bạch-tuyết nữ - sĩ (Mme Nguyễn Thanh-Trước) soạn. Hiếu - thuận - tùng-thơ, 83 Bd Galliéni, Cần-thơ (Nam-kỳ). Giá 3 hào.

6.— *Trưng-nữ-vương tân-kịch*. Hát cải-lương. TRẦN QUANG-HIỀN soạn. Nhà in Đức-lưu-phương, 158 Rue d'Espagne, Sài-gòn, giá 4 hào.

---

## Nam-Phong Tùng-thư

ĐÃ XUẤT-BẢN :

1° *Văn-minh luận* ; 2.— *Ba tháng Paris* ; 3.— *Văn-học nước Pháp* ; 4.— *L'idéal du Sage* ; 5.— *Chính-trị nước Pháp*, quyển I ; 6.— *Chính-trị nước Pháp*, quyển II. Năm quyển trên giá 4 hào một quyển, quyển thứ sáu giá 5 hào.

SẮP XUẤT-BẢN : *Khảo về tiểu-thuyết*.